



THÔNG TIN CHUYÊN ĐỀ

TRUNG TÂM THÔNG TIN KHOA HỌC - HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, CON NGƯỜI VIỆT NAM

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

ACADEMY OF JOURNALISM & COMMUNICATION

Địa chỉ: 36 Xuân Thủy, Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội



THÔNG TIN CHUYÊN ĐỀ

TRUNG TÂM THÔNG TIN KHOA HỌC - HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN



BAN CHỈ ĐẠO

PGS, TS Phạm Minh Sơn
PGS, TS Lưu Văn Quảng
TS Nguyễn Đức Toàn

BAN BIÊN TẬP

PGS, TS Vũ Thanh Vân
ThS Vũ Thị Hồng Luyện
ThS Nguyễn Việt Hà
Phạm Thị Hằng
Nguyễn Thị Kiều Trinh

Địa chỉ: 36 Xuân Thủy - Cầu Giấy - Hà Nội

PHẦN I - QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VÀ THỰC TIỄN XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, CON NGƯỜI VIỆT NAM

• NGUYỄN TRỌNG PHÚC

Từ Đề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943 đến đường lối xây dựng và phát triển văn hóa của Đảng hiện nay

3

• BÙI ĐÌNH PHONG

Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam trong di sản Hồ Chí Minh và Đại hội XIII của Đảng

16

• ĐOÀN THANH THỦY

Chủ trương của Đảng về xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam từ năm 1943 đến nay

27

• NGUYỄN VĂN THẮNG

Tìm hiểu một số quan điểm mới của Đảng về xây dựng và phát triển văn hóa trong Dự thảo Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIV

42

• NGUYỄN TOÀN THẮNG

Quan điểm mới về xây dựng, phát triển văn hóa, con người Việt Nam trong Dự thảo Văn kiện Đại hội XIV của Đảng

55

• **NGUYỄN THỊ PHƯƠNG CHÂM**

Một số mục tiêu, nhiệm vụ phát triển văn hóa giai đoạn 2021 - 2030, hướng tới phát huy hiệu quả nguồn lực văn hóa trong phát triển bền vững đất nước **66**

• **NGUYỄN DƯƠNG HÙNG-ĐỖ QUỲNH HOA**

Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển văn hóa, tuyên truyền và giáo dục cho đồng bào các dân tộc thiểu số **81**

• **TRIỆU QUANG MINH-HÀ T. THÙY DƯƠNG**

Những mối quan hệ cần giải quyết trong phát triển văn hóa ở Việt Nam hiện nay **90**

• **TRỊNH THỊ HẠNH**

Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa ở Việt Nam hiện nay: Những vấn đề đặt ra **103**

• **TRẦN THỊ MINH TUYẾT**

Phát huy vai trò của văn hóa vì mục tiêu phát triển bền vững đất nước **111**

PHẦN II - GIẢI PHÁP XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, CON NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY

• **ĐOÀN MINH HUẤN**

Kết nối, phân bổ, sử dụng hiệu quả nguồn lực nhà nước, nguồn lực doanh nghiệp và nguồn lực xã hội cho phát triển văn hóa **128**

• **PHẠM VĂN LINH**

Phát triển văn hóa đồng bộ, hài hòa với tăng trưởng kinh tế và tiến bộ, công bằng xã hội **155**

• **BÙI HOÀI SƠN**

Quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về phát triển văn hóa trong xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc qua 50 năm thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội **168**

• **PHẠM DUY ĐỨC**

Vai trò của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trong xây dựng, phát triển giá trị văn hóa, xã hội, con người Việt Nam hiện nay **184**

• **NGUYỄN T. THỤ PHƯƠNG-ĐỖ T. THANH THỦY**

Phát triển văn hóa Việt Nam trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc **200**

• **VŨ THỊ PHƯƠNG HẬU**

Thành tựu và bài học kinh nghiệm trong phát triển văn hóa Việt Nam từ 1986 đến nay **211**

• **NGUYỄN TIẾN THƯ**

Những vấn đề quan trọng về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam trong Dự thảo Văn kiện Đại hội lần thứ XIV của Đảng **229**

• **NGUYỄN HUY PHÒNG**

Quan điểm phát triển văn hóa, con người trong “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” **254**

• **NGUYỄN MINH CƯỜNG**

“Đề cương về văn hóa Việt Nam” và vai trò soi đường, hình thành, phát triển văn hóa quân sự thời đại Hồ Chí Minh **267**

• **NGUYỄN THỊ THU VÂN**

Phát triển văn hóa đổi mới sáng tạo trong cơ quan nhà nước **274**

LỜI GIỚI THIỆU

Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển bền vững của đất nước. Trong suốt tiến trình cách mạng Việt Nam, Đảng ta luôn xác định xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam là nhiệm vụ quan trọng, gắn chặt với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hóa, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay, việc phát huy giá trị văn hóa dân tộc, xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện càng có ý nghĩa cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và chuyển đổi số hiện nay, việc nghiên cứu, vận dụng các quan điểm của Đảng về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam có ý nghĩa quan trọng cả về lý luận và thực tiễn. Đây là cơ sở để phát huy sức mạnh văn hóa, xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

Để giúp bạn đọc có thêm tài liệu nghiên cứu, tham khảo về quan điểm của Đảng đối với xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam, đồng thời làm rõ những vấn đề thực tiễn đặt ra về văn hóa hiện nay, chúng tôi sưu tầm, tuyển chọn một số bài viết của các học giả, nhà nghiên cứu uy tín trên các tạp chí khoa học chuyên ngành, biên soạn ấn phẩm Thông tin chuyên đề số 2/2026 với chủ đề **“Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam”**. Kết cấu thông tin chuyên đề gồm hai phần:

Phần I: *Quan điểm của Đảng và thực tiễn xây dựng, phát triển văn hóa, con người Việt Nam*

Phần II: *Giải pháp xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam hiện nay*

Trong quá trình biên soạn ấn phẩm, chúng tôi có sử dụng một số tài liệu từ các tạp chí và internet mà chưa có điều kiện xin phép trực tiếp tác giả. Ấn phẩm chỉ sử dụng với mục đích làm tài liệu tham khảo nội bộ, không vì mục đích kinh doanh. Chúng tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến các tác giả.

Mặc dù Ban Biên tập đã hết sức cố gắng, song trong quá trình biên tập, không tránh khỏi khiếm khuyết. Rất mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc.

Trân trọng cảm ơn!

BAN BIÊN TẬP

PHẦN I
**QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VÀ THỰC TIỄN XÂY DỰNG,
PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, CON NGƯỜI VIỆT NAM**

**TỪ ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM NĂM 1943
ĐẾN ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN
VĂN HÓA CỦA ĐẢNG HIỆN NAY**

PGS, TS. NGUYỄN TRỌNG PHÚC

Ngày nhận bài: 17-02-2023; Ngày bình duyệt: 18-02-2023; Ngày duyệt đăng: 21-02-2023.

Tóm tắt: Đề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943 là một văn kiện lịch sử vô giá, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với cách mạng Việt Nam, chỉ ra con đường vận động, phát triển của nền văn hóa mới Việt Nam nhằm đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước. Sau 80 năm, những tư tưởng của Đề cương về văn hóa vẫn còn nguyên giá trị, được Đảng ta vận dụng, bổ sung, hoàn thiện trong sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế.

Từ khóa: Đề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943, đường lối xây dựng và phát triển văn hóa của Đảng.

Văn hóa, bao gồm cả văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể, là thành quả hoạt động sáng tạo, kết tinh trí tuệ của con người. Con người là chủ thể văn hóa và văn hóa là thước đo sự phát triển tiến bộ, văn minh của con người. Khi hình thành các cộng đồng người, các dân tộc, giai cấp thì văn hóa mang dấu ấn cộng đồng, giai cấp, dân tộc. Dân tộc Việt Nam đã sớm hình thành các nền văn hóa. Văn hóa thời tiền sử: đó là các nền văn hóa Sơn Vi, Hòa Bình, Bắc Sơn, Quỳnh Văn, Hạ Long, Bàu Tró. Văn hóa định hình quốc gia, dân tộc: Văn hóa Phùng Nguyên cách ngày nay 4.000 năm, tiếp đó là văn hóa Đông Đậu, Gò Mun, Đông Sơn hình thành nền văn minh Sông Hồng. Với sự hội nhập từ văn hóa Đông Sơn đến văn hóa Sa Huỳnh (Nam Trung Bộ), văn hóa Óc Eo (Nam Bộ), văn hóa Việt Nam thống nhất trong tính đa dạng.

Quốc gia Đại Việt phát triển “Vốn xưng nền văn hiến đã lâu” (Nguyễn Trãi - *Bình Ngô đại cáo*). Văn hiến là sự hội tụ của các yếu tố: văn hóa, học thức, đạo đức và cái đẹp. Trải qua lịch sử mấy nghìn năm, dân tộc Việt Nam nhiều lần phải chống xâm lược từ phương Bắc và phương Tây để bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ và cũng chống lại sự xâm lăng văn hóa, đồng hóa về văn hóa. Dân tộc Việt Nam đã đứng vững về chủ quyền lãnh thổ quốc gia và bảo toàn văn hóa dân tộc. Văn hóa còn nên dân tộc còn.

Năm 1943, phong trào cách mạng giải phóng dân tộc giành độc lập của Việt Nam do Đảng Cộng sản và lãnh tụ Hồ Chí Minh lãnh đạo phát triển mạnh mẽ. Với tầm nhìn chiến lược và nhận thức lý luận, thực tiễn sâu sắc về văn hóa, Đảng đã lãnh đạo thành lập *Hội văn hóa*

Cứu quốc và công bố *Đề cương về văn hóa Việt Nam* nhằm thúc đẩy và phát huy vai trò của văn hóa và các nhà hoạt động văn hóa góp phần vào thắng lợi của dân tộc trong sự nghiệp giải phóng và phát triển.

Khái niệm văn hóa mà bản đề cương đề cập là văn hóa tinh thần thuộc ý thức xã hội. “Văn hóa bao gồm cả tư tưởng, học thuật, nghệ thuật”. Với nhận thức khoa học, đề cương nêu rõ mối “quan hệ giữa văn hóa và kinh tế, chính trị”, quan hệ giữa hạ tầng cơ sở và thượng tầng kiến trúc. Đề cương nêu rõ: “Mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa) ở đó người cộng sản phải hoạt động”⁽¹⁾. Trong hoàn cảnh một nước phong kiến và thuộc địa, cách mạng Việt Nam “Không phải chỉ làm cách mạng chính trị mà còn phải làm cách mạng văn hóa nữa”. Trên thực tế, các thế lực thực dân, phát xít đã thực hành ở Việt Nam chính sách văn hóa phản động, ngu dân, áp đặt văn hóa của nước đi xâm lược, nên cách mạng văn hóa là tất yếu.

Bản đề cương nêu rõ quan điểm của người cộng sản về cách mạng văn hóa. Văn hóa bao gồm cả tư tưởng, văn chương, nghệ thuật thuộc ý thức xã hội. Ý thức xã hội tiên bộ, tích cực có vai trò cải tạo xã hội, biến đổi tồn tại xã hội. “Phải hoàn thành cách mạng văn hóa mới hoàn thành được cuộc cải tạo xã hội”⁽²⁾. Cách mạng văn hóa muốn hoàn thành phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Cách mạng chính trị thắng lợi thì cách mạng văn hóa mới thành công. Cách mạng văn hóa dựa vào thắng lợi của cách mạng giải phóng dân tộc, giành độc lập hoàn toàn “xây dựng nên một nền văn hóa mới”. Nền văn hóa mới “sẽ là văn hóa xã hội chủ nghĩa”.

Ba nguyên tắc xây dựng nền văn hóa mới được đề ra:

a) Dân tộc hóa (chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập).

b) Đại chúng hóa (chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng).

c) Khoa học hóa (chống lại tất cả những cái gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ).

Muốn cho ba nguyên tắc trên đây thắng, phải kịch liệt chống những xu hướng văn hóa bảo thủ, chiết trung, lập dị, bi quan, thần bí, duy tâm, v.v.. Nhưng đồng thời cũng phải chống xu hướng văn hóa quá trớn của bọn tòrôtkít⁽³⁾.

Các nội dung văn hóa được nhấn mạnh: về học thuyết tư tưởng làm cho “thuyết duy vật biện chứng và duy vật lịch sử thắng”, về tông phái văn nghệ (văn chương, nghệ thuật) “làm cho xu hướng tả thực xã hội chủ nghĩa thắng”. Tranh đấu về tiếng nói, chữ viết, làm giàu tiếng nói, ấn định mẹo văn ta, cải cách chữ quốc ngữ. Chú trọng các giải pháp: tuyên truyền và xuất bản, tổ chức các nhà văn, giành quyền lợi cho nhà văn, nhà báo, nghệ sĩ..., chống nạn mù chữ. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng vô sản mácxít với văn hóa.

Dù ngắn gọn, bản đề cương đã trình bày rõ, đầy đủ những quan điểm, nguyên tắc, đường lối, chính sách văn hóa của Đảng với những nội dung cơ bản có ý nghĩa khoa học và thực tiễn chỉ đạo lâu dài xây dựng nền văn hóa cách mạng do Đảng lãnh đạo, bảo đảm cho nền văn hóa mới đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp đấu tranh và phát triển

của dân tộc, đất nước.

Trước khi công bố Đề cương về văn hóa Việt Nam, Ban Thường vụ Trung ương Đảng tại Nghị quyết ban hành ngày 28-2-1943 đã nêu rõ quan điểm, chủ trương đẩy mạnh vận động văn hóa. Phái cán bộ chuyên môn hoạt động về văn hóa để gây dựng phong trào văn hóa tiến bộ, văn hóa cứu quốc. “Ở những đô thị văn hóa như Hà Nội, Sài Gòn, Huế, v.v. phải gây ra những tổ chức văn hóa cứu quốc và phải dùng những hình thức công khai hay bán công khai đăng đoàn kết các nhà văn hóa và trí thức (ví dụ có thể tổ chức những nhóm “văn hóa tiên phong”, “nhóm nghiên cứu chủ nghĩa Mác”, “nhóm nghiên cứu lịch sử Việt Nam”), v.v.”⁽⁴⁾.

Năm 1943, *Hội văn hóa Cứu quốc* ra đời ở Hà Nội, tập hợp đông đảo trí thức, văn nghệ sĩ hoạt động theo đường lối của Đảng và Chương trình của Mặt trận Việt Minh, nhất là tư tưởng chỉ đạo của Đề cương về văn hóa Việt Nam. Đồng chí Lê Quang Đạo được Đảng phân công trực tiếp chỉ đạo hoạt động của Hội văn hóa Cứu quốc. Tổ chức Hội đã phát triển rộng trên phạm vi cả nước. Hội văn hóa Cứu quốc và đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ hoạt động trên mặt trận văn hóa đã đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp của Đảng và dân tộc dẫn tới thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Các nhà trí thức, hoạt động văn hóa đã là đại biểu của Đại hội quốc dân Tân Trào, tham gia Ủy ban giải phóng dân tộc, Chính phủ lâm thời, được bầu vào Quốc hội khóa I của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, là thành viên Chính phủ chính thức, Ủy ban xây dựng kế

hoạch kiến thiết quốc gia, đóng góp tích cực vào sự nghiệp kháng chiến kiến quốc.

Cùng với đường lối kháng chiến, xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân, phát triển kinh tế, Đảng đề ra chủ trương phát triển văn hóa trong Chỉ thị ngày 25-11-1945: “Về văn hóa, tổ chức bình dân học vụ, tích cực bài trừ nạn mù chữ, mở đại học và trung học, cải cách việc học theo tinh thần mới, bài trừ cách dạy học nhồi sọ, cổ động văn hóa cứu quốc, kiến thiết nền văn hóa mới theo ba nguyên tắc: khoa học hóa, đại chúng hóa, dân tộc hóa”⁽⁵⁾.

Những năm tháng đầu tiên của Nhà nước cách mạng, quần chúng nhân dân không chỉ hiểu thấu giá trị của độc lập, tự do mà còn được thụ hưởng văn hóa mới, xây dựng đời sống mới, khi nhân dân trở thành người chủ đất nước, xã hội. Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra những chủ trương cấp thiết là chống nạn mù chữ, nâng cao dân trí, tìm kiếm nhân tài: “Chúng ta có nhiệm vụ cấp bách là phải giáo dục lại nhân dân chúng ta. Chúng ta phải làm cho dân tộc chúng ta trở nên một dân tộc dũng cảm, yêu nước, yêu lao động, một dân tộc xứng đáng với nước Việt Nam độc lập”⁽⁶⁾. Hồ Chí Minh mong muốn dân tộc Việt Nam “bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu” và “chúng ta là một dân tộc văn minh”. Ngày 24-11-1946, tại Hội nghị văn hóa toàn quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh vai trò của văn hóa với quan điểm “Văn hóa soi đường cho quốc dân đi”. Giá trị văn hóa mới với bản chất tiến bộ, tiên phong thúc đẩy sự phát triển của dân tộc, đất nước.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Đảng chủ trương kháng chiến toàn diện trên các lĩnh vực chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa. Văn hóa là mặt trận rất quan trọng trong sự nghiệp cứu nước với khẩu hiệu “Văn hóa hóa kháng chiến”. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định văn hóa, văn nghệ là một mặt trận, anh chị em văn nghệ sĩ là chiến sĩ trên mặt trận ấy. Hồ Chí Minh nêu rõ quan điểm: “Văn hóa, nghệ thuật cũng như mọi hoạt động khác, không thể đứng ngoài, mà phải ở trong kinh tế và chính trị”⁽⁷⁾.

Những năm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa do Đại hội III của Đảng (tháng 9-1960) đã đề ra chủ trương tiến hành 3 cuộc cách mạng về quan hệ sản xuất, về khoa học - kỹ thuật và về tư tưởng, văn hóa. Cách mạng tư tưởng, văn hóa gắn liền với xây dựng con người của xã hội mới. Văn hóa, tư tưởng có vai trò to lớn trong cải biến, cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới. Cuộc cách mạng đó đào luyện con người mới với tư cách chủ thể trong sự nghiệp sáng tạo xã hội mới. Hồ Chí Minh nêu rõ: “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những *con người xã hội chủ nghĩa*”⁽⁸⁾.

Đảng và Nhà nước chăm lo sự nghiệp “trồng người” với một nền giáo dục nghiêm cẩn, sáng tạo, ưu việt của hệ thống nhà trường xã hội chủ nghĩa, kết hợp với giáo dục trong gia đình, ngoài xã hội và tự học tập, tu dưỡng, rèn luyện. Vì vậy, đã có được những lớp người sẵn sàng đem hết tài năng, công sức xây dựng đất nước và đi bất cứ đâu, sẵn sàng hy sinh cứu nước, nêu cao tinh thần tập thể, ý thức làm chủ, với

phong cách sống: “*mình vì mọi người, mọi người vì mình*”.

Khi miền Nam được giải phóng, đất nước thống nhất, cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, đường lối của Đảng hướng đất nước thực hiện xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa, tạo nên sức mạnh tổng hợp, vượt qua khó khăn, thách thức, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Chính chủ thể là con người năng động, sáng tạo, đổi mới tư duy, vượt qua những nhận thức bảo thủ, trì trệ, giáo điều, nóng vội, đi từ đổi mới từng phần đến khẳng định đường lối đổi mới tại Đại hội VI của Đảng (tháng 12-1986).

Khởi xướng công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, Đại hội VI chủ trương lấy nhiệm vụ đổi mới cơ chế, chính sách kinh tế làm trung tâm, đồng thời đặt cao vai trò của văn hóa thúc đẩy cải tạo xã hội và phát triển chế độ chính trị, kinh tế vững mạnh. “Mỗi hoạt động văn hóa, văn nghệ đều phải tính đến hiệu quả xã hội, tác động tốt đến tư tưởng, tâm lý, tình cảm, nâng cao trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa và trình độ thẩm mỹ của nhân dân. Quan tâm đáp ứng nhu cầu, thị hiếu lành mạnh của các tầng lớp xã hội và các lứa tuổi”⁽⁹⁾. “Chống những tàn tích văn hóa phong kiến, thực dân, tư sản. Làm thất bại âm mưu và hoạt động của các thế lực thù địch biến văn hóa, văn nghệ thành phương tiện gieo rắc tâm lý bi quan và lối sống sa đọa. Bài trừ mê tín dị đoan, hủ tục”⁽¹⁰⁾.

Những năm đầu đổi mới, trước tác động tiêu cực của sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu và Liên Xô, sự phá

hoại của các thế lực thù địch sử dụng công cụ văn hóa, văn nghệ, báo chí, phát thanh trong chiến dịch “Chuyên lừa về quê nhà”, Đảng, Nhà nước, nhân dân Việt Nam đã bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng là chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, bảo đảm cho công cuộc đổi mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội phát triển lành mạnh, vững chắc và có thành tựu lớn cả về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa và đời sống mọi mặt của nhân dân.

Nhận thức lý luận và thực tiễn về vai trò của văn hóa không ngừng phát triển. Trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* được Đại hội VII của Đảng (tháng 9-1991) thông qua và *Cương lĩnh bổ sung, phát triển* tại Đại hội XI (tháng 1-2011) đều nêu rõ một trong các đặc trưng mô hình chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là: *Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*. Đề cụ thể hóa quan điểm của Đại hội Đảng, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII đã ban hành Nghị quyết Trung ương 5 *Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*. Quá trình thực hiện Nghị quyết của Trung ương đã đạt nhiều thành quả về xây dựng, phát triển văn hóa trong quá trình đổi mới, xây dựng và phát triển đất nước, đồng thời cũng đòi hỏi phải tổng kết làm rõ hơn quan điểm, chủ trương về văn hóa phù hợp với thực tiễn đất nước và quan hệ quốc tế.

Văn hóa luôn luôn gắn liền với chủ thể là con người, con người sáng tạo không ngừng các giá trị văn hóa và văn hóa góp phần xây dựng và hoàn thiện con người. Ngày 9-6-2014, Hội nghị Trung ương 9 khóa XI ban hành Nghị quyết *Về xây dựng và phát triển văn hóa, con*

người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Nghị quyết nêu rõ mục tiêu chung: “Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”⁽¹¹⁾. Nghị quyết đề ra 5 mục tiêu cụ thể, trong đó mục tiêu hàng đầu là hoàn thiện các chuẩn mực giá trị văn hóa và con người Việt Nam về nhân cách, đạo đức, trí tuệ, năng lực sáng tạo, thể chất, tâm hồn, trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, ý thức tuân thủ pháp luật, đề cao tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc, lương tâm, trách nhiệm của mỗi con người với bản thân mình, với gia đình, cộng đồng, xã hội và đất nước.

Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI khẳng định 5 quan điểm, trong đó quan điểm hàng đầu là: “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước. Văn hóa phải được đặt ngang với kinh tế, chính trị, xã hội”⁽¹²⁾. Đảng chú trọng bảo đảm bản sắc của văn hóa, thống nhất trong đa dạng của cộng đồng các dân tộc. Phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người, con người có đặc tính cơ bản: yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo. Xây dựng đồng bộ môi trường văn hóa, chú trọng vai trò của gia đình, cộng đồng; phát triển hài hòa giữa kinh tế và văn hóa. Xây dựng, phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân là chủ thể sáng tạo, đội

ngũ trí thức có vai trò quan trọng. Đảng đã đề ra những nhiệm vụ và giải pháp cụ thể để xây dựng, phát triển văn hóa, con người trong thời kỳ mới.

Những quan điểm, nhiệm vụ do Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI đề ra nhằm chủ động, tích cực phòng ngừa, ngăn chặn “Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong Đảng và trong xã hội có chiều hướng gia tăng”. Khắc phục tình hình đời sống văn hóa, tinh thần ở nhiều nơi còn nghèo nàn, đơn điệu, khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa miền núi, vùng sâu, vùng xa với đô thị và trong các tầng lớp nhân dân. Môi trường văn hóa còn tình trạng thiếu lành mạnh, ngoại lai, trái với thuần phong mỹ tục, tệ nạn xã hội, tội phạm có chiều hướng gia tăng. Khắc phục tình trạng còn ít những tác phẩm văn chương, nghệ thuật có giá trị cao về tư tưởng, nghệ thuật và những tiêu cực khác trong đời sống văn hóa, xã hội.

Có một thực tế là, trong công cuộc đổi mới, có nhiều thành tựu to lớn về kinh tế, song lại có biểu hiện xuống cấp về văn hóa, đạo đức, lối sống. Điều đó đặt ra sự cần thiết phải nhận thức sâu sắc hơn về vai trò xây dựng, phát triển văn hóa, con người, có những chính sách, giải pháp thích hợp để phát triển hài hòa kinh tế và văn hóa nhằm củng cố chế độ xã hội chủ nghĩa. Thực tế cũng đòi hỏi mỗi người, mỗi tập thể, cộng đồng chăm lo hơn đời sống văn hóa, kết hợp đúng đắn đời sống vật chất với đời sống tinh thần, tình cảm vì những giá trị hạnh phúc thật sự.

Đại hội XIII của Đảng (tháng 1-2021) là bước tiến rất quan trọng

trong nhận thức tầm cao và ý nghĩa của văn hóa khi nhấn mạnh các hệ giá trị: “Tập trung nghiên cứu, xác định và triển khai xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới. Quan tâm chăm lo công tác giáo dục, bồi dưỡng và bảo vệ trẻ em, thiếu niên, nhi đồng. Tăng cường giáo dục lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc, truyền thống và lịch sử dân tộc, ý thức trách nhiệm xã hội cho các tầng lớp nhân dân, nhất là thanh niên. Thực hiện những giải pháp đột phá nhằm ngăn chặn có hiệu quả sự xuống cấp về đạo đức, lối sống, đẩy lùi tiêu cực xã hội và các tệ nạn xã hội”⁽¹³⁾.

Xây dựng, phát triển văn hóa, xây dựng con người với những hệ giá trị và chuẩn mực là sự bảo đảm lành mạnh hóa đời sống xã hội và góp phần rất quan trọng trong cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị thật sự trong sạch, vững mạnh, tạo động lực để xây dựng, phát triển kinh tế. Tất cả đều hướng tới mục tiêu vì một nước Việt Nam hùng cường, phồn vinh, hạnh phúc.

Ngày 24-11-2021, tại Hội nghị văn hóa toàn quốc ở Hà Nội, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng có bài phát biểu rất quan trọng làm rõ những quan điểm cơ bản, nhiệm vụ, giải pháp xây dựng, phát triển văn hóa và con người mà Đại hội XIII của Đảng đã đề ra. Tổng Bí thư nêu rõ: “dù theo nghĩa rộng hay hẹp thì khi đã nói đến văn hóa là nói đến những gì là tinh hoa, tinh túy nhất, được chưng cất, kết tinh, hun đúc thành những giá trị tốt đẹp, cao thượng, đặc sắc nhất, rất nhân văn,

nhân ái, nhân nghĩa, nhân tình, tiến bộ (một con người có văn hóa, một gia đình có văn hóa, một dân tộc có văn hóa; lối sống văn hóa, nếp sống văn hóa, cách ứng xử có văn hóa,...). Còn những gì xấu xa, việc làm ti tiện, đốn hèn, những hành động phi pháp, bỉ ổi... là vô văn hóa, phi văn hóa, phản văn hóa. Hạnh phúc của con người không phải chỉ ở chỗ nhiều tiền, lắm của, ăn ngon, mặc đẹp, mà còn ở sự phong phú về tâm hồn, được sống giữa tình thương và lòng nhân ái, lẽ phải và công bằng”.

Đã 80 năm Đề cương về văn hóa Việt Nam, sức sống, ý nghĩa của Cương lĩnh đầu tiên của Đảng về văn hóa vẫn trường tồn và phát triển phong phú, sáng tạo đến hôm nay và mãi mãi□

(1), (2), (3), (4) ĐCSVN: *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.7, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2000, tr.316, 318, 319, 301.

(5) ĐCSVN: *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.8, Sđd, tr.28.

(6) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.4, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.7.

(7) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.7, Sđd, tr.246.

(8) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.13, Sđd, tr.66.

(9), (10) ĐCSVN: *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.47, Sđd, tr.426, 427.

(11), (12) ĐCSVN: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2014, tr.46-47, 48.

(13) ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.143.

Nguồn: Tạp chí Lý luận chính trị.- 2023.- Số 540.- Tr.30-35.

**XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN
VĂN HÓA, CON NGƯỜI VIỆT NAM
TRONG DI SẢN HỒ CHÍ MINH VÀ
ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG**

PGS, TS. BÙI ĐÌNH PHONG
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Ngày nhận: 16-01-2023 Ngày thẩm định: 14-02-2023 Ngày duyệt đăng: 10-04-2023

Tóm tắt: Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam được Hồ Chí Minh đề cập từ trong đấu tranh giải phóng dân tộc, đặc biệt trong xây dựng chủ nghĩa xã hội, thể hiện sự nhất quán trong tư tưởng của Người. Kế thừa, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta ngày càng nhận thức rõ hơn, sâu sắc hơn nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam. Đại hội XIII của Đảng khẳng định xây dựng và phát huy giá trị văn hóa và sức mạnh con người Việt Nam là một trong những nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Từ khóa: Hồ Chí Minh; Văn hóa; Con người Việt Nam; Xây dựng và phát triển văn hóa.

1. Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam trong di sản Hồ Chí Minh

Sự nghiệp cách mạng Hồ Chí Minh được nuôi dưỡng, ấp ủ trong kho tàng văn hóa Việt Nam và tinh hoa văn hóa nhân loại. Nhận thức

sâu sắc vai trò, ý nghĩa của văn hóa và con người Việt Nam, Người khẳng định: “Dân ta phải biết sử ta. Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam”⁽¹⁾. Cho ý kiến về việc làm loại sách “người tốt, việc tốt”, Người nói rằng, Người không phản đối việc giáo dục cho thanh niên ta những hiểu biết về thế giới, về lịch sử các nước, về những cái hay của loài người, nhưng đừng để xảy ra tình trạng khi hỏi đến các vị anh hùng là tổ tiên, ông cha mình, hỏi đến địa lý nước mình thì mù tịt. Hồ Chí Minh cảnh báo: “Coi chừng, có nhiều người Việt Nam lại không hiểu rõ lịch sử, đất nước, con người và những cái vốn rất quý báu của mình bằng những người nước ngoài”⁽²⁾.

Trong lãnh đạo cách mạng, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ vai trò, sức mạnh của văn hóa và con người Việt Nam. Theo Người, văn hóa là tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó do con người phát minh và sáng tạo ra nhằm thích ứng nhu cầu, mục đích của cuộc sống và đòi hỏi của sự sinh tồn. Như vậy, con người vừa là chủ thể sáng tạo ra văn hóa, vừa là khách thể hưởng thụ các giá trị văn hóa, đồng thời, là người mang chở các giá trị văn hóa chuyển tải, truyền cảm hứng trong đời sống xã hội. Gắn văn hóa với con người, Hồ Chí Minh chỉ ra rằng, xúc tiến công tác văn hóa để đào tạo con người mới và cán bộ mới cho công cuộc kháng chiến kiến quốc. Phải chú trọng phát triển những truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc và hấp thụ những cái mới của văn hóa tiến bộ thế giới để xây dựng một nền văn hóa Việt Nam có tính chất dân tộc, khoa học và đại chúng. Với ý nghĩa đó, ngay trong đêm tối của ngục tù đế quốc, Hồ Chí Minh đã có dự định xây dựng nền văn hóa dân tộc với 5 điểm: “1. Xây dựng tâm lý: tinh thần độc lập tự cường; 2. Xây dựng luân lý:

biết hy sinh mình, làm lợi cho quần chúng; 3. Xây dựng xã hội: mọi sự nghiệp có liên quan đến phúc lợi của nhân dân trong xã hội; 4. Xây dựng chính trị: dân quyền; 5. Xây dựng kinh tế”⁽³⁾.

Với quan niệm, trong công cuộc kiến thiết nước nhà có bốn vấn đề cùng phải chú ý đến, cùng phải coi là quan trọng ngang nhau là chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, khi phác thảo bức tranh nền văn hóa dân tộc, Hồ Chí Minh cho ta một cái nhìn toàn diện và sâu sắc, bao hàm trong đó cả chính trị, đạo đức, kinh tế, xã hội. Một trong những điều đặc sắc nhất là khi bàn về văn hóa, Người đặt tâm lý dân tộc lên hàng đầu. Điều này cho ta hiểu sâu sắc rằng, một dân tộc chỉ khi có tinh thần, ý chí độc lập tự cường và đặt nó lên trên hết, trước mọi thứ, thì mới được coi là một dân tộc có văn hóa. Gắn với tâm lý dân tộc là đạo đức con người, mà đạo đức cao nhất là biết hy sinh lợi ích cá nhân vì Tổ quốc, vì đồng bào, đem lại phúc lợi cho quần chúng, tức là hạnh phúc và lợi ích của nhân dân. Người “thiết tha mong muốn nền văn hóa của nước nhà phải lấy hạnh phúc của đồng bào, của dân tộc làm cơ sở”⁽⁴⁾. Với quan niệm văn hóa và chính trị có quan hệ chặt chẽ với nhau và quan trọng ngang nhau, Hồ Chí Minh chú trọng hạt nhân của chính trị trong văn hóa là quyền công dân, sau này được triển khai thành quyền sống, quyền tự do, quyền bình đẳng, quyền sung sướng, quyền mưu cầu hạnh phúc. Đây là điều hoàn toàn khác biệt so với chế độ quân chủ chuyên chế và chế độ thực dân không kém phần chuyên chế làm cho con người không có một thứ quyền tự do dân chủ nào.

Giá trị văn hóa và sức mạnh con người Việt Nam là nguồn lực nội sinh quan trọng nhất làm nên thắng lợi Cách mạng Tháng Tám, kháng chiến chống xâm lược. Lịch sử cho thấy, cứ mỗi lần có những

thử thách lớn thì nhân dân ta lại tỏ rõ khí phách nêu cao phẩm chất tốt đẹp của mình. Hồ Chí Minh đúc kết: “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước”⁽⁵⁾.

Hồ Chí Minh chỉ rõ, văn hóa không chỉ đóng vai trò to lớn cổ động tinh thần và lực lượng kháng chiến, mà còn, giữ vai trò quan trọng trong kiến quốc, xây dựng đất nước. Theo Người, đồng hành với sự nghiệp giải phóng và phát triển, văn hóa có sứ mệnh to lớn: “Số phận dân ta ở trong tay ta. Văn hóa soi đường cho quốc dân đi... Văn hóa lãnh đạo quốc dân để thực hiện độc lập, tự cường, tự chủ”⁽⁶⁾. Một trong những điểm nhấn ý nghĩa nhất là Hồ Chí Minh coi văn hóa là một trong những giải pháp có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong xây dựng đất nước, xây dựng Đảng, hướng tới độc lập, tự do, hạnh phúc. Người nói: “Phải làm thế nào cho văn hóa vào sâu trong tâm lý của quốc dân, nghĩa là văn hóa phải sửa đổi được tham nhũng, được lười biếng, phù hoa, xa xỉ. Tâm lý của ta lại muốn lấy tự do độc lập làm gốc. Văn hóa phải làm thế nào cho ai cũng có lý tưởng tự chủ, độc lập, tự do. Đồng thời văn hóa phải làm thế nào cho quốc dân có tinh thần vì nước quên mình, vì lợi ích chung mà quên lợi ích riêng mình. Đối với xã hội, văn hóa phải làm thế nào cho mỗi người dân Việt Nam từ già đến trẻ, cả đàn ông và đàn bà ai cũng hiểu nhiệm vụ của mình và biết hưởng hạnh phúc của mình nên được hưởng”⁽⁷⁾.

Một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất của văn hóa xuyên suốt trong cả tiến trình cách mạng là đoàn kết dân tộc, đoàn kết nhân

dân, đoàn kết toàn Đảng, giáo dục tinh thần yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội, phục vụ nhân dân, động viên nhân dân thi đua sản xuất, thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí, quan liêu, hoàn thành nhiệm vụ của Đảng, kế hoạch Nhà nước, xây dựng một nước Việt Nam tươi đẹp, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Luận điểm xuyên suốt thấm sâu trong tư tưởng Hồ Chí Minh khi bàn về văn hóa và con người là “trồng người”. Mượn ý của Quán Trọng⁽⁸⁾, Người đưa vào và chuyển tải một nội dung mới, có ý nghĩa cách mạng: “Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người”⁽⁹⁾. Thuật ngữ văn hóa bắt nguồn từ tiếng Pháp, tiếng Anh gọi là *Culture*. Từ *Culture* lại có nguồn gốc từ tiếng latin là *Cultus* có nghĩa là trồng cây (*cultusagri*) và bồi dưỡng tinh thần (*cultus animi*). Như vậy, văn hóa (*culture*) và “trồng người” thâm nhập vào nhau, chuyển hóa lẫn nhau và tác động qua lại lẫn nhau tạo thành hệ giá trị văn hóa và hệ giá trị phẩm chất con người Việt Nam trong toàn bộ tiến trình lịch sử dân tộc, điều Hồ Chí Minh quan tâm cả cuộc đời.

Hồ Chí Minh chú trọng việc xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam bởi những lẽ rất giản đơn, dễ hiểu nhưng vô cùng sâu sắc. *Thứ nhất*, văn hóa là mạch nguồn của dân tộc. Lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước của ông cha ta cho thấy, nhờ văn hóa mà chúng ta thích ứng những nhu cầu, đòi hỏi đời sống, tồn tại, vượt qua khó khăn, thách thức, phát triển được. *Thứ hai*, “vô luận việc gì, đều do người làm ra, và từ nhỏ đến to, từ gần đến xa, đều thế cả”⁽¹⁰⁾. *Thứ ba*, “muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những con người xã hội chủ nghĩa”⁽¹¹⁾.

Xét đến cùng, toàn bộ cuộc đời, sự nghiệp, tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh toát lên sự quan tâm, trăn trở việc xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam. Đến tận cuối đời, khi viết mấy lời để lại cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta có ý nghĩa như một văn kiện xây dựng đất nước sau chiến tranh theo tinh thần đổi mới, Người vẫn dặn lại “đầu tiên là công việc đối với con người”. Với niềm tin cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta nhất định sẽ thắng lợi hoàn toàn, Hồ Chí Minh căn dặn: “Đảng cần phải có *kế hoạch* thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng *nâng cao đời sống của nhân dân*”⁽¹²⁾.

Dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa và con người, chúng ta đã làm nên những kỳ tích trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đưa đất nước bước vào kỷ nguyên độc lập tự do; các cuộc kháng chiến chống xâm lược mà đỉnh cao là chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ 1954 và Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc năm 1975; công cuộc đổi mới với những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử.

2. Xây dựng và phát triển văn hóa, con người trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng

Thủ tướng Phạm Văn Đồng viết: “Nghiên cứu, học tập và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh. Đây là một kho tàng đầy của báu, là di sản chứa đựng biết bao giá trị, giá trị đó nói cho cùng là giá trị văn hóa mà chúng ta khai thác chưa được bao nhiêu”⁽¹³⁾. Đó là thái độ nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật mà Đảng ta nêu lên khi bắt đầu bước vào thời kỳ đổi mới. Chúng ta khai thác chưa

được bao nhiêu di sản văn hóa Hồ Chí Minh đồng nghĩa với việc chưa nhận thức đầy đủ, sâu sắc vai trò, sứ mệnh của văn hóa. Khuyết điểm này kéo dài nhiều thập kỷ đến tận hôm nay ở những mức độ cao thấp, đậm nhạt, nặng nhẹ khác nhau. Trong thập kỷ sáu mươi, Hồ Chí Minh đã nhắc nhở: “Một số cán bộ ta hình như mãi làm công tác hành chính, sự vụ hơn là để nhiều tâm sức xây dựng con người”⁽¹⁴⁾. Người phê bình những thiếu sót của công tác văn hóa như: “Phong trào văn hóa có bề rộng, chưa có bề sâu; nặng về mặt giải trí mà còn nhẹ về mặt nâng cao tri thức của quần chúng, về mặt tổ chức và lãnh đạo còn thiếu chặt chẽ chưa dựa hẳn vào lực lượng của nhân dân, chưa dùng hết khả năng của các nhà trí thức. Việc phát huy vốn cũ quý báu của dân tộc (nhưng tránh “phục cổ” một cách máy móc) và học tập văn hóa tiên tiến của các nước (trước hết là các nước bạn) cũng chưa làm được nhiều”⁽¹⁵⁾.

Những hạn chế, khuyết điểm đó tồn tại suốt trong những năm đổi mới. Đại hội XIII chỉ ra “*Văn hóa* chưa được quan tâm tương xứng với kinh tế và chính trị, chưa thật sự trở thành nguồn lực, động lực nội sinh của sự phát triển bền vững đất nước. Vai trò của văn hóa trong xây dựng con người chưa được xác định đúng tầm, còn có chiều hướng coi trọng chức năng giải trí đơn thuần”⁽¹⁶⁾. Phát biểu tại Hội nghị văn hóa toàn quốc ngày 24-11-2021, người đứng đầu Đảng ta chỉ rõ: “Hạn chế, yếu kém nổi bật được nhắc lại nhiều lần lâu nay là văn hóa chưa được các cấp, các ngành nhận thức một cách sâu sắc và chưa được quan tâm một cách đầy đủ tương xứng với kinh tế và chính trị; chưa thật sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực của sự phát triển bền vững đất nước”⁽¹⁷⁾.

Nói “văn hóa chưa được các cấp, các ngành nhận thức một cách sâu sắc và chưa được quan tâm một cách đầy đủ tương xứng với kinh tế và chính trị” có thể được hiểu trên thực tế không ít địa phương, ngành, cán bộ lãnh đạo coi văn hóa chỉ là “cái đuôi” của kinh tế, “ăn theo” kinh tế. Có nơi quan tâm thì lại nặng về bề nổi, coi văn hóa, nói đến văn hóa chỉ là “cờ, đèn, kèn, trống” mà quên đi tư tưởng, đạo đức, lối sống và đời sống văn hóa là những lĩnh vực được coi là quan trọng nhất của văn hóa. Đằng sau công “làng văn hóa” mà thiếu dân chủ, đạo đức, lối sống thì sao gọi là làng văn hóa? Đằng sau công “thôn, bản văn hóa” mà mức sống thấp, nếp sống không đẹp, trẻ em đi học chân trần trong tình trạng “4 không” (không nước sạch, không điện, không đường đi, không Internet) thì sao gọi là thôn, bản văn hóa? Điều quan ngại nhất là nhiều thập kỷ chúng ta biết và nhắc đi nhắc lại nhiều lần yếu kém, khuyết điểm mà vẫn không khắc phục được. Càng tự hào về tăng trưởng kinh tế bao nhiêu chúng ta càng đau lòng về những yếu kém trong văn hóa bấy nhiêu.

Dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa và con người, Đại hội XIII khẳng định việc xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam, tập trung vào tăng cường giáo dục lòng yêu nước, ý chí tự cường, tinh thần đoàn kết, tinh thần cống hiến, lòng tự hào dân tộc, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, truyền thống và lịch sử dân tộc, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, xây dựng con người Việt Nam thời đại mới, gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa giá trị truyền thống và giá trị hiện đại, tạo nguồn lực nội sinh và động lực để phát triển đất nước. Đại hội XIII nhấn mạnh: “Tập trung nghiên cứu, xác định và triển khai xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá

trị văn hóa và chuẩn mực con người gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới”⁽¹⁸⁾.

Triển khai Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng về xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và phẩm chất con người Việt Nam, tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh xây dựng những giá trị chuẩn mực của con người Việt Nam thời kỳ đổi mới là phải kết hợp nhuần nhuyễn những giá trị truyền thống với giá trị thời đại, chứa đựng lòng yêu nước, đoàn kết, nghĩa tình, trung thực, trách nhiệm, kỷ cương, sáng tạo. Theo người đứng đầu Đảng ta, “Những giá trị ấy được nuôi dưỡng bởi văn hóa gia đình Việt Nam với những giá trị cốt lõi: Âm no, hạnh phúc, tiến bộ, văn minh; được bồi đắp, phát triển bởi nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc với hệ giá trị: Dân tộc, dân chủ, nhân văn, khoa học; trên nền tảng hệ giá trị quốc gia và cũng là mục tiêu phấn đấu cao cả của dân tộc ta: Hòa bình, thống nhất, độc lập, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, hạnh phúc”⁽¹⁹⁾.

Những điều đó được coi là mong muốn, khát vọng cháy bỏng của Đảng và người đứng đầu Đảng ta. Mong muốn và khát vọng là điều quý giá, thiêng liêng. Muốn đạt được thì phải rèn “hai chân” thật vững, thật chắc là nhận thức và hành động. Câu chuyện nhiều năm qua làm cho văn hóa chưa được quan tâm tương xứng với kinh tế và chính trị trước hết bắt nguồn từ nhận thức. Như đã nói, nhiều cấp ủy, chính quyền nhận thức hời hợt, xem thường văn hóa. Cũng có thể do không hiểu đúng hai từ “văn hóa”, mà thiên cận cho rằng văn hóa chỉ là thơ văn, giải trí; hoặc hiểu được tầm vóc, sứ mệnh to lớn của văn hóa nhưng muốn “ăn xôi”, tập trung vào tăng trưởng, “duy kinh tế” mà hy

sinh cả mặt xã hội, hy sinh văn hóa và phẩm giá con người. Vì vậy, phải tiếp tục tăng cường giáo dục nâng cao nhận thức về vai trò, sứ mệnh của văn hóa cho lãnh đạo các cấp và cán bộ, đảng viên. Không chỉ giáo dục ở hội trường mà phải có những cách thức đánh giá nhận thức một cách hiệu quả.

Nhận thức sâu sắc, quán triệt đầy đủ các quan điểm của Đảng về văn hóa không phải là học thuộc lòng mà phải biến nhận thức đó thành hành động cụ thể. Ở đây liên quan tới hành động, nên muốn hành động có hiệu quả phải có đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa có tâm, đủ tầm, bản lĩnh, có khả năng định hướng, định dạng phát triển văn hóa và con người trong tình hình mới. Đảng, Nhà nước phải đặc biệt quan tâm tới cái “gốc” này; mặt khác, cán bộ lãnh đạo, quản lý văn hóa cũng phải biết những hạn chế, yếu kém của mình để khắc phục và nếu lĩnh vực văn hóa mình phụ trách có những xuống cấp, bất ổn thì phải biết xấu hổ, từ chức.

Gần tám mươi năm đã qua kể từ khi Chủ tịch Hồ Chí Minh lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với mục tiêu: Độc lập - Tự do - Hạnh phúc. Đó là những giá trị cốt lõi của quốc gia được Hồ Chí Minh nêu lên từ ngày đầu dựng nước sau khi đánh đổ được chế độ quân chủ và thực dân chuyên chế. Suốt mấy chục năm lãnh đạo đất nước, Người luôn nung nấu và trăn trở với khát vọng phát triển một nước Việt Nam phú cường, phồn vinh, hạnh phúc, bước tới đài vinh quang, sánh vai với các cường quốc năm châu. Chuẩn bị cho chuyến “đi xa”, với niềm tin: “Còn non, còn nước, còn người. Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay”, xây dựng một nước Việt Nam “đàng hoàng hơn, to đẹp hơn”, Người khẳng định lại khát vọng về một tương lai của

nước Việt Nam “hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”. Điều đó cho thấy Hồ Chí Minh là người khởi xướng, đặt nền móng cho việc xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam trong hội nhập quốc tế□

-
- (1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H., 2011, tập 3, tr.255.
(2), (12), (14) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. Nxb. CTQG, H., 2011, tập 15, tr.671; 612; 663.
(3) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H., 2011, tập 3, tr.458.
(4), (6), (7) Hồ Chí Minh: *Về công tác văn hóa nghệ thuật*, Nxb. Sự thật, H., 1971, tr.71; 72; 72.
(5) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H., 2011, tập 7, tr.38.
(8) Câu của Quản Trọng: Nhất niên chi kế mạc như thụ cốc, thập niên chi kế mạc như thụ mộc, bách niên chi kế mạc như thụ nhân (kế hoạch một năm không gì bằng trồng lúa, kế hoạch mười năm không gì bằng trồng cây, kế hoạch trăm năm không gì bằng trồng người).
(9) Hồ Chí Minh: *Toàn Tập*, Nxb. CTQG, H.,2011, tập 11, tr.528.
(10) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H., 2011, tập 5, tr.281.
(11) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H., 2011, tập 13, tr.66.
(13) Phạm Văn Đồng: *Văn hóa và đổi mới*, Nxb. CTQG, H., 1994, tr. 126.
(15) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H., 2011, tập 10, tr.514.
(15), (17) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. CTQGST, H., 2021, tập 1, tr.84; 143.
(16), (18) Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb. CTQGST, H., 2022, tr.167; 170-171.

Nguồn: Chủ nghĩa xã hội - Lý luận và thực tiễn.- 2023.- Số 2 (24).- Tr.9-13.

**CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG VỀ XÂY DỰNG
VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA VIỆT NAM
TỪ NĂM 1943 ĐẾN NAY**

TS. ĐOÀN THANH THỦY
Trường Đại học Lao động - Xã hội

Ngày nhận: 30-10-2024 Ngày thẩm định, đánh giá: 20-11-2024 Ngày duyệt đăng: 30-11-2024

Tóm tắt: Từ khi thành lập cho đến nay, Đảng luôn luôn nhận thức được vai trò quan trọng của văn hóa và hết sức quan tâm đến công tác xây dựng văn hóa trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ đất nước, nhất là trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội, trong sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước. Bài viết làm rõ những điểm chính, chủ đạo và xuyên suốt trong chủ trương của Đảng về văn hóa, từ năm 1943 đến nay nhằm tiếp tục phát huy vai trò của văn hóa trong phát triển đất nước thời kỳ mới.

Từ khóa: Chủ trương của Đảng; văn hóa; Đề cương về văn hóa Việt Nam; nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc

Đề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943 do Tổng Bí thư Trường Chinh soạn thảo là văn kiện có ý nghĩa lịch sử sâu sắc và giá trị to lớn, được coi là Tuyên ngôn về một nền văn hóa dân tộc, khoa học, đại chúng mà Việt Nam xây dựng. Chủ trương đúng đắn của

Đảng trong xây dựng văn hóa từ *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã thực sự trở thành động lực tinh thần nhằm huy động tất cả mọi nguồn lực để giải phóng dân tộc, tiến hành thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) và chống Mỹ, cứu nước (1954-1975). Bước vào thời kì đổi mới, Đảng đã có nhiều nghị quyết, chỉ thị quan trọng để xây dựng và phát triển văn hóa trong thời kì mới để hướng tới xây dựng một nền văn hóa “*tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*”, để văn hóa thực sự “*soi đường cho quốc dân đi*” như định hướng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Xuyên suốt chủ trương của Đảng từ *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 đến nay có thể nhấn mạnh một số nội dung chủ đạo sau:

Thứ nhất, chủ trương của Đảng luôn khẳng định vị trí và vai trò quan trọng của văn hóa trong bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước

Ngay từ năm 1943, trong bối cảnh xã hội Việt Nam còn là thuộc địa của đế quốc Pháp, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* ra đời là ngọn đuốc soi đường và định hướng tư tưởng, nhận thức, phương châm hoạt động về văn hóa cho toàn dân tộc trong cuộc đấu tranh giành độc lập tự do cho Tổ quốc, tiến lên xây dựng nền văn hóa mới của chế độ mới.

Đề cương về văn hóa Việt Nam nêu rõ vị trí quan trọng của văn hóa trong công cuộc giành độc lập dân tộc, khẳng định mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận then chốt (kinh tế, chính trị, văn hóa) trong hoạt động của người cộng sản. Để giải phóng dân tộc, người cách mạng không phải chỉ làm cách mạng chính trị mà còn phải làm cách mạng văn hóa. *Đề cương về văn hóa Việt Nam* cũng đã sớm nhận

rõ vị trí, vai trò đặc biệt của văn hóa đối với sự phát triển xã hội, thể hiện rõ thông qua nhận định: “Phải hoàn thành cách mạng văn hóa mới hoàn thành được cuộc cải tạo xã hội”⁽¹⁾. Tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi”; nhấn mạnh vai trò định hướng, dẫn dắt của văn hóa đối với sự phát triển của cách mạng Việt Nam. Nhờ định hướng sớm và đúng đắn của Đảng, nền văn hóa Việt Nam phát triển đa dạng, phong phú, dân tộc, khoa học, đại chúng trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và trở thành nguồn lực trong bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước.

Từ *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943, nhận thức của Đảng và Nhà nước, của nhân dân về vai trò của văn hóa trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày càng đầy đủ và hoàn thiện. Dù trong bất kì hoàn cảnh nào, vị trí quan trọng của văn hóa vẫn luôn được Đảng khẳng định trong các văn kiện, chủ trương của mình. Tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ nhất, tháng 11-1946, sau khi Việt Nam giành được độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh vị trí, vai trò của văn hóa là hướng dẫn quốc dân thực hiện độc lập, tự cường và tự chủ⁽²⁾. Trong những ngày đầu tiên thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương mở chiến dịch chống nạn mù chữ, nhằm diệt “giặc dốt”, coi đây là một trong những nhiệm vụ cấp bách của chính quyền. Người nói “Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu”⁽³⁾ và nhấn mạnh thanh toán nạn mù chữ là một trong những việc cấp bách và quan trọng của nhân dân các nước dân chủ mới. Người kêu gọi đồng bào cả nước tích cực ủng hộ cho những “chiến sỹ trên

mặt trận văn hóa” hoàn thành sứ mệnh cao cả của mình, để “trả lời cho thế giới biết nước ta là một nước văn minh ai cũng biết chữ”. Việc coi trọng vấn đề giáo dục Việt Nam ngay từ khi Nhà nước mới được thành lập là cơ sở quan trọng tiến tới tạo một xã hội học tập suốt đời, là nền tảng vững chắc để đất nước phát triển “sánh vai với các cường quốc năm châu” như Chủ tịch Hồ Chí Minh hằng mong muốn. Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, vị trí, vai trò của văn hóa luôn được khẳng định là một trong ba mặt trận quan trọng để góp phần thực hiện cuộc kháng chiến toàn diện đi tới giành lại độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ.

Trong thời kì đổi mới, vị trí, vai trò văn hóa tiếp tục được khẳng định. Văn hóa được xác định là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là sức mạnh nội sinh, động lực quan trọng để phát triển đất nước; văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội;... Đây là một định hướng xuyên suốt, liên tục được khẳng định trong các Đại hội Đảng, trong các văn kiện quan trọng của Đảng thời kì đổi mới. *Cương lĩnh Xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011), khẳng định: Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ; làm cho văn hóa gắn kết chặt chẽ và thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển. Trong Nghị quyết số 33-NQ/TW, tại HNTU 9 khóa XI “Về xây dựng và phát

triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”, Đảng nêu rõ: Xây dựng nền văn hóa Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, tính nhân văn, dân chủ và khoa học. Nghị quyết cũng khẳng định: Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội; trọng tâm của việc xây dựng văn hóa là xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp.

Kế thừa quan điểm và định hướng về xây dựng, phát triển nền văn hóa Việt Nam trong các giai đoạn trước, Nghị quyết Đại hội XIII (2021) của Đảng đã gắn mục tiêu văn hóa với con người: “Lấy giá trị văn hóa, con người Việt Nam làm nền tảng, sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững”⁽⁴⁾. Bên cạnh đó, Đại hội cũng nhấn mạnh cần tăng cường đầu tư cho phát triển sự nghiệp văn hóa. Xây dựng, phát triển, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Vị trí, vai trò của văn hóa ngày càng được khẳng định và đề cao trong các mối quan hệ xã hội, các lĩnh vực hoạt động của văn hóa, đặc biệt là trong xây dựng con người mới XHCN.

Văn hóa trong mối quan hệ với kinh tế - xã hội được xem là động lực thúc đẩy sự phát triển bền vững kinh tế - xã hội. Văn hóa không tách rời lĩnh vực kinh tế mà các giá trị văn hóa luôn ẩn chứa trong kinh tế. Đó là văn hóa doanh nghiệp: với việc song hành những lợi ích kinh tế với các giá trị văn hóa, xã hội, thực hiện quản trị doanh nghiệp (thể hiện ở sự ứng xử có văn hóa trong môi trường doanh nghiệp, sự cạnh

tranh lành mạnh, sự ứng xử có trách nhiệm với cộng đồng, với môi trường...), với đất nước (thực hiện nghĩa vụ thuế, tham gia tích cực vào các lĩnh vực Nhà nước kêu gọi xã hội hóa...). Đó là văn hóa doanh nhân (là sự tự ý thức tích lũy, rèn kiến thức, kỹ năng để đủ tài, đủ đức dẫn dắt doanh nghiệp phát triển hòa nhập với thị trường thế giới...)... Phát triển kinh tế gắn với văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là nhiệm vụ, động lực trong xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.

Văn hóa trong mối quan hệ đối với chính trị: Văn hóa được xem là yếu tố cốt kết chặt chẽ với chính trị với nhiều biểu hiện khác nhau, tiêu biểu là tri thức chính trị, ý thức chính trị và năng lực hành động chính trị. Qua đó, năng lực phẩm chất, sự tư duy về bản lĩnh và năng lực chính trị được thể hiện rõ nét. Văn hóa đóng vai trò quan trọng góp phần thực hiện mục tiêu chính trị mà Đảng phấn đấu. Đó là xây dựng một Nhà nước của dân, do dân, vì dân, đó cũng chính là sự hướng tới các giá trị chân - thiện - mỹ vốn là nội hàm đặc trưng của văn hóa. Văn hóa chính trị thể hiện trong ứng xử của các cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị (thông qua ứng xử với nhân dân, qua hiệu quả làm việc của những người đại diện cho nhà nước, là đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lí...).

Xuyên suốt chiều dài lịch sử, từ bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 đến nay, Đảng đều khẳng định vị trí và vai trò đặc biệt quan trọng của văn hóa trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Chính nhờ việc xác định đúng đắn vị trí, vai trò của văn hóa, Đảng đã có những chủ trương, biện pháp cụ thể để phát triển nền văn hóa Việt

Nam, phát huy tốt vai trò của văn hóa trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thứ hai, nội dung giữ gìn và phát triển bản sắc dân tộc luôn được nhấn mạnh trong các chủ trương của Đảng về văn hóa

Văn hóa là hồn cốt của dân tộc. Những giá trị của văn hóa có sức sống bền vững và lan tỏa, làm nên sự trường tồn của mỗi quốc gia, dân tộc. Chính vì vậy, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn coi trọng vấn đề giữ gìn và phát triển những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, nhằm giữ gìn nét bản sắc văn hóa của dân tộc Việt Nam. Các chủ trương, đường lối của Đảng về xây dựng, phát triển văn hóa, con người Việt Nam luôn nhất quán, không ngừng phát triển trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, trong đó đặc biệt nhấn mạnh về tầm quan trọng của việc giữ gìn và phát triển bản sắc văn hóa Việt Nam trong xây dựng nền văn hóa mới. Đảng nêu rõ: “Văn hóa Việt Nam là thành quả hàng nghìn năm lao động sáng tạo, đấu tranh kiên cường dựng nước và giữ nước của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, là kết quả giao lưu và tiếp thu tinh hoa của nhiều nền văn minh thế giới để không ngừng hoàn thiện mình. Văn hóa Việt Nam đã hun đúc nên tâm hồn, khí phách, bản lĩnh Việt Nam, làm rạng rỡ lịch sử vẻ vang của dân tộc”⁽⁵⁾.

Ngay từ năm 1943, dù chưa giành được chính quyền, Đảng đã thông qua *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, khẳng định tầm quan trọng của việc bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc cần phải gắn liền, đi đôi với việc đồng thời triệt để tẩy trừ mọi di hại thuộc địa và ảnh hưởng nô dịch của văn hóa đế quốc, tôn trọng phong tục, tập quán, văn hóa

của các dân tộc ít người. Nội dung của Đề cương xác định chủ trương phát triển nền văn hóa Việt Nam với các đặc trưng: Dân tộc - Khoa học - Đại chúng. Yếu tố dân tộc chính là yếu tố quan trọng được Đảng đưa lên hàng đầu trong các đặc trưng của nền văn hóa Việt Nam được định hướng xây dựng. Điều đó khẳng định, trong bất kì hoàn cảnh nào, việc giữ gìn và phát triển bản sắc dân tộc cũng luôn được Đảng coi trọng trong xây dựng văn hóa. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng căn dặn: “Những người cộng sản chúng ta phải rất quý trọng cổ điển. Có nhiều dòng suối tiên bộ chảy từ ngọn núi cổ điển đó. Càng thấm nhuần chủ nghĩa Mác - Lênin, càng phải coi trọng những truyền thống tốt đẹp của cha ông”⁽⁶⁾. Đây là một lí luận mang tính kinh điển nhưng được mềm hóa thành hình tượng: phải xây dựng một nền văn hóa tiên bộ, hiện đại bắt nguồn từ truyền thống, dựa vào truyền thống. Người cũng đã căn dặn các văn nghệ sĩ: “Làm công tác văn nghệ mà không tìm hiểu sâu vốn của dân tộc thì không làm được đâu”⁽⁷⁾. Người đã có những nhận định sâu sắc mang tính chất định hướng về vai trò của văn hóa truyền thống đối với xây dựng nền văn hóa Việt Nam. Chỉ có văn hóa truyền thống dân tộc mới tạo ra bản sắc, góp phần quan trọng trong việc làm giàu có cho gia tài văn hóa Việt Nam.

Trong bối cảnh hiện nay, các quốc gia đều đối mặt với nguy cơ bị xâm lăng văn hóa. Như một qui luật, chỉ có sức mạnh văn hóa truyền thống mới có thể tạo ra một sức đề kháng đủ mạnh để chống lại sự xâm lăng này. Văn hóa bản địa càng mạnh sẽ biến hại thành lợi, sẽ đồng hóa ngược lại văn hóa ngoại sinh, biến nó thành cái của mình. Chính vì thế, Đảng luôn chủ trương giữ gìn và phát triển bản sắc văn

hóa dân tộc hướng tới xây dựng một nền văn hóa Việt Nam “tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”. Trong công cuộc đổi mới, Đảng đã kế thừa và có sự phát triển tư duy lí luận về văn hóa, tích cực chăm lo phát triển văn hóa Việt Nam thể hiện qua nhiều nghị quyết, chỉ thị, kết luận về xây dựng, phát triển văn hóa., đặc biệt là NQTU 5 khóa VIII “về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” là những văn bản có ý nghĩa chiến lược về xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam. Tại Đại hội IX (2001) của Đảng nhấn mạnh: “Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội”⁽⁸⁾, “*tăng trưởng kinh tế đi liền với phát triển văn hóa*”⁽⁹⁾. Văn kiện Đại hội X (2006) của Đảng chủ trương “tiếp tục phát triển sâu rộng và nâng cao chất lượng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, gắn kết chặt chẽ và đồng bộ hơn với phát triển kinh tế - xã hội”⁽¹⁰⁾. Quan điểm này sau đó tiếp tục được phát triển sâu sắc hơn trong văn kiện Đại hội XI, XII và XIII của Đảng nhằm tạo động lực thực hiện khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc của toàn thể dân tộc.

Trong Hội nghị Văn hóa toàn quốc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII (2021) của Đảng, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nêu rõ: “Xây dựng con người Việt Nam thời kỳ đổi mới, phát triển, hội nhập với những giá trị chuẩn mực phù hợp, gắn với giữ gìn, phát huy giá trị gia đình Việt Nam, hệ giá trị văn hóa, giá trị của quốc gia - dân tộc; kết hợp nhuần nhuyễn những giá trị truyền thống với giá trị thời đại: Yêu nước, đoàn kết, tự cường, nghĩa tình, trung thực, trách

nhệm, kỷ cương, sáng tạo”⁽¹¹⁾. Đồng chí cũng nhấn mạnh: “Những giá trị ấy được nuôi dưỡng bởi văn hóa gia đình Việt Nam với những giá trị cốt lõi: Âm no, hạnh phúc, tiến bộ, văn minh; được bồi đắp, phát triển bởi nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc với hệ giá trị: Dân tộc, dân chủ, nhân văn, khoa học; trên nền tảng của hệ giá trị quốc gia và cũng là mục tiêu phấn đấu cao cả của dân tộc ta: Hòa bình, thống nhất, độc lập, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, hạnh phúc”⁽¹²⁾. Đây chính là những định hướng hết sức quan trọng về văn hóa, phát huy các hệ giá trị nhằm phục vụ phát triển đất nước trong thời kì mới.

Có thể nói, những chủ trương đúng đắn của Đảng về giữ gìn và phát triển bản sắc văn hóa dân tộc chính là liều vắc xin phòng ngừa để bản sắc văn hóa Việt không bị mai một trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Giữ gìn và phát triển bản sắc văn hóa dân tộc trong chủ trương, đường lối của Đảng về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam vừa nhất quán, kiên định, vừa từng bước bổ sung, phát triển và ngày càng hoàn thiện, sâu sắc hơn, góp phần quan trọng tạo nên những thắng lợi của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Thứ ba, phát huy sức mạnh “nội sinh” của văn hóa là mục tiêu quan trọng được đề ra trong các chủ trương của Đảng

Trong lịch sử thế giới, có những quốc gia, dân tộc không giàu về tài nguyên thiên nhiên, thậm chí còn nghèo nàn và hạn hẹp nhưng lại giàu về kinh tế. Sự phát triển kinh tế - xã hội chính là nhờ coi trọng

yếu tố văn hóa, con người, nhờ việc nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài mở đường cho sự phát triển. Bởi nguồn lực nội sinh của sự phát triển của một đất nước thấm sâu trong văn hóa, con người.

Văn hóa Việt Nam được xây dựng và bồi đắp trong suốt chiều dài hàng nghìn năm lịch sử, làm nên nền tảng tinh thần xã hội, giữ vai trò quan trọng vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Thực tiễn lịch sử dân tộc Việt Nam đã chứng minh, những lúc đất nước gặp khó khăn thì các giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc được phát huy mạnh mẽ; bản sắc văn hóa Việt Nam lại càng tỏa sáng; cả dân tộc kết thành một khối thống nhất về ý chí và hành động. Nhờ vậy, văn hóa đã có những đóng góp tích cực, quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Năm 1943, sự ra đời bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã chứng minh với đường lối cách mạng đúng đắn, sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khơi dậy lòng yêu nước, ý chí độc lập, tinh thần đấu tranh bất khuất tạo sức mạnh to lớn, góp phần làm nên thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945, giành độc lập, tự do cho dân tộc. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), với khẩu hiệu “Văn hóa hóa kháng chiến, kháng chiến hóa văn hóa” đã trở thành nguồn sức mạnh làm nên chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954 “lùng lẩy năm châu, chấn động địa cầu”. Trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ (1954-1975) văn hóa cũng chính là động lực trong thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng XHCN ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam giành đại thắng mùa Xuân năm 1975, thống nhất đất nước. Trong những chiến thắng vẻ vang của dân tộc Việt Nam dưới sự

lãnh đạo của Đảng có phần không nhỏ là chiến thắng của sức mạnh văn hóa nội sinh được hun đúc qua bề dày truyền thống hàng nghìn năm lịch sử.

Trong gần 40 năm đổi mới, Đảng đã ban hành nhiều nghị quyết, quyết định, chỉ thị quan trọng để tập trung xây dựng, phát triển văn hóa. Trong các nghị quyết, Đảng luôn nhấn mạnh văn hóa với vai trò là sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển, thấm thâu giữa văn hóa với chính trị, kinh tế, xã hội... nhằm tạo nên sức mạnh tổng hợp của sự phát triển dân tộc trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Nổi bật là Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, khẳng định: Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Qua các kì đại hội của Đảng (IX, X, XI, XII), Đảng ngày càng nhận thức đầy đủ, toàn diện và sâu sắc hơn về vị trí, vai trò của văn hóa; được ví như “ngọn hải đăng” thực hiện sứ mệnh “soi đường cho quốc dân đi” trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nhờ đó, nhiều giá trị văn hóa truyền thống được kế thừa, phát huy; văn hóa trong chính trị và trong kinh tế được coi trọng và phát huy hiệu quả.

Đại hội XIII của Đảng xác định: “Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc”⁽¹³⁾. Để thực hiện hiệu quả các mục tiêu, định hướng về văn hóa, Đảng xây dựng 10 nhóm giải pháp trọng tâm.

Trong đó cụ thể là: tiếp tục nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của phát triển văn hóa, xây dựng con người trong đổi mới và phát triển bền vững; hoàn thiện thể chế, đổi mới tư duy quản lý văn hóa, cải cách bộ máy quản lý nhà nước về văn hóa; phát triển nguồn nhân lực ngành văn hóa; xây dựng văn hóa trong chính trị, trong kinh tế, đặc biệt là văn hóa trong Đảng trở thành tấm gương đạo đức cho xã hội; xây dựng nền báo chí, truyền thông chuyên nghiệp, nhân văn và hiện đại; phát triển văn học, nghệ thuật đáp ứng được yêu cầu phát triển; tập trung nguồn lực cho phát triển văn hóa... Điều đó phản ánh sự kịp thời, đúng đắn trong nghị quyết của Đảng về văn hóa, phù hợp với thực tiễn phát triển của tình hình thế giới và trong nước hiện nay khi mà cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã tác động và làm thay đổi quan niệm về phát triển kinh tế, phát triển bền vững. Ngày nay, phát triển không đơn thuần chỉ dựa vào điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, mà dần dần chuyển sang yếu tố quyết định cho sự phát triển chính là trí tuệ, tri thức, thông tin, là sáng tạo để không ngừng tạo ra những giá trị vật chất và tinh thần ngày càng cao, đáp ứng nhu cầu đa dạng của cá nhân và xã hội. Điều đó khẳng định vai trò của văn hóa trong phát triển, chỉ có sự tham gia của văn hóa mới đưa đến sự phát triển bền vững.

Để có được nguồn lực nội sinh từ văn hóa cần phải quan tâm đến sự nghiệp giáo dục - đào tạo, nền giáo dục đó vừa phản ánh sâu sắc triết lý văn hóa, giáo dục Việt Nam, vừa phản ánh xu thế phát triển của thời đại. Qua đó tạo ra những con người mới, đạo đức mới XHCN như Đảng nhấn mạnh: “Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện

phải trở thành một mục tiêu của chiến lược phát triển. Đúc kết và xây dựng hệ giá trị văn hóa và hệ giá trị chuẩn mực của con người Việt Nam thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; tạo môi trường và điều kiện để phát triển về nhân cách, đạo đức, trí tuệ, năng lực sáng tạo, thể chất tâm hồn, trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân”⁽¹⁴⁾. Những tri thức, trí tuệ, tình cảm, đạo đức kết tinh, thấm sâu vào trong mọi hoạt động của đời sống con người và xã hội càng tăng cao bao nhiêu thì sự phát triển kinh tế - xã hội càng nhanh chóng và bền vững bấy nhiêu. Điều đó phù hợp với bối cảnh hiện nay, khi sức mạnh kinh tế không còn là yếu tố duy nhất chi phối quyền lực quốc gia, mà “quyền lực mềm” quốc gia gắn với sức mạnh văn hóa ngày càng khẳng định vai trò quan trọng trong quá trình phát triển của mỗi đất nước.

Những thành tựu có ý nghĩa lịch sử qua gần 40 năm đổi mới của Việt Nam đã chứng minh rằng, văn hóa có vai trò hết sức quan trọng đến sự phát triển kinh tế - xã hội, phát triển bền vững đất nước, là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, là động lực của sự phát triển gắn với tiến bộ công bằng xã hội hướng tới phát triển văn hóa và phát triển toàn diện cá nhân con người. Việc nhấn mạnh đến vấn đề văn hóa, con người thể hiện sự phù hợp với quan điểm tiến bộ về văn hóa trên thế giới hiện nay. Thực hiện mục tiêu Đại hội XIII (2021) của Đảng đề ra hướng tới xây dựng một đất nước “phồn vinh, hạnh phúc”, thì việc tiếp tục phát huy vai trò của văn hóa trong phát triển đất nước, mới đảm bảo được mục tiêu phát triển bền vững, sớm hiện thực hóa mục tiêu xây dựng nước Việt Nam XHCN giàu mạnh, hùng cường □

- (1) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, T. 7, tr. 318
- (2) Theo Báo *Cứu Quốc*, số 416 ra ngày 25-11-1946 đã đăng tường thuật phát biểu của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ nhất ngày 24-11-1946
- (3) *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, 2011, T. 4, tr.7
- (4) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb CTQGST, H, 2021, T. 1, tr. 25
- (5) Nghị quyết số 03-NQ/TW ngày 16-7-1998 Hội nghị lần thứ năm BCHTW Đảng (khóa VIII) “Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”
- (6) Trần Dương: *Bác Hồ như chúng tôi đã biết*, Nxb Thanh niên, H, 2009, tr. 166
- (7) Lữ Huy Nguyên (sưu tầm, biên soạn): *Bác Hồ với văn nghệ sĩ*, Nxb Văn học, H, 1995, tr. 83
- (8), (9) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng*, Nxb CTQG, H, 2001, tr. 114, 89
- (10) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng*, Nxb CTQG, H, 2006, tr. 33
- (11), (12) Nguyễn Phú Trọng: *Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*, Nxb CTQGST, 2024, H, tr. 45, 45
- (13) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb CTQGST, H, 2021, tr. 115-116
- (14) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb CTQG, H, 2016, tr. 148-149.

Nguồn: Tạp chí Lịch sử Đảng.- 2024.- Số 12.- Tr.74-80.

**TÌM HIỂU MỘT SỐ QUAN ĐIỂM MỚI CỦA ĐẢNG
VỀ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA
TRONG DỰ THẢO VĂN KIỆN ĐẠI HỘI ĐẢNG LẦN THỨ XIV**

TS. NGUYỄN VĂN THẮNG
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

1. Vai trò, chức năng của văn hóa

Trên Báo Cứu quốc số ra ngày 8-10-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Trong công cuộc kiến thiết nước nhà, có bốn vấn đề cần chú ý, cũng phải coi là quan trọng ngang nhau: chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa. Nhưng văn hóa là một kiến trúc thượng tầng”. Ngày 24-11-1946, trong bối cảnh nước sôi lửa bỏng, vô cùng khẩn trương chuẩn bị cho toàn quốc kháng chiến, nhưng xét thấy vai trò quan trọng, khai mở của văn hóa trong phát triển, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn đến dự Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ nhất; tại đây Người đã nêu lên một quan điểm nổi tiếng: “Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi”. Vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa và vai trò của văn hóa, trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, trên cơ sở nhận thức đúng đắn về các quy luật vận động và phát triển của văn hóa, Đảng ta đã không ngừng phát triển tư duy lý luận về văn hóa, mà cốt lõi là đã nhìn nhận đúng và phát huy tối đa vai trò của văn hóa trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Từ Nghị quyết 05-NQ/TW ngày 28-11-1987 của Bộ Chính trị về *đổi mới và nâng cao trình độ lãnh đạo, quản lý văn học, nghệ thuật và văn hóa, phát huy khả năng sáng tạo, đưa văn học, nghệ thuật và văn hóa phát triển lên*

một bước mới, Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII (1998) về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, từ Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI (2014) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước đến đường lối văn hóa được nêu trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, vai trò của văn hóa đã được định vị ngày càng rõ ràng, theo chiều vector đi lên.

Tuy nhiên, phải đến Dự thảo Văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng, vai trò của văn hóa mới được đề cập một cách toàn diện nhất, thuyết phục nhất. Nghị quyết 05-NQ/TW của Bộ Chính trị cách đây gần 40 năm đã nhìn nhận một cách đột phá về vai trò của văn hóa, xem đó là trình độ phát triển của một nước, một thời đại, là sức mạnh tinh thần của dân tộc: “Văn hóa là nhu cầu thiết yếu trong đời sống xã hội, thể hiện trình độ phát triển chung của một đất nước, một thời đại, là lĩnh vực sản xuất tinh thần tạo ra những giá trị văn hóa... làm giàu đẹp thêm cho cuộc sống con người; là sức mạnh tinh thần của dân tộc; là một bộ phận trọng yếu của cách mạng tư tưởng và văn hóa, là một động lực mạnh mẽ, đồng thời là một mục tiêu lớn trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội”⁽¹⁾. Và cũng trong quan điểm này, văn hóa còn được xác định là “động lực mạnh mẽ”, “mục tiêu lớn” của phát triển. Phải đặt vào bối cảnh đất nước chưa đầy một năm sau Đại hội VI của Đảng, cả nước dồn sức tập trung thực hiện 3 chương trình kinh tế lớn để từng bước khắc phục khủng hoảng kinh tế, xã hội, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân khi ấy còn rất nhiều khó khăn, bao vấn đề nổi cộm, cấp thiết đang đặt ra, mới thấy ý nghĩa to lớn của những quan điểm có tính đột phá đó về vai trò quan trọng của

văn hóa. Tại Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII, Đảng xác định: “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội”. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh, Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI còn tiến xa hơn một bước khi đặt văn hóa “ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội”. Tại Đại hội XIII của Đảng (2021), vai trò của văn hóa, đặc biệt là con người Việt Nam với “tài năng, trí tuệ, phẩm chất” được xem là “sức mạnh nội sinh” không chỉ trong phát triển đất nước, mà còn trong cả sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, là “trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước”⁽²⁾. Trong Dự thảo Văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng, Đảng tiếp tục xác định văn hóa là một trong những trụ cột, là nguồn lực nội sinh, là động lực để phát triển nhanh và bền vững đất nước. Tuy nhiên, phát triển văn hóa, con người giờ đây không chỉ là “nền tảng tinh thần”, mà là “nền tảng” nói chung để mọi thứ trên đó tồn tại và phát triển. Nếu chỉ giữ vai trò “nền tảng tinh thần” đôi khi trên thực tế văn hóa vẫn bị xem nhẹ, bởi không phải đã hết quan niệm “đói” tinh thần chưa chết ngay được. Dễ nhìn ra nhất là việc đầu tư cho văn hóa mà trong Dự thảo Văn kiện trình Đại hội XIV, Đảng đã chỉ ra: “Đầu tư cho văn hóa còn thấp và dàn trải”. “Phát triển văn hóa, con người là nền tảng” để phát triển đất nước, nên chủ trương của Đảng cũng có những điểm mới, vừa trúng, vừa đúng, tiếp thu cách làm hay của ông cha ta xưa ở những thời điểm “vua sáng - tôi hiền”, đáp ứng không chỉ yêu cầu cấp bách của đất nước, mà còn phù hợp với xu thế của thế giới hiện nay, đó là “Đề cao, khuyến khích vai trò tiên phong của đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ, doanh nhân và những người làm công tác văn hóa”. Một trong những

thành tố quan trọng của văn hóa là *khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia* cũng được xác định có vai trò đột phá để phát triển lực lượng sản xuất mới.

Một thời gian dài, chúng ta chủ yếu đề cập đến các chức năng xã hội của văn hóa, ít đề cập đến những chức năng khác. Những năm gần đây, các chức năng khác của văn hóa được chú ý hơn, trong đó có *chức năng kinh tế, chức năng điều tiết xã hội*. Thực tế cho thấy chúng ta đang lãng phí nguồn tài nguyên văn hóa rất lớn của đất nước, rất nhiều trong số hàng chục nghìn di tích đã được xếp hạng chưa đem lại lợi ích kinh tế đáng kể. Dự thảo Văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng xác định “Bảo tồn và phát huy hiệu quả các giá trị di sản văn hóa gắn với phát triển kinh tế di sản”. Đồng thời, với việc phát triển “kinh tế di sản”, phải “phát triển mạnh công nghiệp văn hóa, dịch vụ văn hóa” - lĩnh vực mà Việt Nam có tiềm năng vượt trội không chỉ trong khu vực mà còn trên thế giới, nhưng chưa phát huy được lợi thế và hiệu quả như mong đợi. Vận dụng sáng tạo quan điểm của UNESCO, Đảng xác định văn hóa không chỉ có chức năng điều tiết xã hội, không chỉ là một “kênh”, mà là một “hệ điều tiết phát triển đất nước”. Theo logic, muốn đột phá trong thực tiễn, trước hết phải đột phá trong tư duy. Vì vậy, đường lối phát triển đất nước trong kỷ nguyên vươn mình, vai trò, chức năng của sức mạnh văn hóa, con người Việt Nam đã được đề lên cao nhất từ trước đến nay là hoàn toàn hợp quy luật phát triển, là tất yếu khách quan.

2. Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc đồng bộ trên nền tảng các hệ giá trị cốt lõi

Các giá trị thường có tính ổn định cao nhưng không nhất thành bất biến. Lịch sử đã chứng minh mỗi dân tộc (trên phương diện tộc người hay phương diện quốc gia) trong tiến trình lịch sử, nếu gây dựng, hun đúc nên được “hồn cốt của Dân tộc” (chữ của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng) là các giá trị tốt đẹp, nhất là lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết, lòng nhân ái, khoan dung... thì cũng đồng nghĩa với việc đã tạo ra nguồn sức mạnh to lớn để kiên cường chiến thắng thiên tai, thù trong giặc ngoài, trường tồn dân tộc. Thật ra, từ lâu, trong nhiều văn kiện của Đảng từ khi thành lập đến nay và trong nhiều bài nói, bài viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng và Bác Hồ đã đề cập đến nhiều nội dung các giá trị của dân tộc, của văn hóa, đặc biệt là chuẩn mực con người mới xã hội chủ nghĩa. Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Đại hội II của Đảng (1951) đã khẳng định: “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước”⁽³⁾. Đại hội XIII của Đảng đã đề cập đến hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam. Cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đề cập đến hệ giá trị quốc gia bao gồm “Hòa bình, thống nhất, độc lập, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, hạnh phúc”; hệ giá trị văn hóa bao gồm “Dân tộc, dân chủ, nhân văn, khoa học”; hệ giá trị gia đình bao gồm “Ấm no, hạnh phúc, tiến bộ, văn minh”; chuẩn mực con người Việt Nam bao gồm “Yêu nước, đoàn kết, tự cường, nghĩa tình, trung thực, trách nhiệm, kỷ cương, sáng tạo”⁽⁴⁾.

Trong Dự thảo Văn kiện trình Đại hội XIV, Đảng nhấn mạnh cần “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đồng bộ trên nền tảng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam”. Đây chính là sự cụ thể hóa đường lối “Phát triển mạnh mẽ, toàn diện văn hóa, con người Việt Nam”. Nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là một chỉnh thể hoàn chỉnh, giống như hai mặt của một vấn đề, phải bao gồm các tính chất, các đặc trưng bản chất, chủ thể sáng tạo, phải là dòng chảy lịch sử kết nối quá khứ với hiện tại và tương lai; cả ở tầm vĩ mô và vi mô; tất cả những điều đó chỉ có thể tìm thấy trong các hệ giá trị nêu trên và không thể tách rời một cách máy móc. Nếu không phát triển đồng bộ trên nền tảng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam (mà là con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa, chứ không phải con người chung chung) thì nền văn hóa Việt Nam sẽ mất gốc, mất phương hướng, sẽ bị hòa tan, sức đề kháng sẽ không còn và hệ lụy thì có thể dự báo được, thậm chí dân tộc diệt vong, tên quốc gia sẽ bị xóa sổ trên bản đồ thế giới.

3. Phát triển đồng bộ các lĩnh vực văn hóa và xây dựng, hoàn thiện con người mới Việt Nam xã hội chủ nghĩa

Văn hóa vốn có đặc trưng đa dạng, bao gồm nhiều thành tố, nhiều lĩnh vực, nhiều chủ thể tham gia, có mối liên hệ chặt chẽ cả bên trong lẫn bên ngoài; do đó, không thể chỉ tập trung phát triển một vài lĩnh vực nào đó. Chủ trương “phát triển đồng bộ các lĩnh vực văn hóa” sẽ huy động được tối đa các nguồn lực, khai thác tiềm năng, thế mạnh,

tạo nên sự phát triển đa dạng văn hóa, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và phong phú của nhân dân, thu hẹp dần khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa các vùng miền, các giai tầng xã hội. Tất nhiên, phát triển đồng bộ các lĩnh vực văn hóa không đồng nghĩa với việc cào bằng, dàn trải, mà vẫn phải có trọng tâm, trọng điểm, có những nhiệm vụ, giải pháp được ưu tiên, xuất phát từ chính đòi hỏi của thực tiễn trước mắt cũng như về lâu dài. Nhiệm vụ trọng tâm số một vẫn là xây dựng và phát triển toàn diện con người với các phẩm chất chủ yếu như “đạo đức, trí tuệ, ý thức dân tộc, trách nhiệm công dân, năng lực sáng tạo, thẩm mỹ, thể lực, kỹ năng sống, kỹ năng nghề nghiệp” mới có thể là chủ nhân của cuộc cách mạng về tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị “tinh - gọn - mạnh - hiệu năng - hiệu lực - hiệu quả” theo định hướng mà Tổng Bí thư Tô Lâm đã nhiều lần đề cập đến. Trong số những phẩm chất này, sau “đạo đức” thì “trí tuệ, ý thức dân tộc, trách nhiệm công dân” được đề cao. Đây là những đức tính cần đặt lên hàng đầu trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 với những công nghệ hiện đại chưa từng có, chuyển đổi số là yêu cầu sống còn, mới có thể “khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, khát vọng xây dựng đất nước phồn vinh, văn minh, hạnh phúc”, “phát huy tinh thần cống hiến của con người Việt Nam”. Muốn thế, về phương diện cá nhân, con người không tự thân có đầy đủ mọi phẩm chất mà phải được rèn luyện để có bản lĩnh chính trị kiên định, vững vàng, vừa dân tộc, vừa hiện đại, là những công dân số, công dân toàn cầu; còn về phương diện Nhà nước, phải có cơ chế, chính sách đột phá thu hút, trọng dụng nhân tài, xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, tạo cơ hội để nhân tài phát huy được khả

năng của mình, không để chảy máu chất xám; phải bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe cho nhân dân. Vì vậy, Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22-12-2024 của Bộ Chính trị về *đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*; Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22-8-2025 của Bộ Chính trị về *đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*; Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 9-9-2025 của Bộ Chính trị về *một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân* mở ra không gian rộng lớn, định vị lại toàn bộ những vấn đề căn cốt của những lĩnh vực chủ yếu liên quan trực tiếp đến việc chăm lo phát triển toàn diện con người, đến tương lai đất nước vị thế quốc gia, đến mục tiêu cần đạt được vào năm 2045. Một điểm rất quan trọng mà Dự thảo Văn kiện trình Đại hội XIV đề cập trong nhiệm vụ xây dựng, hoàn thiện con người là cần “xây dựng, hoàn thiện con người mới Việt Nam xã hội chủ nghĩa”, tức là con người gắn kết chặt chẽ phẩm chất dân tộc (Việt Nam) với phẩm chất tiên tiến của thời đại (xã hội chủ nghĩa), chứ không phải con người chung chung. Để phát huy tối đa nhân tố con người trong kỷ nguyên mới, các chủ thể quan trọng trong sáng tạo văn hóa được mở rộng, không chỉ là đội ngũ trí thức, mà còn có những tầng lớp khác. Đảng nhấn mạnh vai trò tiên phong của các chủ thể này: “đề cao, khuyến khích vai trò tiên phong của đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ, doanh nhân và những người làm công tác văn hóa”.

Về mối quan hệ giữa xây dựng, hoàn thiện con người với xây dựng môi trường văn hóa, Nghị quyết Trung ương 5, khóa VIII mới chỉ đặt ra nhiệm vụ “xây dựng môi trường văn hóa”, Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI đề cập sâu hơn, nhấn mạnh yếu tố “lành

manh”: “xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh”; Dự thảo Văn kiện trình Đại hội XIV xác định “xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh với việc xây dựng, hoàn thiện con người mới Việt Nam xã hội chủ nghĩa”. Đó là một chủ trương nhiều điểm mới, trong đó không thể tách rời nhiệm vụ xây dựng, hoàn thiện con người với nhiệm vụ xây dựng môi trường văn hóa. Ông cha ta đã đúc kết bài học giản dị và sâu sắc có thể liên hệ với vấn đề chúng ta đề cập: “Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài”. Dự thảo Văn kiện trình Đại hội XIV nêu rõ môi trường văn hóa ở đây phải “lành mạnh, văn minh”, nghĩa là không bị vẩn đục, ô nhiễm bởi cái xấu, cái ác, cái phi văn hóa, phản văn hóa, là môi trường của nền văn hóa phát triển cao.

Về công nghệ số, chuyển đổi số, suy đến cùng, hiểu theo nghĩa rộng, công nghệ số, chuyển đổi số không chỉ là khoa học, công nghệ, cách vận hành, là động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phát triển bền vững, mà còn là văn hóa - văn hóa số. Do đó, “đẩy mạnh chuyển đổi số... phát triển và quản lý có hiệu quả thị trường sản phẩm, dịch vụ văn hóa số” tiếp tục là nhiệm vụ có tính thời sự, vừa là thời cơ vàng, vừa là thách thức lớn. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71-NQ/TW, Nghị quyết số 72-NQ/TW của Bộ Chính trị đã nêu trên, chắc chắn sẽ giải quyết được vấn đề này.

Về công nghiệp văn hóa, Đại hội XIII của Đảng chủ trương “Khẩn trương triển khai phát triển có trọng tâm, trọng điểm ngành công nghiệp văn hóa và dịch vụ văn hóa”⁽⁵⁾. Dự thảo Văn kiện trình Đại hội XIV chủ trương “Phát triển mạnh công nghiệp văn hóa, dịch vụ văn hóa”. Việt Nam có cả một kho “tài nguyên văn hóa” khổng lồ,

quý giá hơn vàng, rất nhiều lợi thế, dân số đông và trẻ, di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, di sản thiên nhiên thế giới, danh lam thắng cảnh phong phú, đặc sắc thuộc nhóm hàng đầu khu vực châu Á - Thái Bình Dương nói riêng, thế giới nói chung; công nghệ thông tin phát triển rất nhanh, hiện tại đã có 4 thành phố sáng tạo của UNESCO. Lợi thế sẽ mất đi, tiềm năng chưa phát huy được và lại tụt hậu nếu chần chừ và manh mún, vì vậy rất cần một chiến lược mới mang tính đột phá để phát triển mạnh công nghiệp văn hóa, dịch vụ văn hóa không chỉ nhằm mục đích kinh tế, mà còn nhằm mục đích xã hội, quảng bá hình ảnh và vị thế quốc gia Việt Nam ra thế giới.

Đối với văn hóa chính trị, đây là lúc không dừng lại ở việc “xây dựng văn hóa chính trị” như Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI đề cập, mà là “Chú trọng phát triển văn hóa chính trị”. Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII đã chỉ ra 27 biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Đại hội XIII của Đảng khi đề cập đến công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền của Đảng, không chỉ yêu cầu tăng cường công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức, mà còn về đạo đức. Từ phương diện lý luận, đặc biệt là từ thực trạng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị những năm qua, bước vào kỷ nguyên mới, văn hóa chính trị, mà nòng cốt là văn hóa trong Đảng, văn hóa công vụ phải có vai trò mới, lan tỏa, dẫn dắt các thành tố khác của văn hóa trong đời sống xã hội. Văn hóa chính trị đòi hỏi “khuôn vàng thước ngọc” hơn bất cứ một thành tố văn hóa nào khác, phải thấm vào trong suy nghĩ, hành động của mỗi cá nhân, vào những

quyết sách của tổ chức trong hệ thống chính trị, tất cả vì tương lai dân tộc, hạnh phúc của nhân dân theo lý tưởng, mục tiêu mà Đảng đề ra.

Từ Đại hội V của Đảng (1982), Đảng đã đặc biệt chú ý nhiệm vụ xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở. Giờ đây, thực hiện chính quyền địa phương hai cấp, chủ trương của Đảng “xây dựng các thiết chế và tổ chức các hoạt động văn hóa theo hướng thiết thực, linh hoạt, lấy địa bàn cơ sở, người dân là trung tâm” có nhiều điểm mới, rất hợp lòng dân và cũng là một cách để xây dựng thể trận lòng dân. Mặc dù Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” đã thu được những kết quả rất quan trọng, nhưng trên thực tế, cơ hội tiếp cận và mức độ hưởng thụ văn hóa giữa các vùng, miền, các tầng lớp nhân dân còn chênh lệch lớn. Nhiều nhiệm kỳ đại hội, Đảng đều đưa ra những chủ trương đúng đắn, Nhà nước cũng đã thể chế hóa những chủ trương đó thành hệ thống pháp luật, chính sách và việc tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách đó đã đạt được nhiều kết quả nổi bật. Tuy nhiên, chênh lệch trong phát triển văn hóa, giáo dục, y tế... giữa các vùng, miền, giữa các tầng lớp nhân dân vẫn chậm được thu hẹp. Đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm nhiều lần nhấn mạnh rằng “không để ai bị bỏ lại phía sau”, nên trong hoạt động văn hóa, lấy địa bàn cơ sở, người dân là trung tâm không chỉ là chủ trương, mà còn là mục đích “lấy dân làm gốc”, hướng tới việc nhanh chóng tháo gỡ điểm nghẽn về cơ chế, khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, manh mún, hiệu quả không cao, thu hút và huy động nguồn lực trong và ngoài nước để giải quyết một thực trạng đã kéo quá dài và chậm được khắc phục.

4. Tăng cường “sức đề kháng” văn hóa và đấu tranh phản bác những luận điệu xuyên tạc lịch sử, văn hóa và truyền thống cách mạng

Chúng ta từng đề cập đến chủ trương “phát huy sức mạnh mềm của văn hóa Việt Nam”⁽⁶⁾. Cùng với phát huy “sức mạnh mềm”, Dự thảo Văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng chủ trương cần tăng cường “sức đề kháng” của văn hóa, tức là tạo ra một hệ miễn dịch đặc trưng cho sức mạnh riêng có của văn hóa để linh hoạt, sáng tạo, chủ động, hiệu quả trước bối cảnh mới khi mà sự “xâm lăng” văn hóa đã và đang diễn ra lúc công khai, lúc ngấm ngầm với đủ mọi thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt có thể làm đảo lộn nhiều giá trị tốt đẹp của dân tộc, ảnh hưởng tiêu cực không chỉ đến việc xây dựng, phát triển văn hóa, con người Việt Nam, mà còn gây mất ổn định chính trị, xã hội của đất nước.

Công nghệ thông tin bùng nổ, chưa bao giờ chúng ta thấy các hình thức văn hóa lai căng, hủ lậu từ bên ngoài xâm nhập vào nước ta nhiều, nhanh, phức tạp như hiện nay, đi ngược lại những thuần phong mỹ tục của dân tộc. Trong khi đa số nhân dân nhận thức rõ đúng, sai, tác hại của nó, thì vẫn còn một bộ phận nhân dân, nhất là giới trẻ ảo ảnh, mơ hồ, bị cuốn theo những thứ không chỉ là vô bổ, mà là có hại đó. Tội phạm và tệ nạn xã hội trong giới trẻ không giảm là vì thế.

Sau ngày đất nước thống nhất, đặc biệt là trước đổi mới, những phần tử phản động, chống phá từ nước ngoài lập ra nhiều tổ chức, trong đó, có cả một số trí thức, văn nghệ sĩ từng theo cách mạng nhưng trốn ra nước ngoài, câu kết với các phần tử bất mãn trong nước đòi đa nguyên đa đảng, bóp méo, xuyên tạc không thiếu một thủ đoạn

nào, “chuyển lửa về quê nhà”, thậm chí tổ chức xâm nhập về Việt Nam để tổ chức bạo loạn nhằm lật đổ chính quyền cách mạng.

“Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”⁽⁷⁾. Để bảo vệ những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử đó, phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, cùng với nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng mà chúng ta đang tiến hành rất có kết quả; cần kiên quyết đấu tranh, phản bác những luận điệu xuyên tạc lịch sử, văn hóa và truyền thống cách mạng của dân tộc. Cùng với việc sử dụng vũ khí tư tưởng, văn hóa sắc bén để thực hiện nhiệm vụ đó, điều quan trọng nhất có lẽ là toàn Đảng, toàn dân ta cần làm cho những mục tiêu mà Đại hội XIII đã đề ra, Đại hội XIV sắp tới sẽ xác định nhanh chóng trở thành hiện thực, củng cố niềm tin vững chắc của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, vào chế độ tốt đẹp mà chúng ta đang xây dựng⁽⁸⁾□

(1), (2), (3) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 48, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2006, tr.892, 893, 892.

(4) Xem thêm Nguyễn Phú Trọng, *Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2024, tr.45.

(5), (6), (7) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.145, 145, 25.

(8) Tham luận tại Hội thảo “Những quan điểm mới của Đảng về xây dựng và phát triển văn hóa trong Dự thảo Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIV” do Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật tổ chức ngày 30-10-2025.

Nguồn: Tạp chí Văn hóa nghệ thuật.- 2025.- Số 627.- Tr.3-7.

**QUAN ĐIỂM MỚI VỀ XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN VĂN HÓA,
CON NGƯỜI VIỆT NAM
TRONG DỰ THẢO VĂN KIẾN ĐẠI HỘI XIV CỦA ĐẢNG**

PGS, TS. NGUYỄN TOÀN THẮNG
Nguyên Viện trưởng Viện Văn hóa và Phát triển
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Trên cơ sở kế thừa các luận điểm lý luận về văn hóa và con người trong thời kỳ đổi mới, nhất là Văn kiện Đại hội XIII, Dự thảo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng (gọi tắt là Dự thảo Văn kiện Đại hội XIV)⁽¹⁾ đã nêu rõ một số quan điểm lý luận mới về đường lối xây dựng, phát triển văn hóa, con người Việt Nam.

1. Dự thảo Văn kiện Đại hội XIV của Đảng đưa ra quan điểm “xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc đồng bộ trên nền tảng giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam”.

Nhằm kế thừa những thành quả cách mạng của 40 năm Đổi mới, khẳng định quyết tâm xây dựng thành công nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, Đảng ta đưa ra quan điểm mới là nhất định phải: “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc đồng bộ trên nền tảng giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam”.

Trên thực tế, động lực và nguồn lực phát triển quan trọng hàng

đầu của đất nước trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc chính là sức mạnh văn hóa, con người - sức mạnh nội sinh bên trong, với tinh thần yêu nước nồng nàn, ý chí độc lập tự cường, tự lực cánh sinh, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

Giá trị văn hóa, con người Việt Nam là nền tảng sức mạnh nội sinh quan trọng quyết định sự phát triển nhanh và bền vững. Để có được nguồn lực nội sinh văn hóa, con người Việt Nam như vậy, Dự thảo Văn kiện Đại hội XIV đưa ra quan điểm phải tiến hành “đồng bộ” quá trình “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc...”, “trên nền tảng giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam”. Đây là mối quan hệ biện chứng chặt chẽ của hệ thống các hệ giá trị, tồn tại trong nhau, chi phối tác động ảnh hưởng đến nhau trên các tầm vóc vĩ mô và vi mô. Theo đó, nhiệm vụ xây dựng *hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người Việt Nam phải gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam* trong thời kỳ mới; phải kế thừa và phát huy giá trị văn hóa và con người Việt Nam, truyền thống lịch sử của dân tộc đã được vun đắp qua lịch sử hàng nghìn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước. Đó chính là lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - Tổ quốc; lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý; đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động; sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống. Trên thực tế, các giá trị văn hóa và con người Việt Nam hàng ngàn năm qua là nền tảng tinh thần vững chắc của dân tộc, là sức mạnh nội sinh, động lực quan trọng đảm bảo cho sự phát triển nhanh và bền vững đất nước trong kỷ nguyên mới,

kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

2. Dự thảo Văn kiện Đại hội XIV của Đảng tiếp tục khẳng định quan điểm “xây dựng và phát triển toàn diện văn hóa và con người Việt Nam” với nội hàm mới

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã xác định chiến lược phát triển tầm nhìn của thế kỷ XXI. Cụ thể: đến năm 2025, nước ta sẽ là nước đang phát triển có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp; tới năm 2030, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng, sẽ là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; và đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nay là nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, nước ta sẽ trở thành nước phát triển, có thu nhập cao, theo định hướng XHCN.

Để hiện thực khát vọng đó, cần phải quan tâm tới chủ thể của phát triển, trung tâm của phát triển là con người với các chuẩn mực giá trị văn hóa cao đẹp. Do vậy, cần phải “xây dựng và phát triển toàn diện văn hóa và con người Việt Nam”. Quan điểm về xây dựng và phát triển toàn diện văn hóa và con người Việt Nam được Đảng nêu ra với ý nghĩa nội hàm mới hơn, đầy đủ hơn.

Về yêu cầu phát triển con người toàn diện, Dự thảo Văn kiện Đại hội XIV của Đảng nêu rõ: “... Phát triển toàn diện con người Việt Nam về *đạo đức, trí tuệ, ý thức dân tộc, trách nhiệm công dân, năng lực sáng tạo, thẩm mỹ, thể lực, kỹ năng sống, kỹ năng nghề nghiệp*. Xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh, văn minh gắn với xây dựng, hoàn thiện con người mới Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đề cao, khuyến khích vai trò tiên phong của đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ, doanh nhân

và những người làm công tác văn hoá...”.

Trong thời kỳ đổi mới, Đảng ta đã rất coi trọng giáo dục cho con người Việt Nam về tinh thần yêu nước, tự hào, tự tôn dân tộc, lòng nhân ái, tinh thần đoàn kết, đồng thuận xã hội, bảo vệ và phát huy các giá trị tốt đẹp, bền vững trong truyền thống văn hóa dân tộc, xây dựng, hoàn thiện các giá trị văn hóa và chuẩn mực con người Việt Nam thời đại mới phát triển toàn diện về nhân cách, đạo đức, trí tuệ, thể chất, tâm hồn, trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật, bảo vệ môi trường, năng lực đổi mới sáng tạo, khả năng làm việc trong môi trường quốc tế, thường xuyên chăm lo giáo dục đạo đức, nhân cách, năng lực sáng tạo, ý thức trách nhiệm xã hội cho các tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ. Gắn giáo dục tri thức, đạo đức, thẩm mỹ, kỹ năng sống với giáo dục thể chất, nâng cao tâm vóc của con người Việt Nam. Để “xây dựng và phát triển toàn diện văn hóa và con người Việt Nam, Dự thảo Văn kiện Đại hội XIV của Đảng đưa ra quan điểm mới là cần phải quyết tâm “xây dựng nền giáo dục quốc dân hiện đại ngang tầm khu vực và thế giới”, tích cực “đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập suốt đời, phát triển các mô hình, phương thức, phong trào học tập theo hướng đa dạng hoá, phù hợp với các đối tượng, từng địa phương. Phát huy vai trò và trách nhiệm của cả hệ thống chính trị trong việc đẩy mạnh phát triển xã hội học tập; nâng cao ý thức tự học, tự rèn luyện, tự trau dồi kiến thức, nâng cao trình độ của mọi người dân, mọi lứa tuổi”.

Một điểm mới rất đáng chú ý nữa là Dự thảo Văn kiện Đại hội XIV còn đưa ra định hướng xây dựng, phát triển giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, đội ngũ trí thức và các tầng lớp xã hội trên phạm vi

cả nước với các chuẩn mực đặc thù, đáp ứng với yêu cầu phát triển mới của đất nước trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc:

“Xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện đại, lớn mạnh về cả số lượng và chất lượng, có bản lĩnh chính trị vững vàng, giác ngộ giai cấp, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc, thực sự là giai cấp lãnh đạo sự nghiệp cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam.

Xây dựng giai cấp nông dân Việt Nam văn minh, phát triển toàn diện, có ý chí, tự lực, tự cường, khát vọng vươn lên; phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong phát triển kinh tế nông nghiệp, kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn mới.

Xây dựng và phát triển đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ Việt Nam vững mạnh toàn diện, có cơ cấu hợp lý, chất lượng cao, giàu lòng yêu nước, có nhân cách và lý tưởng cách mạng, tiêu biểu cho trí tuệ Việt Nam.

Chăm lo xây dựng phụ nữ Việt Nam thời đại mới, phát huy truyền thống, tiềm năng, thế mạnh, trí tuệ và tinh thần làm chủ, khát vọng vươn lên của phụ nữ; tích cực xây dựng gia đình Việt Nam tiến bộ, văn minh, ấm no, hạnh phúc.

Xây dựng đội ngũ doanh nhân Việt Nam lớn mạnh, có tinh thần yêu nước, trách nhiệm xã hội, ý chí tự cường dân tộc, khát vọng cống hiến, thượng tôn pháp luật, năng lực hội nhập và cạnh tranh quốc tế, góp phần phát triển đất nước phồn vinh, văn minh, hạnh phúc.

Tăng cường giáo dục thế hệ trẻ Việt Nam về lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, lòng yêu nước, tự hào dân tộc, nuôi dưỡng ước mơ, hoài bão, ý chí, khát vọng cống hiến, nêu cao trách nhiệm đối với đất

nước, xã hội.

Phát huy vai trò của *cựu chiến binh, cựu công an nhân dân* trong *giáo dục truyền thống yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng cho thế hệ trẻ*, phát huy bản chất, truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ” và truyền thống “người công an cách mệnh”.

Phát huy *trí tuệ, uy tín, kinh nghiệm của người cao tuổi* trong gia đình, cộng đồng và xã hội; bảo vệ, chăm sóc người cao tuổi, nhất là trong điều kiện già hoá dân số nhanh”

Về phát triển văn hóa một cách toàn diện, Dự thảo Văn kiện Đại hội XIV của Đảng phân tích:

“Đẩy mạnh phát triển đồng bộ các lĩnh vực văn hoá; xây dựng môi trường văn hóa, đời sống, lối sống văn hoá trong gia đình, trường học, cơ quan, đơn vị và cộng đồng dân cư. Bảo tồn và phát huy hiệu quả các giá trị di sản văn hoá gắn với phát triển kinh tế di sản.

Xây dựng, phát triển văn học, nghệ thuật xứng tầm với lịch sử văn hoá dân tộc và tầm vóc của công cuộc đổi mới. Xây dựng các thiết chế và tổ chức các hoạt động văn hoá theo hướng thiết thực, linh hoạt, lấy địa bàn cơ sở, người dân làm trung tâm. Xây dựng và phát triển nền báo chí, xuất bản, truyền thông chuyên nghiệp, nhân văn, hiện đại. Tăng cường quản lý và phát triển các loại hình truyền thông, thông tin trên nền tảng số. Xây dựng các công trình văn hoá, thể thao ngang tầm khu vực và quốc tế. Thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hoá. Chủ động, tích cực hợp tác, quảng bá hình ảnh đất nước, giá trị văn hoá và con người Việt Nam ra thế giới. Phát triển mạnh công nghiệp văn hoá, dịch vụ văn hoá đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu hưởng thụ văn hoá của nhân dân. Chú trọng

phát triển văn hoá chính trị. Phát triển văn hoá kinh doanh, văn hoá doanh nghiệp, văn hoá khởi nghiệp sáng tạo và đạo đức doanh nhân. Xây dựng văn hoá gia đình, nhà trường và xã hội nhằm bảo vệ, gìn giữ thuần phong mỹ tục, tinh thần tương thân, tương ái, đoàn kết, nghĩa tình, trọng đạo lý, kết hợp giữa truyền thống và hiện đại. Phát triển, lan toả các giá trị văn hoá và chuẩn mực đạo đức...”.

Ngày nay, để phát huy sức mạnh văn hóa, con người Việt Nam, cần phải xây dựng và triển khai kế hoạch, cơ chế và giải pháp nhằm xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống dân tộc với việc xây dựng con người, phát triển kinh tế, xã hội nhanh và bền vững. Đặc biệt chú trọng công tác giáo dục truyền thống văn hóa, lịch sử, cách mạng, bản sắc văn hóa dân tộc cho thế hệ trẻ, phát huy các nhân tố tích cực trong các tín ngưỡng, tôn giáo. Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng văn hóa doanh nghiệp, doanh nhân và kinh doanh. Xây dựng văn hóa trong kinh tế, chính trị, trong lãnh đạo, quản lý. Khuyến khích sáng tạo văn hóa mới, làm giàu bản sắc văn hóa Việt Nam. Xây dựng các cơ chế, chính sách phát huy tinh thần cống hiến vì đất nước phồn vinh, hạnh phúc của mọi người Việt Nam.

3. Dự thảo Văn kiện Đại hội XIV nhấn mạnh quan điểm “Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, khát vọng xây dựng đất nước phồn vinh, văn minh, hạnh phúc. Phát huy có hiệu quả giá trị văn hoá và tinh thần cống hiến của con người Việt Nam, để văn hoá thực sự trở thành nguồn lực nội sinh, động lực và hệ điều tiết phát triển đất nước”

Nhận thức mới của Đảng về vai trò của văn hoá, con người trong

xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa chính là việc khẳng định: *Văn hoá, con người là nền tảng, nguồn lực, sức mạnh nội sinh và là động lực to lớn, hệ điều tiết sự phát triển xã hội bền vững.*

Cơ sở để xác định văn hóa, con người là nền tảng, nguồn lực, sức mạnh nội sinh, động lực to lớn, *hệ điều tiết* cho sự phát triển xã hội bền vững, bao gồm những luận điểm sau đây:

Một là, căn cứ vào vị trí, vai trò nền tảng của văn hoá trong định hình tư tưởng, tình cảm, kiểu tư duy, đạo đức lối sống, hành vi và các giá trị cốt lõi của phát triển con người. Văn hoá là sự kết tinh sức mạnh tinh thần của dân tộc, là hệ giá trị, chuẩn mực xã hội, là nơi lưu giữ, cất giấu tri thức, kinh nghiệm và những giá trị truyền thống qua nhiều thế hệ. Những giá trị này là cơ sở định hình kiểu tư duy, “sức nghĩ” của con người trong hành động, tương tác và giải quyết vấn đề. Văn hoá là nguồn lực nội sinh của sự phát triển, là động lực thúc đẩy sự phát triển từ nội tại bên trong. Những đặc trưng văn hoá như lý tưởng cao đẹp, khát vọng chân chính sáng ngời, tinh thần đam mê sáng tạo, hiếu học, cần cù, kiên nhẫn, vượt khó, đổi mới sẽ trực tiếp đóng góp vào sự phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội.

Hai là, thực tiễn lịch sử loài người hàng trăm năm qua đã chứng minh rõ về vai trò nền tảng của văn hoá trong sự phát triển của nhiều quốc gia, dân tộc. Văn hoá là nguồn lực tinh thần mạnh mẽ, giúp cho các quốc gia dân tộc vượt qua mọi khó khăn, thử thách, xây dựng sự đoàn kết cộng đồng và xã hội. Văn hoá là động lực, nguồn lực trực tiếp cho tăng trưởng kinh tế, là *sức mạnh mềm* có vai trò khai mở các khả năng giao lưu, kết nối, thúc đẩy sự phát triển kinh tế, hội nhập quốc tế.

Văn hoá còn là *hệ điều tiết* các mối quan hệ xã hội, gợi dẫn ý tưởng trị nước, an dân, hóa giải xung đột, tạo ra sự cân bằng trong đời sống. Văn hoá có tác dụng định hướng sự phát triển nhanh và bền vững.

Ba là, thực tiễn phong phú trong gần 40 năm đổi mới trên đất nước ta đã chứng minh nổi bật về hiệu quả phát huy nguồn lực văn hoá, con người trong phát triển kinh tế, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh, đối ngoại..., đặc biệt trong nhiệm kỳ Đại hội XIII, khi mà đất nước ta đã vượt qua thách thức của đại dịch COVID-19, vượt lên khó khăn để hồi phục kinh tế một cách nhanh chóng, khẳng định vị thế của đất nước trên bản đồ chính trị toàn cầu.

Bốn là, từ tổng kết bài học kinh nghiệm từ thực tiễn và lý luận trong gần 40 năm đổi mới cho thấy, văn hoá đã thực sự khơi dậy lòng yêu nước, ý chí tự lực, tự cường và khát vọng vươn lên của con người Việt Nam, quyết tâm tiến hành sự nghiệp đổi mới đạt được nhiều thành tựu to lớn.

Yêu cầu phát triển của đất nước trong kỷ nguyên mới (xác lập mô hình tăng trưởng mới, nâng cao chất lượng tăng trưởng, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập quốc tế, yêu cầu phát triển nhanh và bền vững đất nước), đòi hỏi dứt khoát phải có nguồn lực nội sinh văn hóa, con người mới - nguồn nhân lực chất lượng cao. Một nền giáo dục quốc dân hiện đại, hội nhập sẽ đào tạo ra những thế hệ công dân mới, có tri thức, kỹ năng và phẩm chất đáp ứng yêu cầu phát triển mới của đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc từ sớm, từ xa.

4. Dự thảo Văn kiện Đại hội XIV khẳng định quan điểm “phát triển, lan toả các giá trị văn hoá và chuẩn mực đạo đức; tăng cường “sức đề kháng” của văn hoá, chống lại mọi sự “xâm lăng” về văn

hoá; bài trừ các hình thức văn hoá lai căng, hủ lậu ảnh hưởng đến thuần phong mỹ tục; đấu tranh, phản bác những luận điệu xuyên tạc lịch sử, văn hoá và truyền thống cách mạng”

Để phát triển mạnh mẽ văn hoá, con người Việt Nam trong điều kiện toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế và chuyên đổi số, cần phải vừa bảo vệ và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, nhất là các giá trị văn hoá truyền thống và cách mạng, vừa phải đấu tranh chống các khuynh hướng lai căng, học tập giáo điều, máy móc về văn hoá, chống lại sự xâm lăng văn hóa từ bên ngoài. Đồng thời, cũng phải khiêm tốn học hỏi, tiếp thu tinh hoa giá trị văn hoá nhân loại để xây dựng, phát triển văn hóa, con người Việt Nam trong xã hội hiện đại ngày nay.

Việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc là cực kỳ quan trọng để khẳng định bản sắc, chống xâm lăng văn hoá, đồng thời tạo ra sự khác biệt và lợi thế cạnh tranh cho đất nước.

Trong quá trình xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, cần phải chú trọng *giá trị cốt lõi là làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của xã hội*, cũng chính là quá trình xây dựng con người, phát huy tối đa nhân tố con người, thực hiện chiến lược con người ở Việt Nam.

5. Dự thảo Văn kiện Đại hội XIV nêu lên quan điểm mới cần đặc biệt chú trọng là: “xây dựng văn hoá gia đình, nhà trường và xã hội nhằm bảo vệ, gìn giữ thuần phong mỹ tục, tinh thần tương thân, tương ái, đoàn kết, nghĩa tình, trọng đạo lý, kết hợp giữa truyền thống và hiện đại”

Gia đình, nhà trường và xã hội là ba lĩnh vực quan trọng gắn kết với nhau trong “nền giáo dục quốc dân toàn diện ngang tầm khu vực và thế giới” mà Dự thảo Văn kiện Đại hội XIV đã nhấn mạnh.

Để phát triển văn hóa, con người nhất thiết phải có sự phối hợp chặt chẽ và đồng bộ của gia đình, nhà trường và xã hội. Từ đó mới có thể kết nối truyền thống với xã hội hiện đại và hướng tới tương lai, ngăn ngừa hiện tượng “đứt gãy” văn hóa.

6. Dự thảo Văn kiện Đại hội XIV nêu quan điểm “Nâng cao đời sống văn hoá, thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hoá giữa các vùng, miền, giữa các tầng lớp nhân dân; chú trọng phát triển văn hoá vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Khuyến khích tìm tòi, xây dựng và phát triển sáng tạo những mô hình, thiết chế văn hoá, thể thao và quản lý văn hoá có hiệu quả”

Đây là chủ trương lớn, có ý nghĩa chiến lược nhằm xây dựng phát triển đời sống văn hóa hài hòa giữa các dân tộc, vùng miền trong cả nước. Để thực hiện thành công vấn đề này, cần có sự đổi mới là “... chú trọng phát triển văn hoá vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Khuyến khích tìm tòi, xây dựng và phát triển sáng tạo những mô hình, thiết chế văn hoá, thể thao và quản lý văn hoá có hiệu quả”⁽²⁾□

(1) Các trích dẫn từ Dự thảo Văn kiện Đại hội XIV của Đảng.

(2) Tham luận tại Hội thảo “Những quan điểm mới của Đảng về xây dựng và phát triển văn hóa tại Dự thảo Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIV” do Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật tổ chức ngày 30-10-2025.

Nguồn: Tạp chí Văn hóa nghệ thuật.- 2025.- Số 624.- Tr.14-17.

**MỘT SỐ MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA
GIAI ĐOẠN 2021 - 2030, HƯỚNG TỚI
PHÁT HUY HIỆU QUẢ NGUỒN LỰC VĂN HÓA
TRONG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐẤT NƯỚC**

PGS, TS. NGUYỄN THỊ PHƯƠNG CHÂM
**Viện trưởng Viện Nghiên cứu văn hóa,
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam**

Văn hóa bao gồm tổng thể các yếu tố văn hóa vật thể, phi vật thể, các ngành công nghiệp văn hóa và sáng tạo, môi trường văn hóa, hoạt động văn hóa, sự hưởng thụ văn hóa,... không chỉ đóng vai trò quan trọng trong việc đem lại sự phát triển kinh tế bao trùm, giúp xóa đói, giảm nghèo, tạo ra sự thịnh vượng về mặt kinh tế, mà còn là nền tảng gắn kết xã hội, bảo đảm sự phát triển bình đẳng, nhân văn, có bản sắc và bền vững. Do đó, trong bối cảnh hiện nay, cần xác định rõ các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển văn hóa giai đoạn 2021 - 2030 để văn hóa thực sự trở thành nguồn lực nội sinh cho quá trình phát triển đất nước.

Phát triển văn hóa

Phát triển văn hóa với tư cách là một khái niệm khoa học mới phổ biến trong những năm gần đây, dù trước đó cách nhìn nhận *văn hóa và phát triển, văn hóa trong phát triển, văn hóa với phát triển* đã khá quen thuộc. Tuy vậy, dù không gọi đúng tên thuật ngữ là “phát

triển văn hóa” song vấn đề này đã được đề cập đến ngay khi miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội và được đẩy mạnh hơn sau khi đất nước thống nhất (năm 1975). Khi đó, chúng ta nêu cao tinh thần xây dựng nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa, phát triển văn hóa mới trong sự bài trừ những gì được xem là văn hóa cũ, gắn với thực dân, phong kiến, ví như xóa bỏ mê tín dị đoan, hạn chế những phong tục, tập quán lạc hậu, đưa tinh thần cách mạng vào các thực hành văn hóa,...

Từ năm 1986, trong tinh thần đổi mới chung của toàn xã hội, Đảng đã xác định văn hóa là nhu cầu thiết yếu của đời sống con người, thể hiện trình độ phát triển chung của đất nước, là lĩnh vực sản xuất tinh thần, tạo ra các giá trị, sản phẩm làm giàu đẹp cuộc sống. Quan điểm này đưa đến nhận thức rõ nét về sự gắn bó mật thiết của văn hóa với mọi mặt đời sống và sự phát triển của văn hóa là thước đo sự phát triển chung của đất nước. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII “*Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*” đã khẳng định văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội. Hàm nghĩa phát triển văn hóa ở đây được thể hiện rõ hơn, phát triển nền văn hóa tiên tiến vừa tiếp thu được tinh hoa văn hóa thế giới, vừa giữ được bản sắc văn hóa dân tộc.

Tiếp đó, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa XI “*Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*” nhấn mạnh, xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn

hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước. Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội. Đại hội XII của Đảng cũng nhấn mạnh quan điểm văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, sức mạnh nội sinh hun đúc nên phẩm chất, cốt cách con người Việt Nam trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước; khẳng định cần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong bối cảnh kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Phát triển văn hóa là thúc đẩy sức mạnh nội sinh, đưa văn hóa vào trung tâm của quá trình phát triển phù hợp với bối cảnh mới, văn hóa phải gắn kết chặt chẽ với quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

Trên tinh thần đó, hiện nay khái niệm phát triển văn hóa đã trở nên phổ biến với cách hiểu rộng hơn và những ý nghĩa sâu sắc hơn. Phát triển văn hóa với ý nghĩa hướng đến sự phát triển toàn diện. Nếu phát triển kinh tế mà bỏ qua văn hóa sẽ dẫn đến sự mất ổn định, thậm chí là khủng hoảng xã hội. Chính vì vậy, sự gắn kết văn hóa với phát triển kinh tế sẽ đưa đến sự phát triển đa chiều, toàn diện và bền vững. Không thể có sự phát triển xã hội đúng nghĩa nếu không có phát triển văn hóa và phát triển vì mục tiêu văn hóa.

Mục tiêu phát triển văn hóa giai đoạn 2021 - 2030

Phát triển văn hóa là một nhiệm vụ chiến lược lớn hướng đến các mục tiêu căn bản là phát triển xã hội. Trong giai đoạn 2021 - 2030, các mục tiêu căn bản cần tiếp tục thực hiện là:

Thứ nhất, nâng cao nhận thức về văn hóa, nhìn nhận văn hóa

trong sự đa dạng, công bằng, văn hóa có mặt trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Nêu cao tinh thần phát triển từ văn hóa, vì mục tiêu văn hóa và đưa tinh thần đó thấm nhuần vào trong các thực hành xã hội và trong các chính sách. Kế thừa và phát huy giá trị văn hóa của các tộc người và vận hành các giá trị văn hóa đó để trở thành nguồn lực quan trọng trong phát triển kinh tế, chính trị, ngoại giao cho đất nước.

Thứ hai, xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong thời kỳ mới. Xây dựng nền văn hóa vừa hội nhập tốt với thế giới, vừa đề cao được bản sắc văn hóa dân tộc, xây dựng nền văn hóa tiên tiến trên nền tảng vững chắc của văn hóa truyền thống 54 dân tộc và lòng tự hào về văn hóa các dân tộc trên đất nước Việt Nam.

Thứ ba, xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện đáp ứng tốt nhu cầu nguồn nhân lực cho phát triển đất nước thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, kiên định lập trường chính trị, tư tưởng, có trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng lực sáng tạo tốt, có trách nhiệm, tuân thủ pháp luật, có lòng yêu nước, tự hào dân tộc, có tính nhân văn, lối sống văn hóa, khoan dung.

Thứ tư, tiếp tục xây dựng văn hóa trong kinh tế và chính trị, đầu tư cho văn hóa ngang hàng với đầu tư cho kinh tế, đưa văn hóa thấm sâu vào từng quy trình sản xuất, kinh doanh, từng sản phẩm kinh tế. Văn hóa phải trở thành yếu tố bên trong giúp định vị cơ cấu và vận hành hệ thống chính trị.

Thứ năm, xây dựng văn hóa trở thành hệ điều tiết để góp phần

ổn định xã hội. Tạo dựng môi trường văn hóa lành mạnh từ trong gia đình, cộng đồng đến ngoài xã hội, trong đó mỗi cá nhân ý thức được về hành vi của mình luôn nằm trong những ràng buộc về đạo đức, nhân cách và trách nhiệm với cộng đồng và xã hội. Tăng cường sức mạnh của hệ điều tiết này bằng những chuẩn mực xã hội, dư luận cộng đồng do chính người dân xây dựng, duy trì và thực hiện thường xuyên. Một xã hội được điều tiết bởi văn hóa chắc chắn là một xã hội hài hòa và phát triển toàn diện.

Thứ sáu, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa và thực hiện văn hóa pháp luật trong toàn xã hội, đưa các hoạt động văn hóa đi vào chiều sâu, chú ý đến tính hiệu quả, tránh hình thức, bề nổi. Cần xây dựng văn hóa pháp luật và đưa văn hóa pháp luật thấm sâu vào lối sống, nếp suy nghĩ và hành vi của mỗi người dân, bảo đảm mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, vì vậy chính những cơ quan làm ra luật, và những người thực thi pháp luật cần thực hiện tốt văn hóa pháp luật.

Thứ bảy, nâng tầm hội nhập quốc tế về văn hóa, vừa tiếp nhận được tinh hoa văn hóa thế giới, bắt kịp sự phát triển của thời đại, vừa giữ gìn và làm giàu bản sắc văn hóa. Xác định bản sắc văn hóa dân tộc là cơ sở cốt lõi bảo đảm cho sự giao lưu văn hóa và hội nhập quốc tế được bền vững và không bị hòa tan.

Thứ tám, xây dựng và hoàn thiện thị trường văn hóa lành mạnh, phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, công nghiệp sáng tạo, gia tăng sức mạnh mềm văn hóa trong đối thoại kinh tế, chính trị, ngoại giao,...

Thứ chín, nghiên cứu toàn diện và bài bản về văn hóa, cả nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng, cả nghiên cứu lý luận và nghiên cứu thực tế để nhận diện rõ giá trị văn hóa, quá trình phát triển và biến đổi văn hóa cùng những vấn đề đặt ra, từ đó tạo cơ sở khoa học cho việc hoạch định hệ thống chính sách liên quan.

Nhiệm vụ phát triển văn hóa giai đoạn 2021 - 2030

Về nâng cao nhận thức văn hóa

Thứ nhất, cần hiểu văn hóa theo nghĩa rộng là tất cả những gì con người *có*, con người *nghe* và con người *làm*, điều đó có nghĩa văn hóa có mặt trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, từ kinh tế đến chính trị, ngoại giao, từ các hoạt động khai thác tự nhiên đến sản xuất, tiêu dùng,... Văn hóa không tách bạch mà gắn kết chặt chẽ với đời sống xã hội nên bất cứ hoạt động sống nào của con người cũng có văn hóa và cũng là văn hóa. Cách hiểu văn hóa như vậy cần được thống nhất và phổ biến rộng rãi ở tất cả các cấp, các ngành và toàn xã hội, có hiểu văn hóa như vậy mới có được sự nhìn nhận văn hóa trong sự công bằng, không định kiến và coi trọng tất cả các chủ thể văn hóa.

Thứ hai, mở rộng tuyên truyền để xã hội nhận thức rõ vai trò động lực của văn hóa trong phát triển ở chiều sâu của vấn đề này. Động lực ấy đến từ những thực hành văn hóa hằng ngày, từ đời sống tinh thần, thực hành tín ngưỡng, vui chơi giải trí, thưởng thức nghệ thuật,... mà động lực không phải chỉ xuất hiện ở những khẩu hiệu hay sự hô hào hình thức.

Thứ ba, khai thác tối đa nguồn lực văn hóa trong phát triển.

Nguồn lực văn hóa rất đa dạng, như các di tích khảo cổ học, các di tích lịch sử, văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo, các quần thể kiến trúc văn hóa, hệ thống các bảo tàng, hệ thống các cảnh quan văn hóa đặc trưng, các loại hình nhà ở truyền thống, lễ hội, phong tục, tập quán, ẩm thực, trang phục, các sinh hoạt nghệ thuật, đời sống văn hóa làng, bản, buôn, các loại hình tri thức dân gian,... của 54 tộc người trên cả nước. Các ngành, nhất là ngành văn hóa cần xác định đúng và đưa nguồn lực này vận hành linh hoạt trong các chiến lược phát triển chung và chiến lược phát triển cụ thể của từng lĩnh vực, như du lịch văn hóa, ngoại giao văn hóa,...

Thứ tư, nhìn nhận đúng vai trò của sự đa dạng văn hóa, coi đa dạng văn hóa là nguồn lực quan trọng trong phát triển, là mạch nguồn giúp các tộc người có được bản lĩnh và sự chủ động trong bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa trong quá trình giao lưu, hội nhập, tiếp biến văn hóa hiện nay.

Về nghiên cứu toàn diện và bài bản về văn hóa

Đẩy mạnh nghiên cứu chuyên sâu, nghiêm túc và bài bản trên cả phương diện lý luận và thực tiễn về văn hóa. Đây cũng là yêu cầu cấp thiết đặt ra đối với ngành nghiên cứu văn hóa, quản lý văn hóa trong việc bảo đảm mối liên kết hiệu quả giữa kết quả nghiên cứu cơ bản và việc tư vấn chính sách. Chuyên hóa tốt nhất các kết quả nghiên cứu thành các chính sách, chương trình hành động phù hợp và hiệu quả. Nghiên cứu cần đi trước một bước để tạo ra các tiền đề lý luận và thực tiễn cho việc triển khai các công tác văn hóa. Đầu tư hiệu quả và thường xuyên hơn cho nghiên cứu cơ bản, khuyến khích những nghiên

cứu phản biện chính sách một cách khách quan và thẳng thắn, chỉ ra những nút thắt, những điểm nghẽn cần tháo gỡ để các chính sách văn hóa đi vào cuộc sống. Đầu tư thích đáng hơn nữa cho công tác đào tạo đội ngũ các nhà nghiên cứu văn hóa, tạo ra đội ngũ có chuyên môn nghiệp vụ cao trong nghiên cứu, sáng tạo bằng nghề và tâm huyết với nghề. Nghiên cứu, tiếp thu và ứng dụng các lý thuyết nghiên cứu văn hóa, các kinh nghiệm quản lý văn hóa trên thế giới vào thực tế Việt Nam, tăng cường quảng bá văn hóa Việt Nam ra thế giới.

Về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong thời kỳ mới

Thứ nhất, rèn luyện bản lĩnh văn hóa trên cơ sở thấm nhuần các giá trị văn hóa truyền thống và bản sắc văn hóa, chủ động tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, làm giàu thêm văn hóa Việt Nam, hạn chế tối đa những mặt trái của quá trình hội nhập quốc tế về văn hóa. Nhìn nhận đa chiều và chính xác để có các giải pháp thích hợp, hiệu quả trong việc phát huy những giá trị văn hóa truyền thống.

Thứ hai, khắc phục cách nhìn nhận văn hóa một chiều, đứng yên và tạo dựng giá trị theo khuôn mẫu định sẵn mà thay vào đó, cần nhìn nhận đúng đặc tính luôn vận động, biến đổi và linh hoạt của văn hóa cũng như sự gắn kết chặt chẽ giữa văn hóa với bối cảnh, điều kiện chính trị, kinh tế, xã hội. Từ đó, nhìn nhận rõ sự bất cập, chủ quan, áp đặt và những hệ lụy không mong muốn khi định hình các giá trị văn hóa theo khuôn mẫu cứng nhắc.

Thứ ba, giữ gìn, duy trì và làm giàu bản sắc văn hóa của tất cả

các tộc người trên đất nước, không phân biệt là dân tộc đa số hay thiểu số, dân tộc thiểu số có số dân đông hay số dân ít. Khi hoạch định và triển khai chính sách, cần hết sức tránh việc dùng một mô hình (chính sách, tiêu chí, chỉ tiêu,...) áp cho tất cả các dân tộc, các vùng, miền, tránh tối đa nguy cơ đưa đến sự đồng dạng/đồng nhất văn hóa. Tôn trọng giá trị văn hóa, bản sắc văn hóa cũng như các thực hành văn hóa khác nhau của từng vùng, miền, từng tộc người, xem đó là sự giàu có, là lợi thế trong xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.

Về xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện

Thứ nhất, ưu tiên tối đa các nguồn lực để xây dựng con người Việt Nam toàn diện ở các phương diện thể lực, trí lực, kỹ năng sống, đạo đức, nhân cách, lối sống, tâm hồn, năng lực làm việc, tôn trọng pháp luật. Bồi dưỡng nhân cách con người luôn là nhiệm vụ khó khăn và lâu dài nên cần có sự kiên nhẫn, nỗ lực hợp tác giữa các cá nhân, các cấp, ngành quản lý, các cơ sở đào tạo và cả xã hội.

Thứ hai, nhận diện rõ và khắc phục tối đa tình trạng suy thoái về tư tưởng, xuống cấp về đạo đức, tha hóa về lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân, lấy lại niềm tin trong xã hội. Cần phát hiện và xử lý nghiêm những vi phạm liên quan đến tha hóa đạo đức, lối sống, gây hậu quả cho xã hội để răn đe và làm trong sạch đời sống xã hội.

Thứ ba, tiếp tục đổi mới giáo dục ở tất cả các cấp học và các môi trường giáo dục khác nhau. Kết hợp nhuần nhuyễn giữa giáo dục kiến

thức khoa học với giáo dục tư tưởng, nhân cách, bồi dưỡng tâm hồn, lối sống cho người học, minh bạch trong việc dạy và học, chống lại các tiêu cực trong ngành giáo dục, xây dựng môi trường giáo dục trong sạch, lành mạnh. Công tác giáo dục, nhất là trau dồi, bồi dưỡng về văn hóa cần được xác định không phải là nhiệm vụ của riêng ngành giáo dục hay ngành văn hóa mà là trách nhiệm của cả xã hội. Giảm dần sự chênh lệch trong giáo dục, chăm lo sức khỏe, trong sáng tạo và hưởng thụ văn hóa giữa các vùng, miền, các tộc người. Tránh các gánh nặng về giáo dục, y tế cho các khu vực đô thị, trung tâm. Thực hiện đầy mạnh xã hội hóa về giáo dục.

Thứ tư, làm rõ hệ giá trị con người Việt Nam trong các giai đoạn lịch sử khác nhau và hệ giá trị con người Việt Nam hiện nay. Nhận diện rõ các xu hướng biến đổi văn hóa trong xã hội để kịp thời có định hướng hợp lý, tránh chiều hướng tiêu cực, hoang mang, thậm chí mất phương hướng của một bộ phận người dân. Các bài học về giá trị con người, giá trị xã hội, giá trị văn hóa cần được chuyển tải một cách sinh động, thiết thực hằng ngày để lan tỏa sâu rộng và thường xuyên trong xã hội. Tạo dựng giá trị văn hóa, bồi đắp tính nhân văn cho con người trên cơ sở nhìn nhận con người cần có sự hài hòa giữa ba mối quan hệ cơ bản là quan hệ giữa con người với tự nhiên, với xã hội, với chính bản thân và vận hành các mối quan hệ này trên nền tảng nhân văn. Xây dựng cơ chế để lan tỏa những giá trị, những hành vi tốt đẹp, những gương người tốt, việc tốt để nêu gương và trau dồi văn hóa ứng xử của mọi người dân, đưa văn hóa thấm sâu vào đời sống xã hội, hướng con người tới mục đích nhân văn và sự phát triển toàn diện.

Thứ năm, phát triển con người cần gắn với chăm lo và đề cao văn hóa gia đình, bởi gia đình là môi trường quan trọng tạo dựng và bồi dưỡng nhân cách, đạo đức, lối sống, thể lực, trí lực cho con người. Tiếp tục thực hiện hiệu quả chính sách cải cách tiền lương và bảo hiểm cho công chức, viên chức, người lao động, gia tăng nguồn lực đầu tư và đẩy mạnh hiệu quả của hệ thống an sinh xã hội để chăm lo tốt hơn cho con người.

Về xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế

Thứ nhất, đẩy mạnh việc triển khai các hoạt động cụ thể để đưa văn hóa trở thành một trụ cột trong phát triển bền vững, tránh hô khẩu hiệu chung chung, hình thức. Văn hóa cần được xác định là một trụ cột bên cạnh kinh tế, môi trường, xã hội trong phát triển bền vững.

Thứ hai, đề cao văn hóa, đạo đức trong cơ cấu và vận hành hệ thống chính trị, chống suy thoái đạo đức, lối sống, chống tham nhũng, hối lộ, làm ăn phi pháp, làm giàu bất chính, cơ hội trong chính trị, gian lận trong học hành, chạy theo bằng cấp, chạy chức, chạy quyền, chạy danh lợi, chạy tội...

Thứ ba, xây dựng văn hóa lãnh đạo, văn hóa từ chức, văn hóa trọng dân, văn hóa trọng pháp, đề cao lòng tự trọng và tinh thần dám chịu trách nhiệm cá nhân trong đội ngũ lãnh đạo. Chỉ như vậy người dân mới tin tưởng vào đội ngũ lãnh đạo và sự minh bạch trong công tác lãnh đạo.

Thứ tư, đầu tư cho văn hóa phải tương xứng với đầu tư cho kinh tế, khắc phục quan điểm coi văn hóa là kết quả thụ động của kinh tế,

là yếu tố đi sau kinh tế, phụ thuộc hoàn toàn vào trình độ phát triển kinh tế. Nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam đã trả giá cho sự ưu tiên hàng đầu cho phát triển kinh tế để rồi phải trả giá quá đắt về văn hóa và môi trường. Vì vậy, cần phát triển đồng bộ cả kinh tế và văn hóa, nâng cao hàm lượng văn hóa trong các sản phẩm kinh tế.

Thứ năm, khai thác tối đa nguồn lực văn hóa cho phát triển kinh tế. Thực tế hiện nay, nguồn thu từ du lịch văn hóa, du lịch tâm linh, từ thực hành tôn giáo, tín ngưỡng, lễ hội, từ các loại hình dịch vụ văn hóa ngày càng tăng, đóng góp đáng kể vào sự phát triển kinh tế. Song nhìn tổng thể, việc khai thác nguồn lực văn hóa trong phát triển ở nước ta vẫn chưa tương xứng với tiềm năng. Do đó, cần có cơ chế, chính sách để nâng cao hiệu quả việc phát huy nguồn lực văn hóa nước ta hiện nay.

Về xây dựng văn hóa trở thành hệ điều tiết góp phần ổn định xã hội

Cần nhìn nhận rõ vai trò điều tiết của văn hóa trong xã hội. Nâng cao chất lượng, hiệu quả các cuộc vận động văn hóa, phong trào văn hóa. Phát huy các giá trị tích cực trong văn hóa tôn giáo, tín ngưỡng, khuyến khích các hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng gắn bó với dân tộc, hướng thiện. Xây dựng, hoàn thiện các thiết chế văn hóa, đồng thời nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa, tạo điều kiện để nhân dân chủ động tổ chức các hoạt động văn hóa cộng đồng. Bảo vệ và phát huy những giá trị của tri thức dân gian. Nhận diện giá trị, bảo vệ và vận hành những tri thức này một cách hợp lý chắc chắn sẽ mang lại những hiệu quả to lớn cho việc xây dựng môi

trường văn hóa.

Xây dựng và hoàn thiện thể chế văn hóa. Gia tăng kinh phí đầu tư cho văn hóa nói chung và cho các hoạt động nghệ thuật nói riêng. Chăm lo quyền lợi và năng lực sáng tạo của các văn nghệ sĩ, trí thức, các nghệ nhân.

Về nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa và thực hiện văn hóa pháp luật trong toàn xã hội

Coi trọng và đầu tư đúng mức cho các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị các di sản văn hóa phi vật thể. Xây dựng và triển khai hiệu quả các chính sách khuyến khích hoạt động nghiên cứu, sưu tầm, bảo quản, truyền dạy và giới thiệu di sản văn hóa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, đẩy mạnh công tác tôn vinh, phong tặng danh hiệu nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú, đi cùng với chính sách đãi ngộ đối với nghệ nhân, nghệ sĩ nắm giữ và có công truyền dạy, phổ biến di sản văn hóa. Đầu tư và khai thác hiệu quả các bảo tàng, thư viện, nhất là đầu tư vào công tác trưng bày, trang thiết bị kỹ thuật, bảo quản tài liệu, nghiên cứu và trao đổi tư liệu, phát triển văn hóa đọc,... thu hút người xem và tạo giá trị kinh tế.

Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động văn hóa, có chính sách khuyến khích, ưu đãi các doanh nghiệp, các tổ chức, nhà tài trợ đầu tư vào lĩnh vực văn hóa, nhất là ở các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo. Xây dựng văn hóa pháp luật và đưa văn hóa pháp luật thấm sâu vào lối sống, nếp suy nghĩ và hành vi của mỗi người dân, bảo đảm mọi người đều bình đẳng trước pháp luật.

Nâng cao trình độ văn hóa pháp luật và năng lực pháp lý thực tiễn của người dân.

Về xây dựng và hoàn thiện thị trường văn hóa, phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, công nghiệp sáng tạo

Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức của xã hội về thị trường văn hóa, công nghiệp văn hóa, công nghiệp sáng tạo. Nhanh chóng hoàn thiện các cơ chế, chính sách, tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho sự phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, công nghiệp sáng tạo, các sản phẩm, dịch vụ văn hóa. Củng cố, nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác bảo vệ quyền tác giả với các sản phẩm văn hóa. Đẩy mạnh đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chuyên nghiệp cho các ngành công nghiệp văn hóa. Nâng cao năng lực sản xuất và sáng tạo các sản phẩm, dịch vụ văn hóa có chất lượng cao tham gia vào thị trường công nghiệp văn hóa trong nước và quốc tế.

Xây dựng và phát triển thị trường sản phẩm dịch vụ văn hóa đúng nghĩa ở trong nước và nước ngoài, hỗ trợ và đồng hành cùng các doanh nghiệp trong quá trình tham gia và phát triển thị trường, nhất là thị trường quốc tế. Xây dựng và triển khai các chương trình quảng bá thương hiệu sản phẩm, dịch vụ văn hóa, thương hiệu doanh nghiệp văn hóa Việt Nam bằng nhiều cách, cả trực tiếp, gián tiếp và nhất là quảng bá trên các nền tảng truyền thông mới.

Về hội nhập quốc tế về văn hóa

Khuyến khích người dân chủ động tham gia vào quá trình hội nhập quốc tế, mỗi người dân là một “đại sứ văn hóa” dù ở trong nước

hay nước ngoài. Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ văn hóa, đặc biệt về chuyên môn, ngoại ngữ... nhằm đáp ứng được yêu cầu hội nhập quốc tế về văn hóa ngày càng sâu rộng hiện nay. Cần có sự phối hợp chặt chẽ và đồng bộ giữa các ngành để mở rộng phạm vi, đối tượng và các lĩnh vực hợp tác. Xây dựng chiến lược đầu tư trọng điểm các hoạt động giao lưu hội nhập văn hóa quốc tế nhằm quảng bá văn hóa Việt Nam ra nước ngoài. Đẩy mạnh xuất khẩu văn hóa trực tiếp và gián tiếp (qua các kênh ngoại giao, xuất khẩu các sản phẩm kinh tế). Nghiên cứu kỹ thị trường, kết hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, ban, ngành liên quan giúp nâng cao hiệu quả xuất khẩu văn hóa. Bồi dưỡng, rèn luyện bản lĩnh văn hóa, xây dựng nền tảng văn hóa dân tộc vững chắc nhằm tạo ra “bộ lọc” tốt nhất trong tiếp nhận các luồng văn hóa nhập khẩu, đẩy lùi xu hướng quá đề cao văn hóa nước ngoài, xa rời dân văn hóa dân tộc. Nâng cao hiệu quả công tác truyền thông về giao lưu hội nhập văn hóa nhằm làm rõ những cơ hội và thách thức của giao lưu, hội nhập văn hóa quốc tế trong phát triển, làm giàu văn hóa Việt Nam. Xây dựng và phát triển những sản phẩm, loại hình văn hóa đa dạng, độc đáo, mang đậm bản sắc văn hóa của các vùng, miền, các tộc người ở Việt Nam. Xây dựng và phát triển các trung tâm văn hóa Việt Nam tại nước ngoài làm cầu nối hiệu quả cho các hoạt động hợp tác, giao lưu, quảng bá văn hóa, hoàn thiện chính sách hội nhập quốc tế về văn hóa, triển khai tốt các cam kết, thỏa thuận quốc tế về văn hóa□

Nguồn: Tạp chí Cộng sản.- 2021.- Số 961.- Tr.10-16.

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

VỀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, TUYÊN TRUYỀN VÀ GIÁO DỤC CHO ĐỒNG BÀO CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ

TS. NGUYỄN DƯƠNG HÙNG

Học viện Chính trị quốc gia
Hồ Chí Minh

ThS. ĐỖ QUỲNH HOA

Đại học Công nghệ thông tin và
Truyền thông, ĐH Thái Nguyên

Tóm tắt: Bài viết tập trung làm rõ quan điểm của Hồ Chí Minh về phát triển văn hóa, tuyên truyền và giáo dục, nâng cao dân trí các dân tộc thiểu số - từ đó, khuyến nghị một số vấn đề mang tính phương pháp luận trong phát triển văn hóa, tuyên truyền và giáo dục, nâng cao dân trí các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam nói chung, các dân tộc thiểu số nói riêng hiện nay.

Từ khóa: Hồ Chí Minh; Phát triển văn hóa; Tuyên truyền và giáo dục; Dân tộc thiểu số; Việt Nam.

1 ● Là một quốc gia thống nhất đa dân tộc, mỗi dân tộc lại có một chiều dài lịch sử phát triển, có bản sắc văn hóa riêng nên việc chú ý đến đặc thù này luôn được Nhà nước Việt Nam - từ lịch sử đến hiện đại - quan tâm đặc biệt. Là người đứng đầu Nhà nước Việt Nam, trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng của mình, Hồ Chí Minh luôn chú ý đến vấn đề dân tộc, chú ý phát triển văn hóa, tuyên truyền và giáo dục nâng cao dân trí cho các dân tộc trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam, nhất là các dân tộc thiểu số; qua đó, góp phần tăng cường tạo lập khối đại đoàn kết toàn dân tộc thực hiện hiệu quả nhiệm vụ chung. Cụ thể:

Một là, phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số phải nằm trong tổng thể phát triển chính trị, kinh tế và xã hội quốc gia nói chung, cho đồng bào các dân tộc thiểu số nói riêng.

Trong *Tuyên ngôn độc lập* (02-9-1945), văn kiện quan trọng khai sinh ra Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, từ việc dẫn lại những “giá trị bất hủ” trong bản *Tuyên ngôn Độc lập* (năm 1776) của nước Mỹ và “những lẽ phải không ai chối cãi được” trong *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Cách mạng Pháp* (năm 1791), Hồ Chí Minh khẳng định: “Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”⁽¹⁾. Và, “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập”⁽²⁾.

Như vậy, để bình đẳng dân tộc, trước hết, quốc gia - dân tộc phải được độc lập, bình đẳng với các quốc gia - dân tộc khác trong cộng đồng quốc tế; sau đó, các dân tộc, nhân dân trong cộng đồng các dân tộc trong một quốc gia - dân tộc thống nhất phải được tự do và được quyền mưu cầu hạnh phúc. Sự ra đời của Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (năm 1945) là kết quả lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, do Hồ Chí Minh sáng lập, sự đoàn kết đồng lòng của các dân tộc trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm. Hồ Chí Minh khẳng định: “Nhờ sức đoàn kết tranh đấu chung của tất cả các dân tộc, nước Việt Nam ngày nay được độc lập, các dân tộc thiểu số được bình đẳng cùng dân tộc Việt Nam, tất cả đều như anh chị em trong một nhà, không còn có sự phân chia nòi giống, tiếng nói gì nữa”⁽³⁾.

Bình đẳng giữa các dân tộc trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam bao gồm nhiều lĩnh vực, từ chính trị, kinh tế đến văn hóa, xã hội v.v. Mọi hành vi coi thường, khinh miệt, áp bức, bóc lột và chia rẽ dân tộc đều bị nghiêm cấm. Hồ Chí Minh khẳng định: “Nước ta là một nước thống nhất gồm nhiều dân tộc. Các dân tộc sống trên đất nước Việt Nam đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ [...]. Từ ngày hòa bình lập lại, Nhà nước ta đã giúp đỡ các dân tộc anh em tiến bộ thêm về mặt kinh tế, văn hóa và xã hội. Các dân tộc đoàn kết chặt chẽ dưới

sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước đang hằng hái thi đua xây dựng nước nhà. Chính sách dân tộc của chúng ta là nhằm thực hiện sự bình đẳng giúp nhau giữa các dân tộc để cùng nhau tiến lên chủ nghĩa xã hội”⁽⁴⁾.

Chính vì vậy, ngay sau khi thành lập nước, trong 6 nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được Hồ Chí Minh chỉ rõ, thì nhiệm vụ diệt nạn đói, nâng cao văn hóa cho Nhân dân được xếp thứ hai đã cho thấy tầm quan trọng của nội dung này. Tuy nhiên, từ tình hình thực tiễn, Người cũng chỉ rõ, nhiệm vụ chính của các dân tộc thiểu số lúc đó là đoàn kết hơn nữa để chống xâm lăng; tăng cường chăn nuôi, sản xuất; ra sức cứu giúp đồng bào dưới xuôi về nạn đói và ủng hộ Chính phủ để kháng chiến và cứu đói; tạo sự thân thiện giữa các dân tộc ở các miền biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc⁽⁵⁾.

Hai là, phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số phải nằm trong tổng thể phát triển văn hóa của quốc gia - dân tộc.

Nước Việt Nam, dân tộc Việt Nam là một. Đây là một chân lý không thay đổi. Các dân tộc thiểu số trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam, tuy có những sự khác biệt nhất định, nhưng nằm trong một tổng thể quốc gia - dân tộc thống nhất. Do vậy, việc phát triển văn hóa các dân tộc, qua việc gìn giữ và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của từng dân tộc, xóa bỏ các hủ tục lạc hậu, cần góp phần tích cực vào phát triển và làm giàu các giá trị văn hóa của quốc gia - dân tộc. Điều này xuất phát từ bản chất của chế độ ta - chế độ dân chủ, Đảng và Chính phủ luôn lo và “chỉ lo phục vụ lợi ích của nhân dân. Đồng bào tất cả các dân tộc, không phân biệt lớn nhỏ, phải thương yêu giúp đỡ lẫn nhau, phải đoàn kết chặt chẽ như anh em một nhà, để cùng nhau xây dựng Tổ quốc chung, xây dựng chủ nghĩa xã hội làm cho tất cả các dân tộc được hạnh phúc, ấm no”⁽⁶⁾.

Báo cáo chính trị của Đại hội II (năm 1951) khẳng định: “...công tác văn hóa để đào tạo con người mới và cán bộ mới cho công cuộc kháng chiến kiến quốc. Phải triệt để tẩy trừ mọi di tích thuộc địa và ảnh hưởng nô dịch của văn hóa đế quốc. Đồng thời, phát triển những truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc và hấp thụ những cái mới của văn hóa tiến bộ thế giới, để xây dựng một nền

văn hóa Việt Nam có tính chất dân tộc, khoa học và đại chúng”(7). Theo đó, “Phải nâng cao trình độ văn hóa của nhân dân. Phải đề xướng đạo đức công dân tức là yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, yêu lao động, yêu khoa học, bảo vệ của công... Phải chống văn hóa nô lệ của đế quốc và phong kiến. Phải tăng cường công việc vệ sinh, phải phát triển báo chí...”(8). Trong đó, các dân tộc đều bình đẳng và đoàn kết chặt chẽ, thương yêu giúp đỡ lẫn nhau, đồng bào miền xuôi phải ra sức giúp đỡ đồng bào miền ngược cùng tiến bộ về mọi mặt; còn nhiệm vụ của Đảng và Chính phủ là phải làm sao nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của đồng bào các dân tộc, phải giúp đỡ đồng bào các dân tộc thiểu số về mọi mặt. Riêng trong lĩnh vực văn hóa, “Chính phủ sẽ chú ý trình độ học thức cho dân tộc. Các dân tộc được tự do bày tỏ nguyện vọng và phải cố gắng để cùng giành cho bằng được độc lập hoàn toàn, tự do và thái bình”(9); đồng thời, sẽ nâng cao giáo dục cho đồng bào dân tộc thiểu số, làm cho đồng bào dân tộc thiểu số ai cũng được học hành(10). Hồ Chí Minh còn nhấn mạnh: “Học tập tốt là chính trị, văn hóa đều phải gắn liền với lao động sản xuất, không học dông dài. Mục đích học là để làm kinh tế, chính trị, văn hóa đều tiến bộ, các dân tộc đều đoàn kết với nhau. Học để làm gì nữa? Để xây dựng chủ nghĩa xã hội”(11) trên mọi lĩnh vực.

Ba là, tuyên truyền, giáo dục các dân tộc phải trong mối tương quan, tương trợ và giúp đỡ nhau cùng phát triển.

Bình đẳng, đoàn kết và tương trợ để cùng tiến bộ là nguyên tắc cơ bản trong xử lý mối quan hệ giữa các quốc gia - dân tộc nói chung, giữa các dân tộc - tộc người trong một quốc gia đa dân tộc nói riêng. Ba nguyên tắc này có quan hệ hữu cơ, hợp thành một thể thống nhất, tác động qua lại lẫn nhau, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển. Trong đó, bình đẳng là cơ sở của đoàn kết; tương trợ là điều kiện của đoàn kết và bình đẳng. Và, điều này cũng được Hồ Chí Minh quán triệt trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình.

Hồ Chí Minh khẳng định, đoàn kết là sức mạnh vô địch, đại đoàn kết toàn dân tộc có vai trò to lớn trong việc bảo vệ và giữ gìn sự thống nhất của mỗi quốc

gia. Song, để đoàn kết được cần phải nhất quán nhận thức và thực hiện được bình đẳng dân tộc, thực hiện tương trợ và giúp đỡ nhau cùng phát triển giữa các dân tộc. Trong *Thư gửi Đại hội các dân tộc thiểu số miền Nam tại Plâycu* (năm 1946), Người khẳng định: Đồng bào Kinh hay Thổ, Mường hay Mán, Giarai hay Êđê, Xơđăng hay Bana và các dân tộc thiểu số khác, đều là con cháu Việt Nam, đều là anh em ruột thịt. Chúng ta sống chết có nhau, sướng khổ cùng nhau, no đói giúp nhau. Ngày nay, giang sơn và Chính phủ là của chúng ta, nên tất cả dân tộc chúng ta phải đoàn kết chặt chẽ để giữ gìn nước non ta, để ủng hộ Chính phủ ta; đồng thời, phải thương yêu nhau, phải kính trọng nhau, phải giúp đỡ nhau để mưu hạnh phúc chung của chúng ta và con cháu chúng ta⁽¹²⁾. Hồ Chí Minh thường xuyên nhắc nhở và yêu cầu mọi người *phải tăng cường đoàn kết dân tộc*, vì đây là một công tác rất quan trọng, có nội dung mới và rộng hơn. Bởi lẽ, đương thời lúc bấy giờ, một số tỉnh miền xuôi đã có hàng nghìn người lên miền ngược để mở mang, xây dựng miền núi. Cho nên phải làm sao giải thích cho đồng bào các dân tộc ở địa phương hiểu và đoàn kết tốt. Muốn làm tốt công tác này, cán bộ, đảng viên và đoàn viên thanh niên lao động phải gương mẫu, đi đầu. Mục tiêu là, các dân tộc miền núi phải đoàn kết chặt chẽ⁽¹³⁾. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, nhưng lòng đoàn kết của chúng ta không bao giờ giảm bớt⁽¹⁴⁾.

Bàn về cách thức tuyên truyền cho Nhân dân, đồng bào, Hồ Chí Minh khẳng định: “Tuyên truyền là đem một việc gì nói cho *dân hiểu, dân nhớ, dân theo, dân làm*. Nếu không đạt được mục đích đó, là tuyên truyền thất bại. Muốn thành công, phải biết cách tuyên truyền”⁽¹⁵⁾. Do vậy, cần: 1) Xác định rõ mục đích công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân; 2) Xác định rõ nội dung công tác tuyên truyền, vận động; 3) Xác định rõ đối tượng trong công tác tuyên truyền, vận động; 4) Xác định rõ hình thức và phương pháp tuyên truyền, vận động theo phương châm *tôn trọng dân; nắm vững tâm tư nguyện vọng của Nhân dân* (gần và hiểu dân); *nghe và học dân; có trách nhiệm với Nhân dân*, 5) Xác định rõ chủ thể tuyên truyền, vận động Nhân dân. Trong đó, người tuyên truyền, vận động phải “*nắm vững và làm đúng chính sách, phải biết tuyên truyền, giải thích, dựa vào các tổ chức địa phương, tính toán thế nào cho Nhà nước và nhân*

dân đều có lợi”⁽¹⁶⁾; đồng thời phải “miệng nói tay làm, phải tùy hoàn cảnh mà tổ chức giúp đỡ nhân dân thực sự, không phải chỉ dân vận bằng diễn thuyết. Muốn vậy cán bộ phải làm gương mẫu”⁽¹⁷⁾.

Bốn là, tuyên truyền, giáo dục cho đồng bào các dân tộc thiểu số nhận thức rõ vị trí và đặc thù của dân tộc mình.

Theo Hồ Chí Minh, trong một quốc gia đa dân tộc - tộc người, tất yếu sẽ có dân tộc đông người và dân tộc ít người, có sự chênh lệch về phát triển giữa các dân tộc - tộc người. Điều này rất dễ nảy sinh tư tưởng kỳ thị dân tộc giữa dân tộc đông người, hay dân tộc có trình độ phát triển cao hơn với dân tộc ít người hoặc dân tộc có trình độ thấp hơn. Hai thái cực của tình trạng này là: 1) Dân tộc đông người hoặc dân tộc phát triển cao hơn dễ mắc bệnh kiêu ngạo, coi thường các dân tộc nhỏ, ít người, hoặc kém phát triển; 2) Dân tộc ít người hay kém phát triển dễ tự ti, thiếu năng động, tự kìm hãm vai trò, vị trí của mình và không cố gắng vươn lên. Do vậy, theo Người, việc tuyên truyền, giáo dục các dân tộc nói chung, các dân tộc ít người nói riêng, *một mặt*, nhằm giúp mỗi dân tộc nhận thức rõ vị trí và đặc thù của mình; song *mặt khác*, quan trọng hơn là, cần phải khắc phục những tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi và tự ti dân tộc.

Trong nhiều bài viết, bài nói, nhất là ở những hội nghị đại đoàn kết dân tộc, hoặc có nhiều thành phần dân tộc, tôn giáo, tầng lớp... Hồ Chí Minh luôn dùng những từ rất tình cảm, thân mật để nói về tình đoàn kết giữa các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam, như: “Anh em một nhà”, “anh em ruột thịt”, “con Lạc cháu Hồng”, “giúp đỡ nhau cùng tiến bộ”, v.v. Theo Người, trước đây để dễ bề thống trị Nhân dân, bọn Tây và vua quan phong kiến tìm cách chia rẽ các dân tộc với nhau, chia rẽ dân tộc lớn với dân tộc nhỏ, làm cho các dân tộc thù ghét lẫn nhau, làm cho dân tộc này khinh rẻ và oán ghét dân tộc khác, làm người Mường ghét người Kinh... nhưng hiện nay, khi đất nước đã độc lập, Nhân dân đã tự do, “các dân tộc đều là anh em cả. Dân tộc nào đông hơn, nhiều người hơn, tiến bộ hơn thì phải giúp đỡ các dân tộc khác để đều tiến bộ như nhau, đều đoàn kết như anh em một nhà”⁽¹⁸⁾. Người còn nhấn mạnh, đồng bào miền xuôi

với trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật phát triển hơn phải giúp đỡ đồng bào thiểu số, để cùng tiến bộ về mọi mặt. Và, “Đã gọi là đoàn kết thì phải giúp đỡ nhau như anh em trong nhà. Dân tộc nhiều người phải giúp đỡ dân tộc ít người, dân tộc ít người cần cố gắng làm ruộng. Hai bên phải giúp đỡ lẫn nhau. Dân tộc đông người không phải giúp qua loa, cũng như dân tộc ít người không nên ngồi chờ giúp. Một bên ra sức giúp, một bên ra sức làm. Giúp nhau thì việc gì cũng nhất định làm được”⁽¹⁹⁾.

Hồ Chí Minh khẳng định, ngày nay, chế độ ta là chế độ dân chủ, tức là tất cả đồng bào các dân tộc đều là người chủ nước nhà, nên phải làm gì để xứng đáng là người chủ tốt? Theo đó, 1) Tất cả các dân tộc, bất kỳ to hay là nhỏ, đều *phải đoàn kết chặt chẽ*, thương yêu giúp đỡ nhau như anh em một nhà; 2) Phải ra sức *tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm*; 3) Phải sản xuất, chăn nuôi và trồng trọt tốt; 4) Phải bảo vệ rừng và trồng rừng tốt; 5) Phải chú ý *vệ sinh*, thực hiện ăn sạch, uống sạch, mặc sạch, ở sạch để có sức khỏe cho lao động sản xuất; 6) Phải cố gắng *xóa nạn mù chữ* để mọi người ai cũng biết đọc, biết viết; 7) Đồng bào các nơi khác, nhất là cán bộ từ khu đến huyện cần phải ra sức giúp đỡ đồng bào rẻo cao nhiều hơn nữa⁽²⁰⁾. Mục tiêu quan trọng là “làm cho các dân tộc anh em dần dần tự quản lý lấy mọi công việc của mình, để mau chóng phát triển kinh tế và văn hóa của mình, để thực hiện các dân tộc *bình đẳng về mọi mặt*”⁽²¹⁾.

2. Từ các chỉ dẫn nêu trên của Người, cho phép rút ra một số vấn đề mang tính phương pháp luận trong phát triển văn hóa, tuyên truyền và giáo dục đồng bào các dân tộc thiểu số hiện nay như sau:

Thứ nhất, là một quốc gia dân tộc thống nhất bao gồm nhiều dân tộc nên cần quán triệt quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về quan hệ dân tộc là *bình đẳng, đoàn kết và tương trợ lẫn nhau cùng phát triển*, do vậy, cần chống lại các khuynh hướng tư tưởng dân tộc lớn, hẹp hòi và kỳ thị dân tộc lẫn tư tưởng tự ti dân tộc. Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một, nên mọi chính sách nói chung, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước nói riêng, cần quán triệt quan điểm và chủ động phòng chống các khuynh hướng nêu trên.

Thứ hai, phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số cần phải hài hòa trong mối quan hệ với việc nâng cao đời sống kinh tế, nâng cao ý thức chính trị, ý thức pháp luật và năng lực thực hành quyền làm chủ của Nhân dân trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. “Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ”⁽²²⁾ và do vậy, phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số, trước tiên, phải gắn với việc phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào các dân tộc nói chung, các dân tộc thiểu số nói riêng.

Thứ ba, phát triển văn hóa các dân tộc cần dựa vào đặc thù của từng dân tộc và thực tiễn hiện nay trên cơ sở kế thừa, tiếp thu các giá trị tiến bộ, xóa bỏ các hủ tục lạc hậu, tăng cường nâng cao dân trí, giáo dục đạo đức và nâng cao nhân cách cho đồng bào; đồng thời, tích cực tiếp thu các giá trị văn hóa của nhân loại để không ngừng nâng cao văn hóa của quốc gia - dân tộc.

Thứ tư, công tác tuyên truyền giáo dục nói chung, giáo dục cho đồng bào dân tộc thiểu số nói riêng cần hướng vào việc thực hiện quan điểm bình đẳng, đoàn kết và tương trợ lẫn nhau cùng phát triển, xóa bỏ sự chênh lệch trong phát triển giữa các dân tộc trong một quốc gia dân tộc thống nhất. Đồng thời, nâng cao nhận thức cho đồng bào các dân tộc thiểu số về đặc thù, vị trí, vai trò của mình trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc, trong sự nghiệp xây dựng một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Thứ năm, trên cơ sở xây dựng “hệ giá trị quốc gia - dân tộc” để bảo tồn, xây dựng và phát huy nền văn hóa dân tộc nói chung, của đồng bào dân tộc thiểu số nói riêng nhằm tạo một trong những sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ tổ quốc⁽²³⁾. Hơn nữa, đây còn là cơ sở để tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cộng đồng các dân tộc Việt Nam nói chung, cho từng dân tộc nói riêng.

Tóm lại, tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển văn hóa, tuyên truyền giáo dục đồng bào các dân tộc nói chung, các dân tộc thiểu số nói riêng, đến nay, vẫn giữ nguyên giá trị. Đặc biệt, trong giai đoạn khi nước ta đang xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt

Nam xã hội chủ nghĩa, của dân, do dân, vì dân; tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế... thì việc nghiên cứu, vận dụng, bổ sung và phát triển những nội dung trên không chỉ góp phần làm tăng hệ giá trị văn hóa quốc gia, mà còn tạo cơ sở để thực hiện chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc hiện nay. Trong Văn kiện Đại hội XIII, Đảng ta khẳng định, để xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa giá trị truyền thống và hiện đại, cần “Quan tâm thích đáng đến phát triển giáo dục ở miền núi, vùng cao, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số”⁽²⁴⁾, phải có chính sách đầu tư đặc thù cho vùng khó khăn và chính sách cụ thể về phát triển văn hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số⁽²⁵⁾□

(1), (2), (3), (9), (22) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.4, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.1, 3, 130, 131, 175.

(4) Hồ Chí Minh, *Sđd*, t.12, tr.371.

(5), (12), (14) Hồ Chí Minh, *Sđd*, t.4, tr.130, 249, 250.

(6), (11), (16), (18) Hồ Chí Minh, *Sđd*, t.13, tr.130, 270, 259, 269.

(7) Xem: Hồ Chí Minh, *Sđd*, t.7, tr.40.

(8) Xem: Hồ Chí Minh, *Sđd*, t.8, tr.265-266.

(10) Xem: Hồ Chí Minh, *Sđd*, t.4, tr.156.

(13), (20) Xem: Hồ Chí Minh, *Sđd*, t.13, tr.225, 94-95.

(15) Hồ Chí Minh, *Sđd*, t.5, tr.191.

(17) Hồ Chí Minh, *Sđd*, t.7, tr.219.

(19) Hồ Chí Minh, *Sđd*, t.11, tr.533.

(21) Hồ Chí Minh, *Sđd*, t.9, tr.453.

(23), (25) Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.1, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr. 116, 139&202.

(24) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Sđd*, t.1, tr.24.

Nguồn: Tạp chí Thông tin khoa học lý luận chính trị.- 2021.- Số 4 (74).- Tr.78-83.

NHỮNG MỐI QUAN HỆ CẦN GIẢI QUYẾT TRONG PHÁT TRIỂN VĂN HÓA Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

TS. TRIỆU QUANG MINH
Học viện Chính trị khu vực I
Email tác giả:
minhhcma@gmail.com

TS. HÀ THỊ THÙY DƯƠNG
Học viện Chính trị khu vực IV
Email tác giả:
haduonghcma@gmail.com

Nhận ngày 21 tháng 11 năm 2020. Chấp nhận đăng ngày 25 tháng 12 năm 2020.

Tóm tắt: Đảng ta khẳng định văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội. Vì vậy, phát triển văn hóa, con người Việt Nam là một trong những nhiệm vụ đặc biệt quan trọng của nước ta hiện nay. Trong bài viết này, các tác giả tập trung phân tích những mối quan hệ cần phải giải quyết trong phát triển văn hóa Việt Nam hiện nay, đó là mối quan hệ giữa phát triển văn hóa với phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; mối quan hệ giữa củng cố bản sắc văn hóa dân tộc với tiếp thu các giá trị mới hiện đại từ bên ngoài; mối quan hệ giữa “xây” và “chống” trong phát triển văn hóa Việt Nam.

Từ khóa: Văn hóa, phát triển văn hóa, các mối quan hệ cần giải quyết.

Phát triển văn hóa là động lực, là nguồn nội sinh quan trọng để phát triển con người Việt Nam và qua đó, để phát triển bền vững đất nước. Tuy nhiên, để phát triển văn hóa Việt Nam trong bối cảnh kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế hiện

nay, đòi hỏi chúng ta phải giải quyết thành công nhiều mối quan hệ với những tác động đa chiều, phức tạp. Đây là những vấn đề lớn có tính định hướng cho sự phát triển văn hóa Việt Nam trong thời gian tới.

1. Mối quan hệ giữa phát triển văn hóa với phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

Giữa phát triển văn hóa và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có mối quan hệ chặt chẽ, chúng tác động và thúc đẩy lẫn nhau.

Thứ nhất, phát triển văn hóa góp phần quan trọng vào việc xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Phát triển thị trường các sản phẩm văn hóa, tăng cường các hoạt động sáng tạo, truyền bá các sản phẩm văn hóa theo phương thức công nghiệp, hình thành ngành công nghiệp văn hóa trực tiếp góp phần xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường. Thị trường các sản phẩm văn hóa trực tiếp làm đa dạng hóa thị trường hàng hóa và dịch vụ - một trong những thị trường chính ở nước ta hiện nay. Phát triển văn hóa với việc khai thác các giá trị kinh tế của văn hóa, đưa các giá trị và di sản văn hóa vào phát triển kinh tế, du lịch đã góp phần phát triển kinh tế đất nước. Đồng thời, với chức năng định hướng giá trị và điều tiết của mình, văn hóa góp phần đảm bảo tính định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường ở nước ta. Tính định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường làm cho nền kinh tế thị trường phát triển theo hướng nhân văn, tiến bộ, vì con người, vì sự phát triển bền vững. Hoạt động kinh tế, sản xuất kinh doanh có văn hóa sẽ hạn chế tình trạng hàng giả, hàng kém chất lượng hủy hoại sức khỏe của

con người. Sản xuất kinh doanh có văn hóa sẽ hạn chế tình trạng bóc lột tàn tệ sức lao động của người công nhân, đảm bảo công bằng và tiến bộ xã hội trong phát triển kinh tế. Sản xuất kinh doanh có văn hóa sẽ vì uy tín, danh dự, chất lượng, hướng tới phục vụ lợi ích của người tiêu dùng trên cơ sở đó thu được lợi nhuận.

Thứ hai, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa sẽ thúc đẩy phát triển văn hóa. Trong nền kinh tế thị trường, với động lực lợi ích cá nhân, các hoạt động sáng tạo và phát triển các giá trị văn hóa gia tăng với tốc độ nhanh. Sự tiếp xúc giữa người sáng tạo, biểu diễn và người hưởng thụ các sản phẩm văn hóa diễn ra thường xuyên nhanh chóng tạo điều kiện để người sáng tạo, biểu diễn thúc đẩy, mở rộng sự tìm tòi, sáng tạo của mình, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu hưởng thụ các giá trị văn hóa của công chúng. Không có thị trường về văn hóa thì người hoạt động trong lĩnh vực văn hóa khó mà nắm bắt được nhu cầu đa dạng của công chúng. Thị trường tạo điều kiện, cơ hội huy động nhiều nguồn lực để phát triển văn hóa xã hội; góp phần phân bổ hợp lý các nguồn lực, kích thích và đa dạng hóa tài năng trong sáng tạo, sản xuất, truyền bá, đánh giá các sản phẩm văn hóa. Chính thị trường đã tạo động lực thúc đẩy các hoạt động văn hóa diễn ra sôi động, mạnh mẽ đáp ứng nhu cầu tiêu dùng văn hóa của công chúng. Thông qua thị trường, công chúng tự tìm đến các sản phẩm văn hóa, khả năng tiếp cận các sản phẩm văn hóa đa dạng của quần chúng được phát triển tối đa. Khi các giá trị và các di sản văn hóa được đưa vào khai thác sẽ mang lại giá trị kinh tế và tạo nguồn lực tài chính để tiếp tục tái đầu tư, bảo tồn và phát huy chính các giá

trị và di sản văn hóa đó.

Thứ ba, ngoài tác động tích cực của kinh tế thị trường đã nêu trên, những mặt trái của kinh tế thị trường cũng ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển của văn hóa Việt Nam. Để hạn chế những tác động tiêu cực từ mặt trái của kinh tế thị trường, người sản xuất kinh doanh các sản phẩm văn hóa phải bảo đảm sự hài hòa giữa một bên là lan tỏa những giá trị nhân văn, định hướng con người phát triển theo hướng tốt đẹp và một bên là mục tiêu lợi nhuận. Nói cách khác, lợi ích của cả người sản xuất kinh doanh lẫn người tiêu dùng phải được tôn trọng. Nếu chỉ coi các sản phẩm văn hóa nghệ thuật như những hàng hóa thông thường, người sáng tạo, phổ biến chúng chỉ nhằm vào mục tiêu lợi nhuận có nghĩa là các hoạt động văn hóa đã bị thương mại hóa. Xu hướng thương mại hóa trong các hoạt động văn hóa do tác động tiêu cực của kinh tế thị trường sẽ làm hủy hoại cả một nền văn hóa. Có thể nói, xu hướng thương mại hóa trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật, chạy theo thị hiếu thấp kém của một bộ phận công chúng chưa được ngăn chặn hiệu quả đang làm suy giảm các chức năng, vai trò giáo dục, định hướng của văn hóa. Không ít những người sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực văn hóa chạy theo thị trường và lợi nhuận thuần túy đã đưa ra những sản phẩm văn hóa kém chất lượng, ảnh hưởng xấu đến người tiêu dùng,

Chúng ta cần tiếp tục đẩy mạnh chính sách kinh tế trong phát triển văn hóa, đưa các giá trị văn hóa vào hoạt động kinh tế, khai thác mặt kinh tế mà văn hóa mang lại, đẩy mạnh công nghiệp văn hóa và thị trường các sản phẩm văn hóa để thúc đẩy phát triển kinh tế thị

trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cũng như tạo động lực, sinh lực cho phát triển văn hóa. Đồng thời, cần phải ngăn chặn, hạn chế xu hướng thương mại hóa trong hoạt động văn hóa. Để ngăn chặn xu hướng này, trước hết cần bảo đảm lợi ích chính đáng, nâng cao đời sống vật chất cho văn nghệ sĩ để họ yên tâm sáng tạo, cống hiến và thực hiện thiên chức cao cả của mình. Có thể nói, bảo đảm lợi ích chính đáng, nâng cao đời sống vật chất cho văn nghệ sĩ là điều rất cần thiết để chống xu hướng thương mại hóa. Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh công tác giáo dục, nâng cao trách nhiệm xã hội, trách nhiệm với đất nước của văn nghệ sĩ, tạo sức đề kháng chống lại sự cám dỗ của đồng tiền, không làm biến dạng văn hóa.

2. Mối quan hệ giữa củng cố bản sắc văn hóa dân tộc với tiếp thu các giá trị mới, hiện đại

Phát triển văn hóa trong bối cảnh hội nhập quốc tế về văn hóa có cả mặt tích cực lẫn tiêu cực. Mặt tích cực chính là giúp văn hóa dân tộc phát triển, tiếp nhận những giá trị văn hóa tiến bộ của các dân tộc khác để làm giàu văn hóa của dân tộc mình, quảng bá các giá trị văn hóa của dân tộc mình đến các dân tộc khác. Mặt tiêu cực là đồng nhất các giá trị chuẩn mực văn hóa dân tộc, làm suy giảm sự phong phú, khả năng sáng tạo của các nền văn hóa dân tộc, thậm chí làm mất đi các giá trị văn hóa dân tộc. Nếu chỉ dựa vào văn hóa truyền thống thì nền văn hóa sẽ thiếu lực đẩy và sớm muộn cũng sẽ rơi vào trì trệ. Ngược lại, nếu chỉ dựa vào văn hóa nước ngoài nhằm thỏa mãn nhu cầu hưởng thụ văn hóa của một bộ phận công chúng thì sớm muộn nền văn hóa cũng sẽ bị rơi vào tình trạng lai căng.

Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, cộng với sự phát triển của công nghệ thông tin giúp văn hóa Việt Nam có cơ hội được giao lưu, tiếp biến với nhiều nền văn hóa trên thế giới với tốc độ nhanh và trên một quy mô rộng lớn. Giao lưu văn hóa là động lực để phát triển văn hóa. Văn hóa Việt Nam trong quá khứ nhờ giao lưu, tiếp biến thành công với văn hóa phương Đông (văn hóa Trung Quốc, văn hóa Ấn Độ) mà từ nền văn hóa Đông Sơn đã phát triển thành văn hóa Đại Việt và nhờ tiếp biến thành công với văn hóa phương Tây mà trở thành nền văn hóa Việt Nam. Thực tế cho thấy, giao lưu là cách tốt nhất để làm phong phú và phát triển văn hóa dân tộc với tư cách là một bộ phận của văn hóa nhân loại. Nền văn hóa của các dân tộc trên thế giới, nhất là ở những nước công nghiệp phát triển có nhiều giá trị tiên bộ mà nền văn hóa nông nghiệp lúa nước của Việt Nam còn thiếu hụt, cần phải được bổ sung. Hơn nữa, văn hóa Việt Nam có tiếp thu, tiếp biến các giá trị tiên bộ, phù hợp của văn hóa thế giới mới làm cho nền văn hóa Việt Nam mang tính hiện đại và hội nhập.

Tuy nhiên, trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế về văn hóa hiện nay, chúng ta không chỉ tiếp nhận những giá trị văn hóa tiên bộ của các dân tộc khác, mà còn phải có đóng góp, làm đa dạng và phong phú văn hóa nhân loại bằng những giá trị văn hóa của dân tộc. Do đó, văn hóa Việt Nam phải khẳng định được bản sắc văn hóa riêng của mình để có thể giao lưu và đối thoại được với các nền văn hóa khác trên thế giới. Đảng ta đã khẳng định: “Chỉ có biết giữ gìn, khai thác, phát triển và nâng cao bản sắc riêng của văn hóa dân tộc thì mới có giá trị bản thân trong tiếp xúc và đối thoại với các nền văn hóa

khác và cũng chỉ trên cơ sở đó mới tiếp thu được những tinh hoa văn hóa thế giới”⁽¹⁾. Bản sắc văn hóa riêng của dân tộc là cơ sở để chúng ta có thể đối thoại với các nền văn hóa khác và cũng là cơ sở để tiếp thu những giá trị của các nền văn hóa khác. Tiếp nhận những giá trị văn hóa của các nước khác là quá trình thâm hóa trên cơ sở nhu cầu và khả năng thích ứng của dân tộc. Tiếp thu những giá trị văn hóa bên ngoài phải thông qua bộ lọc là hệ giá trị văn hóa Việt Nam truyền thống, phải tiếp biến, biến những giá trị đó thành cái của mình chứ không phải tiếp nhận một cách sùng bái, nguyên xi. Do đó, để phát triển văn hóa Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay đòi hỏi phải củng cố bản sắc văn hóa riêng, cốt cách tâm hồn Việt Nam trong văn hóa. Bản sắc văn hóa dân tộc phải là sự “chung cất”, kết tinh những giá trị văn hóa truyền thống từ mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước. Nhưng bản sắc văn hóa dân tộc đó phải mang hơi thở của thời đại, phải mang tính tiên tiến: Tiên tiến trong ý thức hệ, trong tư duy, lối sống, cơ sở vật chất... Trên cơ sở củng cố bản sắc văn hóa dân tộc, trong giao lưu văn hóa, đối thoại với các nền văn hóa trên thế giới, văn hóa Việt Nam phải nâng cao năng lực thu hút và dung nạp văn hóa ngoại nhập và năng lực lan tỏa văn hóa dân tộc ra bên ngoài, đó là cách để cân bằng văn hóa.

Phát triển văn hóa, con người Việt Nam trong điều kiện toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế còn chứa đựng những nguy cơ làm suy kiệt văn hóa. Trong tuyên bố toàn cầu về đa dạng văn hóa, Điều 1, UNESCO khẳng định: “Văn hóa mang những hình thức đa dạng qua thời gian và không gian. Sự đa dạng này được thể hiện ở tính độc đáo và tính

phong phú của bản sắc đặc trưng cho các cộng đồng và xã hội cấu thành nhân loại. Như một động lực của giao lưu, đổi mới và sáng tạo, đa dạng văn hóa cũng cần thiết đối với nhân loại như đa dạng sinh học đối với tự nhiên. Theo đó, đa dạng văn hóa là tài sản chung của nhân loại, phải được công nhận và khẳng định vì lợi ích của thế hệ hiện tại và các thế hệ tương lai”. Tính độc đáo riêng của mỗi nền văn hóa làm nên tính đa dạng của văn hóa thế giới. Tuy nhiên, toàn cầu hóa khi bị các nước tư bản phương Tây chi phối có nguy cơ dẫn đến đồng hóa văn hóa, phương Tây hóa, Mỹ hóa văn hóa thế giới, làm cho văn hóa trở nên đồng nhất, các quốc gia bị mất bản sắc văn hóa riêng của mình. Điều này không chỉ nguy hại đối với văn hóa của dân tộc, mà còn là mối đe dọa đối với văn hóa toàn cầu. Có thể nói, toàn cầu hóa về văn hóa cũng chứa đựng những tác động tiêu cực đến sự phát triển văn hóa Việt Nam, nếu chúng ta không cẩn trọng sẽ có nguy cơ làm phai nhạt, thậm chí đánh mất bản sắc văn hóa của chính mình. Có ý kiến cho rằng, “trong lịch sử dân tộc, Việt Nam chưa bao giờ có cơ hội tiếp thu những giá trị từ nhiều nền văn hóa như bây giờ, nhưng cũng chưa bao giờ chứa đựng nhiều nguy cơ đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc như hiện nay”⁽²⁾. Do đó, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc đi đôi với không ngừng tiếp biến văn hóa toàn nhân loại là vấn đề cốt lõi để xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam hiện nay. Đảng ta đã khẳng định những nhiệm vụ của phát triển văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế về văn hóa là “tiếp nhận có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới, làm phong phú thêm văn hóa dân tộc. Chủ động đón nhận cơ hội phát triển, vượt qua các thách thức để

giữ gìn, hoàn thiện bản sắc văn hóa dân tộc; hạn chế, khắc phục những ảnh hưởng tiêu cực, mặt trái của toàn cầu hóa về văn hóa”⁽³⁾.

Tuy nhiên, thực tế hiện nay cho thấy, chúng ta chưa thực hiện tốt những nhiệm vụ này, văn hóa Việt Nam đang đứng trước tình trạng mất cân bằng. Chúng ta tiếp thu rất nhiều văn hóa phương Tây, nhưng sự lan tỏa của văn hóa Việt Nam ra bên ngoài lại chưa đủ mạnh, hoặc nếu có ảnh hưởng thì cũng còn quá ít ỏi so với vốn văn hóa giàu có của chúng ta. Tình trạng này khiến việc nhập siêu văn hóa trở thành vấn đề nổi cộm. Số công trình, tác phẩm văn học nghệ thuật có giá trị của nước ta được giới thiệu ra quốc tế còn quá ít, trong khi sản phẩm độc hại, không phù hợp với văn hóa và đặc tính con người Việt Nam của nước ngoài lại xâm nhập vào nước ta khá lớn. Đảng ta đã khẳng định: “Tình trạng nhập khẩu, quảng bá, tiếp thu dễ dãi, thiếu chọn lọc sản phẩm văn hóa nước ngoài đã tác động tiêu cực đến đời sống văn hóa của một bộ phận nhân dân, nhất là lớp trẻ”⁽⁴⁾. Cùng với sự tràn ngập của văn hóa phẩm nước ngoài, quan điểm giá trị phương Tây cũng từng bước xâm lấn, tấn công mạnh mẽ vào quan niệm giá trị và cấu trúc xã hội của chúng ta, xuất hiện sự áp đặt vô hình một số giá trị văn hóa ngoại lai vào đời sống văn hóa Việt Nam. Lối sống hưởng thụ, khát vọng tiền tài, tư tưởng kỹ trị, chủ nghĩa cá nhân cực đoan, sùng ngoại và đua đòi, những thị hiếu xa lạ, thấp kém, không phù hợp với dân tộc, kèm theo đó là tệ nạn xã hội đã xuất hiện và len lỏi vào văn hóa dân tộc. Xuất hiện những tác phẩm mô phỏng, bắt chước, chạy theo hình thức và những thủ pháp xa lạ với bản sắc của văn nghệ dân tộc. Do đó, quản lý tốt thị trường sản phẩm văn hóa nhập khẩu,

củng cố bản sắc văn hóa dân tộc, tăng cường quảng bá văn hóa Việt Nam ra thế giới, đẩy mạnh xuất khẩu văn hóa, có chiến lược tiếp thu có chọn lọc những giá trị văn hóa bên ngoài đang là những định hướng rất quan trọng để phát triển văn hóa Việt Nam hiện nay.

3. Xây dựng, phát triển văn hóa, con người Việt Nam gắn liền với việc chống lại những yếu tố cản trở quá trình phát triển văn hóa, con người Việt Nam hiện nay

Phát triển văn hóa Việt Nam hiện nay cần phải quán triệt sâu sắc nguyên tắc kết hợp chặt chẽ giữa “xây” và “chống”. “Xây” trong phát triển văn hóa Việt Nam chính là gìn giữ và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp đang thúc đẩy sự phát triển của đất nước hôm nay và tiếp thu, bổ sung những giá trị mới cần thiết cho sự phát triển của đất nước trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế. “Chống” là chống những tàn dư, những yếu tố tiêu cực, lạc hậu đang cản trở sự phát triển văn hóa, chống những mặt tiêu cực của phát triển văn hóa trong bối cảnh mới; chống âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch trên mặt trận văn hóa, tư tưởng mưu toan làm thay đổi tư tưởng, tình cảm, lối sống của dân tộc theo hướng tiêu cực, phục vụ cho những mưu đồ chính trị của chúng. “Xây” và “chống” có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, củng cố những giá trị cũ tốt đẹp, xây dựng các giá trị mới tiên bộ chính là tạo ra sức đề kháng để chống lại những yếu tố tiêu cực trong văn hóa đang va đập vào con người, văn hóa Việt Nam. Nếu xây dựng văn hóa tốt tức là đã chống được phần nào những phản văn hóa, nếu xây dựng được những phong trào văn hóa rộng lớn, lành mạnh, bổ ích thì chắc chắn sẽ góp phần kéo được

một số đối tượng, nhất là thanh thiếu niên ra khỏi những tệ nạn xã hội và độc tố để tẩm mình trong sự mát lành của giá trị văn hóa truyền thống dân tộc. Ngược lại, nếu chống không thành công, thì quá trình xây dựng cũng sẽ bị thất bại khi để cho những mặt tiêu cực lấn át những giá trị tốt đẹp mà chúng ta cần xây dựng.

Nói về nhiệm vụ “chống” trong phát triển văn hóa, con người Việt Nam hiện nay, Hồ Chí Minh từng cho rằng quá trình xây dựng nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa gắn liền với việc đấu tranh xóa bỏ những mặt tiêu cực, lạc hậu; rằng, “chúng ta phải thay đổi triệt để những nếp sống, thói quen, ý nghĩ và thành kiến có gốc rễ sâu xa hàng ngàn năm (...). Chúng ta phải biến một nước dốt nát, cực khổ thành một nước văn hóa cao và đời sống tươi vui hạnh phúc”⁽⁵⁾. “Xây” luôn gắn liền với “chống”, vì vậy Người xác định nhiệm vụ của văn học nghệ thuật không chỉ là ca ngợi những giá trị tốt đẹp có tác dụng định hướng, dẫn dắt con người vươn tới, mà còn phải phê phán, lên án những mặt tiêu cực, xấu xa trong con người để họ thấy cần phải chủ động loại bỏ. Đảng ta cũng đang tiếp tục khẳng định phát triển văn hóa, con người Việt Nam gắn liền với quá trình đấu tranh loại bỏ những mặt tiêu cực đang cản trở sự phát triển văn hóa, con người Việt Nam: “Đấu tranh phê phán đẩy lùi cái xấu, cái ác, thấp hèn, lạc hậu; chống các quan điểm, hành vi sai trái, tiêu cực, ảnh hưởng xấu đến xây dựng văn hóa, làm tha hóa con người. Có giải pháp ngăn chặn và đẩy lùi sự xuống cấp về đạo đức xã hội, khắc phục những mặt hạn chế của con người Việt Nam”⁽⁶⁾. Chúng ta cần loại bỏ những mặt tiêu cực trong văn hóa truyền thống đang cản trở sự phát triển của đất nước,

như chủ nghĩa bình quân cào bằng, trọng lệ hơn luật, ý thức pháp luật kém, thiếu tầm nhìn chiến lược, tư lợi cá nhân,... Đấu tranh chống những ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển văn hóa, con người Việt Nam hiện nay còn là đấu tranh ngăn chặn, loại bỏ những mặt trái của kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, như lối sống đề cao đồng tiền, chủ nghĩa cá nhân vị kỷ, lối sống hưởng thụ, tâm lý sính ngoại, đua đòi, quay lưng với những giá trị truyền thống của dân tộc...

Ngoài ra, chúng ta còn phải đấu tranh chống những quan điểm, hành vi tiêu cực, sai trái ảnh hưởng xấu đến xây dựng văn hóa, làm tha hóa con người. Nói cách khác, đó chính là đấu tranh chống “diễn biến hòa bình” trong lĩnh vực tư tưởng, văn hóa của các thế lực thù địch. Hiện nay, các thế lực thù địch đang hằng ngày, hằng giờ sử dụng con bài tư tưởng, văn hóa làm đòn tấn công phủ đầu, dọn đường thực hiện các thủ đoạn khác để chống phá cách mạng nước ta. Hiện có khoảng 400 tổ chức phản động lưu vong, 380 báo, tạp chí, 60 đài phát thanh có chương trình tiếng Việt, hơn 80 nhà xuất bản và hàng nghìn trang Web thường xuyên đăng tải tin bài, xuất bản những ấn phẩm có nội dung phản động, xuyên tạc chống phá Đảng và Nhà nước⁽⁷⁾. Bằng nhiều hình thức khác nhau, các thế lực thù địch tuyên truyền, du nhập các loại văn hóa độc hại, lối sống cơ hội, thực dụng, ích kỷ, hẹp hòi, vô cảm vào đời sống xã hội, nhằm mục đích hình thành lối sống tiêu cực, đi ngược lại thuần phong, mỹ tục của dân tộc và các giá trị của xã hội xã hội chủ nghĩa. Nền tảng tư tưởng của văn hóa, con người Việt Nam chính là chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Chúng ta đang xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đó trước hết là nền

văn hóa kết hợp hài hòa giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

Trong thời gian tới, mọi hoạt động văn hóa cần phải làm tốt nhiệm vụ đấu tranh chống lại những mặt tiêu cực đang cản trở sự phát triển văn hóa, con người Việt Nam hiện nay.

Văn hóa Việt Nam trong bối cảnh mới hiện nay đang đứng trước nhiều cơ hội nhưng cũng không ít những thách thức. Vì vậy, giải quyết tốt các mối quan hệ trên chính là chúng ta đã tận dụng được những cơ hội và vượt qua những thách thức, nguy cơ, đó là cơ sở để văn hóa Việt Nam phát triển□

(1) Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương (2000), *Một số văn kiện của Đảng về công tác tư tưởng văn hóa*, t.2, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.32.

(2) Dương Phú Hiệp (2009), *Quan niệm về mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển hệ giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam với tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại* (Kỷ yếu Hội thảo “Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập”), tr.299-300.

(3) Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.130.

(4) Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Sđd.*, tr.125.

(5) Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập*, t.8, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.493-494.

(6) Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd., tr.127.

(7) Xem: <https://www.qdnd.vn/chong-dien-bien-hoa-binh/tinh-tao-chu-dong-dau-tranh-voi-thong-tin-xuyen-tac-bia-dat-bai-1-258318>

Nguồn: Tạp chí Triết học.- 2021.- Số 1 (356).- Tr.20-26.

MỐI QUAN HỆ GIỮA TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA Ở VIỆT NAM HIỆN NAY: NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

TS. TRỊNH THỊ HẠNH
Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

Tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa có mối quan hệ biện chứng, thể hiện ở chất lượng phát triển bền vững của quốc gia. “Nếu phát triển kinh tế để xây dựng nền tảng vật chất thì phát triển văn hóa để tạo dựng nền tảng tinh thần của xã hội”⁽¹⁾. Trên cơ sở vận dụng linh hoạt, sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, Đảng Cộng sản Việt Nam đã từng bước thực hiện các quan điểm, chủ trương và giải pháp kịp thời, đúng đắn để giải quyết hài hòa mối quan hệ này. Đây là đòi hỏi cấp thiết và lâu dài trong công cuộc đổi mới đất nước, phát triển bền vững và hội nhập quốc tế hiện nay.

1. Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh về mối quan hệ biện chứng giữa văn hóa với kinh tế. Người cho rằng: “Văn hóa là một kiến trúc thượng tầng; nhưng cơ sở hạ tầng của xã hội có kiến thiết rồi, văn hóa mới đủ điều kiện phát triển được”⁽²⁾. Phát triển kinh tế luôn có sự nâng đỡ của văn hóa; văn hóa tuyệt đối không phải là vật phái sinh hoặc thứ yếu, mà văn hóa luôn có ảnh hưởng tích cực đến sự phát

triển kinh tế. Bởi lẽ, văn hóa là lĩnh vực có khả năng huy động và tạo ra động lực tinh thần lớn mạnh góp phần xây dựng kinh tế và phát triển xã hội. “Văn hóa không thể đứng ngoài phát triển. Nó nằm bên trong, là nhân tố nội sinh, vừa là mục tiêu, vừa là động lực và điều tiết của sự phát triển”⁽³⁾. Kinh tế chính là cơ sở, điều kiện cho sự hình thành và phát triển văn hóa: “Muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội thì phải phát triển kinh tế và văn hóa. Vì sao không nói phát triển văn hóa và kinh tế. Tục ngữ ta có câu: có thực mới vực được đạo, vị thế, kinh tế phải đi trước. Phải phát triển kinh tế và văn hóa để nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân ta”⁽⁴⁾. Như vậy, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, phát triển hài hòa giữa kinh tế và văn hóa chính là nội dung then chốt của chiến lược phát triển bền vững. Vì vậy, phát triển văn hóa là nhiệm vụ tất yếu để thực hiện nhiệm vụ cơ bản là tăng trưởng kinh tế, nhằm thực hiện mục tiêu xây dựng một xã hội “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Trên cơ sở vận dụng linh hoạt, sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta đã từng bước đề ra những quan điểm, chủ trương và giải pháp kịp thời, đúng đắn để xử lý mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa qua các kỳ Đại hội. Đảng ta đã thường xuyên khẳng định chủ trương và quan điểm có ý nghĩa bao trùm là phải kết hợp giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa trong từng giai đoạn lịch sử. Ngay từ những năm đầu đổi mới, Đảng ta đã xác định luôn giữ vững mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội; coi tăng trưởng kinh tế là cơ sở để thực hiện nhiệm vụ phát triển văn hóa. Quan điểm đó được Đại hội XIII của Đảng tiếp tục khẳng định và nhấn mạnh: “Gắn kết

giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; phát huy nhân tố con người, lấy nhân dân làm trung tâm; phát huy vai trò của văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực của sự phát triển”⁽⁵⁾. Như vậy, Đảng luôn chủ trương phát triển kinh tế phải gắn kết chặt chẽ tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa. Hai mục tiêu này có mối quan hệ biện chứng với nhau, trong đó, tăng trưởng kinh tế là cơ sở, làm tiền đề và điều kiện cho nhau, ngược lại, phát triển văn hóa là điều kiện quan trọng thúc đẩy và bảo đảm tăng trưởng kinh tế bền vững của đất nước.

2. Thực trạng và một số vấn đề đặt ra trong giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa ở Việt Nam hiện nay

Sau gần 40 năm đổi mới đất nước, việc thực hiện mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa đã đạt được những thành tựu quan trọng. Xác định rõ nền kinh tế ở Việt Nam là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Đảng và Nhà nước cũng đã có nhiều chính sách phát triển giáo dục, khoa học, y tế, văn hóa; thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục, y tế. Chính nhờ đổi mới tư duy về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và tiến bộ, công bằng xã hội nền kinh tế đất nước tăng trưởng khá nhanh trong nhiều năm qua. Đặc biệt, với sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, đất nước ta đã vượt qua những khó khăn về kinh tế, xã hội do đại dịch COVID-19 mang lại. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân đầu người của Việt Nam tăng trưởng năm 2022 đạt 8,02%, cao nhất giai đoạn 2011-2022. Theo Tổng cục Thống kê năm 2022, tổng tỷ lệ nghèo đa chiều cả nước là 9,35%, trong đó, tỷ lệ hộ nghèo là 5,2% và tỷ lệ hộ cận nghèo là

4,15%. Theo báo cáo, Chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam là 0,703 vào năm 2021, tăng hai bậc trên bảng xếp hạng toàn cầu, lên vị trí 115/191 quốc gia, thuộc nhóm trung bình cao của thế giới. Điều này cho thấy, kinh tế, xã hội của nước ta đang tiếp tục phát triển và là điểm sáng thứ hai châu Á về tốc độ tăng GDP, cải thiện về thu hút FDI, vốn gián tiếp, kiều hối và phát triển du lịch, nông nghiệp và một số ngành công nghiệp phụ trợ gắn với xuất khẩu.

Tuy nhiên, xuất phát từ nguyên nhân khách quan và chủ quan, tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa của nước ta vẫn còn tồn tại những hạn chế, yếu kém. Nổi bật đó là: việc tổ chức triển khai thực hiện quan điểm gắn kết giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa còn chưa đồng bộ và triệt để; thành quả trong lĩnh vực văn hóa phát triển chưa tương xứng với những thành quả trong tăng trưởng kinh tế, những biểu hiện “suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ vẫn còn diễn biến phức tạp”⁽⁶⁾, tham nhũng xảy ra ở hầu hết các ngành, các cấp, thậm chí ở ngay trong các cơ quan có chức năng chống tham nhũng và bất cập trong giáo dục... đã ảnh hưởng tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế, ổn định chính trị, xã hội, cũng như phát triển văn hóa của đất nước.

Từ thực trạng trên, đặt ra một số vấn đề trong giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa ở Việt Nam hiện nay như sau:

Một là, vấn đề dân số: với quy mô dân số gần 100 triệu dân, Việt Nam đang đứng trước những thách thức có thể ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển chung của đất nước. Dân số đông là một thị trường lớn, hấp dẫn đầu tư, mang lại nguồn lợi về mặt số lượng lao động cho

phát triển song cũng chứa đựng thách thức rất lớn về chất lượng lao động, về an ninh lương thực, giáo dục và đào tạo, môi trường... Để tăng trưởng kinh tế chúng ta đang cần rất nhiều lao động có kỹ năng để công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nhưng số người thất nghiệp trong lao động không chỉ đặt ra vấn đề về giải quyết việc làm mà còn an ninh xã hội, tệ nạn bắt nguồn từ nạn thất nghiệp. Vấn đề đặt ra cho tăng trưởng kinh tế, phát triển văn hóa ở Việt Nam là phải có chính sách kiểm soát hiệu quả đối với việc gia tăng dân số.

Hai là, vấn đề giáo dục: là hoạt động không thể thiếu đối với sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội của mỗi quốc gia. Trong đó, sản phẩm của giáo dục là con người, là yếu tố đặc biệt quan trọng trong quá trình sản xuất tạo ra của cải vật chất cho xã hội. Muốn có sự tăng trưởng kinh tế, phát triển văn hóa đòi hỏi phải có một nguồn nhân lực chất lượng cả về thể chất và trí tuệ nhằm phát triển đất nước. Chỉ thông qua giáo dục mới có thể lựa chọn những mô hình phù hợp với sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước. Vì vậy, khi giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế, phát triển văn hóa, Đảng và Nhà nước ta cần phải đặc biệt quan tâm đến giáo dục, khắc phục tình trạng yếu kém, hạn chế trong các chiến lược phát triển của nền giáo dục Việt Nam. Bên cạnh đó, phải xây dựng thành công xã hội học tập, học tập suốt đời theo phương châm hiện đại, tiên tiến, mở rộng hệ thống đào tạo theo hướng chuyển đổi số, mở rộng và phát triển thị trường công nghệ, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực, gia tăng thu nhập quốc dân, phát triển văn hóa, xã hội.

Ba là, vấn đề tác động của mặt trái nền kinh tế thị trường và quá trình toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế: Hiện nay, nước ta thực hiện

công nghiệp hóa, hiện đại hóa để tăng trưởng kinh tế, phát triển văn hóa trong điều kiện kinh tế thị trường, bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Kinh tế thị trường đã góp phần khơi dậy các tiềm năng kinh tế, tạo điều kiện phát triển cho các thành phần kinh tế, xã hội, đẩy nhanh tiến trình hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, mặt trái của cơ chế thị trường đã gây ra sự bất bình đẳng, sự bất công, dẫn đến sự phân hóa xã hội sâu sắc, hiện tượng suy thoái đạo đức, lối sống lan rộng, làm biến dạng thang giá trị văn hóa dân tộc. Các quy luật kinh tế, cạnh tranh, đặc biệt là quy luật giá trị không chỉ tác động đến kinh tế, đe dọa sự tăng trưởng kinh tế, những giá trị văn hóa tốt đẹp, thúc đẩy chủ nghĩa thực dụng, làm rối loạn sự tiến bộ và công bằng xã hội. Điều đó đòi hỏi đất nước phải phát huy mặt tích cực và hạn chế các ảnh hưởng tiêu cực của kinh tế thị trường, duy trì sự ổn định và phát triển xã hội. Cơ chế thị trường vận hành có rất nhiều vấn đề đặt ra trong việc giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế, phát triển văn hóa, tiến bộ và công bằng xã hội ở Việt Nam. Trong đó, nổi bật là vấn đề xây dựng một hệ giá trị chưa đủ bao quát các lĩnh vực quan trọng của đời sống. Thay vào đó, còn xảy ra tình trạng lệch chuẩn, không tạo được môi liên hệ nội tại, phổ biến trong tăng trưởng kinh tế, phát triển văn hóa.

Để thực hiện và giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế, phát triển văn hóa, tiến bộ và công bằng xã hội, nhất định chúng ta phải xây dựng môi trường xã hội chủ nghĩa trong cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, với một hệ giá trị thật sự tiến bộ. Đồng thời, cùng với sự định hướng tích cực của nhà nước xã hội chủ nghĩa thì vấn đề phát triển kinh tế, văn hóa mới được định hướng chủ nghĩa nhân văn cao cả, vì những giá trị của con người và thực hiện “sự

phát triển tự do của mỗi con người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người”(7).

Bốn là, vấn đề chống tham nhũng: Vấn đề chống tham nhũng được dư luận xã hội, các phương tiện thông tin đại chúng, các văn kiện của Đảng đề cập đến như “một thứ bệnh dịch” nổi cộm. Còn tồn tại tham nhũng thì kinh tế không thể phát triển bền vững, không thể nói xã hội có sự phát triển văn hóa, có tiến bộ và công bằng xã hội được. Mặc dù, “công tác đấu tranh phòng chống tham nhũng được lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện quyết liệt, toàn diện, đi vào chiều sâu, với quyết tâm chính trị rất cao, không có vùng cấm, không có ngoại lệ và đạt nhiều kết quả quan trọng, rõ rệt, được cán bộ, đảng viên và nhân dân đồng tình, ủng hộ, đánh giá cao và quốc tế ghi nhận”(8). Tuy nhiên, những con số “biết nói” về tội phạm tham nhũng thời gian gần đây đã xâm hại đến uy tín của bộ máy nhà nước, đến công bằng xã hội, làm giảm sút niềm tin, cản trở các nỗ lực giảm nghèo và phát triển kinh tế, văn hóa của đất nước. Do đó, trong giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, Đảng và Nhà nước ta cần tiếp tục thực hiện quyết liệt và triệt để nhiệm vụ đấu tranh vô cùng khó khăn, phức tạp này, góp phần ngăn chặn, đẩy lùi nạn tham nhũng, củng cố, nâng cao niềm tin của nhân dân với Đảng trong tình hình mới.

Giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế, phát triển văn hóa có rất nhiều vấn đề Đảng và Nhà nước ta cần phải quan tâm, chú ý cả về mặt lý luận và thực tiễn liên quan tới rất nhiều lĩnh vực khác của đời sống xã hội của đất nước. Các vấn đề này phải gắn liền với việc đưa ra và thực hiện các giải pháp trực tiếp nhằm giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế, phát triển văn hóa hiện nay. Giải

quyết đúng đắn mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa là điều kiện của sự phát triển đất nước trong giai đoạn hiện nay. Theo đó, tăng trưởng kinh tế đều phải hướng tới phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; mỗi chính sách phát triển văn hóa, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội phải góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thực hiện thắng lợi mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”□

-
- (1) Phạm Duy Đức, *Mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và phát triển văn hóa trong xây dựng và phát triển đất nước*, Tạp chí Lý luận chính trị, số 11, 2017, tr.56.
 - (2) Hồ Chí Minh, *Về văn hóa*, Bảo tàng Hồ Chí Minh, Hà Nội, 1997, tr.320.
 - (3) *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2002, tr.431.
 - (4) *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 10, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2002, tr.59.
 - (5) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.99.
 - (6), (8) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.223, 206.
 - (7) *C.Mác và Ph.Ăngghen toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1995, tr.628.

Tài liệu tham khảo

1. Lê Thị Thanh Hà, *Kết hợp tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội*, Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, số 2 (99), 2016, tr.3-7.
2. Nguyễn Thị Thanh Nga, *Sự tác động giữa văn hóa và kinh tế trong thời đại ngày nay*, tapchicongsan.org.vn, 20-1-2015.
3. Phạm Xuân Nam, *Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội trong thời kỳ quá độ*, tapchicongsan.org.vn, 26-9-2011.

Nguồn: Tạp chí Văn hóa nghệ thuật.- 2023.- Số 524.- Tr.35-37.

PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA VĂN HÓA VÌ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐẤT NƯỚC

PGS, TS. TRẦN THỊ MINH TUYẾT
Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Ngày nhận bài: 20-02-2024; Ngày bình duyệt: 12-3-2024; Ngày duyệt đăng: 22-3-2024.

Tóm tắt: Hiện nay, phát triển bền vững là xu thế tất yếu của nhiều quốc gia trên thế giới. Văn hóa với các giá trị chân, thiện, mỹ và đặc tính sáng tạo, đổi mới đóng vai trò quyết định việc thực hiện thành công mục tiêu đó. Bài viết luận giải vai trò của văn hóa đối với phát triển bền vững, quan điểm của Đảng về phát huy vai trò văn hóa trong phát triển đất nước và thực trạng khai thác sức mạnh của văn hóa ở Việt Nam, đề xuất hệ thống giải pháp nhằm phát huy sức mạnh văn hóa Việt Nam, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững đất nước.

Từ khóa: phát triển bền vững vai trò của văn hóa; văn hóa Việt Nam.

1. Mở đầu

Sự phát triển hài hòa giữa “ba trụ cột” là tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội, bảo vệ môi trường và văn hóa là các nền tảng, điều kiện then chốt để phát triển bền vững. Việt Nam là quốc gia có nền văn hiến lâu đời, văn hóa là sức mạnh “nội sinh” quan trọng nhất. Đại hội XIII của Đảng chủ trương “tăng đầu tư cho phát triển sự nghiệp văn hóa”⁽¹⁾, nên phát huy sức mạnh văn hóa để phục vụ cho mục tiêu phát

triển bền vững là định hướng mục tiêu của Việt Nam. Việc nghiên cứu tìm ra các giải pháp đồng bộ nhằm hiện thực hóa chủ trương đó là cần thiết hiện nay.

2. Phát triển bền vững và vai trò của văn hóa đối với sự phát triển bền vững của Việt Nam

Phát triển là một quá trình vận động từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện để tạo ra sự tiến bộ không ngừng của xã hội loài người. Có sự khác biệt rất lớn giữa tăng trưởng và phát triển. Sự tăng trưởng “thô bạo”, tăng trưởng “bất chấp lương tâm, bất chấp tương lai” sẽ đẩy các quốc gia vào tình trạng xung đột xã hội gay gắt và thảm họa môi trường. Bi kịch của lối tăng trưởng có ở nhiều quốc gia, gây ra nhiều hậu quả nan giải. Vì thế, phát triển bền vững là yêu cầu “sống còn”, là mục tiêu mà các quốc gia hướng đến.

Nhận thức là một quá trình và nhận thức về phát triển bền vững của nhân loại cũng không nằm ngoài quy luật đó. Năm 1980, trong bản “Chiến lược bảo tồn thế giới” do Liên minh quốc tế bảo tồn thiên nhiên và tài nguyên thiên nhiên (IUCN-International Union for Conservation of Nature and Natural Resources) đưa ra thì phát triển bền vững đơn giản chỉ là bảo vệ hệ sinh thái, cụ thể là bảo tồn tài nguyên sinh vật. Đến năm 1992, Hội nghị thượng đỉnh về Môi trường và Phát triển của Liên hợp quốc tổ chức ở Rio de Janeiro khi đề ra Chương trình nghị sự toàn cầu cho thế kỷ XXI đã xác định: Phát triển bền vững là “một sự phát triển thỏa mãn những nhu cầu của thế hệ hiện tại mà không làm hại đến khả năng đáp ứng những nhu cầu của

thể hệ tương lai”. Mô hình phát triển đó là sự kết hợp hài hòa giữa 3 mặt: kinh tế phát triển nhanh nhưng bền vững, từng bước thực hiện “tăng trưởng xanh”; xã hội phát triển theo hướng tiến bộ, công bằng, thịnh vượng; phát triển bền vững gắn với bảo vệ môi trường, giảm thiểu các tác động tiêu cực đến tự nhiên, khai thác hợp lý và sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Là thành viên của Liên hợp quốc, Việt Nam nhất trí quan điểm của Liên hợp quốc về phát triển bền vững. Đảng Cộng sản Việt Nam từng bước đưa mục tiêu phát triển bền vững thành một nội dung trọng yếu của chiến lược đổi mới.

Về phương diện lý luận khái niệm phát triển bền vững chính thức được Đảng Cộng sản Việt nam sử dụng từ năm 1994 khi khẳng định “Coi khoa học - công nghệ là nền tảng của công nghiệp hóa, hiện đại hóa bảo đảm sự phát triển bền vững”⁽²⁾. Do Việt Nam là một nước nghèo, có nguy cơ tụt hậu nên phát triển nhanh là yêu cầu cấp thiết nhưng Đảng luôn nhất quán trong việc kết hợp chặt chẽ giữa việc phát triển nhanh và phát triển bền vững.

Tại Đại hội XI, Đảng Cộng sản Việt Nam đã chỉ rõ vai trò của từng loại hình phát triển: “Phát triển bền vững là cơ sở để phát triển nhanh; phát triển nhanh để tạo nguồn lực cho phát triển bền vững. Phát triển nhanh và bền vững phải luôn luôn gắn chặt với nhau”⁽³⁾. Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh vấn đề “thể chế phát triển bền vững”, tức là thể chế bảo đảm sự phát triển toàn diện, đồng bộ, hài hòa của tất cả các lĩnh vực trong đời sống đất nước để “tạo động lực mới cho, sự phát triển nhanh và bền vững đất nước”⁽⁴⁾.

Nhìn chung, quan điểm về phát triển bền vững của Việt Nam vừa có sự kế thừa của thế giới vừa có sự vận dụng, bổ sung phát triển cho phù hợp với điều kiện Việt Nam.

Lựa chọn mô hình phát triển đúng đắn rất quan trọng, việc tìm kiếm và phát huy các động lực để hiện thực hóa mô hình cũng quan trọng không kém. Lịch sử Việt Nam và thế giới đã chứng minh: Văn hóa là “chìa khóa” để thực hiện chiến lược phát triển bền vững. Cho dù tồn tại nhiều định nghĩa về văn hóa nhưng tựu trung, văn hóa là những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra. Văn hóa và phát triển bền vững là hai mặt không thể tách rời, vì các lý do sau đây:

Thứ nhất, văn hóa là bản sắc, là nội lực minh chứng sự tồn tại của mỗi dân tộc

Điều kiện sinh tồn tạo nên truyền thống, bản sắc văn hóa để mỗi dân tộc không bị “trộn lẫn” với dân tộc khác. Dân tộc Việt Nam trải qua bao thăng trầm của lịch sử vẫn hiên ngang tồn tại là do nội lực văn hóa mạnh mẽ. Ngược lại, lịch sử khốc liệt nhưng oai hùng đã kết tinh nên văn hóa Việt Nam với các truyền thống nổi bật như yêu nước, đoàn kết, nhân ái, khoan dung, khả năng ứng biến cao và các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể độc đáo. Sau Cách mạng Tháng Tám, tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ nhất (24-11-1946), Hồ Chí Minh đã khẳng định vai trò to lớn của văn hóa: “Văn hóa soi đường cho quốc dân đi”⁽⁵⁾.

Ngày nay, khi thế giới hội nhập ngày càng sâu rộng, sự “giao thoa”, thậm chí là “xâm lăng văn hóa” diễn ra mạnh mẽ, quốc gia, dân

tộc nào giữ được bản sắc văn hóa mới có thể tồn tại và đủ năng lực chọn lọc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại để phát triển. Ngược lại, nếu không giữ được bản sắc văn hóa thì quốc gia đó sẽ bị “đồng hóa”, “xóa sổ” và không còn cơ hội phát triển. Văn hóa còn thì dân tộc còn. Do đó, giữ gìn và phát triển văn hóa chính là điều kiện “cần” cho sự phát triển bền vững của một dân tộc.

Thứ hai, văn hóa là động lực thúc đẩy hoạt động mọi mặt của quốc gia theo hướng lành mạnh

Đời sống của mọi quốc gia đều bao gồm các lĩnh vực cơ bản là kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quân sự, ngoại giao... Văn hóa không chỉ là một lĩnh vực trong đời sống đất nước mà còn là sức mạnh “bên trong” đóng vai trò chi phối hoạt động của các lĩnh vực khác. “Sức mạnh ngầm” của văn hóa ảnh hưởng đến các lĩnh vực:

Trong mối quan hệ với kinh tế, văn hóa quyết định hiệu quả hoạt động kinh tế. C. Mác từng nói về vai trò của văn hóa đối với sản xuất nông nghiệp: “Nếu canh tác được tiến hành một cách tự phát mà không được hướng dẫn một cách có ý thức... thì sẽ để lại sau nó đất hoang”⁽⁶⁾. Điều này có nghĩa là, nếu không có tri thức, tức văn hóa dẫn đường, mọi hoạt động sản xuất sẽ không có hiệu quả và để lại nhiều hậu quả về môi trường. Kinh tế muốn phát triển bền vững thì phải hướng tới các giá trị văn hóa. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa kinh doanh, văn hóa doanh nhân... chính là làm cho văn hóa thấm thâu vào hoạt động kinh tế, giúp hoạt động kinh tế trở nên lành mạnh, nhân văn.

Hiện nay, kinh tế thị trường là mô hình kinh tế phổ quát, để hạn

ché mặt trái của kinh tế thị trường cần văn hóa dẫn đường. Trong thời đại kinh tế tri thức, kinh tế phát triển chủ yếu nhờ vào “chất xám”, văn hóa ngày càng giữ vai trò quan trọng trong các hoạt động kinh tế. Trên nhiều phương diện, kinh tế gắn với văn hóa, xây dựng văn hóa trong kinh tế là việc cần làm để kinh tế có sự tăng trưởng bền vững.

Trong mối quan hệ với chính trị, văn hóa quyết định chất lượng nền chính trị. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Văn hóa hiểu rộng cũng là chính trị. Chính trị hiểu sâu cũng là văn hóa”⁽⁷⁾. Một nền chính trị lành mạnh là một nền chính trị hành động đúng quy luật, hợp lòng dân, thuận chiều lịch sử và hướng tới các giá trị nhân văn. Tri thức, đạo đức - hai yếu tố quan trọng nhất của văn hóa giúp quyền lực không bị tha hóa. Nòng cốt của văn hóa chính trị là văn hóa lãnh đạo và văn hóa quản lý. Những tri thức, kỹ năng, nghệ thuật lãnh đạo, quản lý cần được trang bị, trau dồi thông qua giáo dục - một dạng thức của văn hóa. Chính trị tốt yếu phải không ngừng đổi mới và sáng tạo, đó chính là bản chất của văn hóa. Tựu trung, một nền chính trị chân chính phải là một *nền chính trị văn hóa*. Nếu thiếu nền tảng văn hóa, nền chính trị đó chắc chắn sẽ yếu kém, suy đồi, đổ vỡ.

Trong mối quan hệ với xã hội, văn hóa là nền tảng đời sống tinh thần xã hội. Với các giá trị “chân” (cái đúng), “thiện” (cái tốt), “mỹ” (cái đẹp), các giá trị đạo đức trong văn hóa đóng vai trò điều tiết lối sống, đạo đức cá nhân, buộc mỗi cá nhân điều chỉnh hành vi phù hợp với dư luận xã hội và trách nhiệm cộng đồng, tạo nên một xã hội dân chủ, kỷ cương. Ngược lại, sự suy vi của văn hóa sẽ dẫn đến sự lệch chuẩn đạo đức và hậu quả là “rối loạn xã hội”. Văn hóa cũng làm cho

mọi người trong xã hội biết yêu thương, tôn trọng, khoan dung với nhau. Một xã hội được điều tiết bởi văn hóa sẽ là một xã hội hài hòa và nhân văn.

Trong mối quan hệ với an ninh, ngoại giao, văn hóa - “sức mạnh mềm” của một dân tộc tạo nên vị thế, hình ảnh, tầm vóc, thương hiệu, uy tín của mỗi quốc gia. Trí tuệ và tri thức giúp dân tộc đó “biết mình, biết người”, tìm ra cách ứng phó trước các nguy cơ, hóa giải xung đột, giữ gìn hòa bình - điều kiện tiên quyết để phát triển. Trong trường hợp xảy ra chiến tranh, văn hóa là cội nguồn chiến thắng. Khi hội nhập quốc tế, văn hóa tạo ra sức hấp dẫn trong tiến trình giao lưu và giúp dân tộc đó đủ bản lĩnh hội nhập.

Tựu trung, khi văn hóa thấm sâu vào đời sống xã hội, xã hội sẽ có định hướng phát triển lành mạnh, gia tăng sức mạnh toàn diện của quốc gia.

Thứ ba, văn hóa góp phần tạo dựng phẩm chất con người, để con người trở thành động lực của sự phát triển

Văn hóa và con người có mối quan hệ tương hỗ chặt chẽ. Con người là chủ thể sáng tạo ra văn hóa, các giá trị văn hóa, hoạt động văn hóa bồi đắp, hoàn thiện con người. Không thể có văn hóa nếu không có con người và không thể có bản tính con người nếu không có môi trường văn hóa. Con người là chủ thể của tồn tại xã hội đồng thời, con người có văn hóa là động lực của sự phát triển. Trong nhân cách con người có 3 yếu tố cơ bản là đạo đức, trí tuệ và thẩm mỹ đều là sản phẩm của văn hóa. Trong Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, con người với năng lực sáng tạo vô tận chính là nguồn tài nguyên quý giá

nhất để tạo nên vị thế, sức cạnh tranh của một quốc gia. Cho dù sản phẩm văn hóa không giải thoát con người khỏi sự đói khát, bệnh tật theo nghĩa đen nhưng là sức mạnh nội sinh để con người sáng tạo ra lịch sử, thúc đẩy lịch sử tiến lên.

Thứ tư, văn hóa góp phần quan trọng để bảo vệ môi trường - thành tố căn cốt của sự phát triển bền vững

Cách đây hàng thế kỷ, Ph.Ăngghen đã cảnh báo về việc thiên nhiên sẽ “trả thù” con người nếu con người “thống trị giới tự nhiên” một cách thô bạo như những kẻ cướp, ông viết: “Chúng ta cũng không nên quá tự hào về những thắng lợi của chúng ta đối với giới tự nhiên. Bởi vì cứ mỗi lần ta đạt được một thắng lợi, là mỗi lần giới tự nhiên trả thù lại chúng ta”⁽⁸⁾. Trong thế kỷ qua, kinh tế thế giới có sự phát triển vượt bậc nhưng thảm họa môi trường xảy ra ngày càng nhiều và thảm khốc. Do đó, công nghiệp hóa đất nước, phát triển kinh tế là bước đi tất yếu, đồng thời, bảo vệ môi trường là nhiệm vụ tất yếu.

Để làm tốt công tác bảo vệ môi trường, con người cần có tình yêu thiên nhiên, có trách nhiệm với thế hệ tương lai và có tri thức về môi trường cũng như kiến thức để ngăn ngừa, khắc phục các thảm họa môi trường. Những phẩm chất và năng lực đó là kết quả của hoạt động giáo dục, của văn hóa. Ngược lại, con người “vô đức, vô tri”, tham lam, vô trách nhiệm sẽ gây ra thảm họa môi trường, khiến nhân loại phải gánh chịu hậu quả.

Thứ năm, văn hóa tạo nên ngành công nghiệp không khói đầy tiềm năng phát triển

Từ nửa cuối thế kỷ XX, văn hóa trở thành một ngành công

nghiệp với những sản phẩm đa dạng, có giá trị kinh tế cao. Đóng góp của văn hóa vào sự phát triển không chỉ đơn thuần là yếu tố tinh thần mà còn là vật chất, mang giá trị kinh tế. Công nghiệp văn hóa ra đời dựa trên sự khai thác các yếu tố: sự sáng tạo của con người, thành tựu của khoa học - công nghệ, thị trường và bản sắc văn hóa dân tộc với các ngành nghề chủ chốt như du lịch, truyền thông, thiết kế, thời trang, nghệ thuật biểu diễn, in ấn, xuất bản, phim ảnh, nghệ thuật thị giác, phát thanh truyền hình, công nghiệp vui chơi, giải trí và phần mềm vi tính... Đây là các ngành công nghiệp không khói, có hiệu suất kinh tế cao và triển vọng phát triển rất lớn.

Việt Nam là một quốc gia có nền văn hóa lâu đời, có nhiều danh lam thắng cảnh và nền văn hóa ẩm thực hấp dẫn nên có nhiều thuận lợi để phát triển công nghiệp văn hóa. Việt Nam trong thời kỳ đổi mới, thị trường văn hóa và ngành công nghiệp văn hóa đang dần hình thành, góp phần vào sự phát triển đất nước. Xét về mọi phương diện, văn hóa đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển bền vững của đất nước và nhân loại.

3. Quan điểm của Đảng trong thời kỳ đổi mới về phát huy vai trò của văn hóa với phát triển đất nước

Trên cơ sở nhận thức ngày càng sâu sắc về tầm quan trọng của văn hóa, trong thời kỳ đổi mới, Đảng đã thông qua một số nghị quyết chuyên đề về văn hóa. Năm 1998, Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII đã ban hành Nghị quyết số 03-NQ/TW “Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, trong đó khẳng định: Văn hóa là nền tảng tinh thần xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là

động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. So với quan điểm coi văn hóa chỉ là một lĩnh vực trong đời sống đất nước của thời kỳ trước đổi mới, việc khẳng định văn hóa là nền tảng tinh thần xã hội, có thể thâm thấu được vào hoạt động kinh tế và xã hội, là một quan điểm sáng tạo.

Hội nghị Trung ương 10 khóa IX (năm 2004) cho rằng, sự phát triển đồng bộ 3 lĩnh vực kinh tế - chính trị - văn hóa sẽ tạo ra sự phát triển toàn diện và bền vững của đất nước. Ý thức ngày càng rõ khả năng chi phối của văn hóa đối với mọi hoạt động của đời sống xã hội, Đại hội X của Đảng đặt ra yêu cầu: “Nâng cao tính văn hóa trong mọi hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội và sinh hoạt của nhân dân... Đặc biệt coi trọng nâng cao văn hóa lãnh đạo và quản lý, văn hóa trong kinh doanh”⁽⁹⁾.

Hội nghị Trung ương 9 khóa XI (năm 2014) khẳng định vai trò của văn hóa là động lực phát triển bền vững đất nước, chứ không chỉ là động lực của phát triển kinh tế - xã hội như Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII.

Đại hội XII của Đảng (năm 2016) tiếp tục đề cao vai trò của văn hóa: “Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc”⁽¹⁰⁾. Lần đầu tiên, văn hóa được khẳng định là sức mạnh nội sinh cho phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

Đại hội XIII của Đảng chính thức khẳng định: “sức mạnh mềm của văn hóa Việt Nam” và coi văn hóa là “động lực đột phá phát triển

kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế⁽¹¹⁾. Vai trò của văn hóa được đề cao hơn khi coi đó là động lực tạo nên bước nhảy vọt trong tiến trình phát triển và là thế mạnh để hội nhập quốc tế.

Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về vai trò của văn hóa đối với sự phát triển bền vững đất nước được khẳng định bởi người đứng đầu Đảng - Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng: “phát triển văn hóa đồng bộ, hài hòa với tăng trưởng kinh tế và tiến bộ, công bằng xã hội là một định hướng căn bản của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”⁽¹²⁾.

Sự không ngừng đổi mới tư duy của Đảng về vai trò của văn hóa, những nhận thức mới về văn hóa tạo ra sự đổi mới từng bước cơ chế quản lý văn hóa, tạo điều kiện cho việc xã hội hóa các hoạt động văn hóa. Điều đó làm gia tăng các nguồn lực để đáp ứng nhu cầu tinh thần ngày càng phong phú của nhân dân. Nhiều di sản văn hóa vật thể và phi vật thể được bảo tồn, tôn tạo và được UNESCO ghi nhận là di sản văn hóa thế giới, qua đó thúc đẩy du lịch và thu hút đầu tư cho Việt Nam.

Văn hóa trong chính trị và kinh tế bước đầu được đề cập. Công nghiệp văn hóa và thị trường văn hóa đã ra đời và không ngừng khởi sắc. Đội ngũ những người làm công tác văn hóa chuyên nghiệp được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng. Hoạt động giao lưu, hợp tác về văn hóa với các nước có bước phát triển mạnh mẽ.

Bên cạnh những kết quả đạt được, sự phát triển của văn hóa trong mối liên kết với phát triển bền vững còn tồn tại không ít yếu kém. Sự đầu tư cho văn hóa chưa tương xứng so với sự phát triển kinh

tế. Sự phát triển của các lĩnh vực văn hóa chưa đồng bộ, thiên về văn hóa nghe nhìn và chức năng giải trí, thương mại. Văn hóa chưa thâm thấu vào kinh tế, chính trị và đời sống xã hội dẫn đến lối làm ăn chộp giật, các tệ nạn tham nhũng, tiêu cực và lối sống vị kỷ, vô cảm. Phương thức lãnh đạo và quản lý văn hóa chậm được đổi mới và nhiều lúng túng. Sự chênh lệch về hưởng thụ văn hóa giữa các vùng miền còn lớn. Công tác quảng bá văn hóa Việt Nam ra thế giới còn đơn điệu, nghèo nàn, hiệu quả chưa cao, trong khi việc tiếp thu văn hóa bên ngoài có phần dễ dãi do tâm lý “sính ngoại”.

Những yếu kém trên đã được nhắc đến nhiều lần nhưng chậm được khắc phục. Đại hội XIII thừa nhận: “Văn hóa chưa được quan tâm tương xứng với kinh tế và chính trị, chưa thật sự trở thành nguồn lực, động lực nội sinh của sự phát triển bền vững đất nước. Vai trò của văn hóa trong xây dựng con người chưa được xác định đúng tầm”⁽¹³⁾.

4. Giải pháp phát huy vai trò của văn hóa cho mục tiêu phát triển bền vững đất nước

Để khai thác các giá trị văn hóa như một nguồn tài nguyên quan trọng nhất cho mục tiêu phát triển bền vững, cần chú trọng các giải pháp sau:

Một là, nâng cao nhận thức của toàn hệ thống chính trị và nhân dân về sức mạnh của văn hóa đối với sự phát triển bền vững đất nước

Tư duy, nhận thức luôn quyết định hành động. Sản phẩm cuối cùng của văn hóa là con người nên khó có kết quả “tức thì”. Cần xóa bỏ nhận thức văn hóa chỉ là “cờ đèn kèn trống”, là “bề nổi”, là lĩnh

vực “tôn tiền chứ không ra tiền”. Khi sức mạnh văn hóa không được phát huy, các yếu tố phản văn hóa, phi đạo đức dễ dàng xâm nhập vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Khắc phục sự suy thoái về văn hóa, đạo đức sẽ khó khăn và lâu dài hơn rất nhiều so với sự khôi phục kinh tế. Vậy nên, giải pháp cho văn hóa trước hết phải bắt đầu từ tư duy.

Phải nhận thức rõ, muốn có một xã hội phát triển bền vững, mọi hoạt động trong xã hội phải được đặt vào quỹ đạo của văn hóa và hướng tới mục tiêu văn hóa. Cần chú trọng bảo tồn các giá trị văn hóa Việt Nam trong bối cảnh kinh tế thị trường, sự phát triển của mạng xã hội và tiến trình toàn cầu hóa. Cần xác định rõ tầm quan trọng của việc xây dựng môi trường văn hóa số để phù hợp với nền kinh tế số, xã hội số và công dân số.

Hai là, đổi mới phương thức lãnh đạo văn hóa của Đảng và hoàn thiện thể chế phát triển văn hóa

Trong xã hội hiện đại, để văn hóa phát triển thì cần phải có hệ thống pháp luật đầy đủ, minh bạch với các chế tài hiệu lực, hiệu quả. Đại hội XIII của Đảng đã đề cập việc “hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển bền vững”⁽¹⁴⁾. Để thể chế hóa các quan điểm của Đảng về văn hóa, cần rà soát, phân loại các văn bản về chính sách văn hóa: những gì đã làm, chưa làm hay chưa làm xong và những gì cần phải làm để hoàn thiện, ban hành và thực hiện. Thay cho việc quản lý trực tiếp các đơn vị văn hóa và hoạt động văn hóa như trước đây, Nhà nước nên chuyển sang kiểm soát và điều chỉnh ở tầm vĩ mô bằng việc đề ra hệ thống luật pháp và giám sát việc thực hiện.

Ba là, xây dựng hệ giá trị văn hóa Việt Nam

Trải qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, dân tộc Việt Nam đã tạo nên hệ thống các hệ giá trị, trong đó có hệ giá trị văn hóa. Hệ giá trị văn hóa dân tộc vừa như “phong vũ biểu” hiển thị các giá trị cốt lõi của dân tộc, vừa đóng vai trò điều tiết xã hội.

Tuy nhiên, hệ giá trị không phải là đại lượng bất biến. Bối cảnh thay đổi, hệ giá trị văn hóa cũng thay đổi. Vì thế, nghiên cứu, xác định và triển khai hệ giá trị văn hóa dân tộc trong sự tương đồng với hệ giá trị quốc gia, hệ chuẩn mực con người và hệ giá trị gia đình Việt Nam là việc làm rất cấp thiết để phát huy sức mạnh của văn hóa đối với sự phát triển bền vững đất nước.

Bốn là, tăng cường đầu tư cho văn hóa, thúc đẩy ngành công nghiệp văn hóa đầy tiềm năng

Mặc dù vai trò của văn hóa ngày càng được thừa nhận và đề cao nhưng trên thực tế, kinh phí đầu tư cho văn hóa vẫn rất “khiêm tốn”, ở các địa phương, nhất là vùng sâu, vùng xa, mức đầu tư càng giảm. Kết quả là, nhiều địa phương thiếu nguồn lực để trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa đã được xếp hạng và xây dựng các công trình văn hóa thiết yếu phục vụ nhu cầu sinh hoạt, giải trí, hoạt động thể dục thể thao của người dân. Do đó, cần tăng mức đầu tư cho văn hóa tối thiểu 2% tổng chi ngân sách hàng năm theo “Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030” đã đề ra.

Hiện nay, phát triển công nghiệp văn hóa là xu thế của thế giới hiện đại và cũng là biện pháp để tối ưu hóa cơ cấu nền công nghiệp nước nhà, nâng cao văn hóa quốc dân, quảng bá văn hóa dân tộc với

quốc tế. Trong thời kỳ đổi mới, ngành công nghiệp văn hóa của Việt Nam đã ra đời, tuy nhiên, chưa phát triển do những vướng mắc về thể chế và sự hạn hẹp về nguồn vốn, kinh nghiệm hoạt động, quản lý. Nhà nước cần quan tâm và ưu tiên đặc biệt cho ngành công nghiệp văn hóa để góp phần xây dựng nền “kinh tế xanh” và đáp ứng nhu cầu tinh thần ngày càng lớn của người dân.

Năm là, đào tạo đội ngũ cán bộ văn hóa chuyên nghiệp, chất lượng

Muốn văn hóa phát triển thì không chỉ cần “vốn tiền” mà cả “vốn người” am hiểu về văn hóa. Đại hội XIII đề ra chủ trương “đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, tham mưu trong lĩnh vực văn hóa, văn nghệ, nhất là cán bộ chủ chốt thực sự am hiểu về văn hóa, có phẩm chất, bản lĩnh, năng lực chuyên môn, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ⁽¹⁵⁾”.

Để có đội ngũ cán bộ văn hóa bảo đảm về số lượng và chất lượng, cần nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành về vai trò của cán bộ làm công tác văn hóa. Cần rà soát hệ thống các trường đào tạo cán bộ văn hóa, tiến tới đổi mới và hiện đại hóa nội dung, phương thức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ văn hóa theo hướng gắn với thực tế và học tập cách làm văn hóa, làm du lịch của thế giới.

Có cơ chế thu hút sinh viên theo học các ngành văn hóa, đặc biệt là con em đồng bào dân tộc thiểu số. Có chính sách ưu đãi cán bộ văn hóa, đặc biệt cán bộ công tác ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Huy động sự tham gia của các nghệ nhân dân gian, già làng trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng cùng tham gia tổ chức, điều hành các hoạt động văn hóa. Quan tâm đội ngũ cán bộ làm

công tác văn hóa, đội ngũ trí thức và trọng đãi họ là cách thức để bồi đắp “nguyên khí quốc gia”.

Sáu là, tăng cường giao lưu văn hóa với thế giới

Xét về cương vực địa lý và tiềm lực kinh tế, Việt Nam là một nước nhỏ nhưng không vì thế mà Việt Nam có “nền văn hóa nhỏ”. Hồ Chí Minh từng nói, văn hóa gắn liền với điều kiện sinh tồn; do đó, không có nền văn hóa cao, nền văn hóa thấp. Là một dân tộc có truyền thống văn hóa lâu đời, Việt Nam phải tự tin quảng bá rộng rãi các giá trị văn hóa của mình ra thế giới. Trong quá trình giao lưu văn hóa, cần giữ gìn, quảng bá những giá trị thật và cốt lõi của văn hóa Việt Nam. Luôn tôn trọng sự khác biệt, tìm sự thống nhất trong đa dạng để học hỏi các dân tộc khác, đồng thời, cần đề phòng nguy cơ “xâm lăng văn hóa” và “diễn biến hòa bình” trong lĩnh vực văn hóa để bảo vệ chủ quyền dân tộc.

5. Kết luận

Tìm ra giải pháp đã khó nhưng thực hiện nó còn khó hơn nhiều lần. Khi và chỉ khi thực sự quyết tâm, đồng lòng thì các giải pháp mới có thể “đi vào” thực tế.

Để đạt được mục tiêu phát triển đã đề ra, Việt Nam cần phát huy cả sức mạnh cứng của văn hóa là ngành công nghiệp văn hóa đầy triển vọng và sức mạnh mềm của văn hóa là tri thức, đạo đức, thẩm mỹ... Văn hóa là sức sống nội sinh, sức mạnh mềm của một dân tộc nên nhận thức đúng và ứng xử đúng với văn hóa chính là “chìa khóa” phát triển bền vững, mở ra tương lai tươi sáng cho dân tộc và góp phần làm

phong phú nền văn hóa của toàn nhân loại□

(1), (11), (13), (14), (15) ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.116, 47, 84, 114, 146-147.

(2) ĐCSVN: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, t.53, Hà Nội, 2007, tr.530.

(3) ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.99.

(4) Xem ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.I, Sđd, tr.114.

(5) Xem báo Cứu quốc, số 416, ngày 25-11-1946.

(6) C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, t.32, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1997, tr.80.

(7) Dẫn theo Đinh Xuân Lâm, Nguyễn Văn Khoan: *Luật sư Phan Anh*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2011, tr.326.

(8) C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, t.20, Sđd, 2002, tr.654.

(9) ĐCSVN; *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.65, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2018, tr.285.

(10) ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.126.

(12) Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.27.

Nguồn: Tạp chí Lý luận chính trị.- 2024.- Số 553.- Tr.13-20.

PHẦN II
GIẢI PHÁP XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN VĂN HÓA,
CON NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY

KẾT NỐI, PHÂN BỐ, SỬ DỤNG HIỆU QUẢ
NGUỒN LỰC NHÀ NƯỚC, NGUỒN LỰC DOANH NGHIỆP
VÀ NGUỒN LỰC XÃ HỘI CHO PHÁT TRIỂN VĂN HÓA

PGS, TS. ĐOÀN MINH HUẤN
Ủy viên Trung ương Đảng,
Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản

Đóng vai trò quyết định cho phát triển văn hóa không chỉ cần đến gia tăng nguồn lực, mà còn phải đổi mới cách sử dụng nguồn lực. Trong điều kiện hiện nay, nguồn lực cho phát triển văn hóa cần phải được gia tăng quy mô đầu tư gắn với phân bổ, sử dụng hiệu quả, tăng cường tính kết nối giữa nguồn lực nhà nước, doanh nghiệp và xã hội.

Định dạng đặc trưng các loại nguồn lực phục vụ phát triển văn hóa

Nguồn lực là tất cả các “yếu tố đầu vào” sẵn sàng đưa vào sử dụng hoặc dự trữ để phục vụ sản xuất của một quốc gia, địa phương, doanh nghiệp, gia đình hoặc cá nhân. Theo phương thức tồn tại, có nguồn lực vật thể và nguồn lực phi vật thể; theo tính chất có nguồn

lực tự nhiên (vị trí địa lý, tài nguyên thiên nhiên), hệ thống tài sản quốc gia, nguồn lực xã hội - nhân văn (tri thức, lao động, di sản văn hóa, thông tin, khoa học - công nghệ...), nguồn lực tài chính; theo chủ sở hữu có nguồn lực nhà nước, nguồn lực doanh nghiệp và nguồn lực xã hội.

Toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, kinh tế tri thức và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư khiến quan niệm về nguồn lực có nhiều thay đổi. Trong khi các nguồn lực truyền thống ngày càng cạn kiệt thì con người lại phát hiện, phát minh những nguồn lực mới không chỉ bù đắp những thiếu hụt, bổ sung nhu cầu phát triển, mà còn mang tính “xanh”, “sạch”, thân thiện môi trường, như nguồn năng lượng tái tạo, nguồn lực tri thức, nguồn lực thông tin... Nhờ thành tựu khoa học - công nghệ mà liên kết, “dữ liệu hóa” khiến thông tin trở thành nguồn lực quan trọng; làm cho phế thải có thể tái chế, trở thành nguồn lực “đầu vào” cho sản xuất gắn với nguyên lý tuần hoàn; biến những nơi có tiềm năng năng lượng gió, năng lượng bức xạ nhiệt mặt trời có cơ hội phát triển các ngành năng lượng tái tạo. Tri thức ngày càng nổi lên trở thành nguồn lực quan trọng bậc nhất trong nền kinh tế tri thức, đẩy các nguồn lực khác xuống hàng thứ yếu, làm đảo lộn vai trò giữa nguồn lực vô hình và hữu hình, giữa sở hữu giá trị và sở hữu hiện vật. Các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể cũng được “nguồn lực hóa” phục vụ cho các ngành kinh tế dựa vào “yếu tố đầu vào” là giá trị văn hóa, như kinh tế sáng tạo, công nghiệp văn hóa...

Nguồn lực có tính giới hạn, tính cạnh tranh và tính động. Nguồn lực tự nhiên truyền thống ngày càng khan hiếm, do không có nhiều

khả năng tái tạo trước nhu cầu khai thác, sử dụng theo cấp số nhân của con người, nhất là đất đai, năng lượng hóa thạch... Tính khan hiếm đặt ra yêu cầu phải sử dụng nguồn lực không tái tạo một cách tiết kiệm, hiệu quả, bảo đảm hài hòa giữa khai thác phục vụ trước mắt và dự trữ, bồi đắp vì sự phát triển bền vững trong tương lai. Tính cạnh tranh nguồn lực ngày càng khốc liệt trong nền kinh tế thị trường, toàn cầu hóa, không chỉ giữa các chủ thể trong từng quốc gia, mà kể cả giữa các quốc gia trên phạm vi toàn cầu. Không có cuộc chiến tranh, xung đột nào giữa các quốc gia nằm ngoài mục đích chiếm hữu, kiểm soát nguồn lực, như tranh giành lãnh thổ, mở rộng thị trường, kiểm soát các vị trí địa chiến lược, giành giật dầu mỏ, nguồn nước ngọt... Ngày nay, cạnh tranh chiến lược về khoa học, công nghệ, thu hút nhân tài trở nên phổ biến trong quan hệ quốc tế cũng không nằm ngoài tranh giành nguồn lực. Tính “động” thể hiện ở khả năng dịch chuyển của nguồn lực từ chỗ sản xuất kém hiệu quả đến chỗ sản xuất hiệu quả hơn, khiến các quốc gia luôn tìm cách cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh để nâng cao sức hấp dẫn thu hút nguồn lực, còn các nhà đầu tư luôn tìm bến đỗ an toàn, hiệu quả, sinh lời cao cho tài sản của mình. Tính “động” của nguồn lực còn thể hiện ở khả năng chuyển hóa, tái tạo nguồn lực, nhất là nguồn lực tri thức, thông tin, nguồn lực văn hóa...

Nguồn lực có vai trò to lớn đối với toàn nhân loại, từng quốc gia - dân tộc và mỗi chủ thể sản xuất, kinh doanh. Đất đai là tài sản quốc gia, là tư liệu sản xuất quan trọng bậc nhất, là không gian tổ chức đời sống xã hội con người. Từ đất mà sản xuất ra của cải vật chất, được sử dụng để dựng nhà cửa, lập thành cộng đồng, tổ chức đời sống dân

sinh, rồi khi chết con người cũng trở về với đất. Đất không chỉ là nguồn lực thuần túy, mà một khi mang dấu ấn bàn tay, khối óc, mồ hôi, xương máu của con người thì lại chứa đựng giá trị văn hóa, vì vậy, đất thường được thiêng hóa (Đất Mẹ, Thổ Thần...). Khoáng sản là nguyên, nhiên liệu đầu vào cho nhiều ngành sản xuất vật chất, kể cả sản xuất vật phẩm văn hóa. Tài chính là nguồn lực không thể thiếu cho mọi ngành sản xuất, giống như máu đối với cơ thể sống của con người. Thông tin được “dữ liệu hóa” trở thành một loại nguồn lực đặc biệt quan trọng, không chỉ đối với từng cá nhân, doanh nghiệp, mà cả với quốc gia. Con người là nguồn lực quan trọng nhất, bởi thông qua con người thì các nguồn lực khác từ “tiềm năng” mới biến thành “động năng”, được khai thác, sử dụng hiệu quả phục vụ cho phát triển. Tri thức trở thành nguồn lực và động lực quan trọng nhất cho đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, phát triển đất nước trong giai đoạn mới. Nguồn lực tri thức là vô tận, nếu biết chăm lo phát triển thì giá trị ngày càng tăng thêm, không bị cạn kiệt như các nguồn lực khác. Văn hóa cũng là một loại nguồn lực gắn với con người, với nền văn hóa dân tộc, chứa đựng ở cả loại hình văn hóa vật thể và phi vật thể. Nguồn lực văn hóa là một loại nguồn lực xã hội - nhân văn, càng khai thác thì giá trị càng tăng thêm, như tinh thần yêu nước, khát vọng cống hiến, lý tưởng dân thân, tinh thần liêm chính... Nếu như các loại nguồn lực khác chỉ tạo động lực phát triển thì nguồn lực văn hóa còn mang thêm chức năng điều tiết sự phát triển - bản chất sâu xa là lấy phát triển dựa trên thúc đẩy lợi ích và phát triển dựa trên định hướng giá trị.

Phát triển văn hóa cần đến cả nguồn lực bên trong và nguồn lực

bên ngoài. Nguồn lực bên ngoài có thể thuộc sở hữu các nhà nước, các định chế quốc tế, các doanh nghiệp, các tổ chức phi chính phủ, các cá nhân, kể cả người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Nguồn lực thuộc sở hữu các nhà nước, các định chế quốc tế thường là các khoản viện trợ hoàn lại hoặc không hoàn lại gắn với công nghệ, nhân lực thường dùng để phục chế, bảo tồn các di sản văn hóa. Nguồn lực của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thường hướng vào phát triển các chuỗi sản phẩm du lịch, các ngành công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí, các nền tảng kỹ thuật số gắn với nhân lực chuyên biệt, công nghệ của các ngành này. Hợp tác với các nhà đầu tư nước ngoài để tranh thủ nguồn lực, trình độ công nghệ, tham gia chuỗi cung ứng sản phẩm và dịch vụ văn hóa là một xu hướng lớn hiện nay, nhưng bản thân các nhà đầu tư nước ngoài cũng thường xuyên tìm cách trốn thuế, đặc biệt là khi tham gia trên thị trường kỹ thuật số. Nguồn lực các tổ chức phi chính phủ và cá nhân rất phong phú, đa dạng, thường tài trợ thông qua các quỹ, góp phần không nhỏ vào bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, nhất là thúc đẩy đa dạng văn hóa, bảo vệ bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số, bản sắc văn hóa địa phương.

Sức mạnh của nguồn lực cho phát triển văn hóa Việt Nam trong thời kỳ mới dựa trên cơ sở phát huy đầy đủ cả nguồn lực trong nước và nguồn lực quốc tế, nguồn lực nhà nước, doanh nghiệp và xã hội, tất cả cùng kết nối, tạo nên sức mạnh tổng hợp.

Lợi thế và giới hạn từng loại nguồn lực nhà nước, nguồn lực doanh nghiệp và nguồn lực xã hội cho phát triển văn hóa

Nguồn lực nhà nước có nhiều loại, như đất đai và các tài nguyên

thiên nhiên (rừng, khoáng sản, nước), tài chính và tài sản công, nhân lực, khoa học - công nghệ, thông tin. Đất đai thuộc sở hữu toàn dân, do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý, là nguồn lực quan trọng hàng đầu cho đầu tư phát triển văn hóa, nhất là mặt bằng xây dựng các thiết chế văn hóa, không gian công cộng. Đặc trưng nền kinh tế chuyển đổi khiến nước ta còn duy trì quy mô lớn các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực văn hóa, như hãng phim, rạp hát, đơn vị biểu diễn nghệ thuật, trường đào tạo văn hóa, nghệ thuật,... mà ở đó đất đai và bất động sản trên đất đều là tài sản công. Tài chính công là nguồn lực quan trọng hàng đầu cho phát triển văn hóa, gồm chi đầu tư phát triển, chi cho sự nghiệp có tính đầu tư và chi thường xuyên. Nhân lực khu vực công bao gồm các nhà lãnh đạo, quản lý, đội ngũ sáng tạo văn hóa, nghệ thuật và người lao động tại các đơn vị sự nghiệp công lập (đoàn nghệ thuật biểu diễn, trường văn hóa nghệ thuật, hãng phim, rạp hát...). Các nhà lãnh đạo, quản lý có tư duy đúng về phát triển dựa trên văn hóa sẽ thúc đẩy phát triển văn hóa trong chính trị, đồng thời khi xây dựng bất cứ chính sách nào cũng tính toán đầy đủ chiều cạnh văn hóa khả năng tham dự của văn hóa vào phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh - quốc phòng, đối ngoại. Văn nghệ sĩ, diễn viên, ca sĩ trong các đơn vị sự nghiệp công lập được chăm lo phát triển toàn diện sẽ là lực lượng nòng cốt sáng tạo các sản phẩm văn hóa, nghệ thuật có giá trị. Người lao động khu vực công một khi thấm sâu văn hóa công sở, đạo đức nghề nghiệp sẽ là nhân tố quan trọng hàng đầu xây dựng văn hóa công vụ, lối sống văn minh, thúc đẩy liên chính nghề nghiệp. Dịch chuyển nhân lực giữa khu vực công và khu vực tư trong nền kinh tế thị trường, hoặc hình thái “chân trong”, “chân ngoài” của các nghệ

sĩ, diễn viên, ca sĩ... đang làm “mờ đi” tính chất công hay tư. Thông tin được “dữ liệu hóa”, “số hóa” trong lĩnh vực văn hóa cũng là một lợi thế của Nhà nước được khai thác, sử dụng để phục vụ cho phát triển văn hóa, nhất là quảng bá văn hóa và phát triển du lịch. Khoa học - công nghệ ngày càng trở thành nguồn lực trực tiếp phục vụ cho sản xuất, kinh doanh và quản lý gắn với vai trò đầu tư nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ của Nhà nước. Trong đó, khoa học - công nghệ phục vụ phát triển văn hóa có vai trò cực kỳ quan trọng, như công nghệ trên các lĩnh vực truyền thông, văn hóa giải trí, du lịch; hay khoa học xã hội - nhân văn có nhiệm vụ nghiên cứu về văn hóa và khả năng “nguồn lực hóa”, khai thác, sử dụng, phát huy các giá trị văn hóa phục vụ cho mọi mặt đời sống.

Nguồn lực nhà nước chỉ đạt được vai trò, sức mạnh khi *đầu tư đạt ngưỡng*, mang tính tập trung, đủ năng lực dẫn dắt, thu hút, lôi kéo nguồn lực doanh nghiệp và nguồn lực xã hội, tất cả cùng kết nối, tạo nên sức cộng hưởng cho phát triển văn hóa. Nguồn lực nhà nước đầu tư vào những khâu, những hạng mục mà tư nhân không làm hoặc chưa làm. Xác định đầu tư nhà nước vào đâu, đạt ngưỡng ra sao, phương thức như thế nào có ý nghĩa cực kỳ quan trọng cho phát triển văn hóa. Đầu tư tràn lan, không đúng trọng tâm, trọng điểm, không có khả năng kết nối, lôi cuốn tư nhân tham gia thì coi như đầu tư kém hiệu quả, chưa thể hiện được vai trò của đầu tư công. Chính sách tài khóa và chính sách đất đai là hai công cụ vĩ mô quan trọng nhất mà Nhà nước sử dụng để huy động, phân bổ, sử dụng nguồn lực tài chính công (thuế, phí, lệ phí; chi đầu tư công phát triển; chi sự nghiệp có tính đầu tư; chi thường xuyên) và nguồn lực đất đai. Nếu muốn khuyến khích

phát triển lĩnh vực nào thì Nhà nước hướng đầu tư nguồn lực tài chính tập trung vào lĩnh vực đó, gồm cả đầu tư phát triển và chi thường xuyên, thực hiện các chính sách miễn, giảm thuế, phí, lệ phí; dùng ngân sách chi trả lương hoặc hỗ trợ cho nhân viên các đơn vị cung ứng các dịch vụ và sản phẩm văn hóa mà tư nhân không làm, nhất là các lĩnh vực văn hóa mang tính hàng hóa công, như nghệ thuật truyền thống, công tác tư tưởng, định hướng giá trị đạo đức, thẩm mỹ... Nhà nước cũng có thể hỗ trợ phát triển văn hóa bằng miễn thuế đất khi xây dựng các công trình mang lại phúc lợi phi thu nhập cho cộng đồng, như thiết chế văn hóa, thể thao, công viên...; xây dựng cơ sở dữ liệu số ngành văn hóa một cách thống nhất, chia sẻ các dữ liệu đó phục vụ hoạt động quản lý và phát triển văn hóa, nhất là quảng bá và phát triển du lịch; đầu tư cho nghiên cứu khoa học, công nghệ, chuyển giao kết quả nghiên cứu để ứng dụng vào sản xuất và đời sống. Tuy nhiên, nguồn lực nhà nước cũng có nhược điểm là dễ bị lãng phí, phân bổ không hiệu quả. Vì vậy, *vận dụng nguyên tắc thị trường vào phân bổ, sử dụng nguồn lực nhà nước cần được chú ý*, như cơ chế đặt hàng theo số lượng và định mức kỹ thuật, thúc đẩy cạnh tranh trong khu vực công, hỗ trợ cho đối tượng thụ hưởng không phân biệt khu vực công hay khu vực tư, hạn chế hỗ trợ cả gói cho đơn vị sự nghiệp công lập để tránh tạo tâm lý trông chờ, ỷ lại, không tìm cách cải thiện chất lượng các sản phẩm và dịch vụ văn hóa. Hỗ trợ của Nhà nước cho phát triển văn hóa không chỉ giới hạn trong khu vực công, mà bao hàm cả khu vực ngoài nhà nước, nhất là các tổ chức phi lợi nhuận, tổ chức cộng đồng, như miễn thuế đất, hỗ trợ đào tạo nhân lực, chia sẻ dữ liệu số, đấu thầu cạnh tranh các gói dịch vụ sử dụng ngân sách bảo

đảm quyền tiếp cận của mọi chủ thể.

Nguồn lực nhà nước có hạn chế là bị chế định bởi những quy định hành chính, triển khai chậm, dễ thất thoát, lãng phí trong đầu tư nếu kiểm soát không chặt chẽ. Dịch vụ văn hóa miễn phí là một loại phúc lợi văn hóa dễ sử dụng lãng phí, ít ràng buộc trách nhiệm của người tiêu dùng. Phí, lệ phí được áp dụng có tác dụng nâng cao trách nhiệm của người tiêu dùng các dịch vụ văn hóa công cộng. Các đơn vị sự nghiệp công lập được Nhà nước chăm lo toàn phần từ chi trả lương, kinh phí đầu tư, định hướng hoạt động... thường thiếu năng động, sáng tạo, thậm chí trông chờ, ỷ lại. Khắc phục hạn chế này đòi hỏi phải tăng tính cạnh tranh trong khu vực công, gia tăng cơ chế đặt hàng, hỗ trợ trực tiếp đối tượng thụ hưởng, áp dụng các nguyên tắc quản trị doanh nghiệp vào hoạt động cung ứng dịch vụ. Khi tiền lương, thu nhập giữa khu vực tư với khu vực công quá chênh lệch, môi trường làm việc trong lĩnh vực văn hóa đòi hỏi tính tự do, dân chủ rất cao, thì dịch chuyển nhân lực từ khu vực công sang khu vực tư đặt ra những yêu cầu mới cao hơn về cải cách khu vực công. Nguồn lực nhà nước luôn đứng trước thách thức bị sử dụng không hiệu quả, lãng phí, thiếu trách nhiệm và tính giới hạn trước nhu cầu ngày càng lớn. Áp dụng nguyên tắc thị trường vào phân bổ nguồn lực nhà nước là cách thức góp phần nâng cao trách nhiệm sử dụng nguồn lực. Huy động nguồn lực doanh nghiệp và nguồn lực xã hội vào phát triển văn hóa có ý nghĩa bổ sung tính giới hạn, bù đắp thiếu hụt của nguồn lực nhà nước. Mỗi loại nguồn lực có đặc điểm, vai trò riêng, nhưng khi được kết nối sẽ tạo nên sức mạnh cộng hưởng cho phát triển văn hóa.

Nguồn lực doanh nghiệp khu vực tư nhân bao gồm vốn, tài sản, nhân lực, khoa học - công nghệ... Nguồn lực doanh nghiệp khu vực tư nhân bao giờ cũng hướng tới mục tiêu sinh lời, tối đa hóa lợi nhuận, phân bổ theo cơ chế thị trường nên thường đạt hiệu quả kinh tế cao. Tối đa hóa lợi nhuận khiến nhà đầu tư luôn phải tính toán hiệu quả sử dụng nguồn lực, bảo đảm chi phí bỏ ra thấp nhất mà khả năng sinh lời cao nhất. Khu vực doanh nghiệp tư nhân có điều kiện tiếp cận, sử dụng các công cụ thị trường (phát hành trái phiếu, cổ phiếu, vay nợ nước ngoài...) để huy động nguồn lực đầu tư phát triển mà ít bị hạn chế các điều kiện ngặt nghèo như khu vực doanh nghiệp nhà nước. Nguồn nhân lực khu vực doanh nghiệp tư nhân bao giờ cũng mang tính năng động cao hơn khu vực nhà nước khi người sử dụng lao động có quyền đưa ra các mức thưởng, phạt, tuyển chọn, sa thải nhân viên,... tạo động lực cho phát triển. Tri thức quản lý, quản trị của doanh nghiệp là nguồn lực quyết định đến khả năng phát triển của doanh nghiệp khi đưa ra các quyết định, phương án sản xuất, kinh doanh đúng đắn, hiệu quả. Tri thức của người lao động trong doanh nghiệp liên quan đến khả năng nghiên cứu, ứng dụng thành tựu khoa học - công nghệ để hạ giá thành sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm.

Doanh nghiệp tham gia kinh doanh trong lĩnh vực văn hóa không chỉ cần vốn, đất đai, mà còn cần đến tri thức khoa học, năng lực đổi mới sáng tạo để tạo ra các sản phẩm độc đáo, khác biệt, có giá trị gia tăng cao, đặc biệt là các ngành kinh tế sáng tạo, công nghiệp văn hóa, như thiết kế thời trang, phần mềm các trò chơi giải trí điện tử, phần mềm dữ liệu số ngành văn hóa, công nghệ truyền thông, các sản

phẩm công nghiệp thực phẩm chuyên tải bản sắc văn hóa dân tộc, tài nguyên bản địa (như sản phẩm OCOP - mỗi xã, phường một sản phẩm)... Một lợi thế của nhân lực trong doanh nghiệp văn hóa chính là môi trường tự do, cộng với khả năng thỏa mãn lợi ích của người sử dụng lao động, nên có thể giải phóng mọi năng lực nội sinh để sáng tạo các sản phẩm văn hóa có giá trị. Doanh nghiệp khu vực tư nhân nước ngoài có nhiều lợi thế không chỉ về vốn, mà cả nhân lực, khoa học - công nghệ cho phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, chuỗi sản phẩm du lịch, ngành công nghiệp thực phẩm đáp ứng nhu cầu của cư dân có yếu tố tín ngưỡng, tôn giáo.

Nguồn lực doanh nghiệp khu vực tư nhân có hạn chế là chỉ chu chuyển, phân bổ đến chỗ có khả năng sinh lời, không đầu tư vào hàng hóa và dịch vụ công cộng, dù đây là những hàng hóa rất cần thiết cho phát triển xã hội. Thậm chí, vì tối đa hóa lợi nhuận, không ít doanh nghiệp khu vực tư nhân sẵn sàng hy sinh lợi ích công cộng, như gây ô nhiễm môi trường, sản xuất các sản phẩm độc hại ảnh hưởng đến an ninh văn hóa, an toàn xã hội, đi ngược với thuần phong mỹ tục, đạo đức, ảnh hưởng đến sức khỏe của con người. Nguồn lực doanh nghiệp vận hành theo thị trường, thường có xu hướng độc quyền, triệt tiêu tự do cạnh tranh, làm suy giảm hiệu lực của cơ chế thị trường. Doanh nghiệp khu vực tư nhân nước ngoài hoạt động trên nền tảng xuyên biên giới thu được lợi nhuận lớn từ thị trường số của Việt Nam, nhưng lại thường trốn thuế. Phát triển văn hóa luôn cần đến các doanh nghiệp không chỉ có nguồn vốn, mà cả trách nhiệm xã hội, hiểu biết văn hóa, đam mê nghề nghiệp để kinh doanh các sản phẩm và dịch vụ văn hóa một cách có đạo đức, kết hợp giữa nguyên tắc thị trường và định hướng

giá trị. *Thiếu hụt của doanh nghiệp tư nhân hoạt động trong lĩnh vực văn hóa ở nước ta hiện nay không chỉ nằm ở nguồn lực vốn, công nghệ, mà quan trọng hơn là thiếu những người vừa có tư duy doanh nghiệp, vừa có tố chất kinh doanh lĩnh vực văn hóa (đam mê văn hóa, nghệ thuật, hiểu nghề, có tri thức về bản sắc văn hóa dân tộc, biết định hướng giá trị văn hóa)...* Thiếu vốn có thể vay, thiếu công nghệ có thể nhập khẩu, thiếu tư duy doanh nghiệp có thể thuê, nhưng thiếu hiểu biết văn hóa, đam mê nghề nghiệp thì rất khó tạo sự thống nhất ý chí trong phát triển và không thể sản xuất các sản phẩm công nghiệp văn hóa có sức sống lâu bền, sức cạnh tranh trên thị trường⁽¹⁾. Vì vậy, vai trò của nguồn lực doanh nghiệp đối với phát triển văn hóa phải được nhìn nhận rất toàn diện, nhất là nguồn nhân lực quản lý, quản trị hoạt động doanh nghiệp, nguồn lực công nghệ gắn với chuỗi sản phẩm và dịch vụ văn hóa mang tính đặc thù của thị trường văn hóa.

Nguồn lực xã hội có thể thuộc sở hữu của cá nhân, gia đình, cộng đồng, tổ chức xã hội; hoặc nguồn lực của doanh nghiệp khu vực tư nhân có thể dịch chuyển sang hoạt động theo nguyên tắc phi lợi nhuận; hoặc nguồn lực của nhà nước, của toàn dân giao quyền, trao quyền cho cộng đồng sử dụng, quản lý. Nguồn lực xã hội rất phong phú, cả nguồn lực đất đai và tài sản trên đất, tài sản cá nhân, tài chính gia đình, nhân lực, tri thức địa phương. Khai thác nguồn lực các tổ chức phi chính phủ quốc tế cũng là một hướng góp phần thúc đẩy gia tăng nguồn lực phục vụ bảo tồn và phát triển các giá trị văn hóa. Nguồn lực xã hội có khả năng đưa vào phát triển văn hóa như: (i) Đất đai các gia đình hiến tặng xây dựng các công trình phúc lợi văn hóa; (ii) Di sản văn hóa do gia đình, dòng họ, cộng đồng khai thác, sử dụng

cho các mục đích phúc lợi văn hóa cộng đồng, như nhà thờ, từ đường, đền chùa, đình miếu, rừng thiêng,... (iii) Các di sản văn hóa phi vật thể, như kiến trúc, hội họa, âm nhạc của cộng đồng, của các tổ chức tín ngưỡng, tôn giáo; (iv) Tài chính các gia đình, tổ chức, doanh nghiệp, người dân hiến tặng xây dựng công trình tín ngưỡng, tôn giáo (nhà thờ, chùa, đền, đình, miếu), nhà văn hóa, tượng đài...; (v) Tri thức tộc người, tri thức địa phương gắn với quản lý kinh tế, xã hội mang tính sở hữu tập thể, sở hữu cộng đồng; (vi) Nhân lực xã hội bao gồm trí thức và nghệ nhân hoạt động trong khu vực phi lợi nhuận, công tác xã hội; (vii) Tài chính của các tổ chức phi lợi nhuận.

Nguồn lực xã hội hình thành theo nguyên tắc tự nguyện, tự quản của các chủ thể xã hội, như gia đình, dòng họ, tổ chức cộng đồng, tổ chức phi lợi nhuận. Nguồn lực xã hội không có mục đích sinh lời, hoạt động theo nguyên tắc phi lợi nhuận, hướng vào giữ gìn, phát huy giá trị tốt đẹp phục vụ cộng đồng⁽²⁾. Nguồn lực xã hội có ưu điểm: (i) Huy động bằng sự tham gia tự nguyện, tự giác của người đóng góp nên thường ít bị ràng buộc bởi các thủ tục tài chính ngặt nghèo, như nguồn lực nhà nước; (ii) Tự quản và tự kiểm soát của các tổ chức cộng đồng nên nguồn lực đến đúng, trúng, chính xác đối tượng sử dụng, hạn chế thất thoát, lãng phí; (iii) Do các tổ chức xã hội tự quản nên có thể nhanh chóng giải ngân khi đưa vào đầu tư, ít gặp các rào cản làm chậm tiến độ, thời gian; (iv) Đây là tài sản của dân, do dân trực tiếp đóng góp, quản lý nên sử dụng có giám sát chặt chẽ bằng cơ chế dân chủ cộng đồng.

Tuy nhiên, nguồn lực xã hội cũng có giới hạn như: (i) Phân tán,

khó tập trung để đầu tư các công trình lớn, chủ yếu xây dựng, phát triển các công trình nhỏ ở cộng đồng vi mô; (ii) Doanh nghiệp khu vực tư nhân vẫn thường lợi dụng khu vực phi lợi nhuận để trốn thuế; (iii) Các đơn vị hoạt động phi lợi nhuận được thiết lập trong doanh nghiệp còn thiếu minh bạch, chưa rõ với hoạt động kinh doanh chung; (iv) Quản lý nguồn tài chính xã hội nhiều nơi còn lỏng lẻo, thiếu chặt chẽ, dễ bị một nhóm người lợi dụng, thao túng, trục lợi, nhà nước khó can thiệp; (v) Các tổ chức xã hội, nhất là tổ chức phi chính phủ nước ngoài khi tài trợ nhiều khi đan cài các động cơ chính trị, thúc đẩy đa nguyên văn hóa, cổ xúy cho chủ nghĩa địa phương; (vi) Nguồn lực các tổ chức tôn giáo trong một số trường hợp bị các chức sắc tôn giáo, các lực lượng chống đối lợi dụng phục vụ cho mưu đồ chính trị, gây ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; (vii) Tài sản thuộc sở hữu cộng đồng, dễ bị đánh cắp nếu thiếu khung pháp lý và cơ chế bảo vệ.

Một số giải pháp chủ yếu thúc đẩy kết nối, tối ưu hóa phân bổ và sử dụng hiệu quả nguồn lực nhà nước, nguồn lực doanh nghiệp và nguồn lực xã hội phục vụ phát triển văn hóa

Một là, đổi mới cơ chế phân bổ, sử dụng hiệu quả tài chính công phục vụ phát triển văn hóa theo hướng vận dụng nguyên tắc cạnh tranh, tăng cường tính tập trung, bảo đảm “đầu tư công dẫn dắt đầu tư”, “đầu tư công lôi kéo đầu tư xã hội”.

Phát triển văn hóa mang lại phúc lợi chung cho người dân, bảo đảm nền tảng tinh thần cho phát triển bền vững đất nước, thúc đẩy các giá trị công, nên trước hết cần xác định đầy đủ trách nhiệm của Nhà

nước gắn với đầu tư ngân sách. Cần khắc phục quan niệm coi văn hóa chỉ thụ hưởng một chiều thành quả tăng trưởng kinh tế, chi tiêu cho văn hóa thuần túy là chi tiêu cho phúc lợi của người dân. Đổi mới nhận thức bắt đầu từ quan niệm đầu tư cho văn hóa chính là đầu tư cho phát triển, không chỉ tạo lập nền tảng tinh thần, đạo đức, tư tưởng cho phát triển xã hội, mà còn góp phần tạo động lực cho tăng trưởng kinh tế. Nâng chi tiêu cho văn hóa lên 2% tổng chi ngân sách, phù hợp với đà tăng trưởng và quy mô của nền kinh tế. Đầu tư công cho văn hóa phải đạt ngưỡng, mang tính tập trung, mới đủ sức dẫn dắt đầu tư tư nhân và lôi kéo đầu tư xã hội. Vì vậy, đầu tư công cho văn hóa phải khắc phục được tình trạng phân tán, hiệu quả chưa cao, nhất là đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, thiết chế văn hóa, đào tạo nhân lực văn hóa, xây dựng các sản phẩm văn hóa đặc sắc mang thương hiệu quốc gia.

Điều chỉnh cơ cấu đầu tư công theo hướng tập trung cho hiện đại hóa hạ tầng, thiết chế văn hóa chủ đạo, như hạ tầng số, nhà hát, bảo tàng, thư viện, công viên, các di tích lịch sử - văn hóa hạng đặc biệt, cấp quốc gia. Kết hợp hợp lý giữa đầu tư cho các đơn vị sự nghiệp công lập với đầu tư dưới hình thức hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng thụ hưởng, nhất là trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có năng lực hội nhập quốc tế (như đầu tư đào tạo đạo diễn điện ảnh, nghệ sĩ, nghệ nhân...). Coi trọng đầu tư vào nhân tố con người, chuyển dịch các khoản chi sự nghiệp có tính đầu tư sang phát triển các năng lực chuyên môn, phát triển con người (mua sắm thiết bị phục vụ nâng cao trình độ chuyên môn, học tập nước ngoài, hội thảo, rèn luyện kỹ năng,...).

Đổi mới cơ chế đầu tư theo hướng chuyển mạnh sang cơ chế đặt hàng các sản phẩm và dịch vụ văn hóa, không phân biệt khu vực công hay khu vực tư, kiến tạo thị trường cho các sản phẩm và dịch vụ văn hóa công cộng. Áp dụng các mô hình “đầu tư công, quản trị tư, vận hành tư”⁽³⁾ đối với các thiết chế văn hóa đòi hỏi quản trị chuyên nghiệp, hiện đại. Áp dụng hình thức đấu thầu các gói dịch vụ sử dụng ngân sách nhà nước nhằm nâng cao tính cạnh tranh, hiệu quả sử dụng tài chính ngân sách, bảo đảm quyền bình đẳng cơ hội tiếp cận của các đơn vị sự nghiệp công và tư, doanh nghiệp và tổ chức cộng đồng⁽⁴⁾.

Hai là, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực đất đai gắn với tài nguyên, di sản văn hóa trên mặt đất, trong lòng đất thông qua gắn kết trách nhiệm nhà nước, doanh nghiệp và xã hội.

Đất đai thuộc sở hữu toàn dân, do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý, giao quyền sử dụng cho các chủ thể trong xã hội. Phát triển văn hóa luôn cần đến nguồn lực đất đai, bao gồm cả đất xây dựng, phát triển các thiết chế, công trình văn hóa và quản lý, khai thác, sử dụng di sản văn hóa gắn với bề mặt đất.

Nhà nước quy hoạch đất đai bảo đảm cho phát triển các không gian công cộng, thiết chế văn hóa. Thiết chế văn hóa bao giờ cũng ở vị trí trung tâm các đô thị, đất có giá trị cao, cần quy hoạch quỹ đất phù hợp. Hạn chế việc di dời các thiết chế văn hóa từ các trung tâm đô thị, có vị trí đẹp, để lấy đất phát triển các khu thương mại - dịch vụ. Phát triển các khu công nghiệp, đô thị mới phải tính toán đầy đủ quy hoạch đất cho xây dựng thiết chế văn hóa.

Hoàn thiện cơ chế, chính sách bảo đảm quyền tiếp cận, sử dụng

công bằng của mọi chủ thể (nhà nước, doanh nghiệp và xã hội) đối với đất xây dựng các công trình văn hóa. Có quy định rõ ràng về chế độ miễn thuế sử dụng đất, ưu tiên cho các nhà đầu tư xây dựng, phát triển các thiết chế văn hóa, mở mang dịch vụ văn hóa, như trường học, bảo tàng, thư viện, không gian văn hóa,... hoạt động theo nguyên tắc phi lợi nhuận.

Đất công sản Nhà nước giao các đơn vị sự nghiệp công lập quản lý, khai thác, sử dụng cần rà soát, đánh giá, chỉnh đốn kỷ cương. Cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước hoặc đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trên lĩnh vực văn hóa phải tính toán đầy đủ giá trị đất theo thị trường. Đất công sản do các đơn vị sự nghiệp công lập quản lý trên lĩnh vực văn hóa phải sử dụng đúng mục đích, kiên quyết dẹp bỏ tình trạng lấn chiếm, sử dụng không gian công cộng, thiết chế văn hóa cho mục đích thương mại.

Hoàn thiện các quy định về trao quyền cho cộng đồng quản lý, sử dụng đất gắn với di tích, di sản trên đất, nhất là đất rừng thiêng, đất di tích - danh thắng để vừa nâng cao trách nhiệm của cộng đồng quản lý, vừa khai thác có hiệu quả giá trị di sản văn hóa phục vụ phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch tâm linh.

Sửa đổi các quy định tôn vinh cá nhân, gia đình, dòng họ, gia đình hiến tặng đất để xây dựng các công trình phúc lợi cộng đồng, thiết chế văn hóa, như công viên, đường sá, trường học, bảo tàng, thư viện, nhà văn hóa. Có thể chấp nhận đặt tên người hiến tặng tài sản xây dựng các con đường, không gian văn hóa, quỹ văn hóa (tất nhiên không có vấn đề về lịch sử chính trị).

Ba là, đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực văn hóa.

Cần tiến hành giao quyền tự chủ rộng rãi cho các đơn vị sự nghiệp công lập có khả năng cung ứng sản phẩm và dịch vụ văn hóa theo cơ chế thị trường, trước hết là các sản phẩm ngành công nghiệp văn hóa. Các đơn vị cung ứng sản phẩm và dịch vụ văn hóa thuần công phải lập thành danh mục rõ ràng để xác định trách nhiệm Nhà nước đầu tư, nhất là các dịch vụ văn hóa bảo vệ nền tảng tư tưởng, an ninh văn hóa, giá trị đạo đức, nghệ thuật truyền thống... mà thị trường không cung ứng.

Thực hiện cổ phần hóa, chuyển đổi mô hình hoạt động các đơn vị sự nghiệp công lập cung ứng các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp văn hóa sang hoạt động theo cơ chế doanh nghiệp, bảo đảm tự chủ tài chính, tự chủ phương án hoạt động sản xuất, kinh doanh. Đồng thời, xác định trách nhiệm của Nhà nước trong đào tạo nguồn nhân lực, đặt hàng các sản phẩm để kiến tạo thị trường, tham gia xúc tiến quảng bá các sản phẩm và dịch vụ văn hóa Việt Nam ra thế giới.

Các đơn vị sự nghiệp văn hóa cung ứng dịch vụ thuần công cũng chuyển sang hoạt động theo cơ chế đặt hàng có cạnh tranh gắn với những sản phẩm cụ thể, thay vì Nhà nước bao cấp theo cách truyền thống dễ gây nên trì trệ, dựa dẫm, thiếu động lực đổi mới sáng tạo. Nhà nước có nhiệm vụ hỗ trợ tài chính cho xây dựng cơ bản, mua sắm trang thiết bị hiện đại, nâng cao nghiệp vụ, tay nghề, đào tạo nguồn nhân lực, chi trả lương cơ bản. Sản phẩm “đầu ra” phải đặt hàng với tiêu chí cụ thể, có tính cạnh tranh giữa các đơn vị trong khu vực công

và giữa khu vực công với khu vực tư, nhất là các tác phẩm nghệ thuật.

Thúc đẩy đối tác công - tư (PPP) trong phát triển sự nghiệp văn hóa. Rà soát các hạng mục, công việc có khả năng thúc đẩy đầu tư theo hình thức đối tác công - tư để đưa các chính sách thu hút hấp dẫn, nhất là phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, phát triển du lịch.

Có chính sách đào tạo, phát triển nhân lực văn hóa cho khu vực công, liên thông với khu vực tư nhân và xã hội. Ngoài đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ, cần phải có chính sách với nghệ nhân, hỗ trợ bằng cơ chế đặc thù để nuôi dưỡng tài năng, bồi dưỡng, trao truyền tri thức cho thế hệ tiếp theo.

Bốn là, thu hút đầu tư tư nhân trong nước và đầu tư nước ngoài cho phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, xây dựng chuỗi sản phẩm du lịch, sản phẩm thương mại mang bản sắc văn hóa Việt Nam.

Định hình danh mục các sản phẩm và dịch vụ văn hóa hấp dẫn đối với doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) để hoàn thiện cơ chế ưu đãi thu hút đầu tư.

Các lĩnh vực quảng cáo, phần mềm và trò chơi giải trí, thiết kế thời trang, điện ảnh... có dư địa lớn cho thu hút đầu tư tư nhân trong nước và đầu tư nước ngoài, nhất là những sản phẩm hướng tới xuất khẩu. Ngành may mặc Việt Nam cần thu hút các giám đốc sáng tạo tầm quốc tế có khả năng đưa ra các thiết kế mới, hợp thị hiếu người tiêu dùng, mang lại giá trị gia tăng cao cho sản phẩm dệt - may. Ngành điện ảnh rất cần đến hợp tác chiều sâu, cả vốn, công nghệ và nhân lực chất lượng cao để có thể tạo nên các tác phẩm điện ảnh đủ năng lực hội nhập quốc tế, vươn tầm thị trường thế giới, quảng bá

“sức mạnh mềm” của Việt Nam. Thiết kế các phần mềm trò chơi, giải trí điện tử gắn với thương mại điện tử luôn cần đến các khoản đầu tư lớn, đào tạo nguồn nhân lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư mà khu vực tư nhân và FDI luôn có thế mạnh.

Một lĩnh vực rất mới mẻ, còn phải thí điểm, nhưng cũng hứa hẹn khả năng thu hút đầu tư nước ngoài là đua xe, đua ngựa,... cùng với xây dựng các chuỗi cung ứng mua sắm các sản phẩm hàng hóa du lịch, thể thao đua xe gắn với các nhà đầu tư chiến lược.

Phát triển du lịch dựa trên chuỗi cung ứng mang tính toàn cầu của những thương hiệu lớn, chuyên nghiệp, cần có chính sách thu hút, lôi cuốn các tập đoàn đa quốc gia vào xây dựng chuỗi khách sạn, nhà hàng, trường đua công thức 1... gắn với phát triển, quảng bá các sản phẩm du lịch đặc thù mang bản sắc Việt Nam. Các sản phẩm thủ công mỹ nghệ, truyền thống ẩm thực, nông sản OCOP... luôn cần đến vai trò của doanh nghiệp từ đầu tư vốn, chế biến sâu, xây dựng thương hiệu, xuất xứ hàng hóa, chỉ dẫn địa lý, quảng bá hình ảnh. Vì vậy, phải có chiến lược thu hút các nhà đầu tư chiến lược phát triển thể thao, du lịch, phát triển cụm ngành du lịch, gắn với đó là hàng loạt các dịch vụ văn hóa, giải trí đi kèm.

Hoàn thiện các chính sách thuế, đất đai có sức hấp dẫn thu hút đầu tư doanh nghiệp trong nước và đầu tư nước ngoài cho phát triển công nghiệp văn hóa. Đổi mới phương thức kiểm duyệt sản phẩm công nghiệp văn hóa, tăng cường quản lý các nền tảng kỹ thuật số xuyên biên giới. Ngành văn hóa phối hợp chặt chẽ với ngành ngoại giao mở rộng xúc tiến thương mại với các nhà đầu tư chiến lược, các

hãng lớn về công nghiệp văn hóa trên thế giới, như các hãng điện ảnh, khách sạn, thiết kế thời trang, thiết kế phần mềm giải trí, đua xe, đua ngựa,... tạo điều kiện cho thu hút đầu tư nước ngoài.

Năm là, khuyến khích doanh nghiệp dịch chuyển nguồn lực đầu tư phát triển các sản phẩm và dịch vụ văn hóa hoạt động theo nguyên tắc phi lợi nhuận.

Trong xu hướng khu vực phi lợi nhuận ngày càng đóng vai trò quan trọng cho phát triển văn hóa thì cần phải quy định rõ tính chất, các loại hình cung ứng dịch vụ phi lợi nhuận nói chung và dịch vụ phi lợi nhuận thuộc lĩnh vực văn hóa nói riêng, chẳng hạn như các tổ chức phi lợi nhuận (quỹ, trường học, trung tâm văn hóa) thuộc các doanh nghiệp; các tổ chức xã hội; các tổ chức cộng đồng; thiết chế văn hóa hoạt động theo nguyên tắc phi lợi nhuận (bảo tàng, thư viện, phòng tranh, không gian văn hóa, diễn đàn...).

Phát triển các dịch vụ văn hóa phi lợi nhuận có thể được tiến hành bằng nhiều biện pháp khác nhau. Đối với các quỹ, tổ chức văn hóa do doanh nghiệp tài trợ, thực hiện trách nhiệm xã hội, cần tách bạch rõ với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của tổ chức phi lợi nhuận. Đối với các quỹ, không gian, diễn đàn, trường dạy văn hóa thiện nguyện, trung tâm bảo tồn di sản, thư viện, bảo tàng... do cá nhân lập ra, cần có quy định chặt chẽ để quản lý, tránh bị lợi dụng cho mục đích thương mại.

Mô hình quản trị các tổ chức phi lợi nhuận cung ứng các sản phẩm và dịch vụ văn hóa cần được hiện đại hóa. Các tổ chức phi lợi nhuận luôn cần đến bộ phận tổ chức gây quỹ, phát triển năng lực tài

chính một cách chuyên nghiệp, nhưng các khoản sinh lời phải được đầu tư trở lại phát triển sự nghiệp văn hóa, không chia cho các thành viên sáng lập. Lập hội đồng quản trị các thiết chế, quỹ văn hóa trước hết phải là những người am hiểu nghề, đam mê với văn hóa, nghệ thuật, đạo đức trong sáng. Nhà nước cần trao quyền rộng rãi cho các tổ chức xã hội trong đánh giá, thẩm định chuyên môn các sản phẩm văn hóa, nghệ thuật trước khi ra mắt, phát hành rộng rãi trước công chúng.

Sáu là, khai thông, giải phóng tối đa các nguồn lực xã hội phục vụ phát triển văn hóa.

Không có loại nguồn lực nào mà tiềm năng trong xã hội lại phong phú, đa dạng như nguồn lực văn hóa, bởi nó gắn liền với mỗi con người, gia đình, dòng họ, cộng đồng địa phương, tổ chức xã hội, gồm cả nguồn lực vật thể và nguồn lực phi vật thể.

Nguồn lực văn hóa vật thể, như di tích lịch sử - văn hóa (đền, chùa, đình, miếu, nhà rông, từ đường dòng họ,...), di tích - danh thắng, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, rừng thiêng. Các nguồn lực này có thể do nhà nước sở hữu, lưu giữ, quản lý, khai thác trong các bảo tàng; có thể do cộng đồng sở hữu, quản lý, sử dụng phục vụ cho các nhu cầu tín ngưỡng, lễ hội dân gian, dòng họ gắn với không gian diễn xướng cụ thể; có thể do tư nhân nắm giữ trong các gia đình. Nguồn lực văn hóa phi vật thể, như tín ngưỡng, lễ hội, phong tục, tập quán, văn hóa dân gian, nghệ thuật dân gian, tri thức địa phương, các giá trị kiến trúc, âm nhạc, hội họa dân gian... đều gắn liền với vai trò quản lý, khai thác, sử dụng của các tổ chức cộng đồng, tổ chức xã hội, vai trò của

nghệ nhân dân gian, người có uy tín tại cộng đồng.

Khai thác, phát huy nguồn lực này đòi hỏi phải xử lý tốt mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển, bảo tồn “tĩnh” và bảo tồn “động” trong đời sống cộng đồng. Trong đó, việc bảo tồn gắn với khai thác phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, giáo dục lịch sử, du lịch cần đặc biệt được coi trọng. Cần chú ý áp dụng nguyên tắc quản trị doanh nghiệp để khai thác, phát huy có hiệu quả các nguồn lực văn hóa phục vụ du lịch mà Bảo tàng tỉnh Quảng Ninh là một ví dụ tiêu biểu⁽⁵⁾.

Cần phân định vai trò của Nhà nước, vai trò doanh nghiệp và vai trò cộng đồng trong phát huy nguồn lực xã hội cho phát triển văn hóa. Tuyệt đối hóa vai trò của Nhà nước sẽ làm xơ cứng, không khơi dậy được vai trò, sức mạnh của doanh nghiệp và cộng đồng trong huy động, sử dụng nguồn lực văn hóa. Tuyệt đối hóa vai trò của doanh nghiệp sẽ thúc đẩy thương mại hóa các giá trị văn hóa mà trong nhiều trường hợp làm mất đi định hướng giá trị, không phản ánh đúng đắn, đầy đủ chức năng của văn hóa. Tuyệt đối hóa vai trò của xã hội sẽ làm cho nguồn lực văn hóa chỉ đóng khung trong giới hạn cộng đồng, không được kết nối, phát huy bằng sức mạnh cơ chế thị trường để nâng cao giá trị, vốn hóa các tài nguyên văn hóa phục vụ phát triển kinh tế.

Vai trò Nhà nước thể hiện ở việc kiến tạo thể chế, quy hoạch, đầu tư công dẫn dắt cho đầu tư tư nhân và lôi cuốn đầu tư xã hội phát triển văn hóa. Cần hoàn thiện khung thể chế, luật pháp bảo vệ bản quyền tác giả, bảo vệ quyền sở hữu cộng đồng đối với tri thức địa

phương, ngăn chặn tình trạng bị đánh cắp⁽⁶⁾. Doanh nghiệp tham gia phát triển văn hóa nhưng không phải lấn sân, chèn ép không gian các tổ chức cộng đồng, mà kết nối, hợp tác, hướng dẫn cộng đồng tự quản các di tích, danh thắng, phân bổ lợi ích hài hòa giữa doanh nghiệp và cộng đồng⁽⁷⁾. Các tổ chức cộng đồng cần áp dụng nguyên tắc thị trường để quảng bá, phát huy, vốn hóa các tài nguyên văn hóa như giá trị tri thức địa phương trong các nông sản, truyền thống ẩm thực, sản phẩm thủ công truyền thống mang giá trị khác biệt (như sản phẩm OCOP), khai thác giá trị rừng thiêng, không gian sinh thái, di tích - cảnh quan phục vụ phát triển du lịch. Chính quyền không can thiệp sâu vào hoạt động quản trị của doanh nghiệp và cộng đồng, mà chỉ ban hành quy định hướng dẫn và kiểm tra, giám sát thực hiện đúng quy định.

Một số đề xuất, kiến nghị

Một là, rà soát, đổi mới cách thức phân bổ, sử dụng nguồn tài chính công đầu tư cho phát triển văn hóa theo hướng: Xây dựng chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa theo chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (đến năm 2030 và giai đoạn 2021 - 2040), gắn với xác định rõ sản phẩm và dịch vụ văn hóa cụ thể; đầu tư tập trung nguồn lực xây dựng các thiết chế văn hóa hiện đại (nhà hát, bảo tàng, thư viện, sân vận động thể thao, công viên), tạo nên điểm nhấn ở các đô thị lớn, xứng tầm với vị thế quốc gia tầm trung; đầu tư vào phát triển các sản phẩm văn hóa đặc sắc cần có đột phá, nhất là tác phẩm văn hóa, nghệ thuật; cơ cấu lại các khoản đầu tư có tính sự nghiệp hướng vào nhân tố con người, thay vì cắt chuyển sang

đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng. Đầu tư công tập trung, đạt ngưỡng thì mới thực hiện được vai trò “đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư”, “đầu tư công lôi kéo đầu tư xã hội”.

Hai là, định hình chiến lược phát triển nguồn nhân lực văn hóa với các đối tượng cụ thể: (i) Văn nghệ sĩ, nghệ nhân - những người sáng tạo nên tác phẩm văn hóa, nghệ thuật đặc sắc; (ii) Giám đốc sáng tạo (thiết kế thời trang), lập trình viên phần mềm công nghiệp giải trí - những người kiến tạo nên giá trị các sản phẩm công nghiệp văn hóa; (iii) Các nhà lãnh đạo, quản trị công có tầm vóc văn hóa - những người quyết định đến thiết kế đường lối, chiến lược phát triển đất nước dựa trên nền tảng và tầm nhìn văn hóa. Mỗi loại nguồn nhân lực nêu trên cần được đầu tư đúng tầm, có chính sách đào tạo, bồi dưỡng phù hợp, gắn với xác định rõ trách nhiệm Nhà nước, thị trường và xã hội. Chú ý năng lực hội nhập quốc tế đối với nguồn nhân lực lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật.

Ba là, hoàn thiện thể chế, quy định, chế tài bảo vệ lợi ích công cộng, trong đó có các không gian công cộng, thiết chế văn hóa công cộng nhằm bảo đảm phúc lợi văn hóa cho người dân, nhất là ở địa bàn đô thị. Định hình một cơ chế, có chủ thể rõ ràng khiếu kiện, bảo vệ lợi ích công cộng trong điều kiện kinh tế thị trường, nhằm khôi phục các không gian văn hóa đã bị lấn chiếm, bảo vệ các không gian công đứng trước thách thức các lực lượng thị trường chiếm dụng, thu hẹp, giữ nghiêm kỷ luật và chỉnh đốn quản lý quy hoạch phát triển các không gian công cộng.

Bốn là, có cơ chế bảo vệ quyền sở hữu cộng đồng đối với tri

thức địa phương, như tri thức địa phương về chăm sóc sức khỏe, các bài thuốc gia truyền; các giống cây trồng, vật nuôi có nguồn gen bản địa; quy trình và công nghệ truyền thống về nuôi, trồng cây, con bản địa; phương pháp bảo quản và chế biến các hàng thủ công mỹ nghệ,... gắn với xuất xứ, chỉ dẫn địa lý, để chúng không bị đánh cắp quyền sở hữu trí tuệ cộng đồng trong quá trình tham gia hội nhập quốc tế. Trong quá trình phát triển các sản phẩm OCOP cùng với đăng ký thương hiệu, xuất xứ hàng hóa, chỉ dẫn địa lý là phải được đăng ký quyền sở hữu trí tuệ cộng đồng.

Năm là, định hình cơ chế phân phối hài hòa lợi ích của các chủ thể nắm các khâu khác nhau của chuỗi giá trị văn hóa gắn với phát triển cụm ngành du lịch. Các yếu tố đầu vào phát triển du lịch gồm: nguồn tài nguyên, kết cấu hạ tầng, nguồn nhân lực, nguồn kiến thức, nguồn vốn... phải theo nguyên tắc phân phối lợi ích theo chủ sở hữu đóng góp. Nhà nước đầu tư kết cấu hạ tầng, sở hữu tài nguyên đất đai, nguồn nhân lực khu vực công... nên được thu thuế hoặc phí, lệ phí để bù đắp các chi phí; doanh nghiệp đầu tư vào phát triển nhân lực (doanh nghiệp), bỏ vốn đầu tư nhà hàng, khách sạn, hoạt động lễ hành,... được thu lợi nhuận với chi phí bỏ ra; cộng đồng có sở hữu tài nguyên văn hóa, tri thức địa phương, nhân lực xã hội... cũng phải được hưởng lợi với đóng góp của mình. Phân phối lợi ích gắn liền với từng chủ thể Nhà nước, doanh nghiệp và cộng đồng tổ chức, vận hành hoạt động du lịch⁽⁸⁾; không chỉ xem xét trong một di tích - danh thắng cụ thể, mà phải đặt trong tổng thể cụm ngành mang lại giá trị gia tăng cho từng di tích - danh thắng đó □

- (1) Bài học cổ phần hóa Hãng phim truyện Việt Nam là một ví dụ cho trường hợp này.
- (2) Phi lợi nhuận không có nghĩa là loại trừ hoạt động kinh doanh sinh lời, quan trọng là các khoản sinh lời không chia cho chủ sở hữu, mà tái đầu tư vào phát triển sự nghiệp văn hóa.
- (3) Nhà nước có thể đầu tư xây dựng các nhà hát hiện đại, nhưng ủy quyền cho tư nhân quản trị, khai thác, vận hành.
- (4) Như đấu thầu cạnh tranh thiết kế các khu di tích lịch sử - văn hóa phục vụ cho du lịch.
- (5) Bảo tàng tỉnh Quảng Ninh là đơn vị sự nghiệp tự chủ toàn phần, hoạt động theo cơ chế doanh nghiệp, có chiến lược khách hàng, chiến lược sản phẩm, phát triển thị trường,... gắn với định hình các bộ phận tiếp thị,...
- (6) Các nguồn gen bản địa, thảo dược quý hiếm, bài thuốc gia truyền bị nước ngoài đánh cắp mà không có cơ chế bảo vệ.
- (7) Ở nhiều quốc gia, doanh nghiệp du lịch chỉ làm nhiệm vụ kinh doanh lữ hành và lưu trú, ăn uống; còn cộng đồng địa phương mới được quyền tổ chức tham quan, tổ chức bán hàng lưu niệm cho khách du lịch trong khu di tích.
- (8) Như doanh nghiệp nắm giữ các khâu: dịch vụ lưu trú và ăn uống, dịch vụ lữ hành, rạp chiếu phim, truyền thông sản phẩm...; Nhà nước nắm các khâu: phương tiện truyền thông, an ninh và dịch vụ bảo vệ, thông tin, liên lạc, internet, dịch vụ tài chính - ngân hàng; còn cộng đồng nắm giữ các khâu: đưa khách tham quan trong khu di tích, tổ chức thực hành lễ hội...

Nguồn: Tạp chí Cộng sản.- 2023.- Số 1.005.- Tr.23-36.

PHÁT TRIỂN VĂN HÓA ĐỒNG BỘ, HÀI HÒA VỚI TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VÀ TIẾN BỘ, CÔNG BẰNG XÃ HỘI

PGS, TS. PHẠM VĂN LINH
Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương

Tùy theo điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của từng giai đoạn, Đảng, Nhà nước Việt Nam luôn nhất quán, kiên trì thực hiện việc gắn kết giữa tăng trưởng kinh tế đồng bộ, hài hòa với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội trong nội dung của hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

CHỦ TRƯỞNG NHẤT QUÁN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Việt Nam là quốc gia có điểm xuất phát thấp về trình độ phát triển kinh tế, lại trải qua 30 năm kháng chiến giành độc lập, chiến tranh tàn phá và sau đó là gần 50 năm đất nước thống nhất, đi lên chủ CNXH. Mặc dù vậy, tùy theo điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của từng giai đoạn, Đảng, Nhà nước Việt Nam nhất quán, kiên trì thực hiện việc gắn kết giữa tăng trưởng kinh tế đồng bộ, hài hòa với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội trong nội dung của hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN; không ngừng hoàn thiện cả về quan điểm, cụ thể hóa theo điều kiện của đất nước, tiếp thu thành tựu, tinh hoa của nhân loại.

Ngay sau khi đất nước thống nhất năm 1975, trong 10 năm đầu, giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế, gắn kết với phát triển

văn hóa, thực hiện công bằng xã hội theo mô hình kế hoạch tập trung, bao cấp, đã có nhiều bài học quý được rút ra, đó là phải tôn trọng quy luật khách quan; nóng vội, chủ quan duy ý chí là thất bại. Đại hội VI của Đảng đã thể hiện bước ngoặt trong đổi mới tư duy về vấn đề này. Từ nhận thức: Trình độ phát triển kinh tế là điều kiện vật chất để thực hiện chính sách xã hội, nhưng những mục tiêu xã hội lại là mục đích của các hoạt động kinh tế, coi tăng trưởng kinh tế là cơ sở để thực hiện nhiệm vụ phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, Đảng ta xác định: “Chính sách xã hội bao trùm mọi mặt của cuộc sống con người: điều kiện lao động và sinh hoạt, giáo dục và văn hoá, quan hệ gia đình, quan hệ giai cấp, quan hệ dân tộc... thể hiện đầy đủ trong thực tế quan điểm của Đảng và Nhà nước về sự thống nhất giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội”; đồng thời nhấn mạnh: “Cần có chính sách xã hội cơ bản, lâu dài và xác định những nhiệm vụ, mục tiêu phù hợp với yêu cầu, khả năng trong chặng đường đầu tiên. Đó là một bước tiến mới trong nhận thức về chính sách xã hội của Đảng”.

Đại hội VII của Đảng tiếp tục chỉ rõ: “Trong quá trình tiến lên chủ nghĩa xã hội, cùng với việc xây dựng và phát triển nền kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa, phải xây dựng và phát triển một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”⁽¹⁾: “Vai trò to lớn của văn hóa là một động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời là mục tiêu trong xây dựng xã hội mới”⁽²⁾. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (Cương lĩnh 1991) cũng nhấn mạnh: “Kết hợp tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội, giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần; giữa đáp ứng các nhu cầu trước mắt với chăm lo lợi ích lâu dài”. Tại Hội nghị Đại biểu

toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII (tháng 1/1994), mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội được Đảng ta xác định rõ hơn với yêu cầu: tăng trưởng kinh tế phải gắn với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong *từng bước phát triển*.

Từ Đại hội VIII, nhận thức về mối quan hệ này tiếp tục được hoàn thiện. Cụ thể là: “Tăng trưởng kinh tế gắn với cải thiện đời sống nhân dân, phát triển văn hóa, giáo dục, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường” (Đại hội VIII); “Tăng trưởng kinh tế gắn với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước phát triển”, “Phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường”⁽³⁾ (Đại hội IX); “Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển; tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa, y tế, giáo dục... giải quyết tốt các vấn đề xã hội vì mục tiêu phát triển con người. Thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và thông qua phúc lợi xã hội”⁽⁴⁾ (Đại hội X). Từ Đại hội X, mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội được Đảng ta coi là một trong những *nội dung cơ bản của định hướng XHCN*.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (Bổ sung, phát triển năm 2011) ở Đại hội XI, Đảng ta tiếp tục nhấn mạnh: “Kết hợp chặt chẽ, hợp lý phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng

bước và từng chính sách; phát triển hài hòa đời sống vật chất và đời sống tinh thần”⁽⁵⁾. Cùng với đó là ban hành hàng loạt các nghị quyết về trí thức, giáo dục - đào tạo, nông nghiệp - nông dân - nông thôn... Đặc biệt, Nghị quyết 33/NQ-TW về “Xây dựng, phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” đã khẳng định: “Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Đại hội XII tiếp tục hoàn thiện những vấn đề này, trong đó nêu rõ: “Gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống của nhân dân”⁽⁶⁾.

Trong định hướng phát triển, Đại hội XIII xác định phải tiếp tục nắm vững và xử lý tốt *mối quan hệ lớn* “Giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường”⁽⁷⁾, “Gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, trong đó phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần; bảo đảm quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên”.

Quan điểm của Đảng về “Tăng trưởng kinh tế gắn liền với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước phát triển” và “Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng

chính sách phát triển” đã cho thấy mối quan hệ xuyên suốt, phát triển kinh tế đến đâu phải thực hiện tiến bộ xã hội và công bằng xã hội đến đó, không thể tách rời hai quá trình này.

KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

Đánh giá chung kết quả đạt được, Văn kiện của Đảng nêu rõ: “Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước luôn luôn quan tâm xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội... Việt Nam đã hoàn thành hầu hết các mục tiêu Thiên niên kỷ... Đời sống và thu nhập của người dân không ngừng được nâng lên”. Đã có sự thay đổi mạnh trong cơ cấu xã hội, trong đó nhóm nghèo và cận nghèo giảm mạnh, nhóm trung lưu đang hình thành và phát triển nhanh chóng. Thành tựu giảm nghèo của Việt Nam được cộng đồng quốc tế ghi nhận, được Liên Hiệp Quốc đánh giá là một trong các nước có thành tích giảm nghèo ấn tượng nhất trong thực hiện Mục tiêu Thiên niên kỷ.

Ngoài ra, kết quả thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, phát triển văn hóa, xã hội còn được thể hiện trên các mặt:

Thứ nhất, nhận thức về văn hóa và gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội của các cấp, ngành và toàn dân được nâng lên.

Vai trò của văn hóa ngày càng thể hiện rõ trong việc xây dựng con người, có tác động to lớn trong đời sống xã hội. Phát triển văn hóa được chú trọng hơn về chủ trương, chính sách, nguồn lực và từng

bước có sự gắn kết với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường quốc phòng, an ninh, đối ngoại, xây dựng hệ thống chính trị. Phát triển văn hóa được gắn kết chặt chẽ trong quy hoạch, kế hoạch phát triển của các ngành, lĩnh vực, tạo môi trường và điều kiện để người dân được công bằng thụ hưởng các thành quả phát triển chung của đất nước.

Môi trường văn hóa được cải thiện, một số mặt tiến bộ rõ rệt, tạo sự gắn kết cộng đồng, thúc đẩy tiến bộ và công bằng xã hội, tăng cường nội lực tinh thần của xã hội.

Ý thức chính trị, năng lực sáng tạo, trách nhiệm công dân của phần đông văn nghệ sĩ được phát huy. Đội ngũ những người làm công tác văn hóa, văn nghệ có bước phát triển, xuất hiện nhiều văn nghệ sĩ trẻ tài năng ở các loại hình. Bước đầu đã hình thành thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa, nghệ thuật. Phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng phát triển, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa cộng đồng. Công nghệ thông tin, truyền thông, báo chí, xuất bản phát triển mạnh, nội dung phong phú, hấp dẫn, cơ sở vật chất, kĩ thuật, công nghệ không ngừng được hiện đại hóa. Chính sách hỗ trợ thông tin, báo chí cho các vùng khó khăn được quan tâm.

Các giá trị văn hóa truyền thống được giữ gìn, phát huy, kết hợp tốt hơn với văn hóa đương đại. Văn hóa, văn nghệ dân gian các dân tộc được quan tâm sưu tầm, phổ biến. Đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ người dân tộc thiểu số tăng về số lượng và nâng dần về chất lượng. Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và sinh hoạt văn hóa tâm linh của nhân dân được bảo vệ và bảo đảm trên thực tế. Hoạt động văn hóa

từng bước thích ứng dần với cơ chế thị trường và hội nhập quốc tế.

Nhiều chính sách xã hội đã được triển khai thực hiện, mang lại kết quả tích cực, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, như chính sách với người có công, chính sách an sinh xã hội, gắn phát triển kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội ngay từ đầu, trong từng bước đi và trong từng chính sách phát triển...

Thứ hai, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước phát triển, trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Tiến bộ và công bằng xã hội được thể hiện ngay từ chủ trương phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư phát triển, hưởng thụ kết quả, coi đầu tư cho văn hóa là đầu tư cho phát triển. Việt Nam là đất nước thống nhất hài hòa của cộng đồng 54 dân tộc anh em. Chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước tạo mọi điều kiện để tất cả mọi người đều bình đẳng cùng tham gia vào công cuộc đổi mới và cùng được thụ hưởng do thành quả của sự nghiệp đổi mới đem lại. Tiến bộ và công bằng xã hội được thể hiện ở tất cả các lĩnh vực đời sống vật chất tinh thần xã hội. Có bước đi phù hợp, gắn kết phát triển kinh tế với văn hóa và tiến bộ, công bằng xã hội.

Tiến bộ xã hội do phát triển kinh tế, văn hóa mang lại được thể hiện trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, mỗi bước phát triển kinh tế. Từ đó thúc đẩy kinh tế phát triển, quốc phòng, an ninh và đối ngoại được giữ vững, vị thế, hình ảnh Việt Nam ngày càng có vị trí quan trọng ở khu vực và trên thế giới.

Thứ ba, các nội dung phát triển văn hóa, xã hội góp phần thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, được thể hiện cụ thể trong tất cả các

hoạt động văn hóa, các mục tiêu, nhiệm vụ an sinh xã hội.

Công tác truyền thông được coi trọng. Việc xây dựng văn hóa ở gia đình, làng, bản, khu phố, công sở, trường học, đơn vị, doanh nghiệp, thực hiện nếp sống văn minh trong sinh hoạt cộng đồng và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại được quan tâm hơn. Từng bước thu hẹp khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa các vùng miền, các giai tầng xã hội, giữa thành thị và nông thôn, giữa đồng bằng và miền núi, vùng sâu, vùng xa.

Việc thể chế hoá chủ trương của Đảng về thiết chế văn hóa, thể hiện rõ sự gắn kết giữa phát triển văn hóa và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong từng lĩnh vực, giữa các vùng miền được thực hiện chất lượng, hiệu quả hơn. Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản luật quan trọng như Luật Báo chí, Luật Xuất bản, Luật Di sản văn hóa, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Điện ảnh... tạo hành lang pháp lý cho phát triển văn hóa.

Bên cạnh đó, nhiều quan điểm, chủ trương lớn về phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội tiếp tục được quan tâm cả trong nhận thức và ban hành chính sách.

Thứ tư, tiến bộ và công bằng xã hội được nâng lên rõ rệt nhờ tăng trưởng ổn định của nền kinh tế, thể hiện rõ ở các lĩnh vực hoạt động văn hóa.

Chính sách văn hóa trong lĩnh vực bảo tồn, bảo tàng, di sản được tiếp tục hoàn thiện. Phát huy các di sản được UNESCO công nhận, góp phần quảng bá hình ảnh đất nước và con người Việt Nam. Trong suốt 50 năm vừa qua, mặc dù gặp nhiều khó khăn, Việt Nam đã huy

động được nhiều nguồn lực xã hội, đóng góp vào việc bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích.

Hệ thống tổ chức tư vấn, hội nghề nghiệp về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa được củng cố, từng bước mở rộng và hoàn thiện. Các địa phương quan tâm chỉ đạo thực hiện việc quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa.

Bên cạnh đó, các vấn đề liên quan đến chính sách xã hội, nhất là khu vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn cũng được quan tâm. Thực hiện tốt chính sách xã hội đối với nông dân, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội sẽ góp phần tăng trưởng và phát triển bền vững đất nước.

Thứ năm, phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội được cụ thể hóa trong xây dựng thể chế, phát triển ngành, lĩnh vực văn hóa.

Trong đó, phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường văn hóa đã có những kết quả bước đầu, tích cực. Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, chính sách của ngành văn hóa từ bộ chủ quản tới các sở đã cơ bản đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, tiếp tục thể chế hóa các chủ trương, nghị quyết của Đảng về văn hóa. Công tác bảo vệ bản quyền tác giả và quyền liên quan có nhiều chuyển biến tích cực, đã thực hiện nhiều biện pháp thực thi pháp luật về văn hóa... phù hợp với các hiệp định, định chế quốc tế, đặc biệt là các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tạo dựng môi trường kinh doanh thuận lợi, hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chỉ đạo, điều hành. Triển khai Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược phát

triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2030.

Các địa phương đã quan tâm đầu tư cho phát triển văn học, nghệ thuật, kiện toàn tổ chức, xây dựng đội ngũ, phát hiện, bồi dưỡng tài năng nhằm nâng cao chất lượng hoạt động hội văn học, nghệ thuật. Nhiều tác phẩm có nội dung tư tưởng nghệ thuật tốt, tác phẩm hay, đặc sắc được lựa chọn và trao giải. Nhiều cuộc thi được phát động, thu hút đông đảo hội viên và văn nghệ sĩ tham gia.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP THỜI GIAN TỚI

Một là, tiếp tục nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền về phát triển kinh tế gắn với phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong điều kiện mới.

Xác định coi văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, phải nhất quán đặt phát triển văn hóa, xã hội ngang hàng với phát triển kinh tế. Kinh tế chỉ phát triển nhanh và bền vững khi coi trọng phát triển văn hóa và đặt con người là trung tâm của sự phát triển. Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, con người Việt Nam phát triển toàn diện. Xây dựng môi trường văn hóa, đạo đức lành mạnh; đảm bảo an sinh xã hội, ngăn chặn sự xuống cấp về văn hóa, đạo đức; xây dựng các cơ chế, chính sách để gắn kết chặt chẽ xây dựng văn hóa với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; phát triển văn hóa, xã hội với phát triển kinh tế.

Hai là, tiếp tục thể chế hóa các quan điểm, đường lối của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết Đại hội và các hội nghị Trung ương khóa XIII về phát triển kinh tế, văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội thành các chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Xử lý hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị với phát triển văn hóa; khắc phục tình trạng chạy theo lợi ích kinh tế, không quan tâm đúng mức các giá trị văn hóa. Thực hiện tốt quan điểm kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển. Mỗi chính sách phát triển kinh tế phải hướng tới phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Quản lý phát triển xã hội bền vững phải tập trung vào việc xây dựng mô hình, khả năng quản trị phát triển xã hội hợp lý, không ngừng nâng cao đời sống nhân dân, lấy sự hài lòng, hạnh phúc của người dân làm tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của bộ máy công quyền, tính hợp lý của sự kết hợp giữa tăng trưởng kinh tế hài hòa với phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển. Điều này phải được cụ thể hóa, từng bước hoàn thiện thể chế, luật pháp, chính sách phù hợp với từng giai đoạn.

Ba là, đẩy mạnh nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn.

Quan tâm, giải quyết tốt những mâu thuẫn trong quá trình phát triển, như: Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội trong điều kiện kinh tế phát triển chưa cao, nguồn lực còn hạn chế; tăng trưởng kinh tế với xây dựng văn hóa, đặc biệt là định hướng phát triển, hoàn thiện hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình, chuẩn mực giá trị đạo đức con người Việt Nam trong thời kỳ mới.

Nghiên cứu và có giải pháp phù hợp giải quyết các vấn đề như: Kinh tế phát triển, đời sống vật chất của nhân dân được nâng lên,

nhưng một số lĩnh vực văn hóa, xã hội phát triển không tương xứng; giữa chủ trương phát triển văn hóa với việc tổ chức thực hiện; giữa yêu cầu phát triển văn hóa, xã hội với thực trạng hạn chế về nguồn lực; giữa bảo tồn, phát huy giá trị bản sắc văn hóa, truyền thống tốt đẹp của dân tộc với hội nhập, mở cửa tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; giữa thực tiễn phát triển văn hóa, xã hội với công tác lý luận, định hướng phát triển.

Bốn là, phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao là một đột phá chiến lược, là yếu tố quyết định đẩy sự phát triển.

Quan triệt quan điểm tiên bộ và công bằng xã hội trong thực hiện chủ trương phát triển nguồn nhân lực lĩnh vực văn hóa, xã hội. Đặc biệt là các khu vực còn nhiều khó khăn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, các dân tộc thiểu số. Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chỉ đạo, quản lý văn hóa, văn học, nghệ thuật, báo chí cần có định hướng và những chính sách nhằm phát huy năng lực, bồi dưỡng chuyên môn và nâng cao trách nhiệm của cán bộ trong lĩnh vực này. Bố trí cán bộ chỉ đạo, quản lý văn hóa đúng chuyên môn sở trường, có năng lực, kinh nghiệm. Thường xuyên có kế hoạch đào tạo và đào tạo lại cán bộ để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ.

Năm là, xây dựng, củng cố, phát huy thiết chế văn hoá các cấp, các chương trình mục tiêu quốc gia về chính sách xã hội.

Các địa phương quan tâm đầu tư, phải dành quỹ đất và ưu tiên bố trí địa điểm cho việc xây dựng và mở rộng, phát triển hệ thống thiết chế văn hoá các cấp, các chương trình an sinh xã hội, đồng thời thực

hiện chủ trương xã hội hoá. Bảo tồn di sản văn hóa phải gắn kết chặt chẽ với phát huy các giá trị văn hóa và phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội ở địa phương, nhất là các khu công nghiệp, vùng sâu vùng xa; gắn việc thực hiện an sinh xã hội với nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của người dân.

Chính quyền các cấp đầu tư đúng mức cho lĩnh vực văn hóa, xã hội tương ứng với mức tăng trưởng kinh tế. Tăng cường đầu tư, nâng cao khả năng dự báo và định hướng phát triển, xây dựng con người Việt Nam toàn diện, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, góp phần phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, củng cố vững chắc thành quả của đất nước qua 50 năm thống nhất□

(*) *Bài viết là kết quả của Đề tài KX 04-03/21-25.*

(1), (2) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, H, 2007. tr.52, tr.407- 408, 407.

(3) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, H, 2002, tr.162.

(4) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, H, 2007, tr.77

(5) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Sự thật, H, 1986, tr.79.

(6) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H, 2016, tr.299.

(7) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H, 2021, t.1, tr.119.

Nguồn: Tạp chí Tuyên giáo.- 2024.- Số 7.- Tr.35-40.

**QUAN ĐIỂM, CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG
VỀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA TRONG XÂY DỰNG,
PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC
QUA 50 NĂM THỐNG NHẤT, ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI**

PGS, TS. BÙI HOÀI SƠN
Ủy viên chuyên trách,
Ủy ban Văn hóa và Xã hội của Quốc hội

LTS: Văn hóa được xác định là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực, đồng thời là hệ điều tiết cho sự phát triển kinh tế - xã hội. Văn hóa không chỉ là di sản của dân tộc, mà còn là sức mạnh nội sinh của quốc gia, giúp khẳng định bản sắc dân tộc và củng cố khối đoàn kết trong xã hội. Nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của văn hóa, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn đề cao nhiệm vụ phát triển văn hóa song hành với phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ an ninh quốc phòng. Từ các chỉ thị, nghị quyết đến các chiến lược văn hóa cụ thể, Đảng đã khẳng định phát triển văn hóa là một trong những nhiệm vụ trung tâm, không thể tách rời trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Từ khóa: đường lối của Đảng; xây dựng, phát triển văn hóa

Culture is defined as the spiritual foundation of society, serving as both a goal and a driving force, as well as a regulatory system for socio-economic development. Culture is not only a national heritage but also an intrinsic strength of the

country, helping to affirm national identity and strengthen social cohesion. Recognizing the profound importance of culture, the Communist Party of Vietnam has always emphasized the task of cultural development alongside socio-economic development and national security defense. Through directives, resolutions, and specific cultural strategies, the Party has affirmed that cultural development is one of the central, inseparable tasks in the process of building socialism.

Keywords: Vietnam Communist Party' guidelines; cultural construction and development

Trước khi *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* năm 1991 ra đời, đường lối phát triển văn hóa được xác định trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 của Đảng với nội dung xây dựng nền văn hóa dân tộc, khoa học, đại chúng, một bộ phận hữu cơ của đời sống xã hội, là một nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản⁽¹⁾. *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đề ra ba nguyên tắc vận động, phát triển văn hóa là *dân tộc hóa, khoa học hóa và đại chúng hóa*, trong đó, cuộc đấu tranh về văn hóa được thực hiện theo ba nội dung chủ yếu là: tranh đấu về học thuyết, tư tưởng; tranh đấu về tông phái văn nghệ; tranh đấu về tiếng nói, chữ viết⁽²⁾.

Bước vào thời kỳ đổi mới, *Cương lĩnh* năm 1991 ra đời đã xác định mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng có 6 đặc trưng cơ bản, trong đó đặc trưng thứ tư là “có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”.

Cương lĩnh năm 1991 chỉ rõ đường lối chung về văn hóa: “...

tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa làm cho thế giới quan Mác - Lênin và tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh giữ vị trí chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội. Kế thừa và phát huy những truyền thống văn hóa tốt đẹp của tất cả các dân tộc trong nước, tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, văn minh vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực và thẩm mỹ ngày càng cao. Chống tư tưởng, văn hóa phản tiến bộ, trái với những truyền thống tốt đẹp của dân tộc và những giá trị cao quý của loài người, trái với phương hướng đi lên chủ nghĩa xã hội”⁽³⁾.

Chính sách văn hóa đặt trong mục III. Những định hướng lớn về chính sách kinh tế, xã hội, quốc phòng - an ninh, đối ngoại, và Cương lĩnh năm 1991 xác định phương hướng: “Xây dựng nền văn hóa mới, tạo ra một *đời sống tinh thần* cao đẹp, phong phú và đa dạng, có nội dung nhân đạo, dân chủ, tiến bộ”, trong đó phát huy vai trò văn học, nghệ thuật, bảo đảm quyền được thông tin, phát triển các phương tiện thông tin đại chúng, bảo đảm quyền tự do sáng tạo của công dân, nuôi dưỡng, nâng cao tâm hồn Việt Nam, biểu dương những giá trị chân chính, bồi dưỡng cái chân, cái thiện, cái mỹ theo quan điểm tiến bộ, phê phán những cái lỗi thời, thấp kém.

Đồng thời, Cương lĩnh cũng xác định: “Kết hợp và phát huy đầy đủ vai trò của xã hội, các đoàn thể, nhà trường, gia đình, từng tập thể lao động và tập thể dân cư trong việc chăm lo bồi dưỡng hình thành *con người mới*. Đó là con người có ý thức làm chủ, ý thức trách nhiệm công dân; có tri thức, sức khỏe và lao động giỏi; sống có văn hóa và

tình nghĩa; giàu lòng yêu nước và tinh thần quốc tế chân chính. *Gia đình* là tế bào của xã hội, là cái nôi thân yêu nuôi dưỡng cả đời người, là môi trường quan trọng giáo dục nếp sống và hình thành nhân cách. Các chính sách của Nhà nước phải chú ý tới xây dựng gia đình no ấm, hòa thuận, tiến bộ. Nâng cao ý thức về nghĩa vụ gia đình đối với mọi lớp người. *Đơn vị sản xuất, công tác, học tập, chiến đấu* phải là môi trường xây dựng phong cách lao động có kỷ luật, có kỹ thuật, có năng suất và hiệu quả cao, nơi thể hiện tình bạn, tình đồng chí, đồng đội, hình thành nhân cách con người mới và nền văn hoá mới”.

Văn kiện các kỳ Đại hội Đảng toàn quốc sau đó đã tiếp tục phát triển, làm rõ hơn những vấn đề về văn hóa, con người, gắn với sự vận động, phát triển của tình hình thực tế và những yêu cầu, nhiệm vụ mới đặt ra cho công cuộc đổi mới, xây dựng và phát triển đất nước.

Văn kiện Đại hội VIII của Đảng (tháng 6/1996), cùng với yêu cầu phát triển và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, nhấn mạnh “tiếp thu tinh hoa của các dân tộc trên thế giới, làm giàu đẹp thêm nền văn hóa Việt Nam; đấu tranh chống sự xâm nhập của các loại văn hóa độc hại”; củng cố, tăng cường mạng lưới văn hóa cơ sở, về công tác thông tin, báo chí, Đảng nhận thức rõ hơn về mối quan hệ chặt chẽ giữa phát triển và quản lý tốt mạng lưới thông tin, báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình, điện ảnh và các hình thức nghệ thuật khác. Đồng thời, “hình thành các giá trị chuẩn mực xã hội mới phù hợp với truyền thống, bản sắc dân tộc và yêu cầu của thời đại”, “có chính sách đầu tư thích đáng cho văn hóa, văn nghệ”⁽⁴⁾.

Đặc biệt, trong giai đoạn này, Ban chấp hành Trung ương khoá

VIII đã ban hành Nghị quyết về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Trong đó, Đảng ta xác định: 1) Mục tiêu của nền văn hóa Việt Nam là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc⁽⁵⁾, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ. 2) Quan điểm phát triển văn hóa gồm: 1 - Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. 2 - Nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. 3 - Nền văn hóa Việt Nam là nền văn hóa thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam. 4 - Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng. 5 - Văn hóa là một mặt trận; xây dựng và phát triển văn hóa là một sự nghiệp cách mạng lâu dài, đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì thận trọng; 3) Nhiệm vụ và giải pháp phát triển văn hóa, Nghị quyết Trung ương 5 (Khóa VIII) xác định 10 nhiệm vụ⁽⁶⁾ và 4 nhóm giải pháp⁽⁷⁾.

Văn kiện Đại hội IX của Đảng (tháng 4/2001), khẳng định: “Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội”⁽⁸⁾. Mọi hoạt động về văn hóa phải nhằm phát triển con người Việt Nam toàn diện về chính trị, tư tưởng, trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng lực sáng tạo, lối sống có văn hóa, hài hòa trong quan hệ gia đình, cộng đồng và xã hội. Văn hóa phải trở thành nhân tố tích cực, điều kiện tốt đẹp, giúp con người hoàn thiện nhân cách, kế thừa truyền thống dân tộc, phát huy tinh thần yêu nước, ý chí tự cường, ý thức trách nhiệm trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Văn kiện Đại hội X của Đảng tiếp tục nhấn mạnh “phát triển văn hóa, nền tảng tinh thần của xã hội”, nâng cao chất lượng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, gắn kết chặt chẽ và đồng bộ hơn phát triển văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội. Nội dung này đã thể hiện cụ thể tại Nghị quyết số 23 -NQ/TW ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị (khóa X) về “*Tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới*”. Cùng với các nội dung về xây dựng nền văn hóa đã được khẳng định trong Cương lĩnh năm 1991, Đại hội X của Đảng đặc biệt nhấn mạnh yêu cầu xây dựng, hoàn thiện giá trị, nhân cách con người Việt Nam, bảo vệ và phát huy các giá trị văn hóa bản sắc dân tộc trong điều kiện hội nhập quốc tế, chăm lo bồi dưỡng các giá trị văn hóa, lối sống nhân văn, lý tưởng công hiến, bản lĩnh văn hóa cho thế hệ trẻ, nhất là học sinh, sinh viên.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) xác định mô hình tổng thể xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng với 8 đặc trưng là: “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới”⁽⁹⁾.

Từ mô hình tổng thể xã hội xã hội chủ nghĩa, Cương lĩnh năm 2011 đã xác định phương hướng cơ bản về văn hóa là: “Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ, làm cho văn hóa gắn kết chặt chẽ và thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển... Con người là mục tiêu, đồng thời là động lực phát triển của xã hội, cũng có nghĩa con người là trung tâm của chiến lược phát triển, đồng thời là chủ thể của phát triển”⁽¹⁰⁾.

Từ những định hướng, đường lối cơ bản trong Cương lĩnh năm 2011, Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI (Nghị quyết số 33 - NQ/TW ngày 09/6/2014) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, Kết luận số 76 - KL/TW ngày 04/6/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước và Văn kiện Đại hội XII của Đảng (tháng 01/2016) đã tiếp tục phát triển, làm rõ hơn nhận thức về văn hóa, xã hội và con người:

Một là, mục tiêu của nền văn hóa Việt Nam trong thời kỳ mới là: Xây dựng và phát triển văn hóa, con người vì sự phát triển bền vững đất nước. Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng

tin thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Với 5 mục tiêu cụ thể⁽¹¹⁾. Như vậy, so với Nghị quyết Trung ương 5 (Khóa VIII), mục tiêu trong Nghị quyết lần này đã triển khai rõ hơn nhiệm vụ xây dựng con người thông qua việc hoàn thiện chuẩn mực giá trị văn hóa và con người Việt Nam, trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, đặc biệt nhấn mạnh mục tiêu xây dựng thị trường văn hóa lành mạnh, đẩy mạnh phát triển công nghiệp văn hóa, tăng cường quảng bá văn hóa Việt Nam.

Hai là, quan điểm phát triển văn hóa, Nghị quyết Trung ương 9 (Khóa XI) đưa ra 5 quan điểm⁽¹²⁾. Trong đó bổ sung nội dung như: 1- Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội; 2- Làm rõ các đặc trưng dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học của nền văn hóa Việt Nam; 3- Phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa. Trong xây dựng văn hóa, trọng tâm là chăm lo xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp, với các đặc tính cơ bản: yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo; 4- Xây dựng đồng bộ môi trường văn hóa, trong đó chú trọng vai trò của gia đình, cộng đồng. Phát triển hài hòa giữa kinh tế và văn hóa; cần chú ý đầy đủ đến yếu tố văn hóa và con người trong phát triển kinh tế; 5- Bổ sung: Nhà nước quản lý, nhân dân là chủ thể sáng tạo.

Ba là, nhiệm vụ và giải pháp phát triển văn hóa, Nghị quyết Trung ương 9 (Khóa XI) tập trung vào xây dựng con người và định

nghĩa văn hóa theo nghĩa hẹp hơn⁽¹³⁾, gom lại thành 6 nhóm nhiệm vụ⁽¹⁴⁾ và 4 nhóm giải pháp⁽¹⁵⁾. Trong đó, việc xây dựng con người được xác định rõ hơn gồm nhiệm vụ “Đúc kết và xây dựng hệ giá trị chuẩn của con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế”, và nhiệm vụ mới là “phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường văn hóa”.

Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng tiếp tục khẳng định vị trí, vai trò quan trọng của văn hóa, con người đối với phát triển nhanh và bền vững đất nước trong điều kiện mới. Văn hóa được xác định là một trong bốn trụ cột chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam, gắn bó chặt chẽ với nhau trong mối quan hệ biện chứng, trong đó: phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần, động lực phát triển của xã hội; quốc phòng, an ninh là nhiệm vụ trọng yếu và thường xuyên. Việc thực hiện đồng bộ và hợp lý cả bốn lĩnh vực trên là điều kiện bảo đảm sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước. Việc xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam được trình bày trong mối quan hệ thống nhất, biện chứng, tạo nền tảng, động lực thúc đẩy đất nước phát triển nhanh và bền vững. Một trong những quan điểm chỉ đạo cốt lõi là: “Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc”⁽¹⁶⁾. Đảng xác định, phát triển nhanh và bền vững đất nước dựa chủ yếu vào việc: “Phát huy tối đa nhân tố con người, coi con người là trung tâm, chủ thể, nguồn lực quan trọng nhất và mục tiêu của sự phát triển; lấy giá trị văn hóa, con người Việt Nam là nền tảng, sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự

phát triển bền vững”⁽¹⁷⁾. Vì vậy, xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa giá trị truyền thống và giá trị hiện đại là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu. Tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng (24/11/2021), đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nêu rõ: “Xây dựng con người Việt Nam thời kỳ đổi mới, phát triển, hội nhập với những giá trị chuẩn mực phù hợp, gắn với giữ gìn, phát huy giá trị gia đình Việt Nam, hệ giá trị văn hóa, giá trị của quốc gia - dân tộc; kết hợp nhuần nhuyễn những giá trị truyền thống với giá trị thời đại”⁽¹⁸⁾. “Văn hóa là hồn cốt của dân tộc, nói lên bản sắc dân tộc. Văn hóa còn thì dân tộc còn”. Đây là những định hướng hết sức quan trọng đặt ra cho cấp ủy, chính quyền các cấp, đội ngũ cán bộ, đảng viên, văn nghệ sĩ, trí thức và quần chúng nhân dân thực hiện trong việc sử dụng, giữ gìn, phát huy các hệ giá trị nhằm phục vụ phát triển đất nước trong thời kỳ mới.

Đối với những lĩnh vực quan trọng của văn hóa, nhận thức của Đảng có những bước phát triển, nổi bật là hoàn thiện định hướng đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo; đột phá cơ chế, chính sách để phát triển, ứng dụng khoa học - công nghệ; đẩy mạnh phát triển văn học, nghệ thuật, báo chí, xuất bản; gắn kết bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống với sáng tạo các giá trị văn hóa mới, mở rộng giao lưu và hợp tác quốc tế... hướng vào phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, xây dựng văn hóa, con người Việt Nam. Đảng ta yêu cầu: “Phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, bảo đảm vừa phát huy những giá trị tốt đẹp của dân tộc, vừa tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và hội

nhập quốc tế”⁽¹⁹⁾, “phải có cơ chế, chính sách phát huy tinh thần cống hiến vì đất nước; mọi chính sách của Đảng, Nhà nước đều phải hướng vào nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và hạnh phúc của nhân dân”⁽²⁰⁾. Đảng ta chủ trương tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với văn hóa, bảo đảm định hướng chính trị, tư tưởng, không buông lỏng, đồng thời tôn trọng, phát huy quyền tự do sáng tạo cá nhân; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước với văn hóa; mở rộng, tăng cường nguồn lực và đầu tư phát triển văn hóa một cách toàn diện, nhưng có trọng tâm, trọng điểm; chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ.

Như vậy, qua 50 năm, Đảng đã nhận thức ngày càng rõ hơn về bản chất, ý nghĩa, vai trò, những vấn đề cơ bản, có tính chất nguyên tắc về văn hóa, và tầm quan trọng của văn hóa trong đời sống xã hội, cũng như trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Từ các kết quả nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn cách mạng, Đảng đã chỉ ra rằng, *văn hóa là nền tảng tinh thần, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội*. Từ nhận thức ấy, Đảng chủ trương: 1) Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ, làm cho văn hóa gắn kết chặt chẽ và thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển; 2) Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa

học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Ở đó, *xác định 6 nhóm nhiệm vụ lớn về văn hóa để*: Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện; Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh; Xây dựng văn hóa trong chính trị và trong kinh tế; Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa; Phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường văn hóa; Chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Trong lý luận cũng như trên thực tế, văn hóa ngày càng được coi trọng, đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội, được coi như một yếu tố điều tiết các mối quan hệ xã hội, và yêu cầu phát triển văn hóa cần gắn bó chặt chẽ với sự phát triển kinh tế - xã hội, phát huy yếu tố văn hóa nhằm đổi mới, phát triển và tích cực hóa đời sống kinh tế, chính trị. “Là lực lượng chính trị duy nhất lãnh đạo Nhà nước và xã hội, Đảng có trọng trách lãnh đạo xây dựng, phát huy sức mạnh của nền văn hóa dân tộc. Đường lối đúng đắn của Đảng, sự tiên phong, gương mẫu của các tổ chức đảng, của cán bộ, đảng viên trong hệ thống chính trị là nhân tố quan trọng trong quá trình xây dựng và thực hiện thành công sự nghiệp phát triển văn hóa. Nhiệm vụ đó cũng đòi hỏi Đảng phải tăng cường chỉnh đốn, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, có đủ năng lực, uy tín và ngang tầm với những yêu cầu xây dựng, phát triển đất nước trong điều kiện mới”⁽²¹⁾. “Có thể nói, tư duy mới về các lĩnh vực hoạt động văn hóa và mối quan hệ giữa các lĩnh vực đó đã khắc phục tư duy trước đây nhìn nhận văn hóa và vai trò của văn hóa một cách phiến diện, thiên lệch trong sự phát triển đất

nước”⁽²²⁾. Đây chính là cơ sở cho Đảng hoạch định và thực hiện có hiệu quả trên thực tế các chủ trương, đường lối đúng đắn trong xây dựng, phát triển đất nước.

Kết luận

Phát triển văn hóa đóng vai trò vô cùng quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Văn hóa không chỉ là sức mạnh tinh thần của dân tộc, mà còn là nền tảng để phát triển xã hội, tạo ra sự đoàn kết và đồng thuận trong cộng đồng. Một nền văn hóa vững mạnh không chỉ giúp bảo tồn các giá trị truyền thống mà còn thúc đẩy sự sáng tạo, đổi mới, đồng thời là động lực để phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay, việc gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc càng trở nên cấp thiết, bởi chúng chính là bản sắc và linh hồn của đất nước.

Chúng ta cần tiếp tục thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng trong phát triển văn hóa, khuyến khích mọi tầng lớp nhân dân và đặc biệt là thế hệ trẻ tham gia vào các hoạt động văn hóa. Việc phát huy các giá trị văn hóa truyền thống không chỉ giúp chúng ta khẳng định bản sắc dân tộc mà còn góp phần xây dựng đất nước phồn vinh và bền vững. Mỗi cá nhân, mỗi tổ chức và cộng đồng đều có thể góp phần tạo nên sức mạnh tổng hợp cho sự phát triển văn hóa, từ đó củng cố thêm nền tảng cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc vì một kỷ nguyên vươn mình của dân tộc□

(1), (10), (22). 30 năm thực hiện cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020, tr.112, tr.125-126, tr.129.

(2), (3), (4), (8). Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr. 316-321; t.51, tr. 135-136; t.55, tr.392-393; t.60, tr.202.

(5). Nền văn hóa tiên tiến là tiên bộ, nhân văn và phù hợp với quy luật vận động, phát triển của thời đại mà nội dung cốt lõi là lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nhằm mục tiêu tất cả vì hạnh phúc và sự phát triển tự do, toàn diện của con người trong mối quan hệ hài hòa giữa cá nhân và cộng đồng, giữa xã hội và tự nhiên, vì sự tiến bộ chung của nhân loại. Tính chất tiên tiến của nền văn hóa không thể tách rời những giá trị bản sắc của dân tộc. Đó là những giá trị bền vững, những tinh hoa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam được hun đúc nên qua lịch sử hàng nghìn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước. Đó là, lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng, xã - Tổ quốc; là lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý, đức tính giản dị trong lối sống, là sự cần cù, sáng tạo trong lao động, sự thân thiện, tinh tế trong ứng xử... Nền văn hóa dân tộc Việt Nam là nền văn hóa thống nhất trong sự đa dạng các sắc thái đặc thù của cộng đồng 54 dân tộc Việt Nam. Giữ gìn bản sắc dân tộc phải đi liền với chống lại những giá trị lỗi thời, những phong tục, tập quán, lề thói cũ, lạc hậu. Việc giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc gắn bó chặt chẽ và thống nhất hữu cơ với tiếp thu có chọn lọc những giá trị văn hóa tinh hoa, tiên bộ của các dân tộc khác và của toàn nhân loại để làm giàu thêm nền văn hóa của dân tộc (trong sách *30 năm thực hiện cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ*, tr. 128)

(6). 1) Xây dựng con người Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới. 2) Xây dựng môi trường văn hóa. 3) Phát triển sự nghiệp văn học - nghệ thuật. 4) Bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa. 5) Phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ. 6) Phát triển đi đôi với quản lý tốt hệ thống thông tin đại chúng. 7) Bảo tồn, phát huy và phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số. 8) Chính sách văn hóa đối với tôn giáo. 9) Mở rộng hợp tác quốc tế về văn hóa. 10) củng cố, xây dựng và hoàn thiện thể chế văn hóa.

(7). 1) Mở cuộc vận động giáo dục chủ nghĩa yêu nước gắn với thi đua yêu

nước và phong trào “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. 2) Xây dựng, ban hành luật pháp và các chính sách văn hóa. 3) Tăng cường nguồn lực và phương tiện cho hoạt động văn hóa. 4) Nâng cao hiệu quả lãnh đạo của Đảng trên lĩnh vực văn hóa.

(9). Đảng cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.70, 75-76.

(11). 1) Hoàn thiện các chuẩn mực giá trị văn hóa và con người Việt Nam, tạo môi trường và điều kiện để phát triển về nhân cách, đạo đức, trí tuệ, năng lực sáng tạo, thể chất, tâm hồn, trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, ý thức tuân thủ pháp luật; đề cao tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc, lương tâm, trách nhiệm của mỗi người với bản thân mình, với gia đình, cộng đồng, xã hội và đất nước. 2) Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phù hợp với bối cảnh phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Xây dựng văn hóa trong hệ thống chính trị, trong từng cộng đồng làng, bản, khu phố, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và mỗi gia đình. Phát huy vai trò của gia đình, cộng đồng, xã hội trong việc xây dựng môi trường văn hóa, làm cho văn hóa trở thành nhân tố thúc đẩy con người Việt Nam hoàn thiện nhân cách. 3) Hoàn thiện thể chế, chế định pháp lý và thiết chế văn hóa bảo đảm xây dựng và phát triển văn hóa, con người trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. 4) Xây dựng thị trường văn hóa lành mạnh, đẩy mạnh phát triển công nghiệp văn hóa, tăng cường quảng bá văn hóa Việt Nam. 5) Từng bước thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hóa giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng miền và các giai tầng xã hội. Ngăn chặn và đẩy lùi sự xuống cấp về đạo đức xã hội.

(12). 1) Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước. Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội. 2) Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, với các đặc trưng dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. 3) Phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa. Trong xây dựng văn hóa, trọng tâm là chăm lo xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp, với các đặc tính cơ bản; yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo. 4) Xây dựng

đồng bộ môi trường văn hóa, trong đó chú trọng vai trò của gia đình, cộng đồng. Phát triển hài hòa giữa kinh tế và văn hóa; cần chú ý đầy đủ đến yếu tố văn hóa và con người trong phát triển kinh tế. 5) Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân là chủ thể sáng tạo, đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng.

(13). Từ Nghị quyết Trung ương 5 (Khóa VIII), văn hóa bao gồm các lĩnh vực như tư tưởng, đạo đức, lối sống; lĩnh vực giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ; lĩnh vực văn học, nghệ thuật; lĩnh vực truyền thông đại chúng; lĩnh vực bảo tồn, phát huy di sản văn hóa dân tộc; xây dựng thể chế và thiết chế văn hóa, đến Nghị quyết 33 (Khóa XI) thì thêm nội dung xây dựng con người, đưa ra ngoài các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, truyền thông đại chúng, khoa học và công nghệ.

(14). 1) Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện. 2) Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh. 3) Xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế. 4) Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa. 5) Phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường văn hóa. 6) Chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.

(15). 1) Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với lĩnh vực văn hóa. 2) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa. 3) Xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa. 4) Tăng cường nguồn lực cho lĩnh vực văn hóa.

(16). Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập II, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.324.

(17), (19), (20), (21). Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập 1, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.215-216, tr.262, tr.216, tr. 130.

(18). Nguyễn Phú Trọng (2022), *Quyết tâm chấn hưng và xây dựng thành công một nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.170-171.

**Nguồn: Tạp chí Nghiên cứu Văn hóa và Phát triển.- 2025.-
Số 10.- Tr.13-19.**

**VAI TRÒ CỦA KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ,
ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA
TRONG XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN GIÁ TRỊ VĂN HÓA,
XÃ HỘI, CON NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY**

PGS, TS. PHẠM DUY ĐỨC

**Nguyên Viện trưởng Viện Văn hoá và Phát triển,
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp 4.0, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trở thành một động lực quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa. Trên cơ sở làm rõ một số nội dung về mối quan hệ giữa khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số với xây dựng giá trị văn hóa - xã hội, con người Việt Nam, bài viết khái quát một số nội dung về thực trạng tác động của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số với xây dựng, phát triển giá trị văn hóa, xã hội, con người Việt Nam hiện nay, đồng thời đề ra một số giải pháp tiếp tục phát huy vai trò của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong phát triển giá trị văn hóa, xã hội và con người Việt Nam trong thời gian tới.

Từ khóa: khoa học công nghệ; đổi mới sáng tạo; chuyển đổi số; giá trị văn hóa - xã hội, con người Việt Nam

In the context of globalization and the Fourth Industrial

Revolution, science and technology, innovation, and national digital transformation have become key drivers of economic, social, and cultural development. Based on an analysis of the relationship between science and technology, innovation, and digital transformation with the construction of cultural and social values as well as the development of the Vietnamese people, this article provides an overview of the current impact of these factors on the building and advancement of cultural and social values in Vietnam. Additionally, it proposes several solutions to further promote the role of science and technology, innovation, and digital transformation in the development of cultural and social values and the Vietnamese people in the future.

Keywords: science and technology; innovation; digital transformation; cultural and social values; Vietnamese people.

Khoa học công nghệ (KHCCN), đổi mới sáng tạo (ĐMST) và chuyển đổi số (CDS) mang đến cơ hội lớn trong bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc thông qua các công nghệ hiện đại như trí tuệ nhân tạo, thực tế ảo, và dữ liệu lớn. Đồng thời, chuyển đổi số đã và đang tạo ra một không gian mới cho giao lưu văn hóa, thúc đẩy sáng tạo nghệ thuật và xây dựng cộng đồng văn hóa trực tuyến, giúp các giá trị văn hóa xã hội tiếp cận gần hơn với đời sống con người. Tuy nhiên, sự phát triển nhanh chóng này cũng đặt ra nhiều thách thức, bao gồm nguy cơ mất bản sắc văn hóa, gia tăng khoảng cách số, và vấn đề đạo đức trong không gian số.

Với tầm quan trọng của KHCN, ĐMST và CDS, cần nhận thức rõ vai trò của các yếu tố này trong việc xây dựng giá trị văn hóa xã hội và con người Việt Nam hiện nay, chú trọng mối quan hệ giữa KHCN, ĐMST, CDS với văn hóa xã hội, đánh giá thực trạng và đưa ra những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả phát huy các nguồn lực này trong bối cảnh hội nhập quốc tế và phát triển bền vững.

1. Nhận thức về giá trị văn hóa - xã hội và con người trong bối cảnh hiện đại

1.1. Giá trị văn hóa - xã hội

Giá trị văn hóa - xã hội là những chuẩn mực, nguyên tắc, niềm tin, và biểu tượng được hình thành và chia sẻ trong cộng đồng, có vai trò định hướng hành vi, xây dựng bản sắc, và củng cố mối quan hệ xã hội. Trong bối cảnh hiện đại, khái niệm này được mở rộng để bao hàm cả những yếu tố gắn liền với sự phát triển công nghệ, hội nhập quốc tế, và toàn cầu hóa. Bản chất của giá trị văn hóa - xã hội là sự kết tinh của lịch sử, truyền thống và những ảnh hưởng từ các yếu tố ngoại lai. Đây là nền tảng giúp duy trì tính ổn định, tạo nên sự đồng thuận xã hội và định hình ý thức hệ chung. Chức năng cơ bản của hệ giá trị văn hóa - xã hội là hướng dẫn con người trong việc nhận thức và ứng xử phù hợp với các chuẩn mực xã hội, tạo ra sự gắn kết trong cộng đồng, thúc đẩy hợp tác và đoàn kết xã hội. Đồng thời, đáp ứng nhu cầu thay đổi và hội nhập, giúp văn hóa xã hội có khả năng thích nghi và ứng phó trước các biến động của thời đại.

Trong bối cảnh đất nước đang đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, giá trị văn

hóa - xã hội ngày càng chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ sự phát triển của công nghệ và toàn cầu hóa, dẫn đến việc tái định hình một số giá trị như: sáng tạo, minh bạch, và trách nhiệm xã hội. Sự chuyển đổi từ các giá trị truyền thống (gia đình, cộng đồng) sang các giá trị hiện đại (cá nhân hóa, công bằng, đa dạng) đang đứng trước những cơ hội và thách thức mới.

1.2. Con người trong bối cảnh hiện đại

Con người trong bối cảnh hiện đại không chỉ là thực thể sinh học và xã hội, mà còn là một thực thể văn hóa có khả năng sáng tạo, thích nghi, và phát triển trong môi trường công nghệ số và toàn cầu hóa. Bản chất con người hiện đại mang tính đa chiều và tính thích nghi. Tính đa chiều đòi hỏi con người hiện đại vừa là người sáng tạo giá trị văn hóa, vừa là đối tượng thụ hưởng và bảo tồn các giá trị đó. Tính thích nghi thể hiện ở khả năng hòa nhập và tận dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo để phát triển bản thân và đóng góp vào xã hội.

Vai trò của con người trong bối cảnh hiện đại được thể hiện ở ba vị thế chủ yếu: Thứ nhất là *Người sáng tạo*: Con người không ngừng sáng tạo các giá trị mới thông qua công nghệ, nghệ thuật, và tri thức. Thứ hai là *Người tiếp nhận*: Con người hiện đại có khả năng tiếp thu đa dạng các giá trị văn hóa từ các nền văn minh khác nhau. Thứ ba là *Người quản lý*: Đảm bảo các giá trị văn hóa - xã hội được bảo tồn và phát triển bền vững trong thời đại công nghệ.

Những đặc điểm nổi bật của con người hiện đại bao gồm: 1) *Tính toàn cầu hóa*: sẵn sàng kết nối và tương tác với các nền văn hóa khác trên thế giới. 2) *Tính công nghệ hóa*: Phụ thuộc và tận dụng các

công nghệ mới trong công việc, học tập, và giải trí. 3) *Tính cá nhân hóa*: Tôn trọng và phát triển bản sắc cá nhân trong khi vẫn giữ gìn các giá trị cộng đồng.

Giữa giá trị văn hóa - xã hội và con người trong bối cảnh hiện đại có mối quan hệ biện chứng gắn bó và tác động lẫn nhau rất chặt chẽ. Trước hết là sự phụ thuộc lẫn nhau. Con người là chủ thể sáng tạo và gìn giữ giá trị văn hóa - xã hội. Giá trị văn hóa - xã hội lại định hướng hành vi và phát triển nhân cách của con người. Thứ hai là tác động của bối cảnh hiện đại. Công nghệ số và toàn cầu hóa đang tái định nghĩa mối quan hệ giữa con người và các giá trị văn hóa - xã hội. Ví dụ, các nền tảng số (như mạng xã hội) vừa là nơi lan tỏa giá trị văn hóa vừa là công cụ để con người thể hiện bản thân. Thứ ba là thách thức và cơ hội. Thách thức lớn nhất là sự mất cân bằng giữa giá trị truyền thống và hiện đại, nguy cơ đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc. Cơ hội mà nó mang lại là tạo điều kiện xây dựng con người hiện đại với tinh thần sáng tạo, trách nhiệm xã hội và giữ gìn bản sắc và cốt cách và bản lĩnh dân tộc.

2. Nhận thức về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

2.1. Khoa học công nghệ

Khoa học công nghệ là tập hợp các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng tri thức và quy trình, kỹ năng để giải quyết các vấn đề thực tiễn, tạo ra giá trị mới và thúc đẩy sự phát triển xã hội. Khoa học tập trung vào việc nghiên cứu, khám phá các quy luật tự nhiên, xã hội và nhân

văn. Đây là nền tảng lý luận để công nghệ ra đời. Công nghệ là sự ứng dụng của khoa học để tạo ra các công cụ, quy trình, nhằm tạo ra các sản phẩm phục vụ cuộc sống. Công nghệ chuyển hóa tri thức thành giá trị thực tiễn.

KHCN góp phần cải thiện năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất, và nâng cao chất lượng sản phẩm, ứng dụng KHCN trong y tế, giáo dục, giao thông giúp cải thiện chất lượng cuộc sống. KHCN tạo ra các công cụ truyền thông, giúp bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa. Tuy nhiên phát triển khoa học công nghệ cũng tạo ra những hạn chế cần khắc phục. Đó là tăng nguy cơ ô nhiễm môi trường do ứng dụng công nghệ thiếu kiểm soát. Tăng khoảng cách giàu nghèo giữa các quốc gia và cộng đồng không tiếp cận được công nghệ.

2.2. Đổi mới sáng tạo

Đổi mới sáng tạo là quá trình tạo ra hoặc áp dụng những ý tưởng, sản phẩm, quy trình hoặc phương pháp mới nhằm mang lại giá trị gia tăng cho xã hội, tổ chức, hoặc cá nhân. Đổi mới là việc thay đổi cách thức thực hiện hoặc nâng cấp những gì đã có để đạt hiệu quả tốt hơn. Sáng tạo là việc tạo ra những ý tưởng hoặc giải pháp hoàn toàn mới, chưa từng tồn tại trước đó.

Đổi mới sáng tạo có những tác động mạnh mẽ đến xã hội, ĐMST là động lực giúp các doanh nghiệp và quốc gia nâng cao vị thế cạnh tranh trên thị trường toàn cầu; giúp xã hội tìm ra giải pháp tối ưu cho các vấn đề hiện tại và tương lai. ĐMST thúc đẩy phát triển công nghệ thân thiện với môi trường, góp phần giảm thiểu tác động tiêu cực

của con người.

Hạn chế của ĐMST là rủi ro thất bại khi triển khai các ý tưởng mới. Tốn kém nguồn lực và thời gian để chuyển đổi từ ý tưởng thành thực tiễn.

2.3. Chuyển đổi số

Chuyển đổi số là quá trình ứng dụng công nghệ số vào mọi khía cạnh của đời sống, kinh tế và xã hội, nhằm tối ưu hóa hoạt động, nâng cao hiệu quả và tạo ra giá trị mới. Chuyển đổi số góp phần giảm thiểu sai sót, tối ưu hóa quy trình, tiết kiệm chi phí. Các nền tảng số như mạng xã hội, thư viện số giúp lưu trữ, phổ biến và trao đổi giá trị văn hóa dễ dàng hơn. Công nghệ số phá bỏ rào cản địa lý, tăng cường giao lưu văn hóa, kinh tế và tri thức, thúc đẩy kết nối toàn cầu. Tuy nhiên, hạn chế của chuyển đổi số là rủi ro về an ninh mạng và quyền riêng tư. Gia tăng khoảng cách trong thụ hưởng thành quả của chuyển đổi số giữa các vùng, nhóm người và quốc gia.

KHCN, ĐMST và CDS có mối quan hệ biện chứng, tác động qua lại và hỗ trợ lẫn nhau tạo động lực cho quá trình phát triển. KHCN cung cấp nền tảng và công cụ để ĐMST và CDS diễn ra. ĐMST và CDS thúc đẩy sự phát triển của KHCN thông qua nhu cầu và các ứng dụng mới. KHCN và ĐMST tạo ra các giải pháp công nghệ tiên tiến. CDS giúp triển khai các giải pháp này nhanh chóng và hiệu quả trên diện rộng. KHCN, ĐMST và CDS tạo ra những thay đổi sâu rộng trong văn hóa, xã hội, và con người, đặc biệt là trong việc xây dựng giá trị văn hóa - xã hội và con người hiện đại.

3. Mối quan hệ giữa khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và giá trị văn hóa - xã hội, con người Việt Nam

3.1. Tương hỗ và bổ sung lẫn nhau

KHCN là nền tảng cung cấp công cụ và phương pháp để hiện thực hóa các ý tưởng đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Ngày nay, việc ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo trong việc bảo tồn di sản văn hóa, như số hóa các tài liệu, di tích lịch sử văn hóa... đang ngày càng trở nên phổ biến, hữu ích. Bên cạnh đó, ĐMST là động lực tạo ra các giải pháp mới nhằm khai thác tối đa tiềm năng của KHCN và thúc đẩy CDS. Chuyển đổi số là môi trường tạo không gian và điều kiện để KHCN và ĐMST phát huy hiệu quả, từ đó lan tỏa các giá trị văn hóa và xã hội. Xây dựng nền tảng học liệu mở (MOOCs) cho học sinh, sinh viên, tạo điều kiện tiếp cận tri thức bình đẳng

3.2. Tác động đến văn hóa - xã hội và con người

KHCN, ĐMST, CDS số góp phần nâng cao nhận thức, thúc đẩy tư duy tiến bộ, sáng tạo, giúp Việt Nam tiếp cận các giá trị văn hóa và tri thức toàn cầu, đồng thời vẫn giữ vững bản sắc dân tộc qua việc gia tăng chất lượng bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa. KHCN, ĐMST, CDS định hình các giá trị mới dựa trên sự kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại, giữa phát triển kinh tế và bảo tồn văn hóa.

Mối quan hệ giữa KHCN, ĐMST và CDS với sự phát triển giá trị văn hóa - xã hội và con người Việt Nam là một quá trình tương hỗ, vừa tạo động lực vừa định hình các giá trị mới. Sự kết hợp chặt chẽ giữa ba yếu tố này không chỉ giúp Việt Nam xây dựng một xã hội hiện

đại mà còn đảm bảo giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc trong bối cảnh toàn cầu hóa.

4. Vai trò của Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong xây dựng và phát triển giá trị văn hóa, xã hội, con người Việt Nam hiện nay

4.1. Phát triển văn hóa số, xây dựng con người Việt Nam hiện đại, nhân văn

Công nghệ số hỗ trợ hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, trong đó nổi bật là quá trình số hóa các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, từ đó bảo tồn lâu dài và quảng bá rộng rãi trên phạm vi quốc gia, quốc tế về giá trị đặc sắc của di sản. Công nghệ số còn góp phần quan trọng vào hoạt động sáng tạo nội dung văn hóa, hỗ trợ quá trình tạo ra các sản phẩm văn hóa với những hiệu ứng đặc sắc về hình ảnh, âm thanh trong các lĩnh vực như điện ảnh, âm nhạc, trò chơi điện tử.

Mặt khác, KHCN, ĐMST, CDS góp phần nâng cao ý thức và giá trị sống. Các chiến dịch truyền thông trên nền tảng số giúp lan tỏa các giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc như đoàn kết, tự hào dân tộc, ý thức bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội, định hình lối sống văn minh, lành mạnh, hiện đại, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

4.2. Thúc đẩy phát triển xã hội số

KHCN, ĐMST, CDS tạo nền tảng cung cấp các dịch vụ công trực tuyến, tiện tiếp cận y tế, giáo dục, và phúc lợi xã hội nhanh chóng và thuận tiện hơn. Tăng cường kết nối xã hội qua việc xây dựng các cộng đồng trực tuyến, nơi mọi người có thể chia sẻ, giao lưu và

lan tỏa các giá trị xã hội tích cực, góp phần giảm khoảng cách phát triển giữa các khu vực.

4.3. Góp phần định hướng phát triển bền vững

KHCN, ĐMST, CDS không chỉ là động lực mà còn là nền tảng để Việt Nam xây dựng một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đồng thời phát triển xã hội và con người Việt Nam trong thời kỳ hội nhập quốc tế. Công nghệ số tạo điều kiện phát triển kinh tế sáng tạo dựa trên nền tảng văn hóa, góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Mặt khác, dữ liệu lớn (Big Data) và trí tuệ nhân tạo (AI) cung cấp cơ sở dữ liệu để phân tích và xây dựng các chính sách văn hóa, xã hội hiệu quả hơn.

5. Thực trạng tác động của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đến xây dựng và phát triển các giá trị văn hóa, xã hội và con người ở Việt Nam

5.1 Những kết quả đạt được

- Trong lĩnh vực văn hóa

Công nghệ số hóa giúp bảo tồn và phát huy di sản văn hóa. Nhiều di sản văn hóa vật thể và phi vật thể đã được số hóa, tạo điều kiện thuận lợi cho việc bảo tồn và quảng bá trên các nền tảng số. Ví dụ: Số hóa di sản Hoàng thành Thăng Long, Nhã nhạc cung đình Huế và ứng dụng thực tế ảo (VR) trong tham quan di tích. Các bảo tàng, thư viện và cơ sở văn hóa đã áp dụng công nghệ thực tế ảo (VR), thực tế tăng cường (AR) để mang đến trải nghiệm mới mẻ cho công chúng.

Thúc đẩy sáng tạo những giá trị văn hóa mới và phát triển các ngành công nghiệp văn hóa và Phát triển thị trường văn hóa, quảng bá văn hóa Việt Nam ra thế giới. ĐMST trong hoạt động nghệ thuật như nghệ thuật kỹ thuật số, game hóa các câu chuyện dân gian, và phát triển các nền tảng phát trực tuyến âm nhạc, phim ảnh. Các nền tảng trực tuyến hỗ trợ sản xuất, phân phối và tiêu thụ sản phẩm văn hóa, như âm nhạc, phim ảnh, và sách điện tử, góp phần thúc đẩy nền kinh tế sáng tạo. Chuyển đổi số hỗ trợ hiệu quả hoạt động quảng bá văn hóa Việt Nam thông qua các nền tảng trực tuyến và mạng xã hội, giúp tăng cường hình ảnh quốc gia trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

- Trong lĩnh vực xã hội

Chuyển đổi số góp phần cải thiện dịch vụ công, giúp người dân tiếp cận các dịch vụ y tế, giáo dục, và hành chính công một cách nhanh chóng, thuận tiện. Bên cạnh đó, chuyển đổi số nâng cao khả năng lan tỏa giá trị xã hội, tăng cường kết nối xã hội, thúc đẩy bình đẳng và tiếp cận thông tin. Các chiến dịch truyền thông số đã góp phần nâng cao nhận thức cộng đồng về các vấn đề xã hội, như bảo vệ môi trường, phòng chống dịch bệnh và bình đẳng giới. Công nghệ thông tin và truyền thông giúp mọi tầng lớp xã hội, đặc biệt là nhóm yếu thế, tiếp cận với tri thức, giáo dục và dịch vụ công. Các ứng dụng công nghệ như dịch vụ y tế từ xa (telemedicine) đã cải thiện sức khỏe cộng đồng, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa. Mạng xã hội và các ứng dụng liên lạc trực tuyến giúp gắn kết cộng đồng và tạo ra không gian chia sẻ thông tin nhanh chóng, hiệu quả. Các hoạt động từ thiện thông qua ZaloPay, Momo đã tạo hiệu ứng xã hội tích cực, thu hút sự tham

gia của đông đảo người dân.

Trong phát triển con người

Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số góp phần đổi mới giáo dục. Nhiều trường học và cơ sở đào tạo đã ứng dụng công nghệ vào giảng dạy, tạo ra môi trường học tập linh hoạt và hiệu quả. Nhiều chương trình đào tạo kỹ năng số đã được triển khai rộng rãi, giúp người dân, nâng cao năng lực thích nghi với kỷ nguyên số, nâng cao năng lực cá nhân trong phát triển năng lực và tư duy sáng tạo nhất là thế hệ trẻ. Mặt khác, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tham gia mạnh mẽ vào quá trình thúc đẩy lối sống, văn hóa số. Con người dần thích nghi với lối sống thông minh, sử dụng các ứng dụng quản lý thời gian, tài chính và chăm sóc sức khỏe cá nhân như Google Calendar, MyFitnessPal.

5.2. Một số hạn chế

Hạn chế về hạ tầng công nghệ, nguồn nhân lực

Sự chênh lệch vùng miền về thụ hưởng, tiếp cận thành quả của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Ở nhiều vùng nông thôn và miền núi, hạ tầng công nghệ chưa phát triển đồng bộ, dẫn đến sự chênh lệch trong tiếp cận khoa học và công nghệ. Mặt khác, sự thiếu hụt nhân lực chất lượng cao, nhân lực có kỹ năng chuyên môn trong các lĩnh vực KH-CN và ĐMST còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển nhanh và bền vững.

Phương diện chính sách và quản lý

Chính sách hỗ trợ KH-CN, ĐMST, CDS chưa đồng bộ và chưa

thực sự gắn kết với các lĩnh vực văn hóa, xã hội, và con người. Công tác quản lý và kiểm soát các nền tảng số chưa hiệu quả, dẫn đến sự lan truyền thông tin sai lệch, các giá trị văn hóa tiêu cực và tác động không mong muốn lên xã hội.

Những hạn chế trên đã tác động tiêu cực đối với giá trị văn hóa, xã hội và con người, thể hiện trên một số phương diện sau:

Một là, đối với giá trị văn hóa là nguy cơ mai một giá trị truyền thống: Sự phổ biến của các nội dung văn hóa ngoại lai thông qua các nền tảng số có thể làm mờ nhạt bản sắc văn hóa truyền thống. Văn hóa ứng xử trên không gian mạng còn nhiều bất cập, như vấn đề ngôn từ thiếu văn minh, thông tin sai lệch. *Chênh lệch trong tiếp cận văn hóa số:* Ở vùng nông thôn và miền núi, khả năng tiếp cận các dịch vụ văn hóa số còn hạn chế do thiếu hạ tầng công nghệ.

Hai là, đối với giá trị xã hội là gia tăng khoảng cách số: Sự phát triển không đồng đều giữa các khu vực và tầng lớp xã hội dẫn đến khoảng cách trong khả năng tiếp cận công nghệ và thông tin. *Tác động tiêu cực đến quan hệ xã hội:* Việc sử dụng quá mức các thiết bị công nghệ làm giảm tương tác trực tiếp, dẫn đến sự xa cách trong quan hệ gia đình và cộng đồng.

Ba là, đối với con người là thiếu kỹ năng số: Nhiều người lao động chưa được đào tạo đầy đủ kỹ năng số, gây khó khăn trong việc thích ứng với các công việc hiện đại. Việc tiếp cận thông tin không kiểm soát và áp lực từ mạng xã hội có thể dẫn đến các vấn đề tâm lý như trầm cảm.

Như vậy, KHCN, ĐMST và CDS đã và đang tạo ra những

chuyển biến tích cực trong việc xây dựng và phát triển các giá trị văn hóa, xã hội và con người ở Việt Nam. Tuy nhiên, để tận dụng tối đa tiềm năng và hạn chế các tác động tiêu cực, cần có chiến lược đồng bộ, chú trọng đầu tư hạ tầng, đào tạo nhân lực và xây dựng các chính sách phù hợp nhằm thúc đẩy sự phát triển bền vững.

6. Giải pháp phát huy vai trò của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong xây dựng, phát triển giá trị văn hóa, xã hội và con người Việt Nam

6.1. Xây dựng chiến lược quốc gia, hoàn thiện thể chế, chính sách

Lồng ghép các mục tiêu văn hóa, xã hội, và phát triển con người vào chiến lược quốc gia về KH-CN và CDS. Trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa giai đoạn 2025-2035, cần xây dựng các chỉ số đo lường hiệu quả phát triển giá trị văn hóa và xã hội thông qua công nghệ. Tích hợp KH-CN và ĐMST vào chính sách phát triển văn hóa, xã hội và con người. Xây dựng các chính sách gắn kết khoa học, công nghệ với bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, giải quyết các vấn đề xã hội và phát triển con người. Tích hợp các mục tiêu chuyển đổi số vào mọi khía cạnh của chính sách văn hóa, xã hội, giáo dục và đào tạo. Khẩn trương phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, khuyến khích ứng dụng công nghệ để phát triển các ngành công nghiệp sáng tạo, nghệ thuật và văn hóa như phim ảnh, âm nhạc, trò chơi điện tử và xuất bản số.

Xây dựng khung pháp lý hỗ trợ đổi mới sáng tạo, ban hành các chính sách thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ trong phát triển

văn hóa và xã hội. Tăng cường bảo vệ bản quyền, sở hữu trí tuệ đối với sản phẩm văn hóa và sáng tạo. Áp dụng công nghệ trong quản lý văn hóa, xã hội và giáo dục để nâng cao hiệu quả và tăng cường minh bạch thông tin.

6.2. Đầu tư vào hạ tầng công nghệ hiện đại

Phát triển hạ tầng số toàn diện, mở rộng mạng lưới Internet tốc độ cao đến vùng sâu, vùng xa, đảm bảo công bằng trong tiếp cận công nghệ. Tăng cường xây dựng các trung tâm văn hóa số, thư viện số và không gian sáng tạo tại địa phương. Triển khai các chương trình giáo dục và đào tạo kỹ năng số cho mọi tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thanh niên, phụ nữ, và nhóm yếu thế. Khuyến khích hợp tác giữa các cơ sở giáo dục và doanh nghiệp công nghệ để xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao. Xây dựng cơ sở dữ liệu số quốc gia, số hóa các tài nguyên văn hóa, di sản và dữ liệu xã hội để phục vụ nghiên cứu, bảo tồn phát triển di sản văn hóa.

6.3. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

Nâng cao kỹ năng số cho mọi tầng lớp nhân dân, triển khai các chương trình đào tạo kỹ năng số, từ cơ bản đến nâng cao, cho người dân, đặc biệt là lao động trẻ và lực lượng trí thức. Đưa giáo dục về đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào chương trình giảng dạy ở các cấp học. Hỗ trợ nguồn nhân lực khoa học, công nghệ, thu hút và giữ chân nhân tài trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thông qua các chính sách đãi ngộ và môi trường làm việc thuận lợi.

Thúc đẩy sáng tạo văn hóa số hỗ trợ các tài năng sáng tạo bằng việc gia tăng đãi ngộ, cấp kinh phí và tạo điều kiện cho các nghệ sĩ,

nhà làm phim, và nhà phát triển nội dung số. Phát triển các nền tảng sáng tạo nội dung mang bản sắc văn hóa Việt Nam

6.4. Tăng cường hợp tác công - tư, hợp tác quốc tế

Đẩy mạnh hợp tác với các doanh nghiệp, tạo điều kiện để các doanh nghiệp tham gia đầu tư vào nghiên cứu, ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực văn hóa và xã hội. Khuyến khích các dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa và công nghệ giáo dục.

Mở rộng học hỏi kinh nghiệm quốc tế, tham gia các tổ chức và diễn đàn quốc tế về KH-CN, ĐMST và CDS để chia sẻ kinh nghiệm và cập nhật xu hướng mới trong chuyên đổi số, bảo tồn văn hóa, và giải quyết các vấn đề xã hội. Hợp tác với các quốc gia có nền tảng công nghệ phát triển để chuyển giao công nghệ và tri thức nhằm nâng cao năng lực của các chủ thể trong ứng dụng khoa học công nghệ, chuyên đổi số và đổi mới sáng tạo trên lĩnh vực văn hóa - xã hội. Tăng cường hợp tác quốc tế trong việc tổ chức các sự kiện văn hóa trực tuyến và triển lãm số.

Những giải pháp trên cần được thực hiện đồng bộ, với sự tham gia của toàn xã hội, từ Chính phủ, doanh nghiệp, nhà khoa học đến người dân. Đây là cơ hội để Việt Nam không chỉ tận dụng tối đa sức mạnh của KH-CN, ĐMST, CDS mà còn xây dựng một nền văn hóa, xã hội và con người hiện đại, giàu bản sắc dân tộc, góp phần vào sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước trong kỷ nguyên mới□

Nguồn: Tạp chí Nghiên cứu Văn hóa và Phát triển.- 2025.- Số 10.- Tr.40-46.

**PHÁT TRIỂN VĂN HÓA VIỆT NAM
TRONG KỶ NGUYÊN MỚI,
KỶ NGUYÊN VƯƠN MÌNH CỦA DÂN TỘC**

PGS, TS. NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG
Viện trưởng Viện Văn hóa nghệ
thuật quốc gia Việt Nam

PGS, TS. ĐỖ THỊ THANH THỦY
Trưởng Ban Nghiên cứu
Văn hóa, Viện Văn hóa
nghệ thuật quốc gia Việt Nam

Ngày Tòa soạn nhận bài: 3-1-2025 Ngày phản hiện, đánh giá, sửa
chữa: 4-1-2025; Ngày duyệt đăng: 7-1-2025.

Tóm tắt: Văn hóa không chỉ là hồn cốt dân tộc mà còn là nguồn lực nội sinh, là động lực thúc đẩy sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt trong kỷ nguyên vươn mình của cả dân tộc. Để định vị rõ nét bản sắc và thương hiệu quốc gia cần xây dựng một môi trường thể chế lành mạnh, đổi mới tư duy phát triển văn hóa, đặc biệt chú ý đến phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, tăng cường hợp tác quốc tế, chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa... Phát triển văn hóa là một quá trình lâu dài và đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành và sự nỗ lực của cả xã hội.

Từ khóa: công nghiệp văn hóa, kỷ nguyên vươn mình, định vị bản sắc và thương hiệu quốc gia.

Abstract: Culture is not only the soul of a nation but also an endogenous resource and a driving force for sustainable

development, especially in the nation's rising era. To clearly define national identity and brand, it is necessary to build a healthy institutional environment, innovate in cultural development thinking, pay special attention to the development of cultural industries, strengthen international cooperation, and promote digital transformation in the cultural sector. Developing culture is a long-term process that requires close coordination among all levels, sectors, and the efforts of the entire society.

Keywords: cultural industry, rising era, to define national identity and brand.

1. Phát triển văn hóa cần định vị rõ nét bản sắc, thương hiệu quốc gia trong những bước chuyển mình lớn lao của dân tộc

Có một sự thật đầy tự hào và vô cùng thiêng liêng đối với mỗi người dân Việt Nam đó là, trong bất kỳ giai đoạn nào của lịch sử hàng ngàn năm dựng nước, giữ nước của dân tộc, văn hóa luôn là hồn cốt, bản sắc, là cầu nối giữa quá khứ, hiện tại và tương lai, là sợi chỉ đỏ xuyên suốt hành trình phát triển của dân tộc. Chính vì vậy, trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, văn hóa không thể không phát huy sức mạnh nội sinh, khả năng tạo động lực mạnh mẽ trong việc định vị bản sắc, thương hiệu quốc gia trong bước chuyển mình lớn lao của đất nước. Để làm được điều này, chúng ta cần phải có một tầm nhìn chiến lược, một giải pháp hệ thống, những hành động thiết thực để phát huy hiệu quả thời cơ, chuyển hóa kịp thời thách thức để tạo sự vươn mình của văn hóa.

Vậy, trong sự đan xen của các cơ hội và thách thức, chúng ta sẽ phải làm gì để tạo nên sự chuyển mình hiệu quả của văn hóa? Chúng tôi cho rằng, mọi chiến lược, giải pháp và những việc cần làm ngay trong phát triển văn hóa cần gắn chặt với sự chuyển động của toàn xã hội. Vì điều này sẽ tạo nên sự đồng bộ trong việc định hình rõ nét và chắc chắn môi trường thể chế lành mạnh có khả năng vận hành cơ chế chuyển hóa hiệu quả các nguồn lực cho sự phát triển văn hóa. Đây chính là mấu chốt quan trọng để văn hóa trở thành thực lực mềm có khả năng định vị tầm vóc, vị thế, bản sắc Việt Nam trong kỷ nguyên mới của dân tộc.

Để phát huy các thời cơ sẵn có là khả năng hội nhập quốc tế sâu rộng, thành tựu khoa học công nghệ ưu trội, cơ cấu dân số vàng, đặc biệt là tầng lớp sáng tạo trẻ cùng sự đa dạng của các biểu đạt văn hóa của 54 dân tộc, những chuyển dịch về cơ cấu kinh tế theo hướng ưu tiên nền kinh tế sáng tạo với trọng tâm là thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo nhằm tạo sức bật cho các ngành công nghiệp văn hóa theo hướng đáp ứng các yêu cầu phát triển bền vững; cũng như giải quyết các thách thức đến từ biến đổi khí hậu, áp lực đô thị, điểm nghẽn thể chế trong khơi thông nguồn lực văn hóa, sự thiếu đồng bộ trong các giải pháp chính sách mang tính liên ngành, xuyên ngành; để khơi thông nguồn lực, tạo động lực phát triển, tạo sức bật mạnh mẽ cho văn hóa, chúng ta cần có sự đổi mới hơn nữa trong tư duy phát triển văn hóa. Cụ thể:

Cần thống nhất nhận thức tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn về thể chế một cách có hệ thống để khơi thông nguồn lực trong phát triển văn hóa. Vì, để tạo nên sức bật, sự vươn mình thực sự của văn hóa thì

chắc chắn không chỉ dựa vào sự phát triển tự thân văn hóa mà còn cần một nền tảng thể chế vững chắc, hệ thống chính sách có tính đột phá được xây dựng nên từ quá trình chung tay của các bộ, ban, ngành, địa phương và mọi thành phần xã hội. Trước hết, sự chung tay đó, cần phải tập trung vào việc tháo gỡ tình trạng chòng chẹo và mâu thuẫn trong nhiều văn bản luật ở cả trung ương và địa phương để khơi thông nguồn nhân lực, nguồn tài chính, đất đai, tài sản, cơ sở hạ tầng... nhằm tăng hiệu lực, hiệu quả của những chính sách văn hóa. Khi quá trình xây dựng chính sách được bắt đầu từ việc giải quyết nguyên nhân chính dẫn đến các điểm nghẽn trong phát triển bằng một tư duy cởi mở và cầu thị, chúng ta sẽ khắc phục được những hạn chế về thể chế tạo môi trường thuận lợi cho văn hóa phát triển.

Song song với quá trình tháo gỡ, khắc phục những điểm nghẽn chính sách, tư duy mở sẵn sàng đón nhận ý tưởng đổi mới, khuyến khích sáng tạo, bảo vệ quyền lợi và cùng chấp nhận, chia sẻ rủi ro với cộng đồng thực hành sáng tạo sẽ tạo một môi trường thể chế mạnh có khả năng thúc đẩy và nâng tầm cho văn hóa vươn mình. Sự đột phá về tư duy sẽ tạo động lực để hệ thống chính sách có sự tập trung trong bảo tồn di sản, gắn với phát huy di sản, sức sáng tạo văn hóa trong kế thừa các giá trị văn hóa truyền thống song song với định hình giá trị đương đại để tạo nên sức mạnh mới của văn hóa trên hành trình vươn mình để khẳng định vị thế, sức lan tỏa văn hóa Việt Nam trên bản đồ thế giới.

2. Phát triển văn hóa, phát triển các ngành công nghiệp văn hóa cần tập trung vào các giải pháp căn cốt

Trong phát triển văn hóa, cũng rất cần xác định, đầu tư cho công tác bảo tồn di sản văn hóa song song với phát huy di sản văn hóa gắn với khởi nghiệp sáng tạo chính là “chìa khóa” tạo nên sự phát triển toàn diện, bền vững của văn hóa. Có nghĩa là, quá trình đầu tư cho bảo tồn di sản văn hóa, cho các dự án khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực văn hóa, hay các tài năng sáng tạo cho văn hóa là vô cùng cần thiết. Vì đây chính là quá trình “tiêu tiền” để tạo nên tảng vững vàng cho sự định hình chuỗi giá trị trong phát triển công nghiệp văn hóa vốn sử dụng sức sáng tạo để chuyển hóa các chất liệu từ di sản văn hóa, nguồn tài nguyên văn hóa để tạo nên các sản phẩm, dịch vụ văn hóa kích hoạt nhu cầu “tiêu tiền” (tiêu dùng, hưởng thụ văn hóa) trong đời sống xã hội. Việc tạo cơ chế hài hòa giữa đầu tư “tiêu tiền” để “làm ra tiền” (kích hoạt tiêu dùng văn hóa, đóng góp GDP và công ăn việc làm cho xã hội) chính là giải pháp căn cốt để tạo vòng “tuần hoàn” bền vững trong phát triển văn hóa. Nói cách khác, làm tốt công tác bảo tồn các di sản văn hóa song song với việc phát huy các di sản văn hóa gắn với khởi nghiệp sáng tạo sẽ tạo sự bứt phá trong phát triển các ngành công nghiệp văn hóa như một kênh gia tăng sức mạnh mềm văn hóa, đồng thời định vị năng lực cạnh tranh của các sản phẩm, dịch vụ văn hóa ngay tại chính thị trường trong nước.

Công nghiệp văn hóa trong kỷ nguyên mới cần phải có sự phát triển mạnh hơn giai đoạn trước. Muốn vậy cần khơi thông nguồn lực thông qua hợp tác công tư, thúc đẩy đầu tư, tài trợ cho văn hóa, và chính sách giảm thuế trong lĩnh vực văn hóa, lĩnh vực vốn rất cần sự nâng đỡ và thúc đẩy của xã hội để tạo nên những giá trị vô hình, hữu hình quý giá liên quan đến sự tồn vong của dân tộc.

Nhìn lại sự phát triển của các ngành công nghiệp văn hóa trong năm 2024, có thể nhận thấy rõ, các cấp, các ngành và các nhà quản lý đã có những chuyển động tích cực trong nhận thức cần phải đầu tư, tài trợ có chiều sâu cho văn hóa, vì đầu tư cho văn hóa chính là đầu tư cho phát triển bền vững. Sự thay đổi về nhận thức này sẽ tạo tiền đề cho việc định hình các giải pháp cụ thể, khả thi cho việc thúc đẩy năng lực sáng tạo trong lĩnh vực văn hóa, trong đó có sáng tạo trong nhóm ngành công nghiệp văn hóa, góp phần đảm bảo các yêu cầu phát triển bền vững. Sau sự kiện BlackPink đến Hà Nội, chúng ta nhận thấy, Thủ đô là nơi nhà sản xuất lựa chọn là “điểm biểu diễn”. Nghĩa là, chúng ta có được doanh thu từ hoạt động liên quan trong chương trình đó như lưu trú, ẩm thực, di chuyển, trải nghiệm du lịch... Còn “phần lãi” của chương trình trong đó có bao gồm doanh thu bán vé không thuộc về chúng ta. Nói cách khác, Hà Nội thời điểm đó là một phần khiêm tốn trong vòng đời của show diễn. Không ít nhà sản xuất âm nhạc, nghệ sĩ và doanh nghiệp trong lĩnh vực này, cũng như các doanh nghiệp lớn có khả năng đầu tư, tài trợ nhận ra thực tế nêu trên. Nhưng thực tế gần đây còn cho thấy, đã có sự chuyển mình năng động hơn trong ngành Nghệ thuật biểu diễn. Trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm của các chương trình âm nhạc quốc tế diễn ra tại Việt Nam, chúng ta cũng đã có sáng kiến hiệu quả trong hoạt động đầu tư, tài trợ của các tập đoàn ví như Vingroup đối với các dự án âm nhạc, hay Techcombank trong Concept “Anh trai vượt ngàn chông gai” vừa qua. Rõ ràng, đầu tư bài bản, tổ chức thực hiện chuyên nghiệp sẽ giúp các nghệ sĩ, nhà tổ chức có được sự yên tâm, tin cậy để cống hiến, sáng tạo ra các chương trình nghệ thuật thu hút, thúc đẩy thực sự nhu cầu

tiêu dùng của người dân. Bên cạnh đó, hoạt động văn hóa nghệ thuật chất lượng diễn ra không chỉ mang lại nguồn thu trực diện từ bán vé mà nó tạo ra hệ sinh thái cho công nghiệp văn hóa, mang lại doanh thu về truyền thông, quảng cáo, lưu trú, giao thông, ẩm thực...

Các ví dụ trên cho thấy, nghệ thuật biểu diễn đã tạo ra “cú nổ” kích cầu tổng thể nhu cầu tiêu dùng các sản phẩm, dịch vụ văn hóa.

Bên cạnh đó, phải nhắc đến *Lễ hội thiết kế sáng tạo Hà Nội* - một sáng kiến của Hà Nội khi gia nhập mạng lưới các thành phố sáng tạo của UNESCO. Đến nay, sự kiện *Lễ hội thiết kế sáng tạo Hà Nội* đã theo hướng ngày một chuyên nghiệp hơn. Chính quyền thành phố đã nhận thức được vai trò năng động của tầng lớp sáng tạo và hiểu rằng chỉ cần tạo được môi trường thể chế lành mạnh thì sẽ kích hoạt được năng lực sáng tạo và khát vọng cống hiến của cả cộng đồng. Những cơ sở hạ tầng, thiết chế công như Bắc Bộ Phủ, tòa nhà Lê Thánh Tông... dưới năng lực thiết kế sáng tạo trẻ trong sự kiện *Lễ hội thiết kế sáng tạo Hà Nội* vừa qua đã khiến cho lịch sử được tái hiện và dòng chảy đương đại được hiện diện, nối tiếp. Có lẽ khá lâu rồi mới có hình ảnh dòng người Hà Nội xếp hàng văn minh để tham quan tìm hiểu, trải nghiệm sáng tạo trong các di sản kiến trúc.

Trong năm 2024 cũng cho thấy, những sản phẩm tích hợp sáng tạo như vậy ở nhiều địa phương trong cả nước đã góp phần làm thay đổi nhận thức đầu đó về việc “giới trẻ quay lưng với văn hóa” và làm đậm hơn thực tế là giới trẻ đang có nhiều nỗ lực làm thức dậy truyền thống, củng cố truyền thống theo một cách tích cực, đáng ghi nhận. Vừa qua, hơn 50 nghìn khán giả trên sân khấu Ocean Park 3 tại Hưng

Yên hát vang từng lời hát trống com, điệu chèo, lời ru trong sự kết nối bài bản và đầy sáng tạo với âm nhạc đương đại, kỹ thuật, âm thanh ánh sáng, trang phục và sự chuyên nghiệp trong mọi khâu tổ chức, khiêm nhường trong hành động cúi đầu cảm ơn khán giả cũng như thái độ hưởng thụ âm nhạc văn minh và trân trọng của khán giả đối với đêm diễn là ví dụ sinh động về việc phát huy sức mạnh để định hình giá trị văn hóa trong kết nối truyền thống và đương đại và nhiều hơn thế nữa.

Để có nhiều hơn những ví dụ đáng tự hào và trân trọng trên, nhiệm vụ cần thực hiện trong giai đoạn hiện nay là Bộ VH-TT-DL phối hợp các bộ, ban, ngành liên quan, trình Chính phủ ban hành Nghị định về ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, ưu đãi về tiền thuê đất cho những doanh nghiệp văn hóa, cũng như luật đầu tư, tài trợ, hiến tặng để tạo điều kiện thu hút vốn đầu tư và các nguồn lực đa dạng từ xã hội cho lĩnh vực văn hóa. Nhiệm vụ thứ hai là ban hành những chính sách hỗ trợ việc chuyển những đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp những dịch vụ và sản phẩm văn hóa cần được thực hiện mạnh hơn giai đoạn trước.

Đầu tư phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật rất cần phải xây dựng được hệ thống chính sách phát hiện, sử dụng, đãi ngộ, tôn vinh cán bộ trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, trọng dụng nhân tài. Đầu tư vào giáo dục nghệ thuật từ cấp tiểu học và đào tạo chuyên sâu trong các lĩnh vực như bảo tồn di sản, nghệ thuật, truyền thông văn hóa... sẽ từng bước hình thành nên tầng lớp khán giả được giáo dục bài bản về kiến thức văn hóa, nghệ thuật, có thị hiếu văn hóa nghệ thuật đa dạng, đồng thời tạo vườn ươm tài năng văn hóa, nghệ thuật hoặc xây dựng nên thể hệ

chuyên gia có năng lực trong nghiên cứu, quản lý văn hóa nghệ thuật. Việc quan tâm đầu tư phát triển có bài bản nguồn nhân lực sẽ tạo nên một điều quan trọng hơn những lợi ích trước mắt đó là khi văn hóa định hình giá trị cốt lõi, khi nghệ thuật trở thành Vicas của người dân Việt thì những giải pháp thúc đẩy phát triển văn hóa, nghệ thuật sẽ thấm sâu và có sức mạnh dài lâu và tạo nên những bước chuyển mình lớn lao về văn hóa, nghệ thuật.

Mở rộng giao lưu, hợp tác quốc tế và quảng bá mạnh mẽ văn hóa Việt Nam ra thế giới. Khi thế giới trở nên “phẳng” hơn trong thời đại công nghệ, việc hội nhập không chỉ giúp Việt Nam tiếp thu những tinh hoa văn hóa toàn cầu mà còn là cơ hội để chúng ta giới thiệu nét đặc sắc của mình với bạn bè quốc tế trong kỷ nguyên mới. Chủ động mở rộng, thực hiện đa dạng các hình thức văn hóa đối ngoại, đổi mới hình thức triển khai công tác ngoại giao văn hóa trong và ngoài nước, tích cực ứng dụng thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 qua đó đóng góp vào xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đồng thời chủ động bảo vệ các giá trị, nền tảng tư tưởng của Đảng, thành quả của đất nước trong kỷ nguyên mới.

Tăng cường chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa là giải pháp tất yếu trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập toàn cầu. Chuyển đổi số trong văn hóa là một xu hướng tất yếu trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập toàn cầu. Chuyển đổi số trong văn hóa mang lại nhiều tác động tích cực, không chỉ giúp bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa mà còn tạo động lực phát triển kinh tế, xã hội trong bối cảnh hội nhập quốc tế và Cách mạng công nghiệp 4.0. Đây là một bước đi chiến lược và cần thiết để đảm bảo rằng văn hóa

Việt Nam không chỉ được lưu giữ mà còn phát triển mạnh mẽ trong kỷ nguyên số. Công nghệ số giúp lưu trữ và bảo tồn các tài nguyên văn hóa vật thể (hiện vật, kiến trúc) và phi vật thể (lễ hội, nghệ thuật biểu diễn) dưới dạng dữ liệu kỹ thuật số, bảo vệ chúng khỏi nguy cơ mai một hoặc bị hư hỏng theo thời gian. Bên cạnh đó, chuyển đổi số giúp nâng cao khả năng tiếp cận và quảng bá văn hóa cũng như cải thiện và hiện đại hóa quy trình quản lý văn hóa, thông qua ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và dữ liệu lớn (big data), giúp quản lý và phân tích nguồn tài nguyên văn hóa hiệu quả hơn, là cơ sở cho các quyết định quản lý kịp thời và phù hợp hơn. Chuyển đổi số cũng góp phần tạo ra môi trường tương tác, giúp người dân dễ dàng tham gia sáng tạo và lan tỏa giá trị văn hóa thông qua các nền tảng trực tuyến, đặc biệt là giới trẻ, đồng thời giúp quảng bá văn hóa Việt Nam một cách thường xuyên, nhanh chóng, cập nhật trên trường quốc tế.

Đối với khu vực công và tư, quản lý và kinh doanh văn hóa, thì hiệu quả lâu dài của việc chuyển đổi số này sẽ là sự tiết giảm chi phí, làm việc thông minh, nâng cao hiệu suất làm việc và hiệu quả quản lý cũng như thúc đẩy sự tăng lên về doanh thu của doanh nghiệp. Cùng với chuyển đổi số trong những lĩnh vực khác của xã hội, chuyển đổi số trong văn hóa sẽ góp phần tạo dựng nên một xã hội số với một nền kinh tế số mạnh mẽ và năng động. Đây không chỉ là nhiệm vụ cấp thiết để bảo tồn di sản văn hóa và phát huy bản sắc dân tộc, mà còn là cơ hội để đưa văn hóa Việt Nam hòa nhập mạnh mẽ vào dòng chảy văn minh toàn cầu. Việc thực hiện thành công đòi hỏi sự đồng bộ trong chính sách, công nghệ, nguồn lực và sự tham gia của cả mọi cá nhân, cộng đồng, tổ chức, đơn vị.

Trong kỷ nguyên mới, văn hóa chính là động lực phát triển bền vững của đất nước. Các giải pháp tập trung vào bảo tồn, đổi mới, sáng tạo và hội nhập văn hóa sẽ giúp Việt Nam không chỉ giữ gìn được bản sắc dân tộc mà còn vươn mình ra thế giới. Những nỗ lực này sẽ góp phần xây dựng một xã hội văn minh, giàu bản sắc và đầy sáng tạo, phù hợp với xu thế phát triển của kỷ nguyên mới□

Tài liệu tham khảo

1. Xem thêm: Nguyễn Thị Thu Phương, Đỗ Thị Thanh Thủy, *Văn hóa trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam: Thời cơ - Thách thức - Một số việc cần làm ngay*, Hội nghị tổng kết công tác năm 2024 và triển khai nhiệm vụ trọng tâm năm 2025 của ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ VH-TT-DL.
2. Xem thêm: Nguyễn Thị Thu Phương (chủ biên), *Sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, 2021.
3. Xem thêm: Nguyễn Thị Thu Phương (chủ biên), Đỗ Thị Thanh Thủy, *Định vị các ngành công nghiệp văn hóa trong phát triển bền vững ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, 2022.
4. Nguyễn Phương Hòa, *Cách mạng công nghiệp 4.0: cơ hội, thách thức và giải pháp của ngành Văn hóa - Nghệ thuật Việt Nam*, Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, số 437, 2021.
5. Nguyễn Thị Thu Hà, *Phát triển các ngành công nghiệp văn hóa dưới tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ tư*, Tạp chí Cộng sản, Chuyên san quý 3-2021.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.

Nguồn: Tạp chí Văn hóa nghệ thuật.- 2025.- Số 593.- Tr.19-22.

THÀNH TỰU VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM TRONG PHÁT TRIỂN VĂN HÓA VIỆT NAM TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY

PGS, TS. VŨ THỊ PHƯƠNG HẬU

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng ta luôn quan tâm đến lĩnh vực văn hóa. Từ Đề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943, Đảng ta đã khẳng định: “Mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa) ở đó người cộng sản phải hoạt động”; “Không phải chỉ làm cách mạng chính trị mà còn phải làm cách mạng văn hóa nữa”⁽¹⁾. Khởi dậy và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người tiếp tục được xác định là một trong các nhiệm vụ trọng tâm để xây dựng đất nước trong thời kỳ đổi mới. Nhằm thể chế hóa quan điểm, đường lối của Đảng về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, với sự vào cuộc của các cấp ủy đảng, chính quyền, mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị, xã hội cùng với nhân dân, nền văn hóa dân tộc đã không ngừng được gìn giữ và bồi đắp những giá trị mới. Bài viết này tập trung khái quát những thành tựu và rút ra bài học kinh nghiệm trong phát triển văn hóa Việt Nam từ 1986 đến nay.

Từ khóa: phát triển văn hóa Việt Nam; thành tựu; bài học kinh nghiệm

Throughout the leadership of the Vietnamese revolution, the Communist Party has consistently prioritized the field of

culture. From the 1943 Outline on Vietnamese culture, the Party asserted: “The cultural front is one of the three fronts (economic, political, and cultural) where communists must engage”; “It is not only about carrying out a political revolution but also a cultural revolution.”⁽¹⁾ Awakening and promoting cultural values and human strength continues to be identified as a key task in nation-building during the period of renewal. To institutionalize the Party’s viewpoints and policies on developing an advanced Vietnamese culture imbued with national identity, with the participation of Party committees, authorities, the Vietnam Fatherland Front, political and social organizations, and the people, national culture has been continuously preserved and enriched with new values. This article provides an overview of achievements and lessons learned in Vietnam’s cultural development from 1986 to the present.

Keywords: Vietnamese cultural development; achievements; lessons learned

1. Thành tựu trong phát triển văn hóa Việt Nam

1.1. Đời sống văn hóa của nhân dân không ngừng được cải thiện, nâng cao

Thực hiện đường lối đổi mới đã đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng, cơ cấu kinh tế chuyển biến tích cực theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, gắn sản xuất với thị trường, kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng nhanh, ổn định. Đời sống vật chất được cải thiện đã giúp

người dân có điều kiện thuận lợi tham gia vào quá trình sáng tạo, thực hành, trao truyền và thụ hưởng văn hóa. Qua đó góp phần nâng cao đời sống tinh thần, xây dựng tư tưởng, tình cảm, đạo đức, lối sống tốt đẹp; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân và thắt chặt niềm tin giữa nhân dân với Đảng, Nhà nước, chế độ và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Trong lãnh đạo sự nghiệp phát triển văn hóa, Đảng yêu cầu các cấp, các ngành đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp, có nhiều cách làm hay, sáng tạo, phù hợp, tạo sự thống nhất, đồng thuận trong nhận thức, tư tưởng; phát huy những giá trị văn hóa truyền thống, giữ gìn chuẩn mực đạo đức tốt đẹp; hình thành lối sống mới với tinh thần “mình vì mọi người”, “mọi người vì mình”, phát huy tinh thần gương mẫu, tạo sự đồng thuận xã hội.

Gần 40 năm đổi mới, với việc không ngừng chăm lo, đầu tư cho lĩnh vực văn hóa, đời sống văn hóa của người dân từng bước được cải thiện, nâng cao. Những giá trị tốt đẹp của truyền thống văn hóa được gìn giữ, kế thừa, phát huy; những giá trị mới được kiến tạo, nảy nở, tạo ra môi trường văn hóa lành mạnh, đóng vai trò là nền tảng tinh thần, góp phần nuôi dưỡng và hình thành những con người mới, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Năm 1998, Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm, Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc đã đề ra một trong những giải pháp lớn để xây dựng và phát triển văn hóa trong thời kỳ mới là: “Mở cuộc vận động giáo dục chủ nghĩa yêu nước gắn với thi đua yêu nước

và Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Thực hiện đường lối của Đảng, phong trào *Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa* đã được triển khai sâu rộng trên phạm vi cả nước. Bằng những cách làm hay, sáng tạo, thiết thực, phù hợp với điều kiện, tình hình thực tiễn tại mỗi địa phương, phong trào đã mang lại giá trị và ý nghĩa tốt đẹp trong đời sống cộng đồng. Phong trào đã thực sự trở thành cuộc vận động văn hóa lớn, thu hút sự tham gia đông đảo của các tầng lớp nhân dân. Qua phong trào đã có 19 triệu gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa; trên 1,2 triệu tấm gương người tốt, việc tốt; đã công nhận hơn 69 nghìn làng, thôn, ấp, bản, buôn, tổ dân phố văn hóa⁽²⁾. Thành công của phong trào chính là đã tập hợp, phát huy được sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và phát triển đất nước, phù hợp với xu thế phát triển của xã hội, phát huy hiệu quả việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Phát huy những kết quả đã đạt được từ những phong trào đã triển khai thực hiện, trong giai đoạn 2021-2026, phong trào xây dựng đời sống văn hóa tiếp tục được triển khai sâu rộng trên quy mô toàn quốc gắn với các cuộc vận động, phong trào xã hội lớn như: “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”, “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”, “Cán bộ công chức, viên chức thi đua thực hiện văn hóa công sở”, “Cán bộ công chức, viên chức nói không với tiêu cực”, “Ngày vì người nghèo”; thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; xây dựng văn hóa giao thông... Các cấp, các ngành, các đoàn thể chính trị, xã hội tiếp tục có những sáng kiến tổ chức các cuộc vận động văn hóa gắn với chức năng, nhiệm vụ của mình như: “Dạy tốt - Học tốt”,

“Mỗi thầy, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”, “Xây dựng trường học xanh - sạch - đẹp”, “Tuổi cao - Gương sáng”, “Nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi”, “Xây dựng người Phụ nữ Việt Nam thời đại mới”, “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch, góp phần vun đắp giá trị gia đình Việt Nam”, “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”, “Cựu Chiến binh gương mẫu”, “Tuổi trẻ Việt Nam sống, chiến đấu, lao động và học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại”, “Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trong các đơn vị lực lượng vũ trang”; “Xây dựng con người văn hóa, môi trường văn hóa thời kỳ mới trong Quân đội nhân dân Việt Nam”...

Cùng với các phong trào xây dựng đời sống văn hóa, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao nâng cao sức khỏe, đáp ứng nhu cầu, thị hiếu thẩm mỹ của người dân cũng đã được các cấp, các ngành quan tâm, tổ chức thực hiện. Vào dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn, nhân các sự kiện lịch sử, chính trị, ngoại giao; các dịp lễ tết cổ truyền trong năm... nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ đã được tổ chức ở nhiều địa phương với quy mô lớn, tạo ra đời sống tinh thần lành mạnh, phong phú... Qua triển khai thực hiện phong trào “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” đã góp phần nâng cao sức khỏe, thể lực, gia tăng sự kết nối và tinh thần đoàn kết, chia sẻ giữa các cá nhân, các tầng lớp trong xã hội. Tính đến năm 2018, “số người thường xuyên tập luyện thể dục thể thao đạt 32,35%, số gia đình thể thao đạt 23,41%; số trường học đảm bảo chương trình giáo dục thể chất chính khóa: 100%; số trường thường xuyên hoạt động thể thao ngoại khóa đạt 75%; phong trào “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” phát triển mạnh mẽ, thu hút số người tập luyện thể dục thể thao

thường xuyên trên toàn quốc đạt là 22.142.520 người”⁽³⁾.

Những năm gần đây khi nhận thức của toàn xã hội về vai trò, ý nghĩa của văn hóa ngày càng được nâng cao, chính quyền cùng với người dân đã tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, văn nghệ phù hợp với truyền thống văn hóa và điều kiện đặc thù ở các địa phương, vùng miền. Sự ra đời của các phong trào dân ca, dân vũ; các câu lạc bộ nghệ thuật quần chúng, đã đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí và thực hành văn hóa của người dân.

1.2. Công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống đạt được nhiều kết quả nổi bật

Trong thời gian qua, các hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa truyền thống của các dân tộc được tiến hành trên phạm vi cả nước, nhờ đó mà nhiều giá trị văn hóa và nét đẹp truyền thống đã được lan tỏa, phát huy mạnh mẽ trong cuộc sống. Đến nay Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã xếp hạng trên 10.000 di tích cấp tỉnh, thành phố; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã xếp hạng 3.591 di tích quốc gia và Thủ tướng Chính phủ đã xếp hạng 123 di tích quốc gia đặc biệt; đồng thời, có trên 4 vạn di tích đã được kiểm kê theo quy định của Luật Di sản văn hóa. Thực hiện quy định của Luật Di sản văn hóa và Công ước 2003, đến nay cả nước đã có khoảng 7 vạn di sản văn hóa phi vật thể trên cả nước được kiểm kê, 416 di sản được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia⁽⁴⁾. Tính đến tháng 12/2024, Việt Nam có 8 di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, 16 di sản văn hóa phi vật thể, 9 di sản tư liệu, 11 khu Dự trữ sinh quyển thế giới, 3 công viên Địa chất toàn cầu được

UNESCO ghi danh.

Công tác đãi ngộ, tôn vinh những đóng góp, công hiến của đội ngũ nghệ nhân, những người có tài năng, tâm huyết, đóng vai trò là người gìn giữ, trao truyền văn hóa cho những thế hệ mai sau đã được quan tâm. Qua 3 đợt xét tặng danh hiệu tôn vinh đối với nghệ nhân trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể, đã có 131 nghệ nhân ưu tú được phong tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” và 1.750 nghệ nhân được phong tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” (cụ thể: Năm 2016 có 617 “Nghệ nhân ưu tú”; năm 2019 có 66 “Nghệ nhân nhân dân” và 570 “Nghệ nhân ưu tú”; năm 2022 có 65 “Nghệ nhân nhân dân” và 563 “Nghệ nhân ưu tú”)⁽⁵⁾.

Những kết quả đạt được trong công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa, cho thấy nỗ lực, quyết tâm của Đảng, Nhà nước trong việc gìn giữ, phát huy nguồn vốn văn hóa phong phú, độc đáo mà các thế hệ cha ông đã sáng tạo, gìn giữ đến ngày nay. Bảo tồn, phát huy tốt những giá trị văn hóa truyền thống có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc giáo dục truyền thống lịch sử, khơi dậy niềm tự hào, tự tôn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước ngày càng giàu đẹp.

1.3. Công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế và thiết chế văn hóa ngày càng được hoàn thiện

Đến nay trong lĩnh vực văn hóa, có 5 Luật (Luật Điện ảnh, Luật Di sản văn hóa, Luật Quảng cáo, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Thư viện), 50 Nghị định, 40 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và trên 100 Thông tư, Thông tư liên tịch được điều chỉnh trực tiếp⁽⁶⁾. Bên cạnh đó là nhiều bộ luật liên quan đến lĩnh vực văn hóa, thể dục, thể thao,

du lịch, gia đình cũng đã được xây dựng và phát huy những giá trị tích cực trong đời sống xã hội như các luật:

Luật Xuất bản, Luật Báo chí, Luật Du lịch, Luật phòng chống bạo lực gia đình, và tiến tới sẽ xem xét, xây dựng, ban hành Luật Nghệ thuật biểu diễn, Nghị định về Văn học... nhằm từng bước hoàn thiện khung khổ pháp lý và môi trường, điều kiện thuận lợi, đảm bảo quyền là lợi ích của những người tham gia hoạt động sáng tạo, thực hành và tiếp nhận văn hóa.

Bên cạnh hoàn thiện cơ chế với những chính sách ưu tiên về nguồn lực, tạo động lực cho văn hóa phát triển thì trong những năm qua, thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước và các cấp chính quyền đã không ngừng quan tâm, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, thiết chế văn hóa, tạo không gian, môi trường sinh hoạt văn hóa thuận lợi cho người dân.

Cùng với phong trào *Cả nước chung tay xây dựng nông thôn mới*, hệ thống các thiết chế văn hóa như: Nhà văn hóa thôn bản, Trung tâm văn hóa - thể thao, cung văn hóa; hệ thống các sân bãi, công viên, quảng trường, thư viện... đã được xây dựng một cách đồng bộ. Hiện cả nước có 66 thiết chế văn hoá cấp tỉnh (Trung tâm văn hoá, Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật, Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh, Trung tâm Thông tin Triền lãm...); 674/704 quận, huyện có Trung tâm Văn hoá - Thể thao hoặc Nhà Văn hoá, đạt tỷ lệ khoảng 96%; 8.217/10.599 xã, phường, thị trấn có Trung tâm Văn hoá - Thể thao, đạt tỷ lệ 76,8% trong đó có 5.625/8.158 đạt chuẩn (tỷ lệ 68,9%); 75.853/98.455 làng, thôn, bản, ấp... có Nhà Văn hoá, đạt tỷ lệ khoảng 77% trong đó có

44.836/75.853 đạt chuẩn (tỷ lệ 59%)”⁽⁷⁾.

Cùng với việc đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa mới, hướng đến đáp ứng nhu cầu, thị hiếu văn hóa của các tầng lớp nhân dân, thì công tác trùng tu, tôn tạo, mở rộng, nâng cấp các thiết chế văn hóa truyền thống cũng đã được triển khai đồng bộ với sự tham gia, hưởng ứng của đông đảo nhân dân với chủ trương Nhà nước và nhân dân cùng làm, đảm bảo quyền văn hóa của người dân.

1.4. Văn học nghệ thuật có nhiều khởi sắc

Văn học nghệ thuật là lĩnh vực rất quan trọng, đặc biệt tinh tế của văn hoá; phản ánh nhu cầu thiết yếu, thể hiện khát vọng chân, thiện, mỹ của con người; là một trong những động lực to lớn trực tiếp góp phần xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội và sự phát triển toàn diện của con người Việt Nam. Những năm qua đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, lĩnh vực văn học nghệ thuật đạt được nhiều kết quả nổi bật. Đó là sự trưởng thành, lớn mạnh của đội ngũ, lực lượng sáng tác cũng như số lượng các tác phẩm, loại hình nghệ thuật ngày càng đa dạng, phong phú; chất lượng của các tác phẩm ngày càng được nâng cao, đáp ứng tốt nhu cầu, thị hiếu thẩm mỹ của công chúng, bạn đọc.

Hiện cả nước có hơn bốn vạn người, bao gồm 5 thế hệ hoạt động trong lĩnh vực văn học nghệ thuật thuộc các chuyên ngành: văn học, kiến trúc, sân khấu, mỹ thuật, âm nhạc, nhiếp ảnh, điện ảnh, văn nghệ dân gian, văn nghệ các dân tộc thiểu số; sinh hoạt trong 10 Hội chuyên ngành trung ương và 63 Hội Văn học nghệ thuật các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Đây là lực lượng hùng hậu, gắn bó

máu thịt với Tổ quốc, với nhân dân, đoàn kết, nhất trí về chính trị, tư tưởng, tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, thiết tha với sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa dân tộc, khao khát vươn lên để công hiến có hiệu quả.

Đi đôi với sự trưởng thành của đội ngũ là sự gia tăng về số lượng tác phẩm, loại hình văn học nghệ thuật, tạo ra đời sống văn hóa tinh thần lành mạnh, phong phú.

Đánh giá về những thành tựu của đời sống văn học nghệ thuật những năm qua, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh: “Nền văn học nghệ thuật tiếp tục đổi mới, bám sát hiện thực sôi động của đất nước, có cách nhìn điềm tĩnh, tinh tế, tích cực ủng hộ sự ổn định xã hội, củng cố niềm tin, có quan điểm biện chứng về đời sống; ca ngợi, khẳng định những cái tốt đẹp, cái tích cực; cô vũ những nhân tố mới, thành tựu mới, “lấy ánh sáng đẩy lùi bóng tối”; tích tích cực xã hội được đề cao. Nền văn hóa văn học, nghệ thuật yêu nước và nhân văn, gắn bó máu thịt với nhân dân và dân tộc, trở thành nguồn sức mạnh nội sinh to lớn, góp phần rất quan trọng vào sự nghiệp dựng nước, giữ nước và phát triển đất nước”⁽⁸⁾.

1.5. Công nghiệp văn hóa và các sản phẩm, dịch vụ văn hóa ngày càng đa dạng, phong phú

Phát triển công nghiệp văn hóa là chủ trương, chính sách lớn của Đảng, Nhà nước nhằm khai thác và phát huy giá trị kinh tế trong các sản phẩm văn hóa. Trên cơ sở chủ trương, định hướng của Đảng, Chính phủ đã xây dựng và ban hành *Chiến lược về phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến*

năm 2030, trong đó xác định các ngành công nghiệp văn hóa là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân.

Với sự vào cuộc của các bộ ngành và chính quyền địa phương, đến nay các ngành công nghiệp văn hóa đã có nhiều khởi sắc, đạt được những thành tựu quan trọng. Theo ước tính, năm 2015, đóng góp của công nghiệp văn hóa khoảng 2,68% vào tổng GDP của cả nước thì đến năm 2018, 12 ngành công nghiệp văn hoá đã đóng góp doanh thu khoảng 8.081 tỷ USD, tương đương 3,61% GDP⁽⁹⁾. Mục tiêu phấn đấu đến năm 2030, các ngành công nghiệp văn hóa sẽ đóng góp khoảng 7% GDP và tạo thêm nhiều việc làm cho xã hội.

Những con số tăng trưởng ấn tượng về công nghiệp văn hóa, cho thấy tiềm năng và khả năng chuyển hóa nguồn vốn văn hóa và sức sáng tạo của con người là rất lớn, đóng góp quan trọng vào sự phát triển của nền kinh tế quốc gia cũng như sự phát triển của nền văn hóa dân tộc.

1.6. Việc huy động và sử dụng nguồn lực trong phát triển văn hóa được quan tâm, chú trọng

Những năm qua, công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm văn hóa luôn được Đảng, Nhà nước quan tâm, chú trọng thông qua việc xây dựng, ban hành nhiều chính sách về đào tạo, trọng dụng, đãi ngộ tài năng nghệ thuật. Đầu tư về cơ sở hạ tầng, hiện đại hóa các cơ sở đào tạo về văn hóa nghệ thuật; xây dựng các trung tâm huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao, tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ trực tiếp vào công cuộc xây dựng, phát triển văn hóa. Tính đến ngày 30/6/2021, tổng số nhân lực ngành văn hóa, thể thao, du lịch trên cả

nước là 899.950 người, trong đó lĩnh vực văn hóa nghệ thuật: 19.751 người; lĩnh vực thể dục thể thao: 10.199 người; lĩnh vực du lịch: 870.000 người, trong đó 18.907 người phục vụ ở cả 03 lĩnh vực văn hóa nghệ thuật, thể dục thể thao và du lịch⁽¹⁰⁾. Thời gian qua, các quy định, quy chế, quy trình, hướng dẫn về quy hoạch, tuyển chọn, sử dụng, bổ nhiệm cán bộ được xây dựng bài bản, đổi mới, phù hợp với tình hình thực tiễn. Đội ngũ cán bộ ngành được quy hoạch bài bản, cơ cấu độ tuổi, trình độ hợp lý. Các chính sách đào tạo, bồi dưỡng, phát hiện tài năng văn hóa nghệ thuật và tôn vinh nhân tài được thực hiện nhằm thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao cho khu vực văn hóa.

Nhằm đào tạo, cung ứng nguồn nhân lực chất lượng cao, phục vụ sự nghiệp phát triển văn hóa, Nhà nước không ngừng đầu tư cơ sở hạ tầng, hiện đại hóa các cơ sở đào tạo, nghiên cứu. Hiện cả nước có 40 cơ sở đào tạo trung cấp, cao đẳng, đại học đào tạo về lĩnh vực văn hóa nghệ thuật, 01 Viện nghiên cứu có đào tạo tiến sĩ và khoảng 80 cơ sở đào tạo công lập và tư thục tham gia đào tạo các ngành trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật. Cụ thể, các cơ sở đào tạo trực thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch gồm: 15 cơ sở đào tạo (trong đó có 10 trường đại học, 03 trường cao đẳng; 02 trường trung cấp, đào tạo ở các trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học và sau đại học và 01 viện nghiên cứu có đào tạo tiến sĩ). Các trường thuộc Bộ được củng cố, phát triển về mọi mặt và phân bổ tập trung ở các thành phố lớn như: Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Huế, ngoài ra có 02 cơ sở đào tạo đặt tại thành phố Hòa Bình và Thái Nguyên phục vụ cho khu vực miền núi, dân tộc thiểu số vùng Tây Bắc và Việt Bắc.

Các cơ sở đào tạo văn hóa nghệ thuật thuộc các tỉnh, thành và các bộ ngành khác: Hiện có 25 cơ sở đào tạo do các tỉnh, thành phố trực tiếp quản lý, trong đó có 01 trường đại học, 10 trường cao đẳng, 10 trường trung cấp. Đây là các cơ sở đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực nhằm cung cấp nhân lực chủ yếu phục vụ các hoạt động văn hóa nghệ thuật của địa phương, đồng thời tạo nguồn cho các cơ sở đào tạo văn hóa nghệ thuật ở Trung ương.

Bên cạnh đó có 04 cơ sở đào tạo đại học thuộc bộ, ngành khác và khoảng 80 cơ sở đào tạo có đào tạo các ngành văn hóa, nghệ thuật ở các trình độ.

Hệ thống các ngành, nghề đào tạo ngày càng đa dạng, trình độ đại học có 50 ngành, thạc sĩ có 20 ngành và trình độ tiến sĩ 16 ngành. Bên cạnh các cơ sở đào tạo về văn hóa nghệ thuật do Nhà nước quản lý thì hiện có nhiều cơ sở đào tạo tài năng nghệ thuật do tư nhân tổ chức, đặc biệt là các công ty đào tạo về diễn viên, ca sĩ ở những thành phố lớn như Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh⁽¹¹⁾.

Việc đầu tư, mở rộng và hiện đại hóa các cơ sở đào tạo ở mọi trình độ, ngành nghề về văn hóa nghệ thuật đã góp phần đảm bảo nguồn nhân lực chất lượng cao, phục vụ tốt sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn hóa dân tộc.

Bên cạnh việc quan tâm, chú trọng phát triển nguồn nhân lực, Đảng, Nhà nước còn dành những ưu tiên về nguồn lực tài chính, tạo động lực cho văn hóa phát triển. Theo thống kê của ngành văn hóa, tỷ lệ đầu tư cho văn hóa từ ngân sách Nhà nước tăng dần theo các năm. Trong giai đoạn 2014 - 2019, đầu tư cho phát triển văn hóa thông qua

nguồn vốn cấp về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là 5.735,442 tỷ đồng, trong đó vốn đầu tư phát triển là 918,653 tỷ đồng, vốn ngân sách sự nghiệp là 4.816,789 tỷ đồng. Đầu tư cho phát triển văn hóa các địa phương trong giai đoạn trước năm 2016 được thực hiện thông qua Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa. Trong giai đoạn 2014-2015, Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa đã được cấp 546 tỷ đồng, trong đó vốn đầu tư phát triển là 290 tỷ đồng, vốn ngân sách sự nghiệp là 256 tỷ đồng. Trong giai đoạn 2016 - 2020, tổng nguồn vốn của Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa là 10.620 tỷ đồng. Nguồn vốn đầu tư này đã phát huy hiệu quả tích cực trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế du lịch và nâng cao đời sống văn hóa của đất nước, nhất là đồng bào tại các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo⁽¹²⁾.

Để văn hóa phát triển tương xứng với sự phát triển kinh tế, chính trị, xã hội, Đảng, Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách về nguồn lực đầu tư, tạo đà và sức bật mới cho sự phát triển của văn hóa.

Có thể khẳng định, qua gần 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới, cùng với những thành tựu trên lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội thì sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa cũng đạt được những kết quả to lớn, tạo ra đời sống văn hóa tinh thần lành mạnh, phong phú, đáp ứng cơ bản nhu cầu sáng tạo và hưởng thụ văn hóa của các tầng lớp nhân dân. Văn hóa đã bước đầu phát huy vai trò là nền tảng tinh thần, là mục tiêu, động lực và sức mạnh nội sinh quan trọng trong quá trình phát triển nhanh, bền vững đất nước.

2. Bài học kinh nghiệm

Từ thực tế xây dựng, phát triển nền văn hóa Việt Nam gần 40 năm qua, có thể rút ra những bài học kinh nghiệm sau:

Một là, kiên định phương thức Đảng lãnh đạo toàn diện, đồng bộ, thực hiện nghiêm các nguyên tắc nhằm đảm bảo thực thi các định hướng chính trị về xây dựng, phát triển văn hóa của Đảng. Khẳng định quyền lực chính trị và trách nhiệm của Nhà nước đối với việc xây dựng và phát triển văn hóa trên nguyên tắc pháp chế, hướng tới mục tiêu chung là nhằm xây dựng một nền văn hóa hiện đại, dân chủ, tiến bộ, khoa học, nhân văn, giàu bản sắc dân tộc. Đảm bảo thực hiện tốt vai trò điều tiết của Nhà nước đối với các cơ quan văn hóa do Nhà nước lập ra, các cơ sở tham gia hoạt động văn hóa do các cá nhân, các nhóm xã hội, hiệp hội, người nước ngoài thành lập. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ; đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí trên lĩnh vực văn hóa. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ văn hóa am hiểu về chuyên môn, nghiệp vụ, có bản lĩnh chính trị vững vàng và kĩ năng nghề nghiệp tốt. Phát huy trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên nhất là trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu.

Hai là, trong mọi hoạt động xây dựng, phát triển văn hóa phải quán triệt sâu sắc quan điểm “*dân là gốc*”. Tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong xây dựng, chấn hưng nền văn hóa dân tộc, kiên trì thực hiện phương châm “*dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*”. Nhân dân là trung tâm, là

chủ thể sáng tạo, thực hành, thụ hưởng các giá trị văn hóa. Lấy hạnh phúc của nhân dân làm mục tiêu của nền văn hóa mà chúng ta đang xây dựng. Có thu hút được nguồn lực, sự đồng thuận của Nhân dân mới có thể hoàn thành được mục tiêu xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Ba là, trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện, phải có quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, năng động, sáng tạo, tích cực; có bước đi phù hợp, phát huy mọi nguồn lực, động lực và tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa; kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn, vướng mắc. Các chương trình, chiến lược, kế hoạch phát triển văn hóa cần phải đặt trong tổng thể phát triển của cả quốc gia, của từng địa phương để tạo nên sự thống nhất, đồng bộ. Thực hiện tốt sự phối hợp trong lãnh đạo, quản lý, điều hành, coi trọng chất lượng và hiệu quả thực tế, tạo đột phá để xây dựng, phát triển văn hóa.

Bốn là, tập trung ưu tiên xây dựng và hoàn thiện thể chế phát triển văn hóa, bảo đảm hài hoà giữa *kiên định và đổi mới, kế thừa và phát triển*. Phát triển văn hóa phải gắn liền với phát triển kinh tế, ổn định chính trị, xã hội, củng cố và tăng cường công tác đối ngoại, an ninh quốc phòng; bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa. Thể chế phát triển văn hóa phải phù hợp với thể chế kinh tế thị trường, đồng thời có xem xét đến tính đặc thù của lĩnh vực văn hóa.

Năm là, khai thác hiệu quả mọi nguồn lực trong xã hội để phát triển văn hóa. Đồng thời, Nhà nước cần có sự điều tiết, phân bổ hợp lý các nguồn lực để phát triển văn hóa. Để phát huy sức mạnh văn hóa, năng động hóa nền văn hóa dân tộc nhưng đồng thời giảm thiểu sự

phân tầng trong sáng tạo và hưởng thụ văn hóa của các tầng lớp nhân dân, cần phân định rõ những lĩnh vực văn hóa cần sự hỗ trợ, đầu tư của Nhà nước và những lĩnh vực có thể để cho thị trường điều tiết dưới sự định hướng của Nhà nước, cần thực sự đổi mới nội dung, phương thức đầu tư phát triển văn hóa, khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, kém hiệu quả cũng như tình trạng buông lỏng sự lãnh đạo, quản lý lĩnh vực này.

Những thành tựu trong phát triển văn hóa gần 40 năm qua khẳng định tính đúng đắn trong đường lối của Đảng về văn hóa; đồng thời, cũng phản ánh quyết tâm, nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân trong xây dựng, phát triển nền văn hóa dân tộc. Bối cảnh thời đại và đất nước đang có những chuyển biến nhanh chóng, thời cơ và thách thức đan xen. Để thực hiện thành công mục tiêu chiến lược xây dựng nền văn hóa Việt Nam dân tộc, dân chủ, nhân văn, khoa học cần tính đúng, tính đủ những tác động đa chiều của các yếu tố trong nước và thời đại để có những sách lược kịp thời. Bên cạnh đó, cần tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được. Những thành tựu và bài học kinh nghiệm trong phát triển nền văn hóa Việt Nam trong 40 năm qua là cơ sở quan trọng để tiếp tục vận dụng, phát huy và phát triển sáng tạo trong xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong giai đoạn tiếp theo□

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr.316.

(2) Văn phòng Chính phủ, *Thông báo Kết luận của Thủ tướng Chính phủ*

Nguyễn Xuân Phúc tại Hội nghị trực tuyến toàn quốc Tổng kết Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” giai đoạn 2000 - 2018 (Thông báo số 411/TB-CP ngày 25-10-2018), Hà Nội, tr.1-2.

(3) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Báo cáo Kế thừa, phát huy truyền thống văn hóa dân tộc; Xây dựng, phát triển văn hóa sau 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới đất nước; Các định hướng, giải pháp chủ yếu nhằm phát triển văn hóa, con người Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng*, Hà Nội, ngày 22-11-2021, tr.5.

(4) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, *Dự thảo Báo cáo Tổng kết thi hành Luật Di sản văn hóa*, Hà Nội, 2022, tr. 9, 14.

(5) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, *Báo cáo đánh giá tác động của Chính sách Dự thảo Nghị định quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể*, Hà Nội, 2023, tr.1.

(6), (10), (11), (12) Hội thảo Văn hóa năm 2022: *Thế chế, chính sách và nguồn lực cho phát triển văn hóa*, Bắc Ninh, tháng 12-2022, quyển 1, tr. 139, tr.141, tr.54-55, tr.140.

(7) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, *Báo cáo kết quả triển khai thực hiện việc xây dựng, hoàn thiện và tổ chức hoạt động tại thiết chế văn hóa, thể thao các cấp*, Hà Nội, 2022, tr.5.

(8) Phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Lễ kỷ niệm 75 năm ngày thành lập Liên hiệp các Hội văn học nghệ thuật Việt Nam.

(9) *Tập trung phát triển các ngành công nghiệp văn hóa*, Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, ngày 20/12/2022.

Nguồn: Tạp chí Nghiên cứu Văn hóa và Phát triển.- 2025.- Số 10.- Tr.20-27.

NHỮNG VẤN ĐỀ QUAN TRỌNG VỀ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, CON NGƯỜI VIỆT NAM TRONG DỰ THẢO VĂN KIẾN ĐẠI HỘI LẦN THỨ XIV CỦA ĐẢNG

TS. NGUYỄN TIẾN THƯ

**Phó Viện trưởng Viện Văn hóa và Phát triển,
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

1. Dẫn nhập

Dự thảo Văn kiện Đại hội lần thứ XIV của Đảng (sau đây gọi tắt là Dự thảo) xác lập những định hướng chiến lược cho giai đoạn phát triển mới của đất nước. Trong đó, lĩnh vực xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam tiếp tục được khẳng định là một trụ cột quan trọng, đồng thời bổ sung nhiều quan điểm, nội dung mới phù hợp với bối cảnh phát triển hiện nay.

Cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã từng nhấn mạnh: “Văn hóa là hồn cốt của dân tộc, nói lên bản sắc của dân tộc. Văn hóa còn thì dân tộc còn”⁽¹⁾. Quan điểm sâu sắc này khẳng định văn hóa vừa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là nhân tố quyết định sự trường tồn và phát triển bền vững của quốc gia. Xuất phát từ nhận thức đó, Văn kiện Đại hội XIV đặc biệt coi trọng vai trò của văn hóa, đặt phát triển văn hóa và con người ngang tầm với phát triển kinh tế, chính trị và xã hội, xem đây là một trọng tâm của sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước.

Trên tinh thần đó, bài viết này tập trung phân tích những điểm

mới trong Dự thảo liên quan đến vấn đề xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam, sử dụng trích dẫn nguyên văn từ Dự thảo để minh chứng cho các luận điểm. Tiếp theo, bài viết đưa ra một số góp ý nhằm hoàn thiện nội dung Dự thảo Văn kiện, chỉ ra những vấn đề còn thiếu, những khía cạnh cần tiếp tục nghiên cứu và bổ sung dưới góc nhìn khoa học và thực tiễn quản lý văn hóa. Cuối cùng, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần hiện thực hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng và triển khai hiệu quả chiến lược phát triển văn hóa, con người Việt Nam trong giai đoạn mới.

2. Nội dung xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam trong Dự thảo

Văn hóa - nền tảng tinh thần, nguồn lực nội sinh và hệ điều tiết phát triển

Dự thảo kế thừa những tư tưởng lớn về văn hóa từ các kỳ Đại hội trước, đồng thời bổ sung nhiều quan điểm mới mang tính đột phá, phản ánh yêu cầu cấp thiết của công cuộc xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế sâu rộng và tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0.

Trước hết, Dự thảo tái khẳng định văn hóa là nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, đồng thời có bước phát triển mới khi nhấn mạnh rằng phát triển văn hóa phải được đặt ngang tầm với phát triển kinh tế, chính trị và xã hội. Dự thảo nêu rõ yêu cầu: “Bảo đảm phát triển văn hóa ngang tầm với chính trị, kinh tế, xã hội, để văn hóa thực

sự là nền tảng, nguồn lực nội sinh, động lực to lớn, hệ điều tiết cho phát triển nhanh và bền vững đất nước”⁽²⁾.

Đây là bước tiến quan trọng trong tư duy chiến lược của Đảng về văn hóa, bởi lần đầu tiên văn hóa được khẳng định đồng thời ở ba phương diện: nền tảng tinh thần, nguồn lực nội sinh và hệ điều tiết phát triển. Cách tiếp cận này cho thấy văn hóa không chỉ là kết quả mà còn là điều kiện, động lực và cơ chế cân bằng cho phát triển bền vững. Như vậy, văn hóa Việt Nam được đặt ngang hàng với ba trụ cột chính trị, kinh tế và xã hội, thể hiện nhận thức toàn diện, sâu sắc hơn về vai trò của văn hóa trong tiến trình phát triển đất nước.

Cùng với đó, Dự thảo nhấn mạnh nhiệm vụ xác lập và thực thi hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới. Dự thảo viết: “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đồng bộ trên nền tảng hệ giá trị Quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam”⁽³⁾.

Điểm mới ở đây là việc nhấn mạnh tính “đồng bộ trên nền tảng” của các hệ giá trị, qua đó xác lập mối quan hệ gắn kết hữu cơ giữa văn hóa và con người, giữa giá trị dân tộc và giá trị thời đại. Việc xây dựng văn hóa vì thế không chỉ hướng tới phát triển thiết chế hay hoạt động văn hóa, mà còn nhằm hình thành và củng cố hệ giá trị cốt lõi định hình nhân cách con người Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Cách tiếp cận này mang ý nghĩa chiến lược và nhân văn sâu sắc,

tạo cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc bồi dưỡng phẩm chất đạo đức, lối sống, tinh thần yêu nước và ý chí tự cường dân tộc. Đồng thời, đây cũng là tiền đề quan trọng để khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc trên nền tảng văn hóa và con người Việt Nam.

Phát triển đồng bộ các lĩnh vực văn hóa trong kỷ nguyên số và hội nhập quốc tế

Dự thảo xác định chủ trương phát triển mạnh mẽ, toàn diện và đồng bộ các lĩnh vực của đời sống văn hóa, đáp ứng yêu cầu mới của thời đại số và hội nhập quốc tế sâu rộng. Dự thảo nhấn mạnh nhiệm vụ: “Đẩy mạnh phát triển đồng bộ các lĩnh vực văn hóa; xây dựng môi trường văn hóa, đời sống, lối sống văn hóa trong gia đình, trường học, cơ quan, đơn vị và cộng đồng dân cư”⁽⁴⁾.

Việc xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh từ gia đình, nhà trường đến toàn xã hội được coi là nền tảng nuôi dưỡng nhân cách, bồi đắp giá trị con người Việt Nam, Đây là quan điểm kế thừa xuyên suốt từ các kỳ Đại hội trước, song được nhấn mạnh rõ nét và toàn diện hơn trong bối cảnh đa dạng văn hóa, giao lưu và hội nhập toàn cầu hiện nay. Cách tiếp cận này thể hiện tầm nhìn nhân văn, gắn kết văn hóa với sự hình thành đạo đức, lối sống và bản lĩnh của con người Việt Nam trong thời kỳ mới.

Đặc biệt, Dự thảo lần đầu tiên đề cập đến khái niệm “phát triển kinh tế di sản”, đánh dấu bước tiến mới trong tư duy kết hợp giữa bảo tồn và phát triển. Việc xác định nhiệm vụ “bảo tồn và phát huy di sản văn hóa gắn với phát triển kinh tế di sản” thể hiện nhận thức mới về

giá trị kép của di sản - vừa là tài sản văn hóa tinh thần, vừa là nguồn lực kinh tế đóng góp vào tăng trưởng bền vững. Điều này phù hợp với xu thế quốc tế trong quản lý và khai thác di sản, coi di sản là nguồn cảm hứng và chất liệu cho các ngành công nghiệp văn hóa - sáng tạo, đặc biệt là du lịch văn hóa, thiết kế, điện ảnh, âm nhạc, thời trang, thủ công mỹ nghệ... Qua đó, di sản văn hóa được bảo tồn không chỉ bằng nguồn ngân sách nhà nước, mà còn nhờ nguồn lực xã hội hóa, sáng tạo và tham gia của cộng đồng.

Cùng với đó, Dự thảo nhấn mạnh mục tiêu xây dựng nền văn học, nghệ thuật xứng tầm với truyền thống văn hóa dân tộc và yêu cầu của công cuộc đổi mới, hội nhập. Văn học, nghệ thuật được kỳ vọng vừa kế thừa tinh hoa truyền thống, vừa phản ánh trung thực, sinh động hiện thực đất nước trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đây là động lực tinh thần quan trọng góp phần nâng cao năng lực sáng tạo, bồi đắp tâm hồn, nhân cách con người Việt Nam, đồng thời xây dựng bản sắc văn hóa dân tộc trong kỷ nguyên số.

Song song với đó, Dự thảo Văn kiện đặt ra yêu cầu phát triển nền báo chí, xuất bản và truyền thông hiện đại, nhân văn, chuyên nghiệp, coi đây là những lĩnh vực then chốt của đời sống tinh thần xã hội. Báo chí và truyền thông không chỉ là công cụ tuyên truyền, định hướng tư tưởng và thẩm mỹ xã hội, mà còn là cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân, góp phần xây dựng niềm tin xã hội và củng cố nền tảng văn hóa quốc gia.

Như vậy, có thể thấy, văn học, nghệ thuật và báo chí - truyền thông được xác định là hai trụ cột của hệ sinh thái văn hóa hiện đại,

cần phát triển tương xứng với tâm vóc dân tộc và thành tựu đổi mới đất nước, qua đó định hình diện mạo văn hóa Việt Nam trong thời kỳ chuyển đổi số và hội nhập toàn cầu.

Chuyển đổi số và công nghiệp văn hóa - động lực mới cho phát triển văn hóa

Một trong những điểm mới nổi bật của Dự thảo Văn kiện là nhấn mạnh vai trò của công nghệ số và công nghiệp văn hóa như những động lực then chốt cho phát triển văn hóa trong thời kỳ mới. Dự thảo Văn kiện xác định rõ nhiệm vụ: “Đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng và quản lý tốt môi trường văn hóa; phát triển và quản lý có hiệu quả thị trường sản phẩm, dịch vụ văn hóa số”⁽⁵⁾.

Đáng chú ý, đây là lần đầu tiên thuật ngữ “văn hóa số” xuất hiện trong Văn kiện Đại hội Đảng, thể hiện bước chuyển nhận thức quan trọng của Đảng ta về môi trường văn hóa trên không gian mạng - nơi đang tác động sâu sắc đến đời sống tinh thần, nhận thức và hành vi xã hội. Việc đề cập đến yêu cầu quản lý và định hướng các nền tảng truyền thông số, mạng xã hội, ứng dụng nội dung sáng tạo cho thấy Đảng chủ trương xây dựng môi trường văn hóa số lành mạnh, nhằm lan tỏa giá trị tích cực, ngăn chặn thông tin xấu độc, bảo vệ nền tảng tư tưởng và bản sắc văn hóa dân tộc trong không gian mạng toàn cầu.

Cùng với quá trình chuyển đổi số, phát triển mạnh mẽ công nghiệp văn hóa và dịch vụ văn hóa được xác định là một chủ trương mang tính đột phá. Dự thảo nêu rõ nhiệm vụ: “Phát triển mạnh công nghiệp văn hóa, dịch vụ văn hóa đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân”⁽⁶⁾. So với các kỳ Đại hội trước, đây

là bước tiến lớn trong tư duy phát triển văn hóa: văn hóa không chỉ là lĩnh vực đầu tư của Nhà nước, mà còn một khu vực kinh tế sáng tạo, có khả năng đóng góp trực tiếp cho GDP, tạo việc làm và thúc đẩy tăng trưởng bền vững.

Việc nhân mạnh phát triển thị trường văn hóa và dịch vụ văn hóa cho thấy Đảng ta đã chủ động tiếp cận văn hóa dưới góc độ kinh tế tri thức và sáng tạo, hướng tới xây dựng ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đủ mạnh, hội nhập quốc tế, có sức cạnh tranh và bản sắc riêng. Quan điểm này phù hợp với Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030, trong đó đặt mục tiêu doanh thu của các ngành công nghiệp văn hóa đạt khoảng 7% GDP vào năm 2030. Điều đó khẳng định công nghiệp văn hóa đang được định vị là một trụ cột của nền kinh tế sáng tạo, đồng thời là nguồn lực mới thúc đẩy phát triển văn hóa, con người và hình ảnh quốc gia Việt Nam trong kỷ nguyên toàn cầu hóa.

Bên cạnh đó, Dự thảo cũng nhân mạnh yêu cầu chủ động hội nhập và hợp tác quốc tế về văn hóa, coi đây là một phương thức quan trọng để gia tăng “sức mạnh mềm” quốc gia. Chủ trương: “chủ động, tích cực hợp tác, quảng bá hình ảnh đất nước, giá trị văn hóa và con người Việt Nam ra thế giới”⁽⁷⁾ thể hiện rõ định hướng ngoại giao văn hóa gắn với quảng bá bản sắc dân tộc, xây dựng thương hiệu quốc gia Việt Nam trên trường quốc tế.

Quan điểm này kế thừa và phát triển đường lối hội nhập văn hóa từ các kỳ Đại hội trước, song được diễn đạt mạnh mẽ, cụ thể hơn, phù hợp với bối cảnh Việt Nam chủ động tham gia các công ước văn hóa quốc tế, đồng thời tận dụng các cơ chế hợp tác và giao lưu văn hóa để

quảng bá giá trị Việt Nam, nâng cao uy tín và vị thế đất nước trong khu vực và trên thế giới.

Như vậy, có thể thấy, chuyển đổi số, công nghiệp văn hóa và hội nhập quốc tế về văn hóa đang được xác định là ba trụ cột mới trong chiến lược phát triển văn hóa Việt Nam thời kỳ hội nhập - vừa mang tính kế thừa, vừa có tính đột phá, mở ra hướng phát triển văn hóa năng động, sáng tạo và bền vững trong kỷ nguyên số.

Đổi mới quản lý văn hóa và phát triển nguồn nhân lực văn hóa

Bên cạnh các nội dung về phát triển lĩnh vực văn hóa, Dự thảo đã đưa ra những quan điểm mới về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực văn hóa. Dự thảo xác định nhiệm vụ: “Tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước về văn hóa”, đồng thời nhấn mạnh yêu cầu “nâng cao năng lực cán bộ lãnh đạo, quản lý về văn hóa”⁽⁸⁾.

Những định hướng này thể hiện nhận thức sâu sắc về vai trò của công tác quản lý trong triển khai đường lối, chính sách văn hóa, đồng thời chỉ ra rằng hạn chế về năng lực quản lý và phương pháp lãnh đạo là một trong những nguyên nhân khiến việc thực thi chính sách văn hóa ở một số nơi còn chậm hoặc thiếu hiệu quả. Do đó, xây dựng đội ngũ cán bộ văn hóa “vừa có tâm, vừa có tầm” trở thành yêu cầu cấp thiết.

Đổi mới tư duy quản lý văn hóa cần được thực hiện theo hướng linh hoạt, hiện đại, gắn với thực tiễn, chuyển từ “quản lý hành chính” sang “quản trị phát triển văn hóa”, lấy hiệu quả xã hội và sự tham gia của cộng đồng làm thước đo. Đồng thời, cần tăng cường cơ chế hậu

kiểm thay cho tiền kiểm cứng nhắc, nhằm tạo môi trường thuận lợi cho sáng tạo văn hóa phát triển, phát huy tính chủ động của các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật.

Bên cạnh đổi mới quản lý, Dự thảo cũng đặc biệt nhấn mạnh nhiệm vụ phát triển nguồn nhân lực và cơ sở vật chất cho lĩnh vực văn hóa. Dự thảo nêu rõ: “Chăm lo đội ngũ văn nghệ sĩ và những người làm công tác văn hóa, nhất là văn hóa cơ sở. Ưu tiên phát triển các cơ sở đào tạo văn hóa, nghệ thuật; có chính sách hỗ trợ các bộ môn nghệ thuật truyền thống”⁽⁹⁾.

Đây là điểm nhấn có ý nghĩa mới, thể hiện sự quan tâm của Đảng đối với văn hóa cơ sở và các loại hình nghệ thuật truyền thống, được coi là “gốc rễ” nuôi dưỡng bản sắc và sức sống của văn hóa dân tộc. Việc ưu tiên đào tạo nhân lực văn hóa, hỗ trợ nghệ thuật truyền thống và hiện đại hóa các cơ sở đào tạo văn hóa, nghệ thuật không chỉ nhằm bảo tồn các giá trị di sản, mà còn chuẩn bị nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển công nghiệp văn hóa và hội nhập quốc tế.

Song song với đó, các thiết chế văn hóa như nhà văn hóa, bảo tàng, thư viện, trung tâm văn hóa, không gian sáng tạo cộng đồng... được định hướng phát triển “theo hướng thiết thực, linh hoạt, lấy địa bàn cơ sở, người dân làm trung tâm”⁽¹⁰⁾. Điều này phản ánh tư duy nhân văn và dân chủ trong quản lý văn hóa, coi người dân vừa là chủ thể sáng tạo, vừa là trung tâm hưởng thụ văn hóa, qua đó tăng cường sự gắn kết giữa Nhà nước, cộng đồng và thị trường trong phát triển văn hóa bền vững.

Nhìn tổng thể, Dự thảo đã đặt ra yêu cầu đổi mới toàn diện công tác quản lý văn hóa, từ nâng cao nhận thức của đội ngũ lãnh đạo, hoàn thiện thể chế và chính sách, đến đầu tư thích đáng về nguồn lực tài chính và con người. Những định hướng này phù hợp với thực tiễn hiện nay, khi tỷ lệ chi ngân sách cho văn hóa vẫn còn thấp (khoảng dưới 2% tổng chi ngân sách nhà nước). Việc đưa mục tiêu tăng chi ngân sách cho văn hóa lên tối thiểu 2% vào năm 2030 nếu được thể chế hóa trong Dự thảo Văn kiện Đại hội XIV, sẽ trở thành cơ sở chính trị quan trọng để ưu tiên nguồn lực cho phát triển văn hóa, khắc phục tình trạng “nói nhiều, làm chưa đủ” vốn tồn tại lâu nay trong lĩnh vực này.

Phát triển con người Việt Nam toàn diện và thu hẹp chênh lệch hưởng thụ văn hóa

Cùng với nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hóa, Dự thảo xác định rõ mục tiêu phát triển con người Việt Nam toàn diện trên tất cả các phương diện phẩm chất và năng lực. Dự thảo nêu: “Phát triển toàn diện con người Việt Nam về đạo đức, trí tuệ, ý thức dân tộc, trách nhiệm công dân, năng lực sáng tạo, thẩm mỹ, thể lực, kỹ năng sống, kỹ năng nghề nghiệp”⁽¹¹⁾. So với các Văn kiện trước, điểm mới nổi bật là việc bổ sung hai yếu tố kỹ năng sống và kỹ năng nghề nghiệp vào nhóm phẩm chất cần phát triển. Sự điều chỉnh này phản ánh yêu cầu của thực tiễn hội nhập, khi con người Việt Nam không chỉ cần bồi dưỡng các giá trị truyền thống như đạo đức, tinh thần yêu nước và sức khỏe thể chất, mà còn phải được trang bị năng lực thích ứng, làm việc và sáng tạo trong môi trường số hóa, toàn cầu hóa. Quan điểm phát triển con người toàn diện này vừa kế thừa tinh thần của Nghị quyết

Trung ương 9 khóa XI (Nghị quyết số 33-NQ/TW năm 2014), vừa có bước phát triển mới về nội hàm, phù hợp với yêu cầu của kỷ nguyên chuyên đổi số và nền kinh tế tri thức.

Dự thảo đồng thời nhấn mạnh mối quan hệ biện chứng giữa phát triển con người và xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh, coi đây là hai mặt thống nhất của tiến trình phát triển văn hóa. Môi trường văn hóa lành mạnh chính là điều kiện để hình thành lớp người Việt Nam mới - có nhân cách, lý tưởng, bản lĩnh và năng lực sáng tạo, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Như nhiều ý kiến góp ý đã khẳng định, văn hóa là môi trường nuôi dưỡng con người, còn con người vừa là trung tâm vừa là chủ thể sáng tạo văn hóa; vì vậy, phát triển văn hóa và phát triển con người phải được tiến hành đồng bộ, gắn kết chặt chẽ trong mọi chính sách.

Một điểm mới có ý nghĩa nhân văn sâu sắc trong Dự thảo là nhấn mạnh mục tiêu thu hẹp khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa các vùng miền và tầng lớp nhân dân. Dự thảo Văn kiện nêu rõ: “Nâng cao đời sống văn hóa, thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hóa giữa các vùng, miền, giữa các tầng lớp nhân dân; chú trọng phát triển văn hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số”⁽¹²⁾. Đây là sự phát triển từ chủ trương “văn hóa cho mọi người” trước đây, thể hiện rõ định hướng công bằng và bao trùm trong phát triển văn hóa. Trong bối cảnh hiện nay, khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa đô thị và nông thôn, giữa đồng bằng và miền núi vẫn còn đáng kể; nhiều địa phương vùng sâu, vùng xa thiếu thiết chế văn hóa cơ bản hoặc điều kiện tiếp cận các sản phẩm văn hóa chất lượng. Việc đưa mục tiêu thu hẹp chênh lệch này vào Dự thảo

Văn kiện thể hiện sự quan tâm của Đảng đến công bằng xã hội trong lĩnh vực văn hóa, phù hợp với tinh thần của Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030, đặt mục tiêu đến năm 2030 có 75% người dân vùng sâu, vùng xa được tham gia các hoạt động văn hóa, tiếp cận các kênh phát thanh, truyền hình quốc gia và địa phương.

Bên cạnh đó, Dự thảo khuyến khích tìm tòi, sáng tạo các mô hình, thiết chế và phương thức quản lý văn hóa hiệu quả ở cơ sở, coi đây là hướng đi quan trọng nhằm nâng cao đời sống văn hóa của người dân. Các sáng kiến như tủ sách cộng đồng, nhà văn hóa đa năng, câu lạc bộ nghệ thuật truyền thống, không gian sáng tạo địa phương... nếu được tổ chức tốt sẽ trở thành điểm tựa cho đời sống tinh thần cơ sở, góp phần lan tỏa các giá trị văn hóa trong cộng đồng. Tư duy khuyến khích sáng tạo từ cơ sở thể hiện bước chuyển từ quản lý hành chính sang quản trị văn hóa mang tính phát triển, linh hoạt, lấy con người và cộng đồng làm trung tâm - phù hợp với yêu cầu của kỷ nguyên phát triển mới.

Phát huy sức mạnh văn hóa, tinh thần cống hiến và bảo vệ bản sắc trước tác động tiêu cực

Dự thảo dành dung lượng đáng kể để đề cập nhiệm vụ khơi dậy sức mạnh tinh thần và giá trị văn hóa tốt đẹp của con người Việt Nam, coi đây là động lực nội sinh quan trọng cho phát triển đất nước. Dự thảo viết: “Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, khát vọng xây dựng đất nước phồn vinh, văn minh, hạnh phúc”⁽¹³⁾. Những phẩm chất này là kết tinh của truyền thống văn hóa - lịch sử dân tộc, tạo nên sức mạnh tinh thần giúp Việt

Nam vượt qua mọi thử thách. Điểm mới của Dự thảo là gắn tinh thần yêu nước, tự cường với khát vọng phát triển phồn vinh, hạnh phúc, hướng đến việc nuôi dưỡng ý chí, trách nhiệm và khát vọng cống hiến của mỗi người dân cho công cuộc xây dựng quốc gia giàu mạnh. Đây là định hướng phù hợp trong bối cảnh Việt Nam đặt mục tiêu trở thành nước phát triển, thu nhập cao vào năm 2045 - một hành trình đòi hỏi không chỉ nguồn lực vật chất mà còn nguồn lực tinh thần lớn lao và bền vững.

Đặc biệt, Dự thảo nhấn mạnh vai trò của văn hóa và tinh thần cống hiến như nguồn lực và hệ điều tiết phát triển đất nước. Dự thảo xác định: “Làm cho văn hóa thực sự trở thành nguồn lực nội sinh, động lực và hệ điều tiết phát triển đất nước”⁽¹⁴⁾. Câu khẳng định ngắn gọn nhưng có ý nghĩa chiến lược sâu sắc: văn hóa không chỉ là “sản phẩm” của phát triển mà là động lực chủ đạo và thước đo của phát triển bền vững. Văn hóa và con người, với tinh thần sáng tạo và cống hiến, được coi như “lực lượng sản xuất đặc biệt” - nơi hội tụ tri thức, đạo đức và bản sắc dân tộc. Quan điểm này đánh dấu bước phát triển mới trong tư duy của Đảng, phù hợp với xu thế toàn cầu hiện nay coi vốn văn hóa, vốn xã hội và sức mạnh mềm là yếu tố quyết định năng lực cạnh tranh quốc gia.

Song song với việc phát huy sức mạnh văn hóa, Dự thảo cũng nhấn mạnh yêu cầu bảo vệ bản sắc và tăng cường “sức đề kháng” văn hóa dân tộc trước tác động tiêu cực của toàn cầu hóa và truyền thông số. Dự thảo nêu rõ: “Tăng cường sức đề kháng của văn hóa, chống lại mọi sự xâm lăng về văn hóa; bài trừ các hình thức văn hóa lai căng, hủ

lậu ảnh hưởng đến thuần phong mỹ tục; đấu tranh, phản bác những luận điệu xuyên tạc lịch sử, văn hóa và truyền thống cách mạng”⁽¹⁵⁾. Đây là điểm nhấn mới, thể hiện tầm nhìn chủ động, kiên quyết trên mặt trận tư tưởng - văn hóa. Khái niệm “sức đề kháng văn hóa” được sử dụng như một ẩn dụ sinh động, diễn tả khả năng tự bảo vệ, tự thanh lọc của văn hóa dân tộc trước các yếu tố ngoại lai độc hại. Đồng thời, việc nhấn mạnh “đấu tranh phản bác các luận điệu xuyên tạc lịch sử, văn hóa” cho thấy Đảng đã kết nối nhiệm vụ phát triển văn hóa với nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng, chủ động ứng phó với các thách thức an ninh văn hóa trong kỷ nguyên số.

Một nội dung mới đáng chú ý khác là phát triển các loại hình văn hóa trong lĩnh vực chính trị và kinh tế. Lần đầu tiên, Dự thảo đề cập: “Chú trọng phát triển văn hóa chính trị. Phát triển văn hóa kinh doanh, văn hóa doanh nghiệp, văn hóa khởi nghiệp sáng tạo và đạo đức doanh nhân”⁽¹⁶⁾. Đây là sự mở rộng quan trọng về phạm vi văn hóa, thể hiện tư duy văn hóa thấm thấu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Văn hóa chính trị hướng đến xây dựng phong cách lãnh đạo, quản lý, ứng xử của cán bộ, đảng viên theo chuẩn mực văn hóa - liêm chính, cầu thị, vì dân. Văn hóa kinh doanh, khởi nghiệp và đạo đức doanh nhân lại hướng tới hình thành môi trường kinh tế lành mạnh, sáng tạo, đề cao trách nhiệm xã hội và tinh thần phụng sự Tổ quốc. Những định hướng này cho thấy tư duy phát triển văn hóa đã chuyển từ phạm vi “ngành” sang tầm chiến lược quốc gia, bao trùm toàn bộ đời sống chính trị - kinh tế - xã hội.

Đánh giá một cách tổng thể, Dự thảo thể hiện bước tiến mới

trong tư duy lý luận và chiến lược phát triển văn hóa, con người Việt Nam. Có thể khái quát những điểm nổi bật như sau: đề cao văn hóa như nguồn lực nội sinh và hệ điều tiết phát triển; xây dựng hệ giá trị văn hóa và con người Việt Nam phù hợp với thời đại mới; gắn bảo tồn di sản với phát triển kinh tế và chuyên đổi số; chú trọng phát triển công nghiệp văn hóa và thị trường văn hóa; quan tâm văn hóa cơ sở, nghệ thuật truyền thống và thu hẹp chênh lệch hưởng thụ văn hóa; khơi dậy khát vọng phát triển, tinh thần cống hiến và sức mạnh mềm văn hóa dân tộc; tăng cường “sức đề kháng văn hóa”, đấu tranh chống lại sự xuyên tạc, phai nhạt bản sắc; mở rộng phạm vi văn hóa vào chính trị, kinh doanh, khởi nghiệp sáng tạo và đạo đức xã hội.

Như vậy, tư duy của Đảng về văn hóa trong Dự thảo đã có bước phát triển rõ rệt - từ coi văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội sang coi văn hóa, con người là trung tâm, mục tiêu và động lực của phát triển bền vững trong thời kỳ mới.

3. Góp ý hoàn thiện Dự thảo

Mặc dù Dự thảo đã thể hiện tầm nhìn toàn diện, bao quát nhiều phương diện quan trọng của đời sống văn hóa, song từ góc nhìn khoa học và thực tiễn quản lý văn hóa, vẫn cần tiếp tục hoàn thiện ở một số nội dung trọng tâm sau:

Thứ nhất, làm rõ hơn mối quan hệ biện chứng giữa phát triển văn hóa và phát triển con người

Dự thảo đã xác định văn hóa là môi trường, con người là chủ thể, tuy nhiên cần nhấn mạnh hơn tính hữu cơ, tương hỗ giữa hai yếu

tổ này. Văn hóa không chỉ nuôi dưỡng và hình thành nhân cách con người mà còn được chính con người sáng tạo, truyền bá và thụ hưởng. Do đó, đề nghị bổ sung luận điểm: *xây dựng con người Việt Nam mới phải gắn liền với xây dựng hệ giá trị văn hóa và môi trường văn hóa lành mạnh*. Điều này sẽ giúp cụ thể hóa quan điểm “phát triển văn hóa gắn với phát triển con người” - định hướng lớn đã được khẳng định trong các chiến lược phát triển văn hóa gần đây.

Thứ hai, làm rõ định hướng phát triển văn hóa trong kỷ nguyên số

Dự thảo đã đề cập đến nhiệm vụ chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa, song cần nhấn mạnh hơn yêu cầu xây dựng *văn hóa số và quản trị không gian mạng*, cần bổ sung định hướng: phát triển *môi trường văn hóa số lành mạnh*, quản lý hiệu quả các nền tảng truyền thông mới, đồng thời chủ động ứng dụng công nghệ số để quảng bá văn hóa dân tộc. Trước thực trạng các trào lưu lệch chuẩn, phản văn hóa trên mạng xã hội đang tác động tiêu cực đến lối sống, đặc biệt là giới trẻ, Dự thảo Văn kiện cần đề ra giải pháp cụ thể như: hoàn thiện pháp luật về an ninh mạng; nâng cao trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ số; tăng cường giáo dục kỹ năng số và năng lực thẩm định thông tin cho công dân.

Thứ ba, bổ sung quan điểm đầu tư cho văn hóa

Cần khẳng định rõ nguyên tắc: *đầu tư cho văn hóa là đầu tư cho phát triển con người và tương lai đất nước*. Trong thực tế, nhiều chính sách văn hóa khó triển khai do thiếu nguồn lực. Do đó, Dự thảo Văn kiện nên nhấn mạnh yêu cầu Nhà nước ưu tiên ngân sách cho văn hóa

tương xứng với các lĩnh vực khác. Có thể nêu rõ mục tiêu: *đến năm 2030, tỷ lệ chi ngân sách cho phát triển văn hóa đạt tối thiểu 2% tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm*, phù hợp với Chiến lược và Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa. Việc ghi rõ định hướng này trong Dự thảo Văn kiện sẽ tạo cơ sở chính trị vững chắc để huy động và phân bổ nguồn lực cho lĩnh vực văn hóa.

Thứ tư, chú trọng hơn đến văn hóa cơ sở và vùng sâu, vùng xa

Phát triển văn hóa phải bắt đầu từ cơ sở, bởi văn hóa cơ sở chính là nền tảng của nền văn hóa quốc gia. Đề nghị bổ sung nội dung tăng cường đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa cơ sở (nhà văn hóa, thư viện cộng đồng, câu lạc bộ văn nghệ - thể thao...) và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ văn hóa địa phương. Thực tế cho thấy, nhiều xã, phường hiện vẫn thiếu thiết chế đạt chuẩn, nhân lực văn hóa còn mỏng và yếu. Do đó, cần xác định rõ mục tiêu: *đến năm 2030, 100% đơn vị hành chính cấp huyện và xã có trung tâm văn hóa - thể thao hoạt động hiệu quả*.

Ngoài ra, đối với văn hóa vùng dân tộc thiểu số, nên bổ sung chính sách đặc thù về bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống (ngôn ngữ, trang phục, lễ hội, tri thức dân gian...), đào tạo cán bộ văn hóa là người dân tộc thiểu số và hỗ trợ nghệ nhân dân gian - những “báu vật sống” của cộng đồng.

Thứ năm, phát triển công nghiệp văn hóa gắn với cơ chế, chính sách cụ thể

Cần làm rõ hơn các điều kiện để công nghiệp văn hóa trở thành

động lực kinh tế quan trọng. Hiện nay, lĩnh vực này còn gặp nhiều rào cản về thể chế, thị trường và cơ chế bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Vì vậy, Dự thảo Văn kiện nên bổ sung định hướng hoàn thiện *thể chế kinh tế trong văn hóa*, tạo môi trường thuận lợi để thu hút nguồn lực xã hội. Đồng thời, nhấn mạnh yêu cầu *đào tạo nhân lực chất lượng cao* cho các ngành công nghiệp văn hóa (thiết kế sáng tạo, điện ảnh, quảng cáo, du lịch văn hóa, truyền thông - giải trí...), cũng như *khuyến khích khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật*, hình thành hệ sinh thái hỗ trợ tài năng trẻ phát triển bền vững.

Thứ sáu, làm sâu sắc hơn nội dung xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh doanh

Đây là điểm mới, có giá trị lý luận và thực tiễn cao, cần được nhấn mạnh thêm. Trong xây dựng Đảng, nên gắn nội dung *xây dựng Đảng về văn hóa, đạo đức* với các mặt chính trị, tư tưởng, tổ chức; coi “văn hóa trong Đảng” là nền tảng hình thành tác phong, lề lối làm việc và tinh thần nêu gương của cán bộ, đảng viên. Dự thảo Văn kiện nên khẳng định mạnh mẽ yêu cầu: *mỗi tổ chức đảng, cơ quan nhà nước phải xây dựng văn hóa liêm chính, phục vụ nhân dân; lấy sự hài lòng của người dân làm thước đo chất lượng tổ chức và cán bộ*.

Đối với khu vực kinh tế, cần khuyến khích doanh nghiệp xây dựng *văn hóa doanh nghiệp* và *đạo đức kinh doanh* - đề cao tinh thần thượng tôn pháp luật, minh bạch, sáng tạo và trách nhiệm xã hội. Những nội dung này sẽ giúp cụ thể hóa khái niệm “văn hóa chính trị” và “văn hóa doanh nghiệp”, tạo cơ sở để triển khai hiệu quả trong đời sống thực tiễn.

Thứ bảy, nhấn mạnh vai trò của giáo dục và gia đình trong xây dựng con người văn hóa

Bên cạnh phần riêng về giáo dục, trong nội dung văn hóa cần khẳng định sự gắn bó giữa giáo dục, gia đình và xã hội trong việc hình thành nhân cách con người. Gia đình là nơi đầu tiên giáo dục đạo đức, lối sống, còn nhà trường là môi trường bồi dưỡng tri thức, giá trị văn hóa, kỹ năng sống. Cùng với đó, cần phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội như Mặt trận Tổ quốc, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ... trong phong trào xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, góp phần lan tỏa các giá trị tốt đẹp trong cộng đồng.

Nếu những nội dung trên được bổ sung sẽ giúp Dự thảo Văn kiện Đại hội XIV của Đảng thể hiện rõ hơn tầm nhìn chiến lược và tính khả thi trong phát triển văn hóa, con người Việt Nam, Việc bổ sung các nội dung về nguồn lực, thể chế, chuyển đổi số, văn hóa cơ sở và nhân tố con người sẽ góp phần làm cho phần văn hóa của Dự thảo Văn kiện không chỉ dừng ở định hướng, mà còn thể hiện rõ phương thức và giải pháp thực hiện - qua đó, nâng cao sức thuyết phục và hiệu quả chính trị, xã hội khi triển khai trong thực tiễn.

4. Đề xuất giải pháp hiện thực hóa các quan điểm của Dự thảo Văn kiện

Để đưa các quan điểm, chủ trương về phát triển văn hóa và con người Việt Nam trong Dự thảo Văn kiện Đại hội XIV của Đảng vào cuộc sống, cần triển khai một hệ thống giải pháp đồng bộ, khả thi, kết hợp hài hòa giữa hoàn thiện thể chế, huy động nguồn lực và tổ chức

thực hiện hiệu quả. Xin được đề xuất một số nhóm giải pháp trọng tâm sau đây:

Thứ nhất, hoàn thiện thể chế và chính sách về văn hóa

Trên cơ sở các quan điểm chỉ đạo của Đại hội XIV, Quốc hội và Chính phủ cần tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung hệ thống pháp luật, chính sách liên quan đến phát triển văn hóa. Trọng tâm là xây dựng *Luật Phát triển văn hóa* hoặc các văn bản pháp quy có tính nền tảng, nhằm thể chế hóa những chủ trương lớn như phát triển công nghiệp văn hóa, quản lý môi trường văn hóa số, bảo tồn di sản văn hóa, đãi ngộ văn nghệ sĩ. Cùng với đó, cần ban hành và tổ chức thực hiện hiệu quả các chiến lược, chương trình mục tiêu như *Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa, Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035*. Một thể chế đồng bộ, thống nhất sẽ tạo khuôn khổ pháp lý vững chắc, giúp các địa phương, ngành, đơn vị triển khai chủ trương về văn hóa một cách hiệu quả và bền vững.

Thứ hai, tăng cường đầu tư và huy động nguồn lực cho phát triển văn hóa

Để văn hóa thực sự “ngang tầm” với kinh tế, chính trị, xã hội, cần đảm bảo nguồn lực đầu tư tương xứng. Ngân sách nhà nước dành cho văn hóa nên được nâng dần, hướng tới mục tiêu *tối thiểu 2% tổng chi ngân sách hàng năm* như định hướng đã nêu. Đồng thời, đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động văn hóa, khuyến khích doanh nghiệp và tư nhân đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, sản xuất sản phẩm, dịch vụ văn hóa

cần hình thành các *quỹ hỗ trợ sáng tạo văn hóa, nghệ thuật, học bổng tài năng trẻ, quỹ bảo tồn di sản*, huy động từ nguồn lực xã hội và các nhà tài trợ. Việc đa dạng hóa nguồn vốn không chỉ giảm áp lực cho ngân sách mà còn khơi dậy sức sáng tạo và tinh thần đồng hành của cộng đồng trong phát triển văn hóa. Song song, cần tranh thủ nguồn lực quốc tế thông qua hợp tác với UNESCO, các quỹ hỗ trợ di sản, chương trình viện trợ phát triển văn hóa - qua đó bổ sung nguồn lực và tiếp thu kinh nghiệm quốc tế về quản lý văn hóa hiện đại.

Thứ ba, phát triển nguồn nhân lực văn hóa chất lượng cao

Con người là yếu tố quyết định sự thành công của mọi chính sách văn hóa. Do đó, cần có chiến lược tổng thể về đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, chuyên gia, văn nghệ sĩ - bảo đảm *đủ về số lượng, mạnh về chất lượng và chuẩn hóa về chuyên môn*. Mạng lưới các trường đại học, học viện văn hóa nghệ thuật cần được đầu tư, hiện đại hóa chương trình đào tạo, tăng tính liên kết giữa lý luận và thực tiễn. Đồng thời, có chính sách trọng dụng nhân tài: thu hút chuyên gia, nghệ sĩ giỏi làm việc trong các cơ quan văn hóa, đoàn nghệ thuật với cơ chế đãi ngộ thỏa đáng

Đặc biệt, cần chú trọng đội ngũ *cán bộ văn hóa cơ sở*, những người trực tiếp triển khai chủ trương văn hóa đến với cộng đồng. Họ cần được đào tạo cả về nghiệp vụ chuyên môn lẫn kỹ năng truyền thông, vận động xã hội. Ngoài ra, việc cử cán bộ, nghệ sĩ đi học tập, giao lưu ở nước ngoài sẽ giúp cập nhật xu hướng mới, tiếp cận mô hình quản lý và sáng tạo tiên tiến của thế giới.

Thứ tư, đẩy mạnh công tác giáo dục và tuyên truyền nâng cao nhận thức về văn hóa và con người

Nhận thức đúng là tiền đề của hành động đúng. Do đó, cần tổ chức các chương trình tuyên truyền sâu rộng về nội dung và tinh thần của Dự thảo Văn kiện Đại hội XIV, giúp cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân thấm nhuần quan điểm “văn hóa là nền tảng tinh thần, là sức mạnh nội sinh của phát triển”. Trong hệ thống giáo dục, cần tăng cường giáo dục văn hóa, lịch sử, đạo đức, kỹ năng sống cho học sinh, sinh viên - qua đó hình thành tình yêu văn hóa dân tộc, ý thức công dân và nhân cách Việt Nam thời kỳ mới.

Các cơ quan báo chí, truyền thông cần đẩy mạnh truyền thông tích cực: nêu gương người tốt, việc tốt, phê phán các biểu hiện phản văn hóa, cổ vũ lối sống nhân văn, lành mạnh. Khi toàn xã hội nhận thức sâu sắc vai trò của văn hóa, việc hiện thực hóa chủ trương của Đảng sẽ đạt hiệu quả và lan tỏa rộng rãi.

Thứ năm, xây dựng và nhân rộng các mô hình điểm về phát triển văn hóa, con người

Một trong những phương thức khả thi để cụ thể hóa chủ trương là triển khai *mô hình thí điểm* tại một số địa phương hoặc lĩnh vực. Có thể lựa chọn một số tỉnh, thành phố làm *mô hình đặc thù phát triển công nghiệp văn hóa* (với các cơ chế ưu đãi về thuế, đất đai, tín dụng, hình thành khu công nghiệp sáng tạo). Bên cạnh đó, có thể xây dựng mô hình “xã văn hóa mới” hoặc “phường văn hóa kiểu mẫu” với hệ tiêu chí nâng cao, làm điểm để nhân rộng toàn quốc. Trong khu vực

kinh tế, phát động phong trào “Xây dựng văn hóa doanh nghiệp Việt Nam”, vinh danh doanh nghiệp tiêu biểu về đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội. Những mô hình cụ thể, sinh động này sẽ là minh chứng thực tiễn cho hiệu quả của các chủ trương, đồng thời tạo sức lan tỏa trong cộng đồng.

Thứ sáu, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện

Để các giải pháp nêu trên được thực thi thực chất, cần thiết lập cơ chế giám sát thường xuyên và minh bạch. Đảng cần chỉ đạo đưa các chỉ tiêu về phát triển văn hóa, con người vào nội dung kiểm điểm, đánh giá hằng năm của các địa phương, đơn vị. Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp phải giám sát việc phân bổ, sử dụng ngân sách cho văn hóa; Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân giám sát việc thực hiện nếp sống văn hóa ở cộng đồng.

Bên cạnh đó, cần *xây dựng bộ chỉ số đánh giá phát triển văn hóa và con người Việt Nam* (bao gồm các tiêu chí như tỷ lệ gia đình văn hóa, mức hưởng thụ văn hóa bình quân đầu người, chỉ số phát triển con người - HDI, chỉ số hạnh phúc, mức độ hài lòng xã hội...). Kết quả đánh giá nên gắn với công tác thi đua - khen thưởng và trách nhiệm người đứng đầu, tạo động lực thúc đẩy các địa phương, ngành, đơn vị thực hiện nghiêm túc và sáng tạo.

Tóm lại, việc hiện thực hóa các quan điểm, mục tiêu về văn hóa và con người trong Dự thảo Văn kiện Đại hội XIV đòi hỏi sự phối hợp đồng bộ giữa các cấp, các ngành và toàn xã hội. Phát triển văn hóa là

quá trình lâu dài, đòi hỏi tầm nhìn chiến lược, quyết tâm chính trị cao, nguồn lực đầu tư hợp lý và phương thức triển khai khoa học. Nếu thực hiện tốt các giải pháp nêu trên, các chủ trương của Đảng về phát triển văn hóa, con người Việt Nam chắc chắn sẽ trở thành hiện thực sinh động trong thập niên tới, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

5. Kết luận

Văn hóa và con người không chỉ là mục tiêu mà còn là động lực căn bản của sự nghiệp phát triển đất nước. Dự thảo thể hiện tầm nhìn chiến lược sâu rộng khi đặt văn hóa và con người ở vị trí “nền tảng tinh thần, nguồn lực nội sinh, động lực to lớn và hệ điều tiết” của phát triển bền vững. Những quan điểm mới trong Dự thảo - từ việc xây dựng hệ giá trị văn hóa, thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa, phát triển công nghiệp văn hóa, đến thu hẹp khoảng cách hưởng thụ và nâng cao sức đề kháng văn hóa của xã hội - phản ánh rõ nét sự đổi mới tư duy của Đảng, phù hợp với yêu cầu và bối cảnh phát triển mới của đất nước trong kỷ nguyên mới.

Để những định hướng đúng đắn này thực sự đi vào đời sống, khâu hoàn thiện Dự thảo Văn kiện và tổ chức triển khai sau Đại hội có ý nghĩa mang tính quyết định. Bài viết đã mạnh dạn đưa ra một số kiến nghị và gợi mở giải pháp nhằm góp phần làm rõ hơn những định hướng quan trọng, trên cơ sở kết hợp giữa luận cứ khoa học và thực tiễn sinh động của đời sống văn hóa hiện nay. Có thể khẳng định rằng, xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc và

phát triển con người Việt Nam toàn diện vừa là nhiệm vụ cấp bách, vừa là chiến lược lâu dài, đòi hỏi sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị và sự hưởng ứng tích cực của toàn xã hội.

Với quyết tâm chính trị cao của Đảng, sự đồng thuận của Nhân dân và những giải pháp triển khai đúng hướng, có cơ sở để tin tưởng rằng các chủ trương về văn hóa và con người trong Dự thảo Văn kiện Đại hội XIV sẽ sớm được hiện thực hóa một cách hiệu quả. Khi đó, văn hóa Việt Nam - kết tinh hồn cốt và bản lĩnh dân tộc - sẽ tiếp tục phát huy vai trò là nền tảng tinh thần vững chắc, là nguồn sức mạnh nội sinh to lớn, đóng góp quan trọng vào sự nghiệp xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc trong kỷ nguyên phát triển mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc⁽¹⁷⁾□

(1) Báo Vietnamnet, *Toàn văn bài phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc*, 24-11-2021.

(2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10), (11), (12), (13), (14), (15), (16) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Dự thảo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng*, Hà Nội, 15-10-2025.

(17) Tham luận tại Hội thảo “Những quan điểm mới của Đảng về xây dựng và phát triển văn hóa tại Dự thảo Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIV” do Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật tổ chức ngày 30-10-2025.

Tài liệu tham khảo

(1) Chiến lược phát triển văn hóa Việt Nam đến năm 2030 (Quyết định 1909/QĐ-TTg, 2021).

Nguồn: Tạp chí Văn hóa nghệ thuật- 2025.- Số 624.- Tr.18-25.

QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, CON NGƯỜI TRONG “TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN”

TS. NGUYỄN HUY PHÒNG

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

“Tuyên ngôn của Đảng cộng sản” bên cạnh việc đề cập đến những nội dung cơ bản về sự phát triển của xã hội loài người; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; sự ra đời của Đảng Cộng sản; những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học... còn đề cập đến những vấn đề về phát triển văn hóa, con người. Cho tới nay, những tư tưởng, quan điểm đó vẫn vẹn nguyên giá trị và tính thời sự sâu sắc.

VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, CON NGƯỜI TRONG “TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN”

Do C.Mác và Ph.Ăngghen soạn thảo lần đầu tiên, công bố trước toàn thế giới ngày 24/2/1848, “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” (*Tuyên ngôn*) là cương lĩnh đầu tiên của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, ngọn cờ dẫn dắt giai cấp công nhân và nhân dân lao động tiến hành cuộc đấu tranh chống lại ách áp bức, bóc lột của chủ nghĩa tư bản (CNTB), đi lên chủ nghĩa xã hội (CNXH) và tiến tới chủ nghĩa cộng sản. Sự ra đời của *Tuyên ngôn* là bước ngoặt quyết định đối với sự phát triển của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, đánh dấu sự hình thành về cơ bản lý luận chủ nghĩa Mác.

Hướng tới đối tượng chính là giai cấp công nhân và nhân dân lao động cần lao, *Tuyên ngôn* được viết một cách giản dị, trong sáng, cô đúc, được dịch ra nhiều thứ tiếng và phổ biến rộng rãi trên phạm vi toàn thế giới. *Tuyên ngôn* được ví như cuốn cẩm nang và là “vũ khí” lợi hại, sắc bén về tư tưởng, lý luận nhằm giương cao ngọn cờ cách mạng, xóa bỏ áp bức bất công, hướng đến xây dựng một xã hội công bằng, phồn vinh, hạnh phúc.

Bên cạnh những nội dung cơ bản về sự phát triển của xã hội loài người; vị trí lịch sử của giai cấp tư sản; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; sự ra đời và tính tiên phong của Đảng Cộng sản; những nguyên lý cơ bản của CNXH khoa học, một số nguyên lý chiến lược, sách lược cách mạng... *Tuyên ngôn* còn đề cập đến những nội dung cơ bản về phát triển văn hóa, con người, đặt nền móng cho quá trình xây dựng và phát triển văn hóa, con người toàn diện trong hiện tại và tương lai.

Những quan điểm về phát triển văn hóa

Trước khi viết *Tuyên ngôn*, C. Mác và Ph. Ăngghen đã có những kiến giải thuyết phục bằng các lập luận khoa học và chứng cứ thực tiễn về nguồn gốc hình thành, bản chất, chức năng của văn hóa. Trong tác phẩm *Biện chứng của tự nhiên* (được viết trong khoảng năm 1873 đến 1886), trên cơ sở kế thừa những thành tựu của khoa học tự nhiên, Ph.Ăngghen cho rằng: Văn hóa là kết quả, là sản phẩm do con người sáng tạo ra; sáng tạo văn hóa là thuộc tính của con người, và là dấu hiệu quan trọng để phân biệt giữa con người và động vật. Từ việc chế tạo những vật dụng thô sơ, phục vụ nhu cầu thiết yếu của đời sống vật

chất, con người biết chế tạo ra những vật trang sức, mỹ nghệ, biết mô phỏng, tái hiện tự nhiên, cuộc sống con người qua các bức tranh hội họa. Việc “nhào nặn vật chất theo quy luật của cái đẹp” đã phản ánh nhu cầu, khát vọng, mong ước của con người trong việc hướng đến những giá trị của chân, thiện, mỹ.

Với cái nhìn biện chứng, khách quan, đặt con người trong mối tương quan với tự nhiên và tiến trình phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội, C. Mác và Ph. Ăngghen cho rằng nói đến văn hóa là nói đến “lực lượng bản chất người” hay “trình độ người” của con người. Trình độ, năng lực đó được sản sinh, tái tạo trong quá trình con người tương tác, cải tạo tự nhiên. Theo đó, văn hóa không chỉ là thuộc tính, nói lên bản chất nhân văn của con người mà nó còn phản ánh quá trình con người không ngừng sáng tạo để tạo ra những giá trị vật chất và tinh thần, thúc đẩy sự phát triển của lịch sử - xã hội.

Trên cơ sở phép duy vật biện chứng, lịch sử, trong *Tuyên ngôn*, C. Mác, Ph. Ăngghen cho rằng văn hóa là một lĩnh vực quan trọng của đời sống xã hội, có quan hệ mật thiết và chịu sự tác động, chi phối của các yếu tố kinh tế, chính trị, xã hội. Văn hóa không chỉ thuộc về mỗi cá nhân mà văn hóa còn thuộc về cộng đồng, giai cấp, lớn hơn là quốc gia, dân tộc.

Điểm nhấn về văn hóa trong *Tuyên ngôn* là đã đặt văn hóa trong mối tương quan với bối cảnh thời đại, giai cấp, xã hội, từ đó nhấn mạnh văn hóa thuộc lĩnh vực đời sống tinh thần, chịu sự tác động, chi phối của bối cảnh kinh tế, chính trị, xã hội. Nhấn mạnh vào mối quan hệ giữa văn hóa với chính trị: “Lịch sử tư tưởng chứng minh cái gì,

nếu không phải là chứng minh rằng sản xuất tinh thần cũng biến đổi theo sản xuất vật chất? Những tư tưởng thống trị của một thời đại bao giờ cũng chỉ là những tư tưởng của giai cấp thống trị”(1). Điều đó cho thấy văn hóa luôn chịu sự tác động của cơ sở hạ tầng và nền tảng kinh tế, chính trị của một chế độ sẽ quyết định diện mạo, đặc trưng của nền văn hóa đó.

Một tư tưởng lớn về văn hóa được đề cập trong *Tuyên ngôn* là những dự báo mang tính thời đại về quy luật vận động và phát triển của văn hóa. Những kiến giải của C.Mác và Ph.Ăngghen cho thấy, vào thế kỷ XIX, với việc không ngừng cải tiến máy móc, công cụ lao động, mở rộng thị trường, đầu tư vào phát minh sáng chế; áp dụng triệt để những thành tựu khoa học kỹ thuật, giai cấp tư sản đã tạo ra nguồn của cải dồi dào; làm biến đổi sâu sắc đời sống xã hội, trong đó có lĩnh vực văn hóa.

Sự phát triển không ngừng của lực lượng sản xuất đã tác động mạnh mẽ đến văn hóa. Thông qua con đường kinh tế, thương mại, qua quá trình trao đổi sản phẩm, quá trình mở rộng và tìm kiếm thị trường, giai cấp tư sản đã tạo động lực quan trọng, kích thích quá trình giao lưu, tiếp biến giữa các nền văn hóa. Lý giải vấn đề này, C.Mác và Ph.Ăngghen viết: “Do bó hẹp thị trường thế giới, giai cấp tư sản đã làm cho sản xuất và tiêu dùng của tất cả các nước mang tính chất thế giới”(2). “Thay cho những nhu cầu cũ được thỏa mãn bằng những sản phẩm trong nước, thì nảy sinh ra những nhu cầu mới đòi hỏi được thỏa mãn bằng những sản phẩm đưa từ những miền và xứ xa xôi nhất về. Thay cho tình trạng cô lập trước kia của các địa phương và dân tộc

vẫn tự cung tự cấp, ta thấy phát triển những quan hệ phổ biến, sự phụ thuộc phổ biến giữa các dân tộc. Mà sản xuất vật chất đã vậy thì sản xuất tinh thần cũng không kém như thế. Những thành quả của hoạt động tinh thần của một dân tộc trở thành tài sản chung của tất cả các dân tộc. Tính chất đơn phương và phiến diện dân tộc ngày càng không thể tồn tại được nữa; và từ những nền văn học dân tộc và địa phương, muôn hình muôn vẻ, đang nảy nở ra một nền văn học toàn thế giới”⁽³⁾. Luận điểm này của C. Mác và Ph. Ăngghen đã chỉ ra tính tất yếu khách quan của quá trình tương tác, giao lưu giữa các dân tộc, quốc gia, giữa các nền văn hóa mà nguyên nhân chính dẫn đến quá trình đó là sự phát triển của lực lượng sản xuất và những yếu tố kinh tế chi phối. Luận điểm trên cũng là những dự báo mang tính thời đại của C. Mác và Ph.Ăngghen về xu thế toàn cầu hóa văn hóa khi các quốc gia, dân tộc ngày càng xích lại gần nhau. Những dự cảm về “một nền văn học toàn thế giới” được hợp lực từ “những nền văn học dân tộc và địa phương, muôn hình muôn vẻ” được C. Mác và Ph.Ăngghen đề cập từ năm 1848 đến nay vẫn vẹn nguyên giá trị và tinh thần thời đại, cho thấy sự vận động, phát triển của các nền văn học, văn hóa trên thế giới với sự kết hợp hài hòa giữa cái chung và riêng; giữa cái phổ quát mang tính chất chung toàn nhân loại với cái đặc thù, riêng biệt mang bản sắc riêng, độc đáo của các cộng đồng, dân tộc, quốc gia.

Tuy nhiên, do tuyệt đối hóa mục tiêu lợi nhuận, đề cao giá trị kinh tế cũng như ý chí của giai cấp thống trị, cầm quyền, giai cấp tư sản muốn tạo ra một thế giới theo hình dạng nhất định, buộc các dân tộc, các giai cấp, tầng lớp khác trong xã hội phải phụ thuộc vào mình.

Sự áp đặt mang tính cưỡng chế đó có thể gây ra những hệ lụy, làm sản sinh tâm lý nô dịch, lệ thuộc của các dân tộc còn kém phát triển. Đối với các nền văn hóa, ý đồ thống trị cả về mặt tinh thần, sự áp đặt và âm mưu đồng hóa văn hóa của giai cấp tư sản có thể làm triệt tiêu tính đa dạng văn hóa, làm mất đi bản sắc dân tộc, quốc gia và quyền văn hóa của con người.

Nhấn mạnh vào những hệ lụy đó, C. Mác và Ph. Ăngghen chỉ rõ: “Nhờ cải tiến mau chóng công cụ sản xuất và làm cho các phương tiện giao thông trở nên vô cùng tiện lợi, giai cấp tư sản lôi cuốn đến cả những dân tộc dã man nhất vào trào lưu văn minh (...) Giai cấp tư sản bắt nông thôn phải phục tùng thành thị (...), bắt những nước dã man hay nửa dã man phải phụ thuộc vào các nước văn minh, nó đã bắt những dân tộc nông dân phải phụ thuộc vào những dân tộc tư sản, bắt phương Đông phải phụ thuộc vào phương Tây”⁽⁴⁾.

Sự ra đời của CNTB là bước phát triển nhảy vọt của lịch sử với nhiều thành tựu về khoa học, kỹ thuật, thúc đẩy tiến trình văn minh của nhân loại. Tuy nhiên, với việc thiết lập quan hệ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, đề cao tuyệt đối giá trị, lợi ích kinh tế và đồng tiền mà thiếu quan tâm đến các vấn đề văn hóa, xã hội, thậm chí lợi dụng văn hóa, văn học, nghệ thuật để thực hiện những mưu đồ chính trị, khiến CNTB, trực tiếp là giai cấp tư sản đối diện với những mâu thuẫn, xung đột, khủng hoảng và những vấn nạn xã hội nảy sinh, khó giải quyết.

Thời đại của C. Mác, Ph. Ăngghen, thuật ngữ “toàn cầu hóa văn hóa” chưa xuất hiện nhưng những dự báo về tương lai, xu thế tất yếu khách quan của văn hóa nói chung và các nền văn hóa nói riêng là

những chỉ báo quan trọng để mỗi quốc gia trong quá trình phát triển sẽ có ứng xử thích hợp để thúc đẩy văn hóa phát triển lành mạnh, phù hợp với tính chất, đặc trưng và quy luật vận động riêng của văn hóa.

Những quan điểm về phát triển con người toàn diện

Tư tưởng lớn, bao trùm, xuyên suốt *Tuyên ngôn* là vấn đề giải phóng giai cấp, giải phóng con người, xóa bỏ tình trạng áp bức, bất công để hướng đến xây dựng một xã hội mới mà ở đó “sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người”⁽⁵⁾. Đó là tư tưởng, tinh thần nhân văn, nhân đạo cao cả của những nhà sáng lập chủ nghĩa Mác. Tất cả vì con người, vì tự do, hạnh phúc, ấm no của nhân dân lao động.

Sống trong lòng xã hội tư bản, gắn bó mật thiết với giai cấp công nhân và nhân dân lao động cần lao, hơn ai hết, C.Mác và Ph.Ăngghen thấu hiểu nỗi thống khổ của người lao động làm thuê, bị bóc lột đến kiệt cùng sức lao động, bị chèn ép, tước mất những quyền cơ bản vốn thuộc về họ. C.Mác, Ph.Ăngghen cho rằng, sống trong lòng xã hội tư bản, của nền đại công nghiệp, người công nhân “không những là nô lệ của giai cấp tư sản, của nhà nước tư sản, mà hàng ngày, hàng giờ, còn là nô lệ của máy móc, của người đốc công và trước hết là của chính nhà tư sản chủ công xưởng”⁽⁶⁾. Họ “buộc phải tự bán mình để kiếm ăn từng bữa một, là một hàng hoá, tức là một món hàng đem bán như bất cứ món hàng nào khác; vì thế, họ phải chịu hết mọi sự may rủi của cạnh tranh, mọi sự lên xuống của thị trường với mức độ như nhau”⁽⁷⁾.

Qua quan sát, trải nghiệm và thâm nhập cuộc sống của công nhân, thợ thuyền, các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác còn thấu hiểu nỗi

thống khổ của những người yếu thế trong xã hội, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em. Điều mà C.Mác, Ph.Ăngghen lo ngại là “lao động thủ công càng ít cần đến sự khéo léo và sức lực chừng nào, nghĩa là công nghiệp hiện đại càng tiến triển thì lao động của đàn ông càng được thay thế bằng lao động của đàn bà và trẻ em”⁽⁸⁾. Không chỉ vậy, “Đại công nghiệp phát triển càng phá huỷ mọi mối quan hệ gia đình trong giai cấp vô sản và càng biến trẻ em thành những món hàng mua bán, những công cụ lao động đơn thuần”⁽⁹⁾.

Bằng cảm quan chính trị và sự nhạy bén về tư tưởng, lý luận C.Mác và Ph.Ăngghen đã chỉ ra con đường, biện pháp để giai cấp công nhân tập hợp, giác ngộ lý tưởng thông qua vai trò tiên phong, dẫn đường của Đảng Cộng sản để tiến hành đấu tranh cách mạng, giải phóng giai cấp, giải phóng con người, xây dựng xã hội mới tốt đẹp hơn, nhân văn hơn: “Giai cấp vô sản mỗi nước trước hết phải giành lấy chính quyền, phải tự vươn lên thành giai cấp dân tộc, phải tự mình trở thành dân tộc”⁽¹⁰⁾. “Hãy xoá bỏ tình trạng người bóc lột người thì tình trạng dân tộc này bóc lột dân tộc khác cũng sẽ bị xoá bỏ. Khi mà sự đối kháng giữa các giai cấp trong nội bộ dân tộc không còn nữa thì sự thù địch giữa các dân tộc cũng đồng thời mất theo”⁽¹¹⁾.

Giải phóng giai cấp, giải phóng con người, thiết lập một trật tự xã hội mới mà ở đó có sự kết hợp hài hòa giữa “nông nghiệp với công nghiệp”, “giữa thành thị và nông thôn”, đặc biệt xã hội mới, xã hội tiên tiến phải thực thi tốt chính sách “Giáo dục công cộng và không mất tiền cho tất cả các trẻ em. Xoá bỏ việc sử dụng trẻ em làm trong các công xưởng như hiện nay. Kết hợp giáo dục với sản xuất vật

chất”⁽¹²⁾, phải thiết lập và giữ gìn nền tảng đạo đức, những mối quan hệ bền chặt và những giá trị tốt đẹp của gia đình. Bởi gia đình có vai trò, vị trí đặc biệt quan trọng trong việc duy trì nòi giống, giáo dục và hình thành những đức tính, phẩm chất tốt đẹp cho con người.

Có thể nói những quan điểm của C.Mác, Ph.Ăngghen về con người thấm đẫm tư tưởng và tinh thần nhân đạo, nhân văn cao cả, tạo cơ sở, nền tảng quan trọng để các quốc gia ý thức sâu sắc hơn về vai trò, tầm quan trọng của nhân tố con người, từ đó ban hành những chính sách phù hợp để bảo vệ, chăm lo và phát triển con người toàn diện.

VẬN DỤNG SÁNG TẠO TRONG XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, CON NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY

Trong quá trình lãnh đạo nhân dân thực hiện công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vận dụng một cách sáng tạo tư tưởng, quan điểm của chủ nghĩa Mác phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam.

Vận dụng sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác, đặc biệt là những tư tưởng về phát triển văn hóa, con người trong “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” và những chỉ dẫn của Hồ Chí Minh, Đảng ta đã xây dựng và ban hành nhiều quyết sách quan trọng để định hướng con đường phát triển của nền văn hóa dân tộc.

Đối với lĩnh vực văn hóa, Đảng ta luôn coi trọng, đề cao vai trò, vị trí đặc biệt quan trọng của văn hóa trong tiến trình vận động, phát

triển của lịch sử, xã hội. Năm 1943, trong bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* (Đề cương), Đảng ta xác định: “Mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa) ở đó người cộng sản phải hoạt động... Có lãnh đạo được phong trào văn hóa, Đảng mới ảnh hưởng được dư luận, việc tuyên truyền của Đảng mới có hiệu quả”⁽¹³⁾.

Nhấn mạnh vào mối quan hệ biện chứng giữa văn hóa với kinh tế, chính trị, *Đề cương* cho rằng: “Nền tảng kinh tế của một xã hội và chế độ kinh tế dựng trên nền tảng ấy quyết định toàn bộ văn hóa của xã hội kia”⁽¹⁴⁾.

Là lãnh tụ vĩ đại của dân tộc, đồng thời cũng là một nhà văn hóa lớn, hơn ai hết, Hồ Chí Minh nhận thức sâu sắc về vai trò, tầm quan trọng đặc biệt của văn hóa, văn nghệ. Người khẳng định: “Văn hoá nghệ thuật cũng là một mặt trận. Anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy”⁽¹⁵⁾. Để cổ vũ, động viên cũng như đặt trọn niềm tin, niềm kỳ vọng vào đội ngũ văn nghệ sĩ, trí thức sẽ gánh vác những trọng trách quan trọng trong cuộc kháng chiến, kiến quốc, Người nhấn mạnh: “Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi”; “trong cuộc kiến thiết nước nhà có bốn vấn đề cùng phải chú ý đến, cùng phải coi trọng ngang nhau: chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa”⁽¹⁶⁾. Trong *Di chúc*, Người căn dặn: Đảng cần phải có *kế hoạch* thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng *nâng cao đời sống của nhân dân*.

Vận dụng sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác, đặc biệt là những tư tưởng về phát triển văn hóa, con người trong *Tuyên ngôn* và những chỉ dẫn của Hồ Chí Minh, Đảng ta đã xây dựng và ban hành nhiều quyết sách quan trọng để định hướng con đường phát triển của

nền văn hóa dân tộc. Đặc biệt trong thời kỳ đổi mới, hội nhập quốc tế sâu rộng. Đảng đã ban hành nhiều nghị quyết quan trọng về văn hóa, văn nghệ như: Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 28/11/1987 của Bộ Chính trị về “Đổi mới và nâng cao trình độ lãnh đạo, quản lý văn học, nghệ thuật và văn hóa, phát huy khả năng sáng tạo, đưa văn học, nghệ thuật và văn hóa phát triển lên một bước mới”; Nghị quyết số 04-NQ/HNTW ngày 14/1/1993 của Ban Chấp hành Trung ương khóa VII về “Một số nhiệm vụ văn hoá, văn nghệ những năm trước mắt”; Nghị quyết số 03-NQ/TW, ngày 16/7/1998, của Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”; Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị về “Tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới”; Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”...

Nhấn mạnh vai trò, vị trí của văn hóa, Đảng ta khẳng định: Văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là sức mạnh nội sinh, động lực quan trọng để phát triển đất nước. Phát biểu tại Hội nghị văn hóa toàn quốc năm 2021, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng một lần nữa khẳng định vai trò đặc biệt quan trọng của văn hóa đối với sự tồn vong, thịnh suy của quốc gia, dân tộc: “Văn hoá là *hồn cốt* của Dân tộc, nói lên *bản sắc* của Dân tộc. *Văn hóa còn thì Dân tộc còn*”.

Trong bối cảnh mới, Đảng chủ trương đẩy mạnh giao lưu, hội

nhập quốc tế để tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, nhưng đồng thời phải giữ gìn và phát huy bản sắc, truyền thống dân tộc, tránh những nguy cơ áp đặt, “xâm lăng” văn hóa đến từ bên ngoài. Xử lý hài hòa mối quan hệ giữa truyền thống với hiện đại; giữa bảo tồn và phát huy, phát triển; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiên bộ và công bằng xã hội; đảm bảo quyền sáng tạo, thực hành và thụ hưởng văn hóa của mọi người dân.

Bên cạnh nhiệm vụ phát triển văn hóa, Đảng không ngừng quan tâm, chăm lo đến phát triển con người Việt Nam toàn diện. Trong mối tương quan giữa phát triển văn hóa với phát triển con người, Đảng ta nhấn mạnh: “Phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa. Trong xây dựng văn hóa, trọng tâm là chăm lo xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp, với các đặc tính cơ bản: yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo”⁽¹⁷⁾; “Phát huy tối đa nhân tố con người; con người là trung tâm, chủ thể, là nguồn lực chủ yếu và mục tiêu của sự phát triển. Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, gắn kết chặt chẽ, hài hòa giá trị truyền thống và giá trị hiện đại”⁽¹⁸⁾.

Một trong những điểm mới trong Văn kiện Đại hội XIII là lần đầu tiên Đảng đề ra nhiệm vụ “Tập trung nghiên cứu, xác định và triển khai xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hoá và chuẩn mực con người gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới”⁽¹⁹⁾.

Việc xây dựng thành công hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa,

hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam sẽ có ý nghĩa quan trọng trong việc tạo nền tảng tinh thần, định hướng con đường, tương lai phát triển của quốc gia, dân tộc.

Với ánh sáng soi đường của chủ nghĩa Mác và tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam đã vận dụng một cách sáng tạo những quan điểm về phát triển văn hóa, con người đề cập trong *Tuyên ngôn* để từng bước hoàn thiện tư duy lý luận và đường lối lãnh đạo về phát triển văn hóa, con người Việt Nam toàn diện. Từ đó, khai thác và phát huy mạnh mẽ giá trị văn hóa và sức mạnh của con người Việt Nam, tạo động lực, sức mạnh nội sinh quan trọng để thúc đẩy quá trình phát triển nhanh và bền vững đất nước trong bối cảnh hiện nay□

(1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10), (11), (12) C.Mác và Ph.Ăngghen: *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H, 2017, tr.108-109, 82, 83, 84, 113, 88, 87, 88, 106, 107, 108, 112

(13), (14) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, H, 2000, t.7, tr.316, 316.

(15) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H, 2011, t.7, tr.246.

(16) Hồ Chí Minh: *về công tác văn hóa, văn nghệ*, Nxb. Sự thật, H, 1971, tr.70.

(17) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Văn phòng Trung ương Đảng, H, 2014, tr.48.

(18), (19) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H, 2021, t.I, tr.47, 143.

Nguồn: Tạp chí Tuyên giáo.- 2024.- Số 2.- Tr.6-11.

**“ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM”
VÀ VAI TRÒ SOI ĐƯỜNG, HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN
VĂN HÓA QUÂN SỰ THỜI ĐẠI HỒ CHÍ MINH**

THƯỢNG TÁ, TS. NGUYỄN MINH CƯỜNG
Trường Sĩ quan Chính trị

Cách đây 80 năm, Đề cương về văn hóa Việt Nam ra đời đã nêu rõ những quan điểm căn bản của Đảng trong xây dựng nền văn hóa cách mạng, nhằm thực hiện vai trò sứ mệnh: “soi đường cho quốc dân đi”. Những quan điểm ấy đã thấm sâu vào phong trào cách mạng của toàn dân tộc nói chung và quá trình xây dựng, chiến đấu, trưởng thành của Quân đội nhân dân Việt Nam nói riêng, góp phần hình thành và phát triển văn hóa quân sự thời đại Hồ Chí Minh.

Nội dung của Đề cương về văn hóa Việt Nam (sau đây gọi tắt là Đề cương văn hóa) thể hiện rõ ba phương châm mang tính bao trùm của nền văn hóa cách mạng: (1). Chống mọi ảnh hưởng nô dịch, thuộc địa, khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập. (2). Chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa phản lại đại chúng hoặc xa rời đông đảo quần chúng. (3). Chống lại tất cả những gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ. Trong đó, Đảng ta cũng nhấn mạnh ba nguyên tắc của cuộc vận động văn hóa ở Việt Nam thời kỳ này, gồm: dân tộc hóa, đại chúng hóa, khoa học hóa. Nghĩa là, phải xây dựng một nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc (dân tộc hóa),

mang tính phổ cập, phổ biến (đại chúng hóa) và luôn tìm cách đấu tranh loại bỏ cái cũ, cái lạc hậu, bảo thủ phản động; hướng đến cái mới, dân chủ, tiến bộ, dễ học, dễ nắm bắt và tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại (khoa học hóa). Thông qua Đề cương văn hóa, Đảng ta đã khẳng định vị trí, vai trò cực kỳ quan trọng và sức mạnh của văn hóa; coi đó là chỗ dựa về tư tưởng, tinh thần cho mỗi người dân và vận động văn nghệ sĩ đi theo Đảng để làm cách mạng.

Từ Đề cương văn hóa tới văn hóa quân sự

Được soi sáng bởi Đề cương văn hóa, ngay từ những ngày đầu thành lập, Quân đội ta đã không chỉ tập trung xây dựng một đội quân chiến đấu để cùng với toàn dân đấu tranh giành độc lập, tự do cho dân tộc mà còn hướng tới xây dựng một đội quân văn hóa. Thực tiễn lịch sử gần 80 năm qua cho thấy, dưới những chỉ dẫn của Đề cương văn hóa, việc hình thành, phát triển văn hóa “Bộ đội Cụ Hồ” đã trở thành nét đặc sắc tiêu biểu trong xây dựng một đội quân cách mạng từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu và là cội nguồn cho những chiến công oanh liệt của Quân đội ta. Việc thực hiện những quan điểm, chủ trương của Đề cương văn hóa trong xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam và hình thành, phát triển văn hóa “Bộ đội Cụ Hồ” thể hiện trên những vấn đề cơ bản sau:

Một là, quán triệt “Cách đặt vấn đề” của Đề cương văn hóa, coi “Mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận” và “Có lãnh đạo được phong trào văn hóa. Đảng mới ảnh hưởng được dư luận, việc tuyên truyền của Đảng mới có hiệu quả”, ngay trong chủ trương xây dựng

Quân đội. Đảng ta và Bác Hồ đã coi chính trị là gốc, “quân sự mà không có chính trị như cây không có gốc, vô dụng mà lại có hại”⁽¹⁾. Vì vậy, “Tên: Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân. Nghĩa là chính trị trọng hơn quân sự. Nó là một Đội tuyên truyền”⁽²⁾. Chỉ thị thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân cũng thể hiện rõ tư tưởng lực lượng vũ trang ba thứ quân, kháng chiến toàn dân - cũng là sự tiếp nối truyền thống, giá trị văn hóa giữ nước của dân tộc Việt Nam trong đội quân cách mạng đầu tiên.

Hai là, bằng việc vạch trần “những thủ đoạn phát xít trói buộc văn hóa và giết chết văn hóa Việt Nam” và nêu lên những quan điểm căn bản của việc xây dựng một nền văn hóa mới - văn hóa xã hội chủ nghĩa, Đề cương văn hóa đã mang lại niềm cảm hứng lớn lao cho đội ngũ văn nghệ sĩ trí thức Việt Nam yêu nước. Một thế hệ trí thức, văn nghệ sĩ đang bế tắc nhiều năm dưới chế độ thực dân nửa phong kiến, đã từ đây mà nhận ra con đường để đến với cách mạng. Nhiều người trong số họ thậm chí chủ trương “Cách mạng văn hóa ở Việt Nam phải dựa vào cách mạng giải phóng dân tộc mới có điều kiện phát triển”, nhanh chóng tham gia kháng chiến, trở thành “Bộ đội Cụ Hồ”, vừa cầm súng, vừa sáng tác và biểu diễn cổ vũ cho công cuộc “kháng chiến, kiến quốc” dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Ba là, trong thời đại Hồ Chí Minh, kể từ khi Quân đội nhân dân Việt Nam được thành lập ngày 22/12/1944, thậm chí các nguyên tắc căn bản trong xây dựng nền văn hóa mới mà Đề cương văn hóa chỉ ra, văn hóa quân sự được hình thành và bổ sung thêm những giá trị mới nhằm thực hiện mục tiêu, lý tưởng cách mạng của Đảng, vì hạnh

phúc của nhân dân, đó là: lòng yêu nước, khát vọng hòa bình, tinh thần nhân văn, nhân đạo trong hoạt động quân sự; nghệ thuật quân sự độc đáo “lấy ít địch nhiều”, “lấy yếu chống mạnh”, đường lối chiến tranh nhân dân, quốc phòng toàn dân; những phẩm chất cao đẹp “Bộ đội Cụ Hồ”, v.v. Những giá trị đó phản ánh trọn vẹn tính dân tộc, tính đại chúng, tính khoa học của nền văn hóa cách mạng; đồng thời, thể hiện rõ bản chất, truyền thống vẻ vang của Quân đội ta, một quân đội kiểu mới của giai cấp công nhân Việt Nam, từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu, tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc và Nhân dân.

Thực hiện những chỉ dẫn của Đề cương văn hóa và các quan điểm căn bản của Đảng ta về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, việc xây dựng văn hóa quân sự cả trong cách mạng giải phóng dân tộc và sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đã phát triển mạnh mẽ và đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Đặc biệt, thực hiện Chỉ thị số 143/CT, ngày 12/5/1992 của Tổng cục Chính trị về tiến hành Cuộc vận động “Xây dựng môi trường văn hóa tốt đẹp, lành mạnh, phong phú trong các đơn vị Quân đội”, hơn 30 năm qua, công tác xây dựng môi trường văn hóa luôn được coi trọng, trở thành nhiệm vụ thường xuyên trong xây dựng Quân đội vững mạnh về chính trị, phát huy phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”, tạo sức mạnh tổng hợp và là động lực để hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Các đơn vị trong toàn quân đã xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa, như: Nhà văn hóa, Phòng Hồ Chí Minh, bảo tàng, thư viện, đội chiếu phim, v.v. Qua đó, phản ánh đầy đủ diện mạo văn hóa quân sự ở mỗi đơn vị; thực sự là nơi để bộ đội hưởng thụ các giá trị văn hóa tinh

thần, đồng thời cũng trở thành chủ thể sáng tạo ra các giá trị văn hóa ấy. Đội ngũ cán bộ, nhân viên, chiến sĩ là lực lượng nòng cốt trong các thiết chế văn hóa cơ sở, đồng thời cũng trở thành lực lượng nòng cốt trong công tác tuyên truyền, cổ động, giáo dục chính trị, tư tưởng, hoạt động văn hóa quần chúng,... ở đơn vị cơ sở. Cùng với đó, các đơn vị đã quán triệt, cụ thể hóa và triển khai thực hiện hiệu quả Cuộc vận động Phát huy truyền thống, cống hiến tài năng, xứng danh “Bộ đội Cụ Hồ”, thể hiện sự sáng tạo, cách làm mới của Quân đội trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ văn nghệ sĩ Quân đội được chú trọng, hình thành nên đội ngũ đông đảo, trên nhiều lĩnh vực nghệ thuật, có phẩm chất, năng lực, đóng góp quan trọng trong xây dựng văn hóa “Bộ đội Cụ Hồ” và nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Nhiều nghệ sĩ Quân đội được phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú. Tổng cục Chính trị cũng định kỳ tổ chức các trại sáng tác, cuộc vận động sáng tác, xây dựng quỹ đầu tư các tác phẩm trọng điểm về đề tài chiến tranh cách mạng và người lính. Từ đó đã có thêm nhiều tác phẩm có giá trị ở hầu hết các chuyên ngành: văn học, âm nhạc, sân khấu, hội họa, điện ảnh,... bổ sung vào kho tàng văn học Việt Nam làm phong phú, sâu sắc thêm đời sống văn hóa tinh thần trong Quân đội.

Phát huy giá trị văn hóa quân sự trong tình hình mới

Tiếp thu những chỉ dẫn của Đề cương văn hóa cùng các quan điểm của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh để xây dựng các giá trị văn hóa quân sự trong tình hình mới là đòi hỏi khách quan, nhằm thực

hiện mục tiêu xây dựng Quân đội vững mạnh về chính trị trong giai đoạn hiện nay. Theo đó, cần tập trung thực hiện một số định hướng căn bản sau:

Thứ nhất, tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm gìn giữ và phát huy các giá trị truyền thống của Quân đội nhân dân Việt Nam: quyết chiến, quyết thắng, mưu trí, dũng cảm, kiên cường, bất khuất, “trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng”. Tiếp tục phát huy những giá trị văn hóa quân sự của cha ông trong giai đoạn hiện nay, như: tinh thần “toàn dân đánh giặc” được phát triển thành đường lối quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân; vận dụng linh hoạt các yếu tố “thế, lực, thời, mưu” để đương đầu với những kẻ thù hung bạo; tư tưởng “mưu phạt tâm công”, thêm bạn, bớt thù; giữ gìn môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước, v.v.

Thứ hai, tiếp tục triển khai các hoạt động xây dựng môi trường văn hóa trong Quân đội, xây dựng cảnh quan môi trường ngày càng sáng, xanh, sạch, đẹp và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của bộ đội. Tập trung xây dựng các mối quan hệ văn hóa ngày càng tốt đẹp, chuẩn mực, trở thành hình mẫu trong đời sống xã hội, như: quan hệ cấp trên - cấp dưới, đồng chí - đồng đội, quan hệ đoàn kết gắn bó máu thịt giữa bộ đội với nhân dân, quan hệ đoàn kết hữu nghị, hiểu biết, tin cậy với quân đội và nhân dân các nước láng giềng của các đơn vị đóng quân ở địa bàn biên giới.

Thứ ba, đổi mới tư duy và hành động trong công tác lãnh đạo,

chỉ đạo của cấp ủy, cán bộ chủ trì các cấp đối với tổ chức thực hiện Cuộc vận động Phát huy truyền thống, cống hiến tài năng, xứng danh “Bộ đội Cụ Hồ” thời kỳ mới. Trong đó, đặt trọng tâm vào việc giữ vững và phát huy phẩm chất cao đẹp “Bộ đội Cụ Hồ” với nội dung mới phù hợp với sự phát triển của thời đại. Đồng thời, coi trọng hướng vào việc thu hút nhân tài, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu rất cao của quá trình hiện đại hóa Quân đội trong những năm tới; nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ trực tiếp cho các lực lượng tiên phong lên hiện đại.

Thứ tư, tiếp tục đầu tư xây dựng và đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động các thiết chế văn hóa trong Quân đội, góp phần làm phong phú thêm đời sống văn hóa tinh thần của cán bộ, chiến sĩ toàn quân. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ văn nghệ sĩ, trí thức Quân đội ngày càng đông đảo về số lượng, tinh, mạnh về chất lượng. Đồng thời, có các cơ chế mạnh mẽ động viên, khuyến khích đội ngũ này phát huy tối đa năng lực sáng tạo, lòng nhiệt huyết trong nghiên cứu, làm sáng tỏ những vấn đề lý luận, thực tiễn xây dựng và phát triển văn hóa quân sự Việt Nam trong tình hình mới. Tích cực sáng tác, biểu diễn các tác phẩm văn học, nghệ thuật có chất lượng cao, phản ánh đầy đủ đời sống của cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang và công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa□

(1) Hồ Chí Minh - *Toàn tập*, Tập 7, Nxb CTQG, H. 2011.tr. 217.

ĐCSVN - *Lịch sử biên niên Đảng Cộng sản Việt Nam*, Tập 2, Nxb CTQG, H. 2008, tr, 882.

Nguồn: Tạp chí Quốc phòng toàn dân.- 2023.- Số 4.- Tr.28-30.

PHÁT TRIỂN VĂN HÓA ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TRONG CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

PGS, TS. NGUYỄN THỊ THU VÂN
Học viện Hành chính Quốc gia

NGÀY NHẬN: 25/11/2023 NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 26/12/2023 NGÀY DUYỆT: 15/01/2024

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.336.2024.736>

Đổi mới sáng tạo cùng với khoa học - công nghệ và chuyển đổi số quốc gia được xác định như một động lực mới cho phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững góp phần quan trọng nâng cao đời sống của Nhân dân. Bài viết xác định các giá trị của văn hóa đổi mới sáng tạo trong cơ quan nhà nước và đề xuất biện pháp phát triển văn hóa đổi mới sáng tạo trong cơ quan nhà nước trong bối cảnh mới.

Từ khóa: Đổi mới sáng tạo; văn hóa công vụ; văn hóa đổi mới sáng tạo; phát triển; văn hóa; cơ quan nhà nước.

Along with science, technology, and the national digital transformation, innovation is identified as a new driving force for rapid and sustainable socio-economic development, significantly contributing to improving the lives of the People. This article delineates the values of a culture of innovative renewal within government agencies and proposes measures for fostering such a culture in the context of new circumstances.

Keywords: Innovation; public service culture; culture of

innovation; development; culture; government agencies.

1. Bối cảnh thúc đẩy phát triển văn hóa đổi mới sáng tạo trong cơ quan nhà nước

Hiện nay trên thế giới, đổi mới sáng tạo được đánh giá là một trong những chỉ số phát triển quan trọng, là yếu tố định hướng trung tâm phát triển của mỗi quốc gia.

Ở Việt Nam, đường lối Đổi mới được đề ra từ Đại hội Đảng lần thứ VI (năm 1986) với quan điểm về đổi mới kinh tế, đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa đã trở thành một tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

Đổi mới sáng tạo ở Việt Nam hiện nay gắn chặt với công cuộc cải cách nền hành chính và chuyển đổi số quốc gia. Trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia được xác định là nội dung đột phá chiến lược quan trọng giai đoạn 2021 - 2025: “Có thể chế, cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội thúc đẩy đổi mới sáng tạo ứng dụng, chuyển giao công nghệ...”⁽¹⁾, “Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế...”⁽²⁾; “Đổi mới chế độ tuyển dụng, sử dụng, trọng dụng nhân tài trong quản lý, quản trị nhà nước, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo”⁽³⁾.

Chủ trương trên được cụ thể hóa trong Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030. Các nhiệm vụ và giải pháp về “Tập trung đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với đổi mới sáng tạo,

chuyển đổi số, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia” đặt ra yêu cầu thúc đẩy mạnh mẽ đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước.

Tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đã đặt các mục tiêu và giải pháp: “Phát triển Chính phủ số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động, đổi mới sáng tạo trong môi trường số... Đến năm 2025, Việt Nam thuộc nhóm 35 nước dẫn đầu về đổi mới sáng tạo và đến năm 2030 - thuộc nhóm 30 nước dẫn đầu về đổi mới sáng tạo (GII)...”

Đổi mới là “thay đổi cho khác hẳn với trước, tiến bộ hơn, khắc phục tình trạng lạc hậu, trì trệ và đáp ứng yêu cầu của sự phát triển”⁽⁴⁾; sáng tạo là “tạo ra những giá trị mới về vật chất hoặc tinh thần; tìm ra cái mới, cách giải quyết mới, không bị gò bó, phụ thuộc vào cái đã có”⁽⁵⁾.

Đổi mới sáng tạo như là một khái niệm, một nội hàm “là việc tạo ra, ứng dụng các thành tựu, giải pháp kỹ thuật, công nghệ, giải pháp quản lý để nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng của sản phẩm, hàng hóa”⁽⁶⁾. Vì thế, đổi mới sáng tạo chính là đưa sự sáng tạo và tính mới thâm nhập vào hệ thống kinh tế - xã hội nhằm tạo ra các giá trị mới. Đồng thời là quá trình chuyển ý tưởng, tri thức thành một kết quả cụ thể như sản phẩm, dịch vụ, quy trình... mang lại lợi ích gia tăng cho kinh tế - xã hội.

Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, đổi mới sáng tạo trong bối cảnh mới gắn với tiến trình chuyển đổi số quốc gia nhằm

xây dựng nền quản trị quốc gia hiện đại, hiệu quả và cần được thực hiện đồng bộ ở ba khu vực:

- (1) Các trường đại học, viện nghiên cứu;
- (2) Các doanh nghiệp;
- (3) Cơ quan nhà nước.

Đổi mới sáng tạo được xác định là kết quả của sự kết hợp của ba yếu tố:

- (1) Khoa học - công nghệ;
- (2) Lãnh đạo;
- (3) Văn hóa.

Cũng như sự phát triển tổng thể sức mạnh quốc gia và khả năng phục hồi kinh tế của một quốc gia được nhìn nhận là ngày càng phụ thuộc vào sức mạnh mềm văn hóa của quốc gia đó. Tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc vào tháng 11/2021, văn hóa được xác định là “nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là sức mạnh nội sinh, động lực quan trọng để phát triển đất nước”. Chính vì vậy, việc xây dựng, phát huy tiềm lực và sức mạnh văn hóa là yêu cầu cấp thiết, là tất yếu đặt ra.

Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD, 2022) phát triển khung phân tích “Đổi mới sáng tạo trong cơ quan nhà nước”, xem xét các yếu tố có thể khuyến khích hay cản trở sự đổi mới. Khung này xác định bốn cấp độ phải xem xét khi đề cập đến đổi mới sáng tạo trong cơ quan nhà nước, bao gồm:

- (1) Cá nhân đổi mới;

- (2) Tổ chức mà cá nhân đó làm việc;
- (3) Toàn bộ khu vực công;
- (4) Xã hội.

Ngoài ra, khung còn xem xét các nhóm yếu tố tác động đến các cấp độ này, như:

- (1) Kiến thức và học tập;
- (2) Văn hóa tổ chức;
- (3) Quy tắc và quy trình;
- (4) Bộ máy tổ chức⁽⁷⁾.

Thực hiện đổi mới trong chính hệ thống cơ quan nhà nước là rất quan trọng. Đây không phải là việc sử dụng đơn giản các sản phẩm và dịch vụ mới, thậm chí không phải là công nghệ mới để sản xuất và cung cấp chúng, mà là về một kiểu suy nghĩ và hành vi mới của cả đội ngũ cán bộ, công chức, trong cả hệ thống cơ quan nhà nước, về sự chuyển đổi của một nền văn hóa đổi mới. Đây được xem là một trong những điều kiện tiên quyết cho những thay đổi và đổi mới công vụ.

Với ý nghĩa trên, các biểu hiện, các giá trị cụ thể và biện pháp phát triển văn hóa đổi mới sáng tạo trong cơ quan nhà nước là vấn đề mới đặt ra cần được quan tâm nghiên cứu.

2. Các giá trị của văn hóa đổi mới sáng tạo và biện pháp phát triển văn hóa đổi mới sáng tạo trong cơ quan nhà nước

Nếu hiểu văn hóa công vụ là tập hợp các giá trị vật chất và tinh thần, chuẩn mực đạo đức, các quy tắc giao tiếp ứng xử của cán bộ,

công chức trong thực thi công vụ thì văn hóa đổi mới sáng tạo hướng tới coi trọng giá trị sẵn sàng trước thay đổi. Sẵn sàng để thay đổi và khuyến khích sự thay đổi gắn với việc tìm kiếm và thay đổi cơ bản các cách thức, phương thức, giải pháp quản lý có tính đột phá để tạo hiệu quả cao hơn và hiệu quả vượt trội hoạt động công vụ để bảo đảm thành công hiện tại và tương lai cơ quan, tổ chức, quốc gia.

Giá trị này qua thời gian được xây dựng và thực hiện, dần trở thành thông lệ, thành quy tắc, chuẩn mực chung mà mọi thành viên trong tổ chức đều thừa nhận, tuân theo một cách tự giác, có ý thức từ tư duy, cách suy nghĩ đến hành động và tạo nên những đặc trưng dễ dàng nhận thấy trong hoạt động công vụ của cơ quan nhà nước.

Văn hóa đổi mới sáng tạo giúp các tổ chức nhà nước chấp nhận đổi mới như một giá trị văn hóa cơ bản và cam kết để thực hiện. Nền tảng của văn hóa đổi mới sáng tạo là hệ thống các giá trị, niềm tin, các chuẩn mực nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo, kế thừa, phát huy và liên kết với cả hệ thống đổi mới quốc gia.

Những giá trị của văn hóa đổi mới sáng tạo trong cơ quan nhà nước cần được thúc đẩy và phát triển thể hiện ở những nội dung sau:

Một là, tạo sự thấm thấu trong nhận thức và lan tỏa tích cực trong thực thi đổi mới sáng tạo của từng cán bộ, công chức.

Tinh thần đổi mới, sáng tạo là yêu cầu cán bộ, công chức phải luôn thay đổi về tư duy, tầm nhìn, phong cách và phương pháp kỹ năng làm việc.

Để đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, mỗi cán bộ công chức phải luôn trăn trở, suy nghĩ để đưa ra

những sáng kiến, giải pháp mang tính căn cơ, đột phá nhằm giải quyết có hiệu quả những vấn đề đặt ra từ yêu cầu của thực tiễn đặc biệt là những bất cập trong cơ chế, chính sách, những vấn đề chưa được quy định hoặc đã có quy định nhưng không phù hợp với thực tiễn, những vấn đề cũ, lạc hậu gây cản trở sự phát triển.

Việc đổi mới, sáng tạo phải mang lại giá trị, hiệu quả thiết thực, tạo được chuyển biến mạnh mẽ, đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của mỗi cơ quan, địa phương và của đất nước nói chung.

Tinh thần đổi mới, sáng tạo gắn chặt với tinh thần dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung của cán bộ, công chức theo tinh thần Kết luận số 14-KL/TW ngày 22/9/2021 Bộ Chính trị và Nghị định số 73/2023/NĐ-CP ngày 29/9/2023 của Chính phủ về khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung - đó là cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý, viên chức quản lý, người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của Chính phủ có tư duy đổi mới, sáng tạo, dám làm, dám chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao.

Xuất phát từ yêu cầu, đòi hỏi cấp thiết của thực tiễn nhằm tháo gỡ, giải quyết những điểm nghẽn, nút thắt trong cơ chế, chính sách chưa được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương, mang lại giá trị, hiệu quả thiết thực, tạo được chuyển biến mạnh mẽ, đóng góp tích cực vào sự phát triển chung.

Hai là, hình thành và phát triển môi trường làm việc trong cơ

quan nhà nước thực sự coi trọng, hỗ trợ để từng thành viên có điều kiện đổi mới, sáng tạo.

Văn hóa đổi mới được phát triển khi tổ chức thực sự coi trọng, hỗ trợ, khuyến khích để mọi nhân viên sẵn sàng thay đổi, tìm kiếm, cải tiến phương pháp làm việc mới mà không gặp bất kỳ trở ngại nào.

Một tổ chức có văn hóa đổi mới là khi tổ chức đó nuôi dưỡng niềm tin rằng không chỉ lãnh đạo mà bất kỳ ai trong tổ chức cũng có thể đổi mới; nuôi dưỡng tinh thần sẵn sàng thay đổi nhanh chóng chứ không chịu duy trì hiện trạng để gia tăng cơ hội cạnh tranh, gia tăng chất lượng và hiệu quả công việc.

Các thành viên trong tổ chức đều được ghi nhận, tôn trọng những quan điểm, ý tưởng khác nhau, cởi mở biểu đạt quan điểm và ý tưởng sáng tạo. Bảo đảm tinh thần và trách nhiệm làm việc trong nhóm. Hình thành môi trường văn hóa học tập, phát triển và tiếp thu liên tục kiến thức và kỹ năng cần thiết để thay đổi.

Ba là, người lãnh đạo trong cơ quan nhà nước thể hiện trách nhiệm của người đứng đầu dẫn dắt văn hóa đổi mới sáng tạo trong tổ chức.

Người lãnh đạo chủ thể quản lý đóng vai trò quyết định trong chuyển đổi văn hóa tổ chức, dẫn dắt, định hình các giá trị đổi mới trong tổ chức để hình thành văn hóa đổi mới thông qua việc dự báo và thực thi việc đổi mới thông qua xây dựng thể chế, chiến lược, kế hoạch đổi mới, thay đổi mô hình, phương thức hoạt động của tổ chức.

Trong cơ quan nhà nước thường có tâm lý là ngại rủi ro, sợ thay đổi, né tránh, đùn đẩy trách nhiệm, ưu tiên sự an toàn và ít thay đổi. Những đặc điểm như vậy được xác định tổ chức là “thiếu tính đổi

mới”. Vì vậy, nhiệm vụ chính của người lãnh đạo xây dựng mục tiêu và chiến lược thúc đẩy một nền văn hóa đổi mới. Thiết kế lại cơ cấu tổ chức theo hướng thúc đẩy tính linh hoạt; tăng cường phân cấp, trao quyền tự chủ nhằm tối đa hóa việc bộc lộ tiềm năng đổi mới của cá nhân và của tổ chức. Xây dựng thể chế đổi mới theo hướng khuyến khích, động viên tư duy mới mẻ, đam mê khám phá, khuyến khích tính chủ động và tìm kiếm sáng tạo để tạo ra những sản phẩm, sáng kiến mới.

Việc người đứng đầu tổ chức cần tăng cường ủy quyền một phần quyền hạn của mình, mở rộng quyền hạn cho các thành viên, bao gồm cả việc để họ tham gia vào việc ra quyết định, trao đổi ý kiến với họ và chú ý đến ý tưởng của họ là điều kiện để phát triển một nền văn hóa đổi mới, vì cũng là yếu tố làm tăng tiềm năng sáng tạo của các thành viên.

Tác động tích cực của việc mở rộng quyền hạn cho công chức có thể coi là sự gia tăng tính chủ động, kiên trì trong giải quyết vấn đề, đặt ra yêu cầu cho bản thân về tính hiệu quả, hiểu rõ sự đóng góp của bản thân đối với sự phát triển của cơ quan, cải thiện bầu không khí trong tổ chức, tăng năng suất lao động và sự hài lòng với công việc của chính mình.

Đồng thời với đó là hoàn thiện thể chế về chế độ, chính sách đãi ngộ trong khu vực công, áp dụng phương thức đánh giá tập trung vào năng suất, kết quả công việc và thành tích cá nhân, đưa đổi mới, sáng tạo trong công vụ như là một tiêu chí đánh giá công chức.

Tạo môi trường, điều kiện, đầu tư nguồn lực cho việc thử nghiệm sáng kiến mới, thậm chí chấp nhận sai lầm, thất bại như là rủi

ro trong quá trình đổi mới sáng tạo, và có thái độ khoan dung đối với những sai lầm, thất bại.

Người lãnh đạo cũng cần quan tâm phát triển các kênh thông tin tuyên truyền, giới thiệu những câu chuyện, tình huống thực tế để lan tỏa truyền cảm hứng đổi mới, sáng tạo trong giải quyết công việc. Kịp thời biểu dương, khen thưởng cách làm mới, sáng tạo, tổ chức các giải thưởng cho cá nhân và nhóm làm việc để ghi nhận, tôn vinh một cách xứng đáng những ý tưởng, dự án và nỗ lực đổi mới mang lại nhiều hiệu quả, lợi ích chung giúp chuyển đổi nền công vụ, phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn.

Khuyến khích phản biện, các ý kiến nhiều chiều vì xung đột, bất đồng mang tính xây dựng cho phép cùng nhau xác định lại vấn đề, thẳng thắn phân tích vấn đề theo nhiều cách và tìm ra giải pháp tối ưu, chứ không phải cứ xuôi chiều theo các ý kiến định hướng sẵn.

3. Kết luận

Để xây dựng và phát triển văn hóa đổi mới sáng tạo trong cơ quan nhà nước, trong lý luận và thực tiễn một số quốc gia áp dụng mô hình gọi là “Đổi mới mở” (Open Innovation) (Open Innovation)⁽⁸⁾. Mô hình này chú trọng việc sử dụng đầy đủ kinh nghiệm của các tổ chức tư, cũng như tổ chức công trong tổ chức thực hiện đổi mới sáng tạo; công khai tiếp cận thông tin và trao đổi ý tưởng đổi mới giữa các cơ quan bộ, ngành, địa phương. Mô hình “Đổi mới mở” góp phần hình thành văn hóa đổi mới trong các tổ chức còn đang chưa thực hiện đổi mới một cách mạnh mẽ, quyết liệt, vì nó giúp gia tăng hiệu quả trong việc phổ biến, lan tỏa đổi mới sáng tạo, giảm khả năng chống lại sự trì

trẻ, ngại thay đổi trong tổ chức. Điều này không chỉ giúp cải thiện văn hóa đổi mới của cả công chức và cơ quan chính phủ mà còn trở thành một yếu tố hiệu quả của hệ thống đổi mới quốc gia□

Chú thích:

- (1), (2), (3) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*. Tập I. H. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, 2021, tr. 221, 231, 231.
- (4), (5) Viện Ngôn ngữ học. *Từ điển Tiếng Việt*. Nxb Đà Nẵng, 2003, tr.337, 847.
- (6) Điều 3 *Luật Khoa học và Công nghệ năm 2018*.
- (7) *Innovative Capacity of Governments: A Systemic Framework*, OECD, 2022.
- (8) Tushman M., O'Reilly C. *Winning through innovation: a practical guide to leading organisational change and renewal*. Boston, MA: Harvard Business School Press, 1997. P. 64 - 65.

Tài liệu tham khảo:

1. Dương Mộng Huyền, Quán Thái Hà. *Định hướng Đại hội XIII của Đảng về bảo vệ cán bộ, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung*. Tạp chí Cộng sản, số 968, năm 2021.
2. *Kết luận số 14-KL/TW ngày 22/9/2021 của Bộ Chính trị về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung*.
3. *Nghị định số 73/2023/NĐ-CP ngày 29/9/2023 của Chính phủ về khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung*.
4. *Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*.
5. *Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030*.
6. *Tầm quan trọng, cơ hội và thách thức đối với đổi mới sáng tạo trong khu vực công*. Tạp chí Lý luận chính trị số 541 (tháng 3/2023).

Nguồn: Tạp chí Quản lý nhà nước.- 2024.- Số 336.- Tr.23-27.